

Đặc San

BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

Đặc San
BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA 2004



Cung Chúc Tân Xuân
Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Kính chúc:

Quý Đồng hương và Thân hữu

Quý thi văn hữu

Quý vị mạnh thường quân

Một năm mới Giáp Thân 2004
An Khang - Thịnh Vượng

Đặc San Bình Định



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

3111 McLaughlin Ave., San Jose, CA 95121

Tel: (408) 224-7100 Fax: (408) 226-2782

Giấy phép hoạt động số 254047 ngày June 19, 2003 / CA

CỔ VẤN

- Hòa Thượng Thích Giác Lượng
- Ông Trương Toại
- Bác Sĩ Cai Văn Dung
- Ông Nguyễn Bá Thư
- Ông Phạm Hữu Độ
- Ông Trần Trọng Khiêm
- Ông Dương Quang Vinh
- Ông Đào Đức Chương
- Ông Đinh Thành Bài
- Ông Đặng Đức Bích

BAN CHẤP HÀNH

- Chủ tịch: Ông Tony Đinh
- Phó chủ tịch Nội vụ: Ông Võ Bá Trác
- Phó chủ tịch Ngoại vụ: Ông Đường Anh Đồng
- Tổng thư ký: Ông Đặng Vĩnh Mai
- Thủ quỹ: Ông Nguyễn Bình

CÁC TIỂU BAN

- Ban thông tin / báo chí: Ông Đặng Vĩnh Mai
- Ban kế hoạch / phát triển: Ông. Ông. Võ Hùng, Nguyễn H. Bình
- Ban văn nghệ / Tiếp tân: Ông. Ông. Bùi Tú, Giã Minh Sơn
- Ban giao tế / xã hội: Ông Victor Vũ Dương
- Ban thanh thiếu niên: Ông Phạm Trước

Đặc San *Bình Định*

GIÁP THÂN 2004

Chủ trương:

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

Nhóm thực hiện:

- TRƯƠNG TOẠI • NGUYỄN BÁ THƯ • ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG
- ĐẶNG VĨNH MAI • ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Với sự cộng tác:

Amanda Trương Uyehara - Ariana Trương Uyehara - Cẩm Tuyền - Diệu Tần - Đào Đức Chương - Đặng Đức Bích - Đặng Vĩnh Mai - Đắc Đăng - Đỗ Thị Thu Ba - Già Trường - Hà Ly Mạc - Hòa Nguyễn - Hoàng Trần Mỹ Hương - Huy Lực Bùi Tiên Khôi - Huỳnh Tuyền - Huỳnh Thị Kim Oanh - Kathy Trần - Khoa Nguyễn - Lam Nguyên - Lana Lê - Lê Phước An - Lê Phương Nguyên - Lý Minh Đạo - Ngân Sơn - Ngọc An - Ngô Đình Phùng - Nguyễn Bá Thư - Nguyễn Bường - Nguyễn Công Lượng - Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Thế Giác - Nguyễn Tường Chi - Người Họ Bùi - Phạm Công Trâm - Phạm Ngọc Hải - Phạm Thị Quang Ninh - Phan Tường Niệm - Phan Văn Hàm - Quách Tứ - Quế Lan - Song Nguyên - TĐ Nguyễn Việt Nho - Tân Dân - Thanh Hư - Thái Tẩu - Thư Trang - Trác Như - Trần Cẩm Tú - Trương Toại - Trương Ngọc Liên - Tuấn Việt - Vân Trình - Việt Thao - Võ Nguyễn.

Thư Ngõ

Đặc San Bình Định Bắc Cali năm 2004 hân hoan tái ngộ, kính chào quý đồng hương, quý vị độc giả, thân hữu xa gần khắp nơi trên thế giới.

Một mùa xuân nữa lại về, đem đến niềm vui ấm áp cho đất trời, cỏ cây, vạn vật. Những mong, người người, nhà nhà khắp nơi trên trái đất này cũng bình yên, tươi vui, đón mừng chúa xuân trong hòa bình, an lạc, tin yêu và hy vọng.

Qua hai số Đặc San Bình Định Bắc Cali phát hành năm 2001 & 2002 đã có tiếng vang khen tặng, khuyến khích từ khắp mọi nơi: Canada, Paris, Đức, Anh, Úc và quê nhà ... là một niềm khích lệ, an ủi cho Nhóm thực hiện chúng tôi. Đồng thời Nhóm chúng tôi cũng trân trọng đón nhận những đóng góp phê bình, xây dựng từ nhiều độc giả, thức giả gửi về. Điều đó chứng tỏ đồng hương và thân hữu đã quan tâm đến đứa con tinh thần của miền đất "Địa linh nhân kiệt".

Năm nay Đặc San Bình Định Bắc Cali nguyện cố gắng chọn lọc một số bài vở súc tích, có nội dung phong phú hơn, gợi nhắc về những kỷ niệm quê hương, nói lên những nỗi niềm khắc khoải ... những ước vọng sáng sửa, tiến bộ hữu ích cho tương lai Bình Định nói riêng và Việt Nam nói chung. Mục tiêu của tờ báo còn là đặc trưng cho tiếng nói người Việt Quốc Gia Hải Ngoại, phản ánh những bản sắc đặc thù dân tộc, góp phần vào nền văn hóa Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý đồng hương, văn thi hữu, thân hữu đã gửi bài vở về đóng góp vào Đặc San

Bình Định, quý vị mạnh thường quân, thân hữu đã giúp
tiền bạc để thực hiện.

Trước thềm năm mới Xuân Giáp Thân, chúng tôi xin
kính chúc toàn thể quý vị và gia quyến một năm mới an
lành, hạnh phúc và thịnh vượng.

Nhóm thực hiện
Đặc San Bình Định Bắc Cali.



NHÀ TÂY SƠN

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

1 – Tình trạng xã hội:

Vào thế kỷ thứ 16, ở nước ta uy quyền của Nhà Lê không còn nữa, quyền bính nằm trong tay họ Trịnh.

Đến đầu thế kỷ thứ 17, giặc giã nổi lên nhiều nơi trong nước. Trịnh Giang chuyên quyền, giết vua Lê, lại còn tàn sát các đại thần như Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn. Họ Trịnh ăn chơi xa xỉ, khiến công quỹ thiếu hụt, sưu thuế nặng nề.

- *Loạn lạc Miền Bắc:*

Lúc bấy giờ có Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ nổi lên tại làng Ninh Xá tỉnh Hải Dương, Vũ Trác Oanh nổi lên tại làng Mộ Trạch huyện Đường An, Hoàng Công Chất và Vũ Đình Dung ở Sơn Nam, quan quân địa phương dẹp không nổi.

Đây là những tổ chức phiến loạn lớn, còn các đám giặc cỏ thì nhiều không kể xiết. Nhóm đông có tới hàng vạn người đi cướp phá từ thành thị đến thôn quê.

- *Vụ loạn Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương:*

Nguyễn Hữu Cầu mệnh danh là Quận He, một thời vô cùng oanh liệt, hoạt động ở vùng duyên hải Bắc Việt. Nguyễn Danh Phương mệnh danh là Quận Hẻo, hoạt động tại vùng tam giác Vĩnh Yên, Sơn Tây, Việt Trì. Năm 1744, Nguyễn Danh Phương có tới hơn một vạn quân, nhiều phen làm quân Triều đình điêu đứng.

- *Vụ loạn Hoàng Công Chất:*

Họ Hoàng nổi lên cùng thời với các thủ lĩnh phiến loạn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu,

Nguyễn Danh Phương, nhưng chiến đấu lâu dài hơn. Hoàng Công Chất lưu động nhiều nơi, hợp với một số thủ lĩnh khác, có lúc đông lên đến hàng vạn người. Triều đình phải huy động nhiều binh sĩ và tướng tài, vất vả trong việc tiêu trừ loạn lạc.

- *Vụ loạn Quý tộc nhà Hậu Lê:*

Vào năm 1738, ba Hoàng thân Lê Duy Mật, Lê Duy Quý, Lê Duy Trác âm mưu giết chúa Trịnh, chẳng may việc không thành, phải bỏ chạy vào Thanh Hóa lập nhóm đối kháng, chống lại Triều đình trên 20 năm.

- *Trịnh-Nguyễn phân tranh :*

Cuộc tranh bá đồ vương phân tranh Trịnh – Nguyễn kéo dài trên một trăm năm (1620-1775), làm biết bao người chết. Việc tranh giành ngai vàng, nghiệp Chúa đã khiến nhân dân điêu đứng, lầm than qua bao nhiêu thế hệ. Ở miền Bắc, Triều đình nhà Lê mất hết quyền hành, họ Trịnh chuyên quyền giết vua, hãm hại công thần. Giặc giả nổi lên khắp nơi, dân chúng trăm bề điêu linh khổ sở. Trong Nam, Chúa Nguyễn Phúc Thuần còn trẻ tuổi, quyền hành nằm trong tay gian thần phụ chính Trương Phúc Loan. Chế độ tham nhũng, áp bức và bóc lột đã làm trăm họ nghèo đói.

Trước tình trạng xã hội đen tối đó, Nhà Tây Sơn đã đứng lên, đáp ứng nguyện vọng của toàn dân, là lật đổ chế độ thối nát, đem công bằng và cơm no áo ấm cho dân chúng. Giáo sĩ Diego de Jumilla đã viết về Nhà Tây Sơn: “Quân đội Tây Sơn từ miền núi phóng xuống thôn quê, chợ búa giữa ban ngày. Họ có đủ gươm, giáo, súng, nỏ, nhưng không hại tính mạng và tài sản của ai hết. Trái lại, họ tuyên ngôn làm các việc công bằng, thẳng thắn, chỉ trừ khử bọn quan tham lại những, những kẻ trọc phú, lưu manh và trộm cướp. Họ lấy của người giàu phân phát cho

kẻ nghèo, chỉ dành cho họ một phần thóc gạo mà thôi. Ai chống lại họ giết, biết điều thì thôi”.

2 – Thời kỳ chuẩn bị:

- *Thân thế:*

Chúng ta thấy rằng trong cuộc đời này, nói để một người nghe theo mình là chuyện khó, hai ba người hoặc một nhóm người theo mình là chuyện khó hơn, nói chi đến việc thuyết phục cả nước, cả dân tộc. Nếu không có tài, nếu không phải là mệnh trời thì khó mà làm được.

Áo vải cờ đào, dựng nên cơ nghiệp.

Tổ tiên Nhà Tây Sơn là họ Hồ ở Hoan Châu, Nghệ An, vào Qui Nhơn lập nghiệp. Họ Hồ đổi ra họ Nguyễn lúc nào không ai biết. Ông Nguyễn Phi Phúc lấy bà Nguyễn Thị Đồng sinh ra ba anh em Nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ tại làng Kiên Mỹ, xã Bình Thành, huyện Bình Khê, nay thuộc khuôn viên Điện Tây Sơn tỉnh Bình Định. Ông Bà lập bến Trường Trầu, buôn bán trầu cau với người Thượng Tây Nguyên.

Thời kỳ tiền khởi nghĩa đã được chuẩn bị từ trước năm 1771. Ba anh em Tây Sơn là những trang hào kiệt, đầy mưu lược. Nhờ tài ngoại giao khéo léo, thu phục được nhân tâm, đãi ngộ nhân tài, anh hùng hảo hán khắp nơi tụ về rất đông.

- *Thầy Giáo Hiến:*

Tên thật là Chu Văn Hiến, giòng giỏi Minh Thành Tổ Chu Nguyên Chương bên Tàu. Nhà Minh bị Nhà Thanh lật đổ, con cháu Nhà Minh phải lưu lạc khắp nơi. Thầy Giáo Hiến là một nhân sĩ văn võ song toàn, kết bạn anh em với quan Nội Hữu Trương Văn Hạnh, một đại thần đời Chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765). Trương Văn Hạnh

đề nghị Thầy Giáo Hiến đổi họ thành Trương Văn Hiến để che mắt sự theo dõi của quan quân Nhà Thanh.

Thời bấy giờ, Đại thần Trương Phúc Loan tự ý phế lập Chúa, không một ai tại phủ Chúa dám ngăn cản, chỉ có Trương Văn Hạnh phản đối kịch liệt, bị Trương Phúc Loan ra lệnh giết chết. Trương Văn Hiến sợ vạ lây, cùng gia đình lánh nạn vào phương Nam, đến làng An Thái, huyện An Nhơn, Bình Định mở trường dạy học.

Trương Văn Hiến là người thông minh, học cao hiểu rộng, giỏi về khoa lý số, quán triệt nhân sự. Trong khi truyền dạy văn võ, Thầy giáo Hiến luôn luôn nhắc nhở: “Nam nhi phải có chí lớn”, đề cao cuộc Cách Mệnh Thang Vũ và ông thường nói: “Tây Sơn khởi nghĩa, Bắc thu công”. Ông đã rèn luyện và đào tạo nhiều môn đệ kiệt xuất, trong đó có ba anh em Nhà Tây Sơn và mối thù của nghĩa huynh sau này cũng được xóa.

- *Qui tụ anh hùng hào kiệt:*

Từ năm 1771-1773, thời gian chuẩn bị, ông Nguyễn Nhạc là người mưu trí, đảm lược, hiểu rõ tình thế, đã mở rộng thương trường, giao du trong thiên hạ, qui tụ hào kiệt, kết thân với các cao thủ có hàng trăm môn đệ.

Câu chuyện ông Nguyễn Nhạc là Vua Trời, được Trời phong Quốc Vương, còn cho cả ấn kiếm, được loan truyền trong khắp phủ huyện. Anh hùng hào kiệt qui tụ về rất đông vì tin ông là Vua Trời, có mạng Đế Vương.

Chúng ta thường nghe đến Tây Sơn Thập Bát Cơ Thạch, tức 18 nhân tài, tượng trưng cho 18 tảng đá làm nền móng cho Nhà Tây Sơn: Thất hổ tướng, Lục kỳ sĩ và Ngũ phụng thư.

- *Thất hổ tướng:*

Đây là 7 tướng tài trong Thập Bát Cơ Thạch, đã giúp Nhà Tây Sơn dựng nghiệp lúc ban đầu, gồm có: Trần

Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Tuyết, Võ Đình Tú, Nguyễn Văn Lộc và Lý Văn Bư.

Nghe tin Tây Sơn Tam kiệt cầu ứng nhân tài, hào kiệt, quần hùng khắp nơi tụ về rất đông, giúp Nhà Tây Sơn chiêu mộ và rèn luyện binh sĩ, chế tạo vũ khí, lập kho lương thực, chiếm các nơi trọng yếu làm căn cứ địa.

- *Lục kỳ sĩ:*

Ngoài Thất hổ tướng còn có Lục kỳ sĩ, gồm 6 học sĩ, đóng góp công sức rất nhiều trong cơ đồ đại nghiệp Nhà Tây Sơn. Đó là các ông Nguyễn Thung, Võ Xuân Hoài, Cao Tác Tựu, La Xuân Kiều, Triệu Đình Tiệp và Trương Mỹ Ngọc.

Đây là các bậc hiền sĩ, giỏi văn chương, thông kinh sử, đã giúp Nhà Tây Sơn xây dựng bộ máy hành chính, kế hoạch ổn định những vùng mới chiếm, kiện toàn hậu phương yểm trợ tiền tuyến.

- *Ngũ phụng thư:*

Ngũ phụng thư là 5 bậc anh thư, gồm có bà Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Nhạn, Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Dung và Huỳnh Thị Cúc. Họ quán xuyến cơ sở hậu cần, quân lương, quân dụng và lập ra một đội nữ binh nổi tiếng, giỏi về kiếm cung, côn quyền. Ca dao vẫn còn truyền tụng trong dân gian:

Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền

- *Chinh phục người Thượng Tây nguyên:*

Câu chuyện khác, ông Nguyễn Nhạc dùng đôi giò bọì đan bằng tre để gánh nước, dùng ngựa nhà tập luyện công phu, dụ được bầy ngựa trời, đã làm các bộ lạc Thượng Bana, Rađê, Giarai tin ông là Người Trời, đem cả làng

Thượng, buông Thượng về thân phục và từ đây vùng Tây Nguyên mới thực sự là đất của Tây Sơn.

Thời đại Nhà Sơn có 5 con ngựa chiến nổi tiếng mà người đời gọi là Tây Sơn Ngũ Thần Mã.

- Ngựa Bạch Long Câu của Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc
- Ngựa Xích Kỳ Mã của Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết
- Ngựa Ô Du của Tướng Đặng Xuân Phong
- Ngựa Ngân Câu của Nữ tướng Bùi Thị Xuân
- Ngựa Hồng Lư của Đô Đốc Lý Văn Bưu

Đây là những con chiến mã to lớn, dũng mãnh, chạy nhanh như gió thuộc loại Thiên Lý Mã, trung thành cùng chủ tướng, góp công sức trong việc xông pha trận mạc từ Bắc chí Nam không biết mệt mỏi.

- *Thuyết phục khách trú người Hoa, người Chăm Thành:*

Nhờ chính sách ngoại giao khéo léo, đãi ngộ nhân tài, hai thủ lĩnh người Hoa là Lý Tài và Tập Đình cũng kéo quân về giúp Nhà Tây Sơn. Binh Sĩ của hai tướng Tàu này phần lớn là người Quảng Đông, vóc to lớn, mình để trần, họ sử dụng thanh phạng đao rất lợi hại.

Ngoài ra, vị vua cuối cùng của người Chăm là Thị Hỏa, các giới nhà chùa Phật Giáo, Lão Giáo, các Sắc tộc thiểu số đều nhiệt liệt ủng hộ cuộc khởi nghĩa của Nhà Tây Sơn.

Thời cơ đã đến, Nhà Tây Sơn tiến hành cuộc khởi nghĩa, chiếm thành Qui Nhơn, làm căn cứ xuất phát đi đánh các nơi khác.

3 – Công cuộc khởi nghĩa:

Một giáo sĩ Tây Ban Nha kể rằng: “Nhà Tây Sơn tự xưng là những người theo mệnh Trời để thi hành công lý

và giải phóng nhân dân khỏi ách quan liêu phong kiến, họ được mọi tầng lớp, mọi giới ủng hộ.

Quân Tây Sơn đi đến đâu thắng đến đó như trận cuồng phong lướt gió”.

- *Gây thanh thế:*

Ông Nguyễn Nhạc là người can đảm và mưu trí, nên việc hạ thành Qui Nhơn để gây thanh thế của ông đã là một câu chuyện kỳ thú: ông ngồi vào cũi, giả bị dân chúng bắt, đem nộp quan tỉnh lấy thưởng.

Tuần phủ ở đây là Nguyễn Khắc Tuyên tướng thật, cho khiêng cũi vào thành, nhưng đến nửa đêm, ông Nhạc tháo cũi ra, mở cửa thành cho quân của mình xông vào, đánh đuổi quân quan một cách bất ngờ, trở tay không kịp.

Quân Tây Sơn chiếm thành Qui Nhơn vào năm 1773, tổ chức quân đội có qui củ, trang bị đủ khí giới, là lúc ngọn cờ cách mạng tiến ra Bắc, đánh vào Nam mạnh như thác lũ.

Trong thời gian này, Chúa Nguyễn bị quân Trịnh do tướng Hoàng Ngũ Phúc đánh đuổi, phải chạy vào Quảng Nam nương náu tại Bến Ván. Tại đây chúa Nguyễn lập cháu là Nguyễn Phúc Dương lên làm Đông Cung Thái tử, phòng xa nếu bị rủi ro, có người kế vị.

Quân Tây Sơn tiến lên, quân Trịnh phương Bắc đi xuống. Chúa Nguyễn bị kẹt giữa hai gọng kìm, trốn tránh vào Trà Sơn, rồi cùng cháu là Nguyễn Phúc Ánh xuống thuyền chạy vào Gia Định.

- *Đánh vào phía Nam:*

Sau khi đánh chiếm Quảng Ngãi, Quảng Nam, Qui Nhơn và Phú Yên, năm 1775 quân đội Tây Sơn đánh vào Sài Côn, chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần chạy đến Trấn Biên.

Năm 1776, Nhà Tây Sơn lớn mạnh, Nguyễn Nhạc xây thành Đồ Bàn làm kinh đô, xưng là Tây Sơn Vương, phong Nguyễn Lữ làm Thiếu phó, Nguyễn Huệ làm Phụ chính.

Năm Đinh Dậu 1777, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem đại binh vào đánh Gia Định, chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần, Hoàng tôn Dương tử trận, chỉ Nguyễn Phúc Ánh trốn thoát được.

Năm Mậu Tuất 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng Đế, niên hiệu là Thái Đức, phong Nguyễn Huệ làm Long Nhượng tướng quân, Nguyễn Lữ làm Tiết chế.

Năm Nhâm Dần 1782, vua Thái Đức và Nguyễn Huệ đem binh vào cửa Cần Giờ, tiêu diệt quân Nguyễn Phúc Ánh tại Ngã Bảy Thất kỳ Giang. Tháng Tư năm ấy, Nguyễn Huệ đem quân đến Lữ Phụ, đánh tan quân Nguyễn Phúc Ánh không còn manh giáp, Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát thân trốn ra đảo Phú Quốc. Trong trận này, Nguyễn Phúc Ánh cầu cứu một người Pháp lên là Manuel đem thủy quân đến giúp, nhưng không chống nổi, Manuel phải đốt tàu mà chết. Nguyễn Huệ kéo quân về Qui Nhơn.

Năm 1783, Châu Văn Tiếp chiếm được Sài Côn rước Nguyễn Phúc Ánh về Gia Định. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân vào Gia Định, đánh tan quân Châu Văn Tiếp, Nguyễn Phúc Ánh suýt chết, phải trốn sang Xiêm cầu viện. Trong trận này, một tướng kỳ kiệt của Nguyễn Phúc Ánh là Nguyễn Huỳnh Đức bị bắt. Đức có nhiệm vụ giữ đoạn hậu cho Nguyễn Phúc Ánh chạy ra Côn Lôn. Nếu trời không mưa to bão lớn, sóng gió mịt mù, thì Nguyễn Phúc Ánh đã bị phò mã Tây Sơn là Trương Văn Đa bắt được. Thuyền của Tây Sơn bấy giờ bị đắm nhiều, quân Tây Sơn đành phải rút lui. Xong trận này Nguyễn

Huệ lại về Qui Nhơn, Trương Văn Đa được cử làm Trấn thủ Gia Định.

Năm 1784, Nguyễn Phúc Ánh lại rước quân Xiêm La về giúp. Nguyễn Huệ được tin, vội vào Gia Định, tiêu diệt quân Xiêm La.

- *Đánh ra phía Bắc:*

Phía Nam đã yên, năm 1786 Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc đánh quân Trịnh, dẹp quân Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thế chiếm Thuận Hóa, phá tan quân Trịnh Tự Quyền chiếm Sơn Nam, đánh quân Đinh Tích Nhưỡng chiếm Lỗ Giang, tiêu diệt quân Hoàng Phùng Cơ trên sông Thủy Ái.

Tin Trịnh Tự Quyền và Đinh tích Nhưỡng bại trận, làm cho triều đình Bắc hà điên loạn. Ưu binh và nhất binh tức lính Tam Phủ, hằng ngày võ ngực khoe khoan trung thành với Vua, Chúa, bây giờ bỏ chạy trước. Nhưng chạy đến đâu thì dân chúng giết đến đấy. Với đám dân quân nghịch nhau như vậy, cũng đủ thấy ngại vàng của Vua Lê, Chúa Trịnh sụp đổ rồi, không kể đến nguyên nhân khác.

Chúa Trịnh Khải đem hết tinh binh ra ngoài cửa Tây Long bày trận dưới Ngũ Long Lâu ngày 25 tháng 6 năm Bính Ngọ. Quân Tây Sơn rần rộ xông lên, binh sĩ hò hét vang dậy khắp vùng. Chúa Trịnh phát cờ lệnh tiến quân. Quân Tây Sơn tràn lên như vũ bão, còn quân Trịnh chẳng ai dám liều mình. Chúa Trịnh liền thúc voi trở về Vương phủ, thì trên cửa Tuyên Võ, cờ Tây Sơn đang phát phốt bay. Chúa Trịnh Khải bỏ chạy đến làng Yên Lãng, thì bị bắt, rút dao đâm cổ mà chết. Họ Trịnh chấm dứt sau 216 năm, hơn 2 thế kỷ tác oai tác quái miền Bắc.

Nguyễn Huệ vào Hoàng Thành ngày 26 tháng 6 năm Bính Ngọ 1786. Quân Tây Sơn giữ kỷ luật rất nghiêm chỉnh, không động chạm đến tài sản và tính mệnh của

nhân dân. Nguyễn Huệ gặp vua Lê tại cung Vạn Thọ, trước mặt vua Lê, ông Chúa Tây Sơn có những cử chỉ hết sức khiêm nhường.

Nguyễn Huệ nói với vua Lê rằng: “Quân Nam hà ra Bắc chỉ có ý phù Lê diệt Trịnh và làm theo lòng người”. Đây cũng là cách thức ngoại giao rất khôn khéo. Lúc bấy giờ các cựu thần đi lánh nạn không còn một ai, vua Lê cho đi tìm các quan đại thần Phan Lê Phiên, Trần Công Sán, Uông Sĩ Điển đến lo thù tiếp vị thượng khách. Ít bữa sau, dân chúng lại kéo nhau trở về, chợ búa lại họp, các hoạt động hằng ngày lại tiếp tục theo nhịp sống bình thường.

Để nối tình giao hảo, vua Lê gả Công Chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ, 16 tuổi với nhan sắc diễm lệ, lại có tài văn chương thi phú, mà sau này khi vua Quang Trung Nguyễn Huệ mất, Ngọc Hân có làm một số bài thi, phú rất thống thiết nổi tiếng. Mười ngày sau vua Lê Hiến Tông băng hà, Hoàng Tôn Lê Duy Kỳ lên ngôi, niên hiệu là Chiêu Thống.

Vào lúc đó, Vua Thái Đức cũng ra tới Thăng Long, nói là tiếp ứng Nguyễn Huệ, nhưng thực tâm sợ Nguyễn Huệ say men chiến thắng làm điều sơ xuất, ảnh hưởng đến ngai vàng của ông. Gặp vua Lê, vua Thái Đức nói: “Họ Trịnh chuyên quyền, chúng tôi đem quân ra đây chỉ có ý giúp nhà vua mà thôi. Nếu đất Bắc Hà của Trịnh thì một tấc chúng tôi cũng lấy, nhưng của nhà Lê thì một tấc chúng tôi cũng không tưởng, chỉ mong nhà Vua giữ vững kiềng cương, giữ yên bờ cõi, để hai nước chúng ta đời đời giao hảo”. Hai bên hoan hỷ, tiệc vui khoản đãi. Sau đó quân Tây Sơn rút về Nam.

Chính sách ngoại giao của Nhà Tây Sơn rất khôn khéo, không gây tị hiềm, xung đột giữa hai thế lực tranh

ngai vàng tạo thêm cảnh binh đao đầu rơi máu đổ, mà còn đáp lại nguyện vọng của dân chúng là quân dân muốn được an vui trở về với gia đình. Nhà Lê trị vì đã lâu đời, sĩ phu Bắc hà rất nhiều, xử sự không khéo sẽ đi đến chỗ bất hòa, chiến sự bùng phát. Trong việc dùng người, Nhà Tây Sơn biết phục thiện, nhất là Nguyễn Huệ, nghe ai là kẻ tài giỏi hoặc hiền đức, lấy lễ tân sư, tức là vừa coi là khách vừa coi là thầy, mời tham gia việc nước. Đó là trường hợp đối xử với các ông La San Phu Tử Nguyễn Thiếp, Nguyễn Đăng Trường, Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích v.v...

4 – Chiến công oanh liệt, diệt giặc ngoại xâm:

- Tiêu diệt quân Xiêm La:

Ông Nguyễn Huệ là một thiên tài đặc biệt về quân sự. Hành quân tốc chiến tốc thắng, biến hóa như thần. Hiệu lệnh nghiêm minh, kỷ luật sắt thép. Đức tính làm tướng của ông, đáng kể nhất ở chỗ biết chia bùi xẻ đảng với tướng sĩ, lấy ân uy và đảm lược để chinh phục lòng người.

Ra trận ông đi trước ba quân, lúc nguy nan, ông tỏ ra bình tĩnh. Gặp những vấn đề khó khăn, những việc mà người khác phải khiếp vía kinh hồn, thì ông thường nảy ra nhiều mưu kế lợi hại, tỏ ra có một khối óc thông minh lỗi lạc phi thường. Từ khi làm tướng, giữa lúc nước nhà ly loạn khắp nơi, đến khi ông mất, xông pha trăm trận bách chiến bách thắng, ông chưa hề biết chiến bại.

Năm Giáp Thìn 1784, Nguyễn Phúc Ánh rước quân Xiêm La về giúp. Xiêm La cử hai tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem sang Nam Việt Nam hai vạn quân và 300 chiến thuyền chiếm Rạch Giá, Ba Thắt, Trà Ôn và Mân Thít. Đi đến đâu quân Xiêm cướp bóc và quấy nhiễu dân chúng đến đó, thật là tai hại.

Được tin, Nguyễn Huệ vội vào ngay Gia Định, áp dụng chiến thuật lúi để nhử địch vào các điểm chiến lược. Tại Xoài Mút, Nguyễn Huệ đặc phục binh bên Rạch Gầm nay thuộc tỉnh Định Tường. Quân Xiêm La đến thì quân của Nguyễn Huệ đổ ra bất thành linh, đánh cả hai mặt thủy bộ. Quân Xiêm xoay trở không kịp, chết và bị thương rất nhiều, mười phần chỉ còn một, hai, mang đầu chạy về nước.

Nhà thơ Lê Bính đã làm bài thơ Đường luật, ca ngợi công đức của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ:

*Trịnh Nguyễn hai bên dẹp dã đàn
Thêm còn giữ nước cự nhà Thanh
Ngai vàng Chiêu Thống gìn cương kỷ
Duyên thắm Ngọc Hân nặng nghĩa tình
Sĩ Nghị mang sâu tâu Bắc khuyết
Càn Long vỡ mộng dẫm Nam thành
Xiêm La tướng sĩ ôm đầu chạy
Nước Việt từ đây hưởng thái bình*

- *Đánh tan quân Mãn Thanh:*

Năm 1787, Vua Thái Đức xưng làm Trung ương Hoàng Đế, kinh đô Đô Bàn đổi là Hoàng Đế Thành, phong Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương, trấn thủ Thuận Hóa, phong Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương trấn giữ đất Gia Định.

Từ lúc Tây Sơn kéo quân trở về Nam, tình hình Bắc Hà trở nên sôi động, Trịnh Bồng nổi lên tranh quyền. Vua Lê phải nhờ Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An ra giúp, đánh đuổi Trịnh Bồng. Sau đó Nguyễn Hữu Chỉnh ý vào công trạng, lấn ép vua Lê. Tháng 11 năm Đinh Mùi 1787, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm, đem quân ra Bắc dẹp Nguyễn Hữu Chỉnh. Vua Lê Chiêu Thống cùng

nhóm hoàng thân Lê Quýnh và bảy tôi chạy lên Cao Bằng rồi sang Tàu cầu cứu. Năm sau Bắc Bình Vương đem quân ra Bắc tiêu trừ Vũ Văn Nhậm vì kêu căng, cậy quyền thế, rồi giao quyền hành lại cho Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhiệm và Phan Huy Ích, giúp Sùng Nhượng Công Lê Duy Cận làm Giám Quốc trị nước.

Dựa vào sự cầu viện của Lê Chiêu Thống, Tổng Đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị dâng sớ tâu Vua Càn Long bên Tàu, lợi dụng cơ hội phò Lê đánh Tây Sơn, sang chiếm nước Nam. Vua Càn Long chấp thuận đề nghị, ra lệnh chu biện việc ăn ở cho cung quyến Lê Chiêu Thống, đồng thời đưa nhà vua về nước hiệu triệu thần dân để làm hậu thuẫn cho đoàn quân xâm lăng Nam chinh. Thanh triều liền huy động 20 vạn binh mã bốn tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông và Quảng Tây chia làm ba ngả Nam Quan, Tuyên Quang và Cao Bằng, tháng 11 năm 1788, kéo thẳng vào nước ta.

Tôn Sĩ Nghị và vua Lê Chiêu Thống trấn an nhân dân, nhưng phần lớn vì bè đảng Lê Chiêu Thống trả thù, phần khác là sự cướp bóc của quân Thanh, dân chúng kêu la, oán hận. Mọi người chỉ còn trông chờ vào Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ.

Ngày 24/11 năm Mậu Thân 1788, Ngô Văn Sở từ núi Tam Điệp cho tin cấp báo về Phú Xuân, việc Tôn Sĩ Nghị đưa quân xâm lăng, kéo thẳng vào Thăng Long.

Nguyễn Huệ tỏ ra rất bình tĩnh.

Các tướng sĩ yêu cầu ngài hãy chính hiệu để buộc lấy nhân tâm, dương thanh thế rồi sẽ tiến quân ra Bắc. Nguyễn Huệ cho là phải, liền cho đắp đàn giao ở núi Bàn Sơn, phía nam núi Ngự Bình, tế cáo trời đất và làm lễ dâng quang. Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế kỷ nguyên là Quang Trung ngày 25/11/1788.

Vua Quang Trung khởi hết cả quân Thuận, Quảng, Thanh, Nghệ, đem ra Bắc Hà. Ngày 20 tháng chạp, đoàn quân tới núi Tam Điệp, khao thưởng quân sĩ, truyền cho ba quân tạm ăn Tết trước, ông nói: “Chúng ta ăn Tết trước, đợi sang Xuân ngày mồng bảy vào Thăng Long sẽ mở tiệc lớn, các người hãy nhớ lấy lời ta, xem ta nói có sai không, không hề sai đấy”.

Vua Quang Trung chia Đại quân Tây Sơn làm 3 đạo:

- Đạo thứ nhất do Đô Đốc Lộc và Đô Đốc Tuyết chỉ huy Tả quân kiêm Thủy Quân, vượt biển vào sông Lục Đầu đánh tới. Một cánh tiến đến Hải Dương để tiếp ứng mặt đông, một cánh thẳng đến Yên Thế, Lạng Giang, Phượng Nhãn để chặn đường rút lui của địch.
- Đạo thứ hai do Đô Đốc Bảo và Đô Đốc Long chỉ huy Hữu quân kiêm Tượng binh. Kỵ binh từ làng Mọc đánh vào đồn Diên Châu, Tượng binh từ Sơn Minh đánh ra Đại Áng.
- Đạo thứ ba do Vua Quang Trung thống lĩnh đại binh tiến đánh các đồn, lũy từ Hà Hồi đến Tây Long là nơi Tôn Sĩ Nghị đặt bản doanh.

Mồng ba tháng Giêng năm Kỷ Dậu 1789, vua Quang Trung kéo quân đến vây đồn Hà Hồi, nay thuộc tỉnh Hà Đông, truyền loa gọi dạ âm âm, đến vài vạn người. Quân Tàu trong đồn run sợ, tan rã mà chạy, bắt được giết hết, không còn tên quân Tàu nào chạy lọt về báo Thăng Long được nữa. Vua Quang Trung thừa thắng đánh tràn đến Ngọc Hồi, Vân Điển, Yên Quyết, giết được tướng Tàu là Đề Đốc Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng. Tri phủ Diên Châu là Sầm Nghi Đống không địch nổi, treo cổ tự vẫn trên cành cây đa.

Tôn Sĩ Nghĩ được tin cấp báo, mất tinh thần, không kịp đóng yên ngựa, cùng vài thân binh, vượt qua cầu phao trên sông Nhị Hà chạy qua phía Bắc. Quân sĩ tranh cầu, xô nhau mà chạy, cầu đổ, chết hàng mấy vạn người, đến nổi nước sông Nhị Hà không chảy đi được.

Hôm ấy là ngày mồng năm Tết, Vua Quang Trung mặc áo chiến bào xông pha trận mạc, thẳng vào Thăng Long. Chiếc áo bào đỏ của vị anh hùng dân tộc, qua nhiều trận huyết chiến đã đổi ra màu đen cháy vì hơi khói của thuốc súng.

Nhà thơ Trần Văn Tâm đã làm bài thơ ca tụng chiến công oanh liệt của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, thắng quân Thanh trong những trận đánh thần tốc oai hùng:

Đại phá quân Thanh, Xuân Kỷ Dậu 1789

*Vua Quang Trung khăn vàng buộc cổ
Đốt sạch quân lương
Quân Sĩ đồng lòng
Hò reo như sấm nổ*

*Lốp lốp hùng binh
Hàng hàng chiến tượng
Ngài cỡi đầu voi tướng
Chỉ ngọn cờ đào, hùng dũng tiến quân
Trong nắng sớm mùa xuân
Áo bào đỏ oai nghi rực rỡ
Sĩ tốt ghép mộc gỗ
Chống lại súng thần công
Sức công thành mạnh như thác đổ
Đạp lũy hào, liều chết xông lên
Quân reo ngựa hí vang rền*

Hỏa hồ cháy đỏ liền liền thành tan

.....
Mỗi độ xuân về

Lòng vui rộn rã

Nhắc chiến công xưa

Trang sử Việt uy nghi hồn Đại Đế

Trong khói trầm thơm tỏa

Anh linh hồn núi sông

Hỡi thế hệ Quang Trung

Hỡi tinh thần bất khuất

Hãy vùng lên phát ngọn cờ vàng

Cứu đất nước lầm than khổ ải.

5 - Nội trị và Ngoại giao:

- Thống nhất đất nước:

Năm Giáp Thìn 1784, Nhà Tây Sơn đã kiểm soát hết Nam Hà, vào tới Hà Tiên. Mạc Cửu lúc này đã chết, quân chúa Nguyễn bị tan rã hoàn toàn. Năm Ất Ty 1785, quân Nguyễn Phúc Ánh chỉ còn là một lực lượng không đáng kể, phải đào vong ra nước ngoài, lại chạy sang Xiêm La một lần nữa.

Sau chiến thắng lừng danh, đại phá quân Thanh mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, Vua Quang Trung cho quân đội đuổi quân Thanh qua khỏi cửa ải Lạng Sơn. Người Tàu bị chấn động dữ dội, từ cửa ải trở lên phía Bắc, già trẻ dìu dắt nhau chạy trốn. Hàng mấy trăm dặm tuyết nhiên không có người và khói bếp. Vua tôi Lê Chiêu Thống bôn tẩu theo đám tàn binh sang Tàu, bị vua Càn Long Nhà Thanh giam lỏng, chết nhục nơi đất khách.

Vua Quang Trung, bốn lần bạt thành Gia Định, ba lần vào Thăng Long, thắng chúa Nguyễn, diệt chúa Trịnh,

đánh bại quân Xiêm La, phá tan quân Mãn Thanh, thống nhất đất nước.

- *Nội trị:*

- Về quân sự:

Quân đội được chia ra thành 5 đạo như trong hồi đánh nhau với Nhà Thanh. Ngoài ra còn có 11 đội quân đặc biệt khác, tạo thành quân chủ lực của Quốc gia. Ông thường nói: “ Binh lính cốt hòa thuận chứ không cốt đông, cốt tinh nhuệ chứ không cốt nhiều ”.

Theo lời các nhà truyền giáo, quân đội Tây Sơn có tinh thần chiến đấu rất cao, kỹ thuật sắt thép, không xâm phạm tài sản của dân chúng. Người lính được huấn luyện thuần thực, gan dạ, một chống nổi ba bốn, nên đánh đâu thắng đấy.

- Về hành chánh:

Bộ máy triều đình trung ương có lục bộ Thượng Thư, Tả hữu đồng nghị, Tả hữu phụng nghị, Tư Vụ, Hàn Lâm, Hiệp biện Đại Học Sĩ ... Tổ chức địa phương Tổng, Huyện có võ quan cai quản và thao luyện quân đội, văn quan phụ trách binh lương, thuế khóa. Dưới nữa có Xã Trưởng, Thôn Trưởng, như đời nay. Ngô Thời Nhiệm có chép bài chiếu “Khuyến Nông” của vua Quang Trung, chú ý đến hai điều:

+ Sao cho ruộng đất sản xuất được nhiều

+ Sao cho nhân khẩu gia tăng, dân chúng đông đảo.

Về ruộng đất công điền, tư điền, thuế khóa cũng được cải tổ.

Năm Quang Trung thứ tư, trong nước khắp nơi đều được mùa vì mưa thuận gió hòa. Nếp sống dân chúng đầm ấm, phát đạt, do chính sách ưu ái nhân dân của Triều đình. Năm nào có thiên tai bão lụt, hạn hán, triều đình lại giảm thuế, miễn xá tội cho dân chúng.

- Nhân tài và khoa cử:

Vua Quang Trung là một thiên tài về quân sự, ngoài ra ông rất chú trọng về văn hóa và chính trị. Nhà vua có nhiều sáng kiến đặc biệt, phát sinh ở một tinh thần cách mạng quốc gia rất sáng suốt và cấp tiến. Các nho sinh đỗ đạt tân, cựu đều được đãi ngộ, trọng dụng.

Đáng chú ý nhất là việc sử dụng chữ Nôm. Vua Quang Trung đề cao tinh thần quốc gia mãnh liệt, một ý niệm cách mạng rất thực tế. Trong khoa cử, học hành, chữ Nho vẫn được dùng, nhưng trong chiếu, biểu, sắc, dụ, thi phú, chữ Nôm đã được đặt vào một địa vị quan trọng.

- Việc đúc tiền:

Ngoài việc chinh đốn triều chính, Vua Quang Trung muốn độc lập về mọi mặt. Ông nghĩ ngay đến việc đúc tiền bằng đồng để tiện dùng trong nước và thuận tiện trong việc thương mại. Đồng tiền “Quang Trung thông bảo” được thay đồng tiền Cảnh Hưng khắp chợ cùng quê.

Năm Quang Trung thứ tư 1791, do việc cần chuẩn bị đánh Mãn Thanh, nhà vua cho đi thu mua hết các đồ bằng đồng tốt trong nước để làm binh khí và đúc tiền cho rộng tài nguyên. Nhà vua chú trọng đến việc khuyến khích thương kinh tế, thương mại ra tới bên ngoài. Cử người sang điều đình với Nhà Thanh mở chợ Bình Thủy Quan ở Cao Bằng, Du Thôn Ải ở Lạng Sơn, đề nghị lập nhà hàng ở Quảng Tây, đưa dân ta sang làm ăn buôn bán với Trung Quốc, mục đích mở rộng biên cương.

- *Đối ngoại:*

- Bãi việc cống người vàng:

Một quốc hận đáng kể cho người Việt Nam từ đời Hậu Lê đến nay là việc cống người vàng, một kỷ niệm chua cay.

Năm Đinh Mùi 1427, hai tướng của vua Lê Lợi là Lê Sát và Trần Lựu, chém đầu An Viễn hầu Liễu Thăng của nhà Minh tại Lạng Sơn. Nhà Minh đau đớn lắm vì Liễu Thăng là một tướng tài của họ. Sau này giảng hòa, Minh triều bắt đền nước Việt phải đúc người vàng thế mạng Liễu Thăng. Vua Lê Lợi thấy dân tình đau khổ, chiến tranh kéo dài từ nhà Hồ đến nhà Hậu Trần, ngót 30 năm ròng rã, đành nhắm mắt chấp nhận điều kiện của Minh triều. Sau Tiên Lê đến đời Mạc và các vua Lê đời Trung hưng, cũng vẫn tiếp tục cống người vàng.

Nhà Tây Sơn chiến thắng lừng danh, phá tan 20 vạn quân Thanh không còn manh giáp, đuổi quân thù xâm lăng Tôn Sĩ Nghị chạy khỏi ải Nam Quan hằng mấy trăm dặm. Vua Quang Trung khi đã yên vị, không chịu lệ này, viết thư cho Phúc Khang An xin bãi bỏ lệ cống người vàng. Đứng trước thế mạnh của nhà Tây Sơn thời bấy giờ, vua tôi nhà Thanh phải nghe theo.

- Ngoại giao với Thanh triều:

Sau khi đánh bại quân Thanh, Vua Quang Trung đối đãi với tù binh rất tử tế, có hàng vạn người ra đầu thú, được cấp phát lương thực, cấp đất canh tác. Ngài nhờ Ngô Thời Nhiệm dùng chính sách ngoại giao khôn khéo, thuyết phục được Tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An và cận thần vua Nhà Thanh là Hòa Khôn, thiết lập được mối hòa hiếu giữa hai nước, kết thúc chiến tranh, dân chúng sống an vui.

Tháng 7 năm 1789 vua Nhà Thanh sắc phong cho vua Quang Trung làm An Nam Quốc Vương và mời sang triều cận. Vua Quang Trung đề cử Phạm Công Trị làm giả vương đi thế. Tại Nhiệt Hà, giả vương được vua Càn Long tiếp đãi ân cần và ban thưởng trọng hậu.

Năm Nhâm Tý 1792, vua Quang Trung cử Võ Kinh Thành, Trần Ngọc Thụy, Vũ Văn Dũng sang dâng biểu cầu hôn cưới Công Chúa Thanh Triều và đòi lại 6 châu thuộc Hưng Hóa, 3 động thuộc Tuyên Quang, đã bị Nhà Thanh trước kia xâm chiếm, sát nhập vào Lương Quảng. Kế hoạch chuẩn bị thuyền tàu, đúc vũ khí, rèn luyện binh sĩ đã sắp đặt từ lâu. Sứ giả qua Tàu là cái cớ để đánh lấy lại đất, nếu Thanh triều từ chối. Nhưng tiếc thay, khi phái bộ Vũ Văn Dũng sang Trung Quốc thì được tin vua Quang Trung băng hà, sứ giả phải quay về. Vua Quang Trung mất năm 40 tuổi, ngày 15 tháng 9 năm 1792, miếu hiệu là Thái Tổ Võ Hoàng Đế.

- Giai đoạn cuối Nhà Tây Sơn:

Từ ngày Vua Quang Trung mất, thế lực Nhà Tây Sơn bắt đầu suy yếu. Vua Thái Đức buồn vì hai em Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đã chết, lụt chí tiến thủ, chỉ giữ lấy Quảng Ngãi, Qui Nhơn và Phú Yên. Trong khi đó thì Nguyễn Phúc Ánh củng cố, xây dựng và phát triển ở Nam Hà, rồi đánh lần ra phía Bắc. Năm 1793, quân Nguyễn Phúc Ánh vây khốn thành Qui Nhơn, Nguyễn Nhạc cầu cứu Phú Xuân. Sau khi giải cứu, vua Cảnh Thịnh chiếm luôn Qui Nhơn. Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc uất hận, thổ huyết chết, làm vua được 16 năm.

Tại Phú Xuân, vua Cảnh Thịnh còn nhỏ tuổi, cậu ruột là Bùi Đắc Tuyên phụ chính, chuyên quyền làm triều đình bất hòa, thanh toán lẫn nhau, lòng dân ly tán. Cơ nghiệp Nhà Tây Sơn suy yếu dần, đến năm Nhâm Tuất 1802 thì mất vào tay Nguyễn Phúc Ánh.

6 – Tây Sơn trong lòng dân Việt:

Sự nghiệp hiển hách, chiến công lừng lẫy của vua Quang Trung đã ghi sâu vào lòng dân Việt. Trên hai trăm năm nay, biết bao người đã viết sách, làm thơ, ca tụng

thành quả của những trận đánh lừng danh mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, chưa đầy một mùa lễ, tiêu diệt 20 vạn quân Thanh, làm sáng chói trang sử Việt Nam.

Mặc dù vua Gia Long Nguyễn Phúc Ánh đã trả thù Nhà Nguyễn Tây Sơn một cách hèn hạ, thi hành chính sách muốn nhỏ cỏ phải nhổ tận gốc. Muốn xóa sạch đi những công trình xây dựng, những đóng góp quý giá của Nhà Tây Sơn cho đất nước, ngay cả hào quang sang chói thắt giặc ngoại xâm của vua Quang Trung trong lòng dân Việt. Nhưng những gì thuộc về văn hóa, thuộc về tinh thần, đã được lịch sử gạn lọc một cách tinh tế, trả về sự thật, lưu truyền mãi trong sử sách.

Tại Chùa Bồ gần Hà Nội, sau bao nhiêu năm kiểm soát nghiêm ngặt, xử trị nặng nề của Gia Long Nguyễn Phúc Ánh, những ai tưởng nhớ Vua Quang Trung, dân chúng nơi đây vẫn đúc tượng thờ Vua Quang Trung dưới hình thức tôn giáo với câu đối chữ Hán:

*Động lý vô trần, đại địa sơn hà lưu đóng vụ
Quang Trung hóa Phật, tiểu thiên thế giới chuyển phong vân*

Công Chúa Ngọc Hân, con gái vua Lê Hiến Tông, là Bắc cung Hoàng Hậu vua Quang Trung đã khóc khi Ngài qua đời, trong tác phẩm “Ái Tư Văn”:

*Nghe trước có đấng vua Thang, Võ
Công nghiệp nhiều tuổi thọ càng cao
Mà nay áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước biết bao công trình.*

Tại làng Tây Sơn, Bình Định, ngay trong thời Gia Long Nguyễn Phúc Ánh, sau khi ngôi từ đường Nhà Tây

Sơn bị nhà Nguyễn phá hủy, ngôi đình làng được thay thế vào, dân chúng âm thầm thờ ba vua Tây Sơn bên trong.

Năm 1958, dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, dân chúng địa phương góp công sức xây dựng Điện Tây Sơn trên nền cũ của ba Vua làm nơi thờ tự. Cờ Quang Trung cũng được Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu chuẩn y, cùng cờ Quốc Gia VNCH bay phát phối lần đầu tiên vào năm Ất Ty ngày 6 tháng 2 năm 1965, sau 176 năm vắng bóng.

Hằng năm vào tháng Mười Một Âm Lịch là ngày giỗ ba Vua Tây Sơn, có nhạc võ Tây Sơn theo cổ lệ.

Ngày Mồng Năm tháng Giêng mỗi năm, dân chúng Bình Định tổ chức ngày Lễ Đống Đa rất trọng thể. Người dân các tỉnh miền Trung tề tựu về đây xem lễ hội Đống Đa, có đến hàng trăm ngàn người.

Ngày này còn có ý nghĩa là Ngày Tây Sơn. Đầu năm mọi người đi trẩy hội, là dịp rủ nhau vui Xuân trong những ngày Tết, cũng là cơ hội cho Nam thanh, Nữ tú, lòng đầy nhiệt huyết, tưởng nhớ vua Quang Trung trong ý chí quật cường, cùng toàn dân dẹp tan quân xâm lược Mãn Thanh, đem lại an bình cho đất nước.

Tại Hoa Kỳ, các Tiểu bang có đông người Việt Nam như Nam California, Bắc California, Texas, Washington State, Colorado ..., hằng năm đều tổ chức Ngày Tây Sơn, được đồng hương Việt Nam hưởng ứng nhiệt liệt, nhằm mục đích nhớ lại công đức của tiền nhân và nhắc nhở giới trẻ quay về cội nguồn, yêu thương Quê hương Dân tộc.

Ngày nay tuổi trẻ đang vùng dậy. Tuổi trẻ nhận lãnh trách nhiệm, là những nối tiếp đầy màu sắc hy vọng, bước theo lý tưởng của cha, anh. Từ Úc Châu, Âu Châu, Hòa Kỳ, tuổi trẻ đã đoàn kết, tay nắm tay, tạo thành một sức mạnh đứng lên, đòi hỏi Tự do, Dân chủ và Nhân quyền cho Dân tộc Việt Nam.

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã làm “Bài Ca Bình Bắc”, ca ngợi Vua Quang Trung chí lớn dọc ngang, mộng lớn huy hoàng, một phút oai thần dậy sóng, gươm thiêng cựa vỏ, tan vĩa cường ban, voi thiêng chuyển vó, giặc nát lũy tan hàng:

Kể từ đây

Mặt trời mọc ở phương đông ngút lửa

Mặt trời lặn ở phương đông máu chứa chan

Đã sáu mươi ngàn lần

Và từ đây cũng sáu mươi ngàn lần

Trăng tỏ bóng nơi rừng cây đất Bắc

Trăng mờ gương nơi đồng lúa miền Nam

Ruộng dâu kia bao độ sóng dâng tràn

Hãy dừng lại thời gian

Trả lời ta – Có phải

Dưới vầng nguyệt lạnh lòng quan ải

Dưới vầng dương thiêu đốt quan san

Lớp phế hưng xô nghiêng từng triều đại

Mà chí lớn dọc ngang

Mà nghiệp lớn huy hoàng

Vẫn ngàn thu còn mãi

Vẫn ngàn thu người áo vải đất Qui Nhơn.

*

Ôi người xưa Bắc Bình Vương

Đống Đa một trận trăm đường giáp công

Đạn vèo năm cửa Thăng Long

Trắng gò xương chất, đỏ sông máu màng

Chừ đây lại đã xuân sang

Giữa cố quận một mùa xuân nghịch lý

Ai kia lòng có chợt mang mang

Đầy vơi sâu xứ

Hãy cùng ta ngẩng lên, hướng về đây tâm sự
Nghe từng trang sử thét từng trang

*

Một phút oai thần dậy sấm
Tan vía cường bang
Cho bóng kẻ ngồi trên lưng bạch tượng
Cao chót vót năm màu mây chiêm ngưỡng
Dài mệnh mông vượt khỏi lũy Nam Quan
Và khoảng khắc đổ xuôi chiều vượn ngược hướng
Bao trùm lên đầu cuối thời gian
Bóng ấy đã ghi sâu vào tâm tưởng
Khắc sâu vào trí nhớ dân gian
Một bành voi che lấp mấy ngai vàng

*

Ôi Nguyễn Huệ người anh hùng áo vải
Muôn chiến công một chiến công dồn lại
Một tấm lòng muôn vạn tấm lòng mang
Ngọn kiếm trở bao cánh tay hăng hái
Ngọn cờ vung bao tính mệnh sẵn sàng
Người cất bước cả non sông một giải
Vượn mình theo dãy Hoành Sơn mê mãi
Chạy dọc lên thông cảm ý ngang tàng
Cũng chồm dậy đáp lời hô vĩ đại
Chín con rồng bơi ngược Cửu Long giang

*

Người ra Bắc oai thanh mờ nhạt nguyệt
Khí thế kia làm rung động càn khôn
Lệnh ban xuống lời lời tâm huyết
Nẻo trường chinh ai dám bước chân chôn
Gươm thiêng cựa vổ

Giấc không mở chôn
Voi thiêng chuyển vó
Nát lũy tan đồn
Ôi một khúc hành ca hê gào mây thét gió
Mà ý tưởng lòng quân hê bền sắt tươi son
Hưởng ứng sông hồ giục núi non
“Thất vòng vây lại” tiếng hô ròn
Tơi bờ máu giặc trắng liềm múa
Tan tác xương thu ngựa đá bon

*

Sim rừng ruộng lúa tre thôn
Lòng say phá địch khúc đồn tiến quân
Vinh quang hẹn với phong trần
Đống Đa gò ấy mùa xuân năm nào
Nhớ trận Đống Đa hê thương mùa xuân tới
Sâu xuân với vợ
Xuân tứ nao nao
Nghe đêm trừ tịch hê máu nở hoa đào
Ngập giấc xuân tiêu hê lửa trùm quan tái
Trời đất vô cùng hê một khúc hát ngao
Chí khí cũ gồm trong da thịt mới
Vẳng đáy sâu tiềm thức tiếng mài dao
Đèo Tam Điệp hê lệnh truyền vang dội
Sóng sông Mã hê ngựa hí xông xao
Mặt nước Lô giang hê lò trầm biếc khói
Mây núi Tản Viên hê lọng tía giương cao
Rằng: “đây bóng kẻ anh hào
Đã về ngựa trị trên ngā ba thời đại”
Gấm vóc giang sơn hê còn đây một giải
Thì nghiệp lớn vẻ vang
Thì mộng lớn huy hoàng
Vẫn ngàn thu còn mãi

Ôi ngàn thu người áo vải đất Qui Nhơn.

*

Nay cuộc thế sao nhòa bụi vẫn
Chúng ta trên ngã ba đường
Ghi ngày Giỗ Trần
Mơ Bắc Bình Vương
Lòng đầy thôn trang hề lòng dây thị trấn
Mười ngã tâm tư hề một nén tâm hương
Đồng thanh rằng: “Quyết noi gương!”

*

Để một mai bông thắm cỏ xanh rờn
Ca trống trận thôi lay bóng nguyệt
Mình đất trời gió bụi tan cơn
Chúng ta sẽ không hổ với người xưa một trận
Đống Đa nghìn thu oanh liệt
Vì ta sau trước lòng kiên quyết
Vàng chẳng hề phai đá chẳng sờn.

ĐẶNG ĐỨC BÍCH



NGỌC HÂN

TÌNH BẮC, DUYÊN NAM

KATHY TRẦN

(Lời tòa soạn: Loạt bài chuyện Ngọc Hân của nhà văn Kathy Trần gồm có ba phần: Tình Bắc Duyên Nam, Vào Nơi Gió Cát, Đoạn Trường. Đặc San Bình Định năm nay đăng phần một và sẽ tiếp đăng kỳ tới).

Trời nắng chang chang trong một ngày hè đổ lửa tháng sáu, năm Bính Ngọ. Trong thành Thăng long, nhà cửa đóng im ỉm, không một bóng người, không một bóng trẻ, không cả một bóng thú lai vãng ngoài đường. Tất cả như hồi hộp chờ đợi một điều gì quan trọng sắp xảy ra. Thỉnh thoảng một bóng ngựa của bọn thám mã vút thật nhanh qua cổng thành tung lại một lớp bụi mịn mù trong tiếng vó ngựa dồn dập rồi tắt cả lại chìm vào yên lặng.

Mới mấy hôm trước, quân Tây Sơn vừa đại thắng quân chúa Trịnh ở bến Tây Luông ngoài thành Thăng Long sau một trận đấu long trời lở đất. Cả vùng hồ Vạn Xuân biến thành địa ngục trần gian. Hôm qua đây, vào ngày 25 tháng 6, tàn quân của chúa Trịnh lại bị đại bại và chúa Trịnh Khải bị quân Tây Sơn bắt được rồi chúa tự sát. Tuy từ nay dân Bắc Hà khỏi phải chịu nạn của bọn kiêu binh Tam Phủ và sự lộng hành của nhà Chúa, nhưng tang tóc đã nhiều nên dân chúng và cả triều đình nhà Lê đều lo lắng, nơm nớp như cá nằm trên thớt.

Quan lại trong triều phần nhiều là phường giá áo, túi cơm, trước nay chịu sự ức hiếp của quân nhà Chúa đã nhiều, tức có tức, nhục có nhục nhưng đành cúi mặt làm

thinh. Bọn kiêu binh lộng hành, coi thường cả Vua, cả Chúa.

Chúa Trịnh Sâm vì thù oán riêng mà vu cáo cho Thái Tử Lê Duy Vỹ, con vua Lê Hiến Tôn, là thông dâm với cung nhân của chúa Trịnh Doanh để nhốt vào ngục. Sau Trịnh Sâm lại cho người khai gian, buộc Duy Vỹ tội phản loạn và ép Thái tử thắt cổ mà chết.

Con Duy Vỹ là Duy Kỳ mới 6 tuổi, được đem đi trốn cũng bị bắt bỏ ngục hơn mười năm. Mãi tới khi Trịnh Khải được bọn kiêu binh Tam Phủ tôn lên làm chúa, chúng đồng thời thả Duy Kỳ ra. Vua Lê Hiến Tôn thấy cháu thông minh dĩnh ngộ thì thương lắm nên mời người dậy dỗ. Thái tử Duy Cẩn (Em Duy Vỹ) sợ bị cháu dành mất ngôi nên âm mưu với Dương Thái Phi, mẹ Trịnh Khải, để giết Duy Kỳ. Nhờ may mắn, Duy Kỳ được quân Tam phủ cứu được. Trịnh Khải sợ kiêu binh làm loạn, chiều ý chúng phế Duy Cẩn mà lập Duy Kỳ làm Thái Tử. Quyền hành của Vua lẫn Chúa cũng nằm cả trong tay bọn kiêu binh Tam Phủ.

Nay bọn Kiêu binh bỏ Trịnh Cán, lập Trịnh Khải, thấy họ Trịnh chắc chắn sẽ tàn nên Cố Chính bỏ vào Nam đầu quân và mật báo với nhà Tây Sơn. Long Nhượng tướng quân bèn lấy danh nghĩa “Phù Lê, diệt Trịnh” kéo ra Bắc Hà, quân Tây Sơn đánh tan quân chúa Trịnh, bắt Trịnh Khải như lấy đồ trong túi làm bọn quan lại vô dụng nhà Lê nghe tới quân Nguyễn Huệ là run lên bần bật.

Long Nhượng Tướng quân đã cho sứ thông báo cùng Hoàng gia là ngài ra bình định Bắc Hà chứ không có ý

dòm ngó ngôi Trời và sẽ rút quân về Phú Xuân sau khi bình định xong đất Bắc. Ngài nghiêm lệnh cho quân sỹ không được tơ hào dù một hạt gạo của dân, nhờ đó, dân tình tuy sợ hãi nhưng không hoảng loạn. Vua Hiến Tông và các quan tuy bồn chồn lo sợ nhưng cũng đành chờ đợi vì cả triều đình chẳng còn kế sách nào hơn.

Hôm nay Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ sẽ vào bệ kiến, chúc thọ Hoàng thượng.

Một hồi trống vang dội ngoài cửa cung Vạn Thọ. Trong điện Kính Thiên, quan lại nhón nhác nhìn nhau. Một tên quân chạy vào, sụp quì xuống:

- Muôn tâu bệ hạ, Long Nhượng tướng quân đang chờ lệnh xin vào vấn an Bệ hạ.

- Lệnh truyền cho vào.

Ba hồi chiêng trống vang lừng. Từ cửa Đoan môn, Long Nhượng tướng quân thông thả, oai nghi bước qua những bậc thềm có quan văn võ dàn chào hai bên. Ý giáp rục rờ, dáng bộ lẫm liệt, cặp mắt sáng như sao nhìn thẳng, Long Nhượng tướng quân trình trọng hành lễ Ngũ bái, tam khấu. Tới trước bệ rồng, ngài quỳ xuống chúc thọ nhà vua. Cống Chính và các tướng Tây Sơn khác cũng phủ phục bái kiến.

Vua Hiến Tôn vội bước khỏi ngai vàng, đích thân đỡ Nguyễn Huệ dậy:

- Tướng quân ra đây, giúp ta và dân Bắc Hà giải được cái họa họ Trịnh, đem lại cuộc sống cho muôn dân, ta rất cảm kích, sao lại câu nệ đến thế?

- Tâu bệ hạ, lo cho dân, cho nước là bổn phận của người làm tướng. Họ Trịnh lộng quyền, trên đàn áp Chúa Thượng, dưới nhũng nhiễu lương dân là có tội với đất trời. Chúng tôi thừa lệnh Hoàng huynh ra đây, trước theo ý trời, sau theo ý dân, diệt trừ họ Trịnh, trả lại ngôi trời cho

bệ hạ. Mong bệ hạ thay trời trị nước, đem no ấm cho con dân là đã thỏa lòng chúng tôi rồi đó.

Vua Hiến Tôn nhìn Huệ thầm khen ngợi. Huệ người đậm đà, vững chãi như ngọn núi, nước da bánh mật đậm, đôi mắt to, sắc dưới hàng lông mày nét mác, nhìn như xuyên thấu vào gan ruột người đối diện.

Đứng cạnh vị võ tướng Tây Sơn, mà danh tiếng chấn động cả hai miền Nam Bắc mấy năm nay, nhà vua nhận ra hết cả vẻ thư sinh bạc nhược, sự yếu đuối, khúm núm, lơ láo của quan lại trong triều.

Trong trí nhà vua hiện ra ngay hình ảnh công chúa Ngọc Hân, con gái yêu quý nhất của ngài. Một sự tương phản hài hòa: một cảnh liễu yếu điệu, mềm mại bên cõi mai gân guốc, cứng cỏi. Nhà vua thấy vui vẻ trong lòng.

Xong việc triều nghi, nhà vua vui vẻ truyền lệnh mời Long Nhượng tướng quân vào thư phòng bàn luận việc nước, Nguyễn Hữu Chỉnh cũng được cho phép dự bàn.

Buổi chiều Nguyễn Huệ và Cống Chính ra về. Quân Tây Sơn kéo hết ra đóng ở ngoại thành, nghiêm lệnh không được động chạm mảy may tới tài sản của dân chúng, trái lệnh sẽ bị nghiêm trị.

Dân chúng sinh hoạt bình thường trở lại, nhờ quân Tây Sơn diệt trừ họ Trịnh, thoát khỏi nạn kiêu binh người dân Bắc Hà như sống lại. Ngày trước, con gái đẹp không dám ra đường sợ lọt vào mắt Chúa hay bọn kiêu binh thì không mong yên ổn. Có người chỉ vì vợ đẹp mà bị tù đầy, oan khuất. Dân có của không dám chưng bày sợ nhà Chúa và kiêu binh mượn tạm, không cho thì bị vu là phản loạn, đầu chỉ chực rơi khỏi cổ, một cổ hai tròng. Nay

quân Tây Sơn từ Nam kéo ra, người dân Bắc Hà nơm nớp lo sợ cảnh tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa!

Thời gian qua, thấy quân Tây Sơn luôn giữ nghiêm lệnh, không dám tơ hào và đã có người bị xử tử vì bức hiếp dân lành. Tiếng đồn lan rộng, Long Nhượng tướng quân Nguyễn Huệ dần dần tạo được lòng tin tưởng của dân chúng, sự kính trọng của quan lại nhà Lê và lòng yêu mến của Hoàng thượng cùng Hoàng gia.

Hoàng Thượng phong cho Long Nhượng tướng quân chức Uy Quốc Công và sai Nguyễn Hữu Chỉnh mối lái Ngọc Hân công chúa cho chàng.

Còn ai anh hùng hơn người từ tay trắng đã tạo dựng sự nghiệp hiển hách trên lưng ngựa?

Nhà vua chỉ còn Hoàng tôn độc nhất là Thái tử Lê Duy Kỳ nhưng Duy Kỳ bị tù đầy quá lâu nên kiến thức kém cỏi lại không có thế lực để nương dựa, khó mong bảo vệ được nghiệp nhà. Nhà vua mong con gái yêu tìm được khách anh hùng để nương dựa thân Bồ liễu, và xa hơn nữa, với Uy Quốc Công làm khách đông sàng, thế lực Nam, Bắc hổ tương lẫn nhau, chúa Nguyễn trong Nam nào dám tơ hào chuyện xâm lấn miền Bắc? Cả bọn lộng quyền họ Trịnh cũng không dám trở lại khuynh loát ngôi trời. Ngoài ra, quân Thanh bên Tàu luôn lợi dụng tình trạng chia rẽ, lăm le dòm ngó đất nước ta. Uy Quốc Công là người vũ dũng, anh hùng, chàng sẽ vì cái tình với Ngọc Hân, cái nghĩa với nhà Lê mà giữ vững mối giềng dân tộc, bảo vệ ngai vàng cho giòng họ nhà Lê.

Tin bí mật gì bọn cung nhân, tỳ nữ cũng biết. Mai Nhi, con hầu thân tín của Ngọc Hân vừa chải mái tóc óng mượt của công chúa vừa thì thầm:

- Thưa Công chúa, em nghe tin Hoàng thượng định... gả công chúa...

Ngọc Hân sửng sốt:

- Gả ta? Em lại nghe nói vậy rồi. Sao ta không nghe Mẫu hậu chỉ dạy điều gì cả?

Mai Nhi ra vẻ bí mật:

- Thưa Công chúa, em mới nghe các quan nội giám đồn thổi, thế nào Hoàng hậu cũng với Công chúa sang hầu đó.

- Nhưng... Mai Nhi, em có biết...

Công chúa ngập ngừng:

- Là... ai không?

- Em nghe nói là...

Mai Nhi ghé sát tai công chúa thì thào:

- Thưa Công chúa, chính là... Uy Quốc Công! Còn ai xứng đáng với Công chúa ở đất Bắc Hà này nữa?

Ngọc Hân khẽ giật mình rồi cặp mắt long lanh, mơ màng, nàng cúi đầu, thì thầm:

- Uy... Quốc... Công...? Uy Quốc Công thật à?

Nàng nhẹ tựa mình vào khung cửa, nhẹ nhàng đưa tay vuốt tóc.

Mới hôm nào đây, Long Nhượng tướng quân còn là hung thần của đám kiêu binh họ Trịnh, dân Bắc Hà như cá nằm trên thớt chờ quân Tây Sơn tiến vào thành sau những chiến thắng long trời lở đất suốt từ Trung ra Bắc, tới trận chiến khốc liệt ở hồ Vạn Xuân, ở bến Tây Luông. Tiếng đồn về phép trị binh thần kỳ mà nghiêm nhặt của Long Nhượng tướng quân đến lòng ganh ghét hay ngưỡng mộ của quan lại trong triều.

Long Nhung tướng quân Nguyễn Huệ! Uy Quốc Công Nguyễn Huệ!

Con người của huyền thoại mà nàng chỉ được nghe tên, bây giờ có tin đồn là vua cha sẽ gả nàng cho người ấy!

Ngọc Hân bối rối quay lại:

- Mai Nhi, em có chắc là ... Uy Quốc Công không?

Mai Nhi hóm hỉnh:

- Thưa Công chúa, ai thì em còn nhầm chứ Uy Quốc Công thì chả ai nhầm đâu... Chỉ một điều em không biết là bao giờ Hoàng hậu cho Công biết thôi.

Cung đàn mơ trong lòng Ngọc Hân thoáng gợn một âm vang.

Nàng vừa tròn mười sáu, tâm hồn trong sáng, ngây thơ như trăng tròn vằng vặc. Khuôn mặt thanh thoát, dáng người mảnh mai, thanh tú như một đoá Quỳnh. Dòng dõi lá ngọc cành vàng cho nàng cơ hội đọc sách thánh hiền, nàng rất thông tuệ lại có tài thơ phú nên được vua cha yêu như châu ngọc.

Dân Bắc Hà hãnh diện và yêu quý xưng tụng nàng là Chúa Tiên. Bao vương tôn, công tử rắp ranh bán sẻ, nhưng vua cha chưa chọn ai. Ngài có ý chê họ là bọn phạm phu, tục tử hay văn nhược thư sinh không xứng cho nàng nâng khăn, sửa túi.

“Uy Quốc Công! Uy Quốc Công!”

Tên chàng ngân vang trong tim nàng. Hồn nàng dường như mơ màng, say đắm.

Chàng! Người thanh niên xuất thân từ nơi áo vải, dựng ngọn cờ đào, tạo thành sự nghiệp!

Chàng! Người đã hai lần đánh đuổi Nguyễn Ánh phải chạy ra Phú Quốc! Người đã phá tan hai vạn quân và ba trăm chiến thuyền của quân Xiêm khi Nguyễn Ánh công

rắn cắn gà nhà, rước chúng về mong khôi phục cơ đồ họ Nguyễn đang trong!

Chàng! Người mà bọn kiêu binh nhà chúa chỉ nghe tên cũng đủ run lên như cây sậy, là người mà bọn quan lại nhu nhược coi như khắc tinh của họ.

Trời ơi! Vậy mà nàng sẽ là người... gá nghĩa tào khang, nâng khăn sửa túi cho chàng!

Từ hôm Uy Quốc Công kéo quân ra Bắc Hà, biết bao nhiêu huyền thoại được dựng lên về chàng. Ngọc Hân không tin mê muội như đám dân đen nhưng nàng biết chàng là người có tài dũng lược, mang chí lớn trong thiên hạ. Có tin chàng muốn thống nhất cả đất nước gom về một mối! Ngọc Hân còn thơ ngây, nàng không màng tới ngai vàng hay quyền lợi, nhưng trái tim non nớt của nàng biết yêu kính, cảm phục người anh hùng.

Nghe Mai Nhi báo tin vua cha định gả nàng cho Uy Quốc Công, lòng nàng hoang mang bất định, hồn nàng choáng váng như tỉnh, như say.

Có thật nàng sẽ cùng chàng gá nghĩa trăm năm? Có thật nàng sẽ cùng chàng má tựa vai kê?

“Ôi, Uy Quốc Công!”

Mai Nhi im lặng đứng quạt nhè nhẹ cho công chúa. Nó biết công chúa đang mơ mộng nên không dám nói nhiều dù nó thu lượm được biết bao tin đồn về Uy Quốc Công Nguyễn Huệ.

Cánh màn tơ nhẹ lay, Trúc Nhi bước vào, quì xuống tâu:

- Thưa Công chúa, Hoàng hậu có lệnh cho vời Công chúa.

Mai Nhi đưa mắt nhìn Ngọc Hân như thăm nhắc:

- Đó, Công chúa tin lời em chưa?

Ngọc Hân và Mai Nhi theo Trúc Nhi sang cung Hoàng hậu. Công chúa phủ phục ra mắt:

- Ngọc Hân xin vấn an mẫu hậu.

Hoàng hậu cúi xuống đỡ con dậy:

- Mẹ miễn lễ cho con.

Bà cầm tay con âu yếm:

- Ngọc Hân, con cũng biết là cha mẹ có ý tìm người cho con trao thân, gửi phận. Hoàng thượng vì việc nước quá bề bộn nên ngày càng yếu. Hai tuần trước đây, Cống Chính có tâu với Hoàng thượng về việc nhân duyên của con và Uy Quốc Công. Con là con gái yêu và cha mẹ yêu thương con biết ngần nào. *Ép dầu ép mỡ, ai nỡ ép duyên*, ta muốn biết ý con ra sao?

Ngọc Hân nghe nóng bừng hai má:

- Trẻ thơ xin tui lệnh mẹ cha định liệu.

Hoàng hậu băn khoăn tiếp:

- Con được về hầu hạ Uy Quốc Công, ta rất vui mừng, nhưng điều làm ta không yên tâm là con còn thơ dại mà xuất giá phải tòng phu. Xa xôi, cô quạnh nơi xứ người, biết lấy ai an ủi, xẻ chia tâm sự?

Ngọc Hân xúc động kêu lên:

- Mẫu hậu, xin cho con được ở lại hầu hạ cha mẹ lúc tuổi già, bóng xế. Con chưa..., con không muốn ...

Hoàng hậu lắc đầu, ôm con rơi lệ:

- Uy Quốc Công tính tình cương trực mà nhân đức, chàng đối xử với dân, với lính như tình gia quyến. Với gia đình chàng sẽ là bóng cổ thụ cho con nương thân cát đằng. Con về cùng chàng là điều may mắn cho con, ta không thể vì chút tình riêng mà cản trở việc trăm năm của con. Gần đây Hoàng Thượng đau yếu luôn nên ngài muốn con sớm thành gia thất. Ta đã sai người chuẩn bị hôn lễ rồi,

Uy Quốc Công muốn rước dâu sớm vì chàng cần xuôi Nam theo lệnh của Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc.

Ngọc Hân nức nở:

- Mẫu hậu, con ..

Hoàng hậu lau nước mắt cho con, an ủi:

- Thôi, con về sửa soạn, chiều mai ta và Hoàng thượng tiếp kiến Uy Quốc Công và cho con biết mặt chàng vì chỉ còn dăm ngày nữa con sẽ xuất giá, vu quy.

- Mẹ ơi...

Hoàng hậu ôm con vào lòng, vuốt ve, buồn bã. Bà thì thầm an ủi con:

- Con đừng buồn, có hại cho sức khỏe. Tuy xa xôi nhưng không phải không có lúc con về thăm ta được, vả lại, xuất giá phải theo chồng, rồi ta sẽ cho người vào Nam thăm con luôn. Bây giờ con về lo việc sắm sửa đi.

Công chúa phục xuống chào Hoàng hậu lần nữa rồi về cung. Nước mắt hoen mi, lòng hoang mang, lo lắng. Chỉ còn năm ngày nữa, nàng sẽ là Uy Quốc Công phu nhân? Nàng phải từ giã tất cả những quen thuộc, thân ái thời thơ ấu, phải xa rời Phụ hoàng, Mẫu hoàng! Nàng sẽ xa lạ, cô đơn biết bao nơi xa xôi đó!

Phận gái theo chồng, Uy Quốc Công sẽ đối xử với nàng ra sao? Và chiều nay... chiều nay... nàng sẽ giáp mặt con người oai danh lừng lẫy, con người sẽ trở thành đấng phu quân của nàng... Lạy trời... Lạy trời...

Công chúa ngật ngưỡng quay lại gọi Mai Nhi:

- Mai nhi, em nghĩ ta nên... ra sao khi gặp Uy Quốc Công.

Mai Nhi nhí nhảnh:

- Thưa Công chúa, em cũng không biết, nhưng chúng em sẽ sửa soạn cho Công chúa xinh đẹp tuyệt trần để tiếp kiến phò mã.

- Ta lo quá.

- Công chúa đừng lo, em nghĩ Uy Quốc Công sẽ thương yêu, chiều chuộng Công chúa lắm. Công chúa là ngọc càn vàng lại xinh đẹp, giỏi giang nhất Bắc Hà cơ mà.

Gò má Ngọc Hân gợn lên màu hồng như hoa đào trong nắng. Nàng biết nàng đẹp lắm nhưng cái đẹp có xứng chữ khuyển thành cho người anh hùng Phú Xuân phải say đắm không?

Chiều nay nàng phải mặc áo mầu gì cho hợp với lòng nàng đang rung rung xúc động?

Nàng có dám... liếc nhìn chàng không?

Và còn chàng...? Chàng ...như thế nào? Chàng... ra sao?

Chàng có biết... lòng ai đang thổn thức?

Ngọc Hân đưa tay ngắt một búp Ngọc Lan trắng muốt, mùi hương thoang thoảng trong gió. Nàng hít một hơi dài, ngây ngất.

Bên trong, bọn nữ tỳ đang bận rộn trang hoàng cung tẩm để sửa soạn cho ngày vui của công chúa.

Hoàng thượng xuống lệnh lập hội ba ngày cho toàn thể dân Bắc Hà được nghỉ ngơi buôn bán để vui chơi nhân lễ cưới của Ngọc Hân công chúa cùng Long Nhượng tướng quân.

Suốt dọc phố phường, đèn lồng treo khắp chốn, dân chúng vừa thoát nạn binh đao tha hồ ăn mừng, thật ra dân tuy oán hận quân nhà chúa hống hách, áp bức dân lành, nhưng cái tình với nhà Lê đánh đuổi quân Minh đem lại độc lập cho đất nước vẫn còn ghi đậm, thêm vào đó lòng

tôn sùng Long Nhượng tướng quân như thần thánh nên vui mừng đua nhau trẩy hội.

Quân Nam Hà của Long Nhượng tướng quân cũng được dịp mừng chủ tướng, vui chơi thỏa thích. Đường phố tấp nập, người ngựa qua lại miên man như nước chảy.

Ngày đón dâu, Ngọc Hân được bọn tỳ nữ sửa soạn thật kỹ từ sớm. Nàng mặc chiếc áo dài mầu hồng hoa Đào óng ánh thêu đôi chim Phượng, bên ngoài là chiếc áo choàng vàng trong suốt, mong manh như tơ. Mớ tóc đen rẽ ngôi giữa, nằm gọn trong chiếc khăn vành dây. Chiếc kiềng chạm Long, Phụng giao hoà, đôi hoa tai đồng đưa bên gò má hồng mịn màng và đôi vòng tay vàng chạm tinh xảo ôm lấy đôi cổ tay tròn lẳn, trắng muốt càng làm lộng lẩy thêm tấm nhan sắc ngây thơ mà đậm thắm của nàng công chúa Bắc Hà.

Cặp mắt nàng long lanh, gò má ửng hồng và hai cánh môi tươi như nụ hoa e ấp nở. Nàng là kết hợp tuyệt vời của tấm nhan sắc e ấp mà lộng lẩy với trái tim nồng nàn, tràn đầy hạnh phúc.

Hoàng hậu nhìn con hãnh diện:

- Con gái mẹ hôm nay xinh đẹp quá.

Ngọc Hân nũng nịu:

- Mẫu hậu...

Hoàng thượng tuy yếu mệt nhưng vẫn vui vẻ:

- Ta vui lắm khi thấy con nên duyên cầm sắt cùng trang anh hùng. Con biết ta yêu thương con và mừng cho hạnh phúc của con đến thế nào.

Ngọc Hân cúi xuống tạ ơn cha, nàng ước gì nàng còn nhỏ như ngày nào để được cha ôm ấp vào lòng những khi người vui vẻ.

Tiếng quân hầu xướng lên báo hiệu nhà trai cùng Uy Quốc Công, chư tướng và ông mai Cống Chính đã tới và đang đợi lệnh ở Ngọ Môn. Rồi những nghi lễ triều đình đón rước nhà trai vào chánh điện. Rồi chỉ truyền cho công chúa ra dự lễ vu quy.

Ngọc Hân bàng hoàng thấy mình như nhấp say men rượu. Nàng đi theo nhịp đu của Mai Nhi, Trúc Nhi và mấy con tỳ nữ thân cận. Thật nhiều nghi lễ nghiêm trang và nàng cúi mặt làm theo tất cả những gì quan Lễ bộ Thượng thư chỉ dẫn.

Chợt Ngọc Hân thấy mình đứng cạnh... Uy Quốc Công từ lúc nào! Nàng như người lênh đênh trong cơn mơ êm đềm mà có thật. Bước chân nàng chơi vơi, như có, như không.

Mấy con hầu lui ra sau, chấp tay nghiêm chỉnh. Quan Lễ bộ Thượng thư đọc lời nguyện cầu Hoàng Thiên cho dân no ấm, cho nước bình yên, cho cuộc hôn nhân được sắt cầm hoà hiệp

Tiếng xướng quan vang lên:

- Tạ ân Hoàng thiên!

Ngọc Hân kính cẩn sụp lạy.

Rồi lễ tạ ơn tổ tiên, tạ ơn Hoàng Thượng và Hoàng hậu.

- Tạ ơn phụ mẫu!

Ngọc Hân ngậm ngùi, nước mắt long lanh.

Ôi, công phụ mẫu sinh thành, tình yêu thương gắn bó, lát nữa đây nàng sẽ không còn được kê cận bên Hoàng thượng và Mẫu hậu! Mai này nàng theo chồng về miền Nam xa xôi biên biệt, biết bao giờ gặp lại song thân?

Ngọc Hân cúi người cúi lạy cha mẹ, cạnh nàng Uy Quốc Công cũng đang nghiêm trang hành lễ.

- Phu thê giao bái!

Ngọc Hân cuống quýt đứng dậy, đôi tay lạnh ngắt vì xúc động chấp trước ngực, tim nàng đập dồn dập, nàng cúi mặt, cặp mắt đăm đăm nhìn xuống. Uy Quốc Công vòng tay đáp lễ, hai con mắt sáng quắc nhìn vào khuôn mặt bối rối, e thẹn và xinh đẹp tuyệt vời của nàng công chúa nước tiếng đất ngàn năm văn vật. Ngọc Hân nghe như cả người nóng bừng, nàng bối rối quì sụp xuống lạy đáp lại. Tai nàng văng vẳng:

- Phu thê giao bái!

Ngọc Hân phủ phục lạy mãi cho tới khi hai con tỳ nữ đỡ nàng dậy và giọng trầm ấm của Uy Quốc Công vang nhẹ bên tai nàng. Hình như chàng bảo nàng đứng dậy.

Phu thê! Hai chữ sao mà đằm thắm ân tình!

Phu thê! Chàng sẽ cùng nàng chia xẻ trọn cuộc đời!
Chàng sẽ cùng nàng má tựa vai kề!

Phu thê! Hai tiếng vọng vào hồn nàng một cuộc đời mới lạ, đầy mê đắm, ngưỡng mộ và thương yêu triu mến.

Bằng cách nào, vào lúc nào Ngọc Hân được diu lên kiệu?

Bằng cách nào nàng được đưa vào doanh trại của Uy Quốc Công và bằng cách nào bây giờ nàng ngồi đây?

Ngọc Hân không biết. Nàng chỉ nhớ nàng đã khóc nức nở khi giã biệt Hoàng thượng và Mẫu hậu để lên kiệu hoa. Nàng chỉ nhớ mẹ nàng cũng bỏ qua cả triều nghi mà ôm nàng vào lòng vuốt ve, an ủi dặn dò. Nàng chỉ nhớ đôi mắt sáng như sao nhưng êm đềm như thăm thì những lời an ủi, dỗ dành của Uy Quốc Công.

Nàng chỉ nhớ những tiếng reo hò đón mừng như sấm dậy của ba quân khi con tuấn mã của Uy Quốc Công và kiệu hoa của nàng đi qua. Nàng chỉ nhớ suốt con đường, nàng e lệ cúi đầu dù rèm kiệu buông kín. Nàng chỉ nhớ nàng thoáng thấy Uy Quốc Công thong dong trên con tuấn mã đi bên kiệu. Nàng nào có dám ngược mặt nhìn chàng, lòng nàng thì rối bời xúc động!

Ngọc Hân lo lắng nhìn mấy con tỳ nữ đứng nghiêm nghị sau lưng. Mấy con hầu nghịch ngợm của nàng cũng lây cái không khí nghiêm trang, không dám thì thầm to nhỏ một lời. Ngọc Hân không thể nào nhớ nổi những gì xảy ra nhưng nàng biết rõ một điều: Nàng đang bồi hồi lo lắng và hoang mang sung sướng. Nỗi đau buồn xa cha mẹ không thể nào so sánh được với tình yêu nàng dành cho chàng. Ngọc Hân miên man suy nghĩ trong tiếng quân reo hò vui mừng vọng về trong gió...

Ngọc Hân giật mình, có tiếng quân báo lỏng lộng ngoài cửa. Mai Nhi thì thào vào tai công chúa:

- Uy Quốc Công đã tới, chúng em xin lui ra ngoài.

Ngọc Hân phác một cử chỉ hoảng hốt:

- Sao lại ra ngoài, các em ở lại cùng ta chứ?

Mai Nhi mỉm cười, vỗ về:

- Công chúa đừng sợ, em nghe nói Uy Quốc Công tuy bách chiến bách thắng nhưng hiền lắm, với lại... khi công chúa cần sai bảo thì xin cứ gọi chúng em.

Mai Nhi, Trúc Nhi và bọn tỳ nữ cúi chào rồi đi ra. Ngọc Hân cắn môi nhìn quanh. Bây giờ nàng mới thấy cô đơn, lo lắng biết dường nào, nàng ngồi im lặng, tay mân mê chiếc quạt ngà.

Một lát, Ngọc Hân không biết là bao lâu, làm sao nàng đo được thời gian trong lúc này? Có tiếng chân từ tốn bước tới rồi tiếng tấm màn trúc xao động lách cách khi được vén sang hai bên. Tim Ngọc Hân như ngừng đập, nàng nín thở đợi chờ.

Giọng trầm ấm mà mạnh mẽ vang lên:

- Ta, Long Nhượng tướng quân xin chào công chúa.

Ngọc Hân khép nép đứng dậy, toan phục xuống làm lễ. Một bàn tay đưa ra ngăn lại:

- Chúng ta đã là vợ chồng, hơn nữa, ta là con nhà dân dã, chẳng câu nệ lễ nghi thì công chúa bất tất phải đa lễ. Ta rất muốn mời công chúa về cung vàng điện ngọc, chỉ hiềm vì ta xuất thân thôn dã, lấy trời đất làm nhà, lại không quen nghi lễ triều đình nên lòng áy náy là từ nay công chúa sẽ không còn được sung sướng như khi ở Hoàng cung.

Ngọc Hân ngượng ngùng cúi đầu:

- Phận gái xuất giá tòng phu, thiếp nhờ tướng quân thương tưởng, nguyện hết lòng hầu hạ tướng quân, đâu dám màng chuyện đường xa cực khổ.

Giọng nàng êm đềm, nhỏ nhẹ. Nguyễn Huệ âu yếm nhìn Ngọc Hân, nàng bé bỏng quá, thanh tú quá, ngây thơ và đáng yêu biết chừng nào! Bất giác, Uy Quốc Công đưa tay nắm lấy bàn tay có những ngón nhỏ, trắng muốt như những đóa Ngọc Lan đang run nhẹ:

- Ngọc Hân, em có biết rằng em đáng yêu lắm không?

Rồi giọng càng thêm âu yếm, nồng nàn:

- Ngọc Hân, em hãy nhìn ta.

Ngọc Hân từ từ ngẩng đầu lên, đôi mắt mở rộng, hoang mang của nàng bắt gặp một gương mặt cương nghị, hiên ngang nhưng đầy nét bộc trực và tràn đầy thương yêu. Đôi mắt sắc, to như sáng lên ánh lửa đam mê, nồng nàn. Đôi mắt chàng làm Ngọc Hân bối rối, bàn tay chàng ấm áp làm bàn tay nàng trong tay chàng run nhẹ. Chân nàng đứng không vững, người nàng mềm đi, rũ xuống như một cành tơ liễu. Đôi tay Uy Quốc Công từ lúc nào đã ôm nhẹ lấy người nàng, âu yếm, nâng đỡ. Hơi thở chàng thật gần. Tim Ngọc Hân đập dồn dập, nàng chột bật khóc trong hoang mang, e ngại và sung sướng.

Giờ đây trong vòng tay chàng, nhìn vào mắt chàng Ngọc Hân tin rằng nàng đã gặp hạnh phúc. Mai đây theo chồng xa xứ nàng sẽ chẳng còn gì ân hận, nuối tiếc. Cả cuộc đời nàng ngưng đọng trong giây phút này.

Trăng ngoài cửa sổ tròn vành vạnh, ánh trăng rực rỡ mà dịu dàng. Đâu đó thoảng giọng hò êm ái của Mai Nhi:

Thương nhau tam tứ núi em cũng trèo,

Thập bát sông em cũng lội,

Tam thập lục đèo em cũng trèo qua.

KATHY TRẦN

Chiến trường thử thách người dũng cảm, cơn giận thử thách người khôn ngoan, khó khăn thử thách bạn bè.

Ngạn ngữ Nga

Ý NGHĨA CÂY NÊU NGÀY TẾT HIỂU QUA DỊCH LÝ

(Bài trích trong Ý NGHĨA 100 TRÚNG 100 CON TRONG VĂN HÓA VIỆT)

TĐ NGUYỄN VIỆT NHO

Để chứng tỏ một nước có văn hóa “*văn hóa chi bang*” và nền văn hóa đặt trên nền tảng Âm Dương Tiên Rồng, dưới đây tôi muốn đưa ra một lối nhìn CÂY NÊU NGÀY TẾT dựa trên Dịch Lý nhằm hiểu ý nghĩa đúng thực của nó mà tiền nhân muốn nhắn gửi cho con cháu qua biểu tượng và qua các chữ và số đặt biệt được sử dụng:

* **TẾT:** Tết là chữ đọc trại của chữ “tiết”. Tết là ngày đầu năm âm lịch đánh dấu ngày mở màn cho một tiết nhịp quan trọng của thời gian: Tiết Nguyên Đán hay Tết Nguyên Đán bắt đầu cho một mùa xuân mới, một thời mới. Chữ Tiết có nghĩa là nhịp điệu của thời gian (tiết điệu, tiết độ trong âm nhạc). Ngoài ra chữ tiết còn có ý chỉ cho đốt tức là chỗ nối hai lóng loài tre trúc (noeud de bambou) mà tre trúc là biểu hiệu của người quân tử, là người am hiểu Đạo Càn Khôn. Trong ý này “Nêu” là cây tre chứ không là cây gì khác, nhằm nhắc về vạch liền và các dấu chấm nằm nơi mắt giữa hai lóng loài cây này. Các vạch này có hình dạng tựa như chữ Dương Càn (—) và chữ Âm Khôn (- -) trong môn Lý Số hay Dịch Số. Tóm lại Tết, tiết, tre trúc muốn nhắc về bộ môn Lý Số Tiên Rồng dẫn vào Đạo Vô Ngôn của người quân tử mà Tiên Nhân muốn di chúc lại cho con cháu. Chữ “tiết” còn nghĩa nữa là làm lộ ra trong nghĩa chữ tiết lộ (vén màn bí mật mà nghĩa được dùng muốn nói đến việc cần khai quật nền văn hóa của Tết (Tiết): Những ý này sẽ rõ hơn khi ta khảo

cứu thêm các huyền số ẩn tàng quanh biểu tượng và các huyền tự được sử dụng quanh chuyện cây nêu ngày Tết.


* Ăn Tết: Nói đến Tết luôn tiện nhắc đến từ “Ăn Tết”. Chữ “ăn” ngoài nghĩa chỉ hành động nhai và nuốt, tương đồng với các chữ *manger* của pháp và *To eat* của Anh nó còn mang nhiều nghĩa khác nữa như chữ ăn đi theo trong các từ ghép: Ăn cướp, ăn giựt, ăn hiếp, ăn khách, ăn lời, ăn năn, ăn ngay ở thật, ăn nói, ăn non, ăn quýt, ăn riêng. Ăn rẽ (bén rẽ), ăn sâu vào, ăn thông với, ăn tiên, ăn vạ, ăn mặc, ăn sương (hành nghề mãi dâm của gái làng chơi) ... Còn nhiều, nhiều nữa mà chữ ăn có những nghĩa khác nhau. Ở đây xin đề cập chữ “ăn” trong nghĩa của sự kết hợp của âm và dương male và female để bổ nghĩa cho hai chữ đi chung trong hai chữ “Ăn Tết”.


- Ăn mang nghĩa kết hợp, giao hợp: Ăn hợp, ăn khớp (kết hợp một cách thích hợp giữa hai vật dụng male và female); ăn nằm (kết hợp hay giao hợp giữa gái và trai (*Con gái phải giữ lấy tiết trinh, không được ăn nằm với trai trước khi cưới hỏi*); ăn ở (*sống chung như vợ chồng: Tụi nó ăn ở với nhau đã ba mạt con mà vẫn còn li dị*) ...


- Ăn mang nghĩa là: Thích hợp: Ăn ảnh, ăn nhịp, ăn rập, ăn ý ... Trong những nghĩa này chữ “Ăn Tết” không thuần ý như là “To celebrate the New Year” mà trong dịp này người ta nghĩ làm việc và cùng tụ hội lại để tổ chức ăn uống, trao quà và chúc mừng nhau. Ăn Tết của ta một phần về hình thức cũng như vậy, nhưng phần nội dung mang nhiều ý nghĩa trân quý khác nhằm chỉ ra những di chúc mà “Ông Bà” muốn lưu truyền cho con cháu qua các biểu tượng được dùng trong việc “Ăn Tết” như: Việc thờ, cúng, lạy ... (Thờ: tỏ sự kính yêu và quý mến trọn đời; cúng: Điểm dương vào âm nhằm giao tiếp âm dương, tiên nhân và ta: Tổ lòng “chí thành” nhằm “thông Thánh” ...)


Qua các lễ vật (*Bánh Chung, Bánh Dầy*) và việc sắp xếp các lễ vật trên bàn thờ “Ông Bà”, cũng như qua các biểu tượng ngày Tết như: Múa Lân, Múa Rồng, cây Nêu Tết ... cùng những mỹ tục khác nữa trong ngày Tết ...

* NẾU được dựng vào ngày 23 tháng 12 Âm Lịch, ta biết được qua câu ca dao truyền dòng: “*Chim kêu ba tiếng chim kêu – Trông mau tới Tết dựng nêu ăn chè*”. Dựng nêu xong là nấu xôi chè cúng đưa ông Táo về Trời: “*23 Ông Táo về Trời*” và hạ nêu vào ngày mồng 7 tháng Giêng.

- 3 tiếng chim kêu để chỉ Tết hay tiết điệu mới của thời gian sắp đến. Như đã nói ở phần “*Ba Hệ Số Toán Học*”, con 3 là con Phong Địa Quán () mà nghĩa của nó là quan sát và thể hiện ra. Ở đây mang nghĩa hãy quan sát những cái và những con số quanh biểu tượng cây nêu thể hiện ra.

- Con 23 Dịch số là con Thiên Thủy Tụng (): Tụng là tranh tụng, tranh chấp, tranh chấp với ai đây? – Còn ai khác hơn là kẻ thù muôn đời của dòng Bách Việt là bọn xâm lăng phương Bắc mà trong phần chông hình Hà Lạc hay Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát Quái đã chỉ ra: “*Cư an tư nguy*”: Nghỉ ngơi vui xuân nhưng đừng quên đề phòng ngoại xâm (Cây cung hướng mũi tên ra phía cửa ngõ nói rõ thêm ý này nhất là vào dịp Tết cho mọi người và nhất là cho con cháu dòng tộc)

- Con 12 (tháng chạp âm lịch) là con Lôi Sơn Tiểu Quá (): Nhỏ quá, có nghĩa là tiểu nhân nhiều quá hay kẻ xấu nhiều, kẻ thù nhiều.

- Con 7 (ngày mồng 7 là ngày hạ nêu): là con Thiên Địa Bỉ () là bỉ cực, vận xấu: khuyên phải lưu ý, coi chừng. Tiểu nhân nhiều, kẻ thù nhiều và phải lắm khi gặp vận bỉ nữa, đó là phận số của dân của nước, cây nêu muốn nêu ý cần phải lưu tâm phòng bị. Phòng bằng cách

nào? Cây Nêu nêu lên việc phòng bị bằng cách phòng trữ lương thực, thực phẩm (muối và gạo) cùng với chiến cụ như cung tên, pháo và nhất là phải nghiền ngẫm Sách Ước, là một trong ba biểu tượng đặt trong giỏ mồm (muối, gạo và sách, Sách là quyển sách mà con chim hạc ngậm nơi miệng đậu trên lưng con Rùa Thần, tìm thấy nơi bàn thờ Gia Tiên dòng Việt hay nơi các thánh Thất Cao Đài. Sách không chữ mà chỉ dùng hai nét Càn (—) Khôn (- -) như những vạch liềm rời trên lông tre trúc muốn gợi ý (Cây nêu là cây tre mà không là một loại cây nào khác); đó chính là sách của Ông Bà (biểu tượng của Dương Âm Rỗng Tiên) mà nhị vị Lạc Long Quân và Âu Cơ đã để lại cho con cháu Tiên Rồng của dòng Việt tộc.

- Con 5 Li (☰): 5 màu của chùm vải ngũ sắc treo trên ngọn cây nêu (5 màu là: trắng chỉ hành kim, xanh hành mộc, màu đen hành thủy, màu đỏ hành hỏa và màu vàng hành thổ, là đại diện cho ngũ hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ và cũng từ năm hành này khiến vật chất trong hoàn vũ biến hóa trong chu trình sinh diệt, diệt sinh theo đồ hình ngũ hành tương sinh và tương khắc (Xin xem lại hình ngũ hành tương sinh và tương khắc). Ngoài ra màu đỏ Li (☲) còn chỉ sự sáng hay chân lý sự việc (Xin xem Quái Li trong Dịch).

Cây nêu ngày Tết nếu được hiểu theo cách này, ta thấy đây cũng là loại di chúc vô ngôn truyền dòng của nền Văn Học Huyền Sử Việt vô cùng quý giá và không mang một tí gì của mê tín dị đoan. Nêu cây NÊU ở đây như là một thí dụ điển hình của lối tải đạo vô ngôn của Cha Ông xưa mà tập sách Ý NGHĨA 100 TRÚNG 100 CON TRONG VĂN HÓA VIỆT muốn nêu lên và muốn mời gọi mọi người trở về khai quật kho tàng văn học này.

TĐ NGUYỄN VIỆT NHO

CON GÁI BÌNH ĐỊNH

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Phụ nữ ở Bình Định được học võ đến nơi đến chốn để trở thành bậc cao thủ, đem tài võ nghệ làm nên lịch sử như nữ kiệt Bùi Thị Xuân người đất Tây Sơn cũ, quán làng Xuân Hòa xã Bình Phú quận Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn) thì xưa nay chưa có người thứ hai. Nhưng con gái Bình Định được cha mẹ cho học võ phòng thân, nhất là trước năm 1945, thì hầu như cô gái nào cũng biết qua hai môn võ căn bản:

Ai về Bình Định mà coi,

Con gái Bình Định múa roi đi quyền.

(Ca dao)

Tuy nhiên, đôi lúc cũng có những cô gái học võ không chỉ để phòng thân mà muốn phát huy cái đẹp của võ truyền thống như trường hợp Thanh Tùng, hoặc còn đi xa hơn, thi thố với đời, trở thành cao thủ trong làng võ. Điển hình có bà Mân, sống vào thời chúa Nguyễn, cô Quyền vào giữa thế kỷ 19 và sang đầu thế kỷ 20 lại có Tám Càng.

Bà Mân chưa phải là nhân vật lịch sử nhưng với tài võ nghệ, bà được dân Bình Định truyền tụng qua bài *Vè Chú Lía* dài 1434 câu thơ lục bát và được lưu truyền khắp các tỉnh miền Nam Trung phần.

Theo bài vè, bà Mân ở gần vùng Truong Mây, nơi sào huyệt của một đảng cướp lớn do cha Hồ chú Nhẫn và

sau có thêm chú Lía cầm đầu, nay thuộc xã Ân Đức huyện Hoài Nhơn. Một hôm hai tên Hồ, Nhẫn đem cả lực lượng hùng hậu đến bắt heo nhà bà, cả làng khiếp sợ không ai dám tiếp cứu:

Lâu la bốn chục theo rày

Thẳng đường xuống xóm chặt đầy đường quan.

Trong tay bà chỉ có cây roi ngắn nhưng với lòng can đảm và tự tin, bà xông ra cự địch với đảng cướp mạnh khét tiếng trong vùng:

Mụ Mân độ khoảng bốn hai

Lâu thông võ nghệ ít ai sánh bì

Thình lình chưa biết việc chi

Tiện tay mụ với tức thì đoán cơn

Bước ra thấy rõ thiệt hơn

Mụ không thềm hỏi hươu côn đánh liền.

Ai cũng tưởng phen này bà Mân bị nát thân vì hai tên Hồ, Nhẫn không những võ nghệ phi thường mà còn hung bạo chưa từng có. Nhưng không may cho chúng, thế võ của bà sâu hiểm vô cùng, áp đảo được ngay đối thủ:

Cả ba vùng vẫy đua tranh

Mụ Mân quả thực liệt oanh ai tày.

Chỉ mới so tài ở hiệp đầu mà bọn cướp đã bị ngọn roi thần của bà cuốn người như bão táp, chúng phải đổi từ thế công sang thế thủ rồi tìm đường tháo lui:

Phút thôi Hồ, Nhẫn cả hai

Đuối tay kéo chạy như bay khác nào!

Thân đàn bà mà đánh đuổi bọn cướp đông đảo để bảo vệ tài sản là điều hiếm có. Nhưng cũng tại huyện Hoài Nhơn còn có một cô gái khác, trong tay chỉ có con dao mà hai lần đánh thắng cộm để cứu mẹ, mới là chuyện phi thường.

Trần Thị Quyền, cái tên do cha mẹ đặt gắn liền với võ nghệ. Âu đó là nghiệp tiền định để làm nên kỳ tích mà chính cô cũng không ngờ được. Nhà nghèo, cha mất sớm, không có anh em, cô là người duy nhất sớm hôm với mẹ già. Cô có nhan sắc, nhiều người đến xin cưới nhưng nhất mực từ chối để làm tròn chữ hiếu.

Thường ngày hai mẹ con vào núi chặt củi đem ra chợ bán kiếm tiền nuôi thân. Một hôm cô Quyền đang chặt cây để cho mẹ gom thành bó, bỗng có con cọp nhảy ra về người mẹ, bà phải lăn người mới kịp né tránh. Cô Quyền đang cầm cái rựa, thấy thế vội xông đến cứu mẹ. Nhờ có võ nghệ và bình tĩnh, cô tránh được tầm nanh vuốt của mãnh thú và chém trả lại nhiều nhất chính xác, cọp đau quá đành bỏ chạy.

Câu chuyện đánh cọp tưởng đã lãng quên theo năm tháng, không ngờ cọp luôn luôn rình rập quyết báo thù. Một đêm bà mẹ có việc phải ra sân, như có linh tính, cô Quyền cầm dao theo mẹ, phòng thú dữ. Thành linh cọp nhảy bổ ra về hai mẹ con, cô vội kéo mẹ dạt sang một bên để tránh rồi dùng dao chống trả. Cọp được lợi thế nhờ đêm tối, còn cô Quyền cũng có lợi điểm đánh cọp nơi quang đãng, tiện bề công thủ. Hai bên quần thảo với nhau, cọp vồ hụt nhiều lần đâm ra mệt trở nên hung dữ, liều lĩnh lao tới, cô tràn bộ [1] né tránh. Cọp đang tầm phóng chưa kịp xoay mình lại, nửa phần thân sau của nó là mục tiêu ngon lành cho mũi dao của cô cắm phập vào hông cọp. Tuy bị thương nhưng cọp còn thừa sức quay đầu lại chồm lên, chuyển hết thần lực vào hai chân trước để trả đòn. Lanh như chớp, cô Quyền hoành bộ [2] rồi phóng mạnh lưỡi dao ngọt xốt vào lồng ngực nở nang của đối thủ, trước khi nhảy trái tránh cú vồ sinh tử. Khi dân làng

đền duốc kéo đến tiếp cứu, con cộp to lớn chỉ còn là một cái xác giãy giụa trên vũng máu.

Nếu bà Mân tên tuổi sống mãi trong văn học dân gian, chuyện cô Quyền giết cộp được truyền tụng trong làng võ của tỉnh nhà thì trường hợp bà Tám Cẳng là một bài học đáng suy ngẫm.

Ông Nguyễn Ngạc sinh năm 1850, thường gọi là Hương mục Ngạc, kế tổ của phái quyền An Vinh mà phương ngôn có câu truyền tụng “*Roi Thuận Truyền, quyền An Vinh*”. Ông có ba người con: Bảy Lụt là trai trưởng, kế là Tám Cẳng và út nam là Chín Giác. Tuy là gái nhưng Tám Cẳng có sức mạnh hơn người và ham mê võ thuật nên được cha cưng chiều truyền dạy chu đáo. Tiếng đồn con gái ông Hương mục Ngạc mới 18 tuổi, dùng cây đòn gánh đánh bạt cả hàng trăm thanh niên cầm gậy búa vây, tại sân chùa Bà An Thái, trong ngày lễ hội Đổ Giàn. Thiên hạ phục sát đất lò võ Hương mục Ngạc nhưng không ai dám tính chuyện trăm năm với cô con gái của ông.

Năm Tám Cẳng 20 tuổi vẫn chưa được nơi nào dạm hỏi, dù rất có nhan sắc. Hương mục Ngạc thông cảm nỗi khổ tâm của con, tuyên bố với mọi người rằng nếu ai đánh bại được Tám Cẳng, ông sẽ gả con gái cho và không đòi hỏi một lễ vật nào.

Có ba người xin đấu võ với Tám Cẳng. Người thứ nhất bị Tám Cẳng cho một cú đá, văng vào hàng rào. Người thứ hai, võ nghệ khá hơn, kị ngựa [3] nhanh nhẹn, công thủ song hành nên cầm cự được hiệp đầu. Sang hiệp thứ hai, Tám Cẳng dùng ngón gia truyền, ép vào bả cạm, đánh gục. Người thứ ba là Dư Hựu (không phải tên Hựu, quân sư trong đảng cướp của Dư Đành) bị Tám Cẳng đập

nhào vào hồ cá, đành bỏ ra về tầm sư học đạo. Một năm sau lại đến xin đầu, lần này Tám Cứng tung cước bị Dư Hựu tóm được chân, ném trả vào hồ cá.

Dư Hựu thắng, giữ lời hứa, ông Hương mục Ngạc làm lễ vu quy cho con gái. Năm ấy Tám Cứng 22 tuổi, nhưng cũng chỉ sống chung với nhau được ba năm. Một hôm, vợ chồng lời qua tiếng lại, Tám Cứng quen thói bướng bỉnh, trả lời khinh khỉnh làm Dư Hựu điên tiết. Anh thuận tay chụp cái bình hoa chưng trên sập gụ ném mạnh vào mặt vợ. Nếu là người khác thì đã nát mặt, nhưng Tám Cứng nhẹ nhàng đưa tay bắt lấy đem đặt trên bàn và mỉa mai: “Bình xưa mà, làm ngơ không bắt, để bể cũng uống!”.

Dư Hựu càng giận, với lấy cái chày đâm tiêu bằng đá ném mạnh vào đầu vợ. Tám Cứng cũng đưa tay bắt, cười gằn gọng châm chọc: “Cái đầu mà quáng mắt lắm cái cối đâm tiêu hả?”.

Dư Hựu giận lắm, mất hết trí khôn, chụp con dao phay, bằng thế võ rất lợi hại, phóng thẳng vào ngực vợ. Đường dao quá mạnh, Tám Cứng không thể chụp được, đành phải té ngửa để tránh. Con dao ngon trốn cấm pháp vào vách đất, ngấp đến cán. Dư Hựu sức tỉnh thì mọi việc đã xảy ra rồi! Suýt nữa gây nên án mạng. Tám Cứng lồm cồm ngồi dậy, còn Dư Hựu bỏ chạy một mạch đến nhà cha vợ. Gặp ông Hương mục Ngạc, anh ta sụp lạy kể lại đầu đuôi câu chuyện và nhất quyết xin trả Tám Cứng mà không đòi hỏi một điều kiện nào.

Chuyện Dư Hựu trả vợ nhanh chóng lan truyền khắp vùng. Nhân đó, câu ca dao trên được sửa lại:

Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định cầm roi rượt chồng!

Các bậc phụ huynh ở Bình Định rút kinh nghiệm, thôi không dám chiều ý con gái cho học nhiều võ nghệ nữa, sợ

bị ế chồng như Tám Cứng. Họ chỉ luyện con gái vài thế võ phòng thân, thế cũng đủ cho đối phương kinh hồn rồi. Sau đây là một trong hàng trăm chuyện về phản ứng tự vệ của các cô gái Bình Định.

Ai đến Tuy Phước cũng biết câu phương ngôn về các phiên chợ trong quận: “*Chợ Huyện liệng Cây Gia, Cây Gia xa chợ Mới, chợ Mới tới chợ Dinh, chợ Dinh rinh Bồ Đề, Bồ Đề kê chợ Huyện*”. Phiên Huyện nhằm các ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26 âm lịch; là phiên chợ lớn nhất của huyện nhà nhưng lại cách Phủ Mới (nay là thị trấn Tuy Phước) gần 4 cây số. Ngày phiên, không những dân trong vùng tập trung về mà còn đủ mặt dân buôn từ xa đến. Họ mua gom sản phẩm địa phương và bán hàng hóa ở nơi khác mang tới. Con đường quốc lộ 1 từ huyện lỵ đến chợ Huyện, người mua kẻ bán đi lại tấp nập, có cả những chàng trai đi dạo chợ để tìm ý trung nhân:

Trai khôn tìm vợ chợ đông

Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.

(Ca dao)

Tuy nhiên cũng có kẻ lợi dụng đám đông, giở trò xằng bậy. Từ sáng, tại cổng Lý Môn có hai thanh niên ăn mặc chải chuốt, cười nói rỏ rảng, chốc lại trông ra đường. Nhìn dáng điệu, biết ngay là dân ăn chơi từ tỉnh thành lạc đến. Trong dòng người đi chợ về, có một thanh nữ cao lớn, bước đi chậm chạp, hai tay xách hai giỏ nặng đầy ắp thức ăn.

Đợi cho cô gái rẽ vào con đường đất dẫn đến cổng làng, hai “công tử” bước tới đón đàng, buông lời chọc ghẹo và giở trò sàm sỡ. Nhanh như chớp, cô gái buông hai giỏ thức ăn, xoay trái tọa thế “Bạch xà lan lộ” (con rắn trắng qua đường cỏ) để né tránh tầm tay của kẻ vô hạnh

đang sấn tới ngực, rồi vụt dấy đưa tay chém ngang bên phải bằng thế “Thanh long biên giang” (con rồng xanh bên sông). Bị phản ứng bất ngờ, một trong hai tên né sang bên nhưng hấn đã lầm, vì đó là hư chiêu. Cô gái thấy hấn trúng kế, thuận chân tung cước trúng thẳng vào hông đối thủ. Hấn té nhào xuống ruộng, bùn bê bết từ đầu đến chân. Tên thứ hai mất tinh thần nhưng trước đám đông hấn tự ái liều mạng xông tới. Cô gái trong tư thế đứng ngựa [4], đón hấn bằng ngón võ gia truyền. Chiếc khăn, cô quàng cho ấm cổ, trở thành roi nhuyễn tiên quét mạnh vào mặt đối thủ làm hấn không kịp tránh cú đá “Song phi quyển dực” (hai chân bay rồi thế chim xếp cánh). Hấn lão đảo cắm đầu xuống ruộng.

Thanh nữ ấy là con của Trung nghị Đại phu Quang lộc Tự khanh Đào Trọng Tráp, người làng Vinh Thạnh. Ông dùng tên bài thảo bộ Ngọc Trản đặt tên cho con gái út của mình. Bà Ngọc Trản, nay vào tuổi bát tuần, thường kể lại câu chuyện năm xưa lúc bà chưa lập gia đình. Và ngón võ phòng thân ấy do ông cậu Năm Hương (em bà ngoại) ở thôn Dương An xã Phước An huyện Tuy Phước truyền dạy cho bà lúc tuổi trăng tròn.

Vào đầu thập niên một chín bảy mươi, một ngôi sao lóe sáng trên vòm trời Võ học Bình Định: nữ võ sĩ Thanh Tùng của miền sông Côn. Cô được phong võ sĩ và được làng báo Sài Gòn tặng biệt danh “Hổ Cái Miền Trung”. Danh dự ấy, không phải vì cô đã thắng trên võ đài hoặc từng tranh tài cao thấp với ai; người ta chỉ thấy Thanh Tùng ở điện thờ Quang Trung trong ngày hội Đống Đa, biểu diễn các bài quyền như “Lão mai độc thọ” hay bài roi như “Tấn nhất ô du”, với thế thủ cản gió che mưa và thế công dồn dập bão táp là đủ khiếp.

Xét cho cùng, điều ấy là lẽ dĩ nhiên. Thanh Tùng là con nhà võ, đời đời nối nghiệp và thừa hưởng các ngon bí truyền của một dòng họ cao thủ. Ông nội của Thanh Tùng là một tay roi quý khiếp thần kinh, người đồng thời và xứng tài với Hồ Nganh (1891- 1976, kế tổ của phái roi Thuận Truyền). Thân sinh cô vẫn nối nghiệp nhà, giữ vai trò đứng đầu hàng võ trong vùng. Rồi đến Thanh Tùng, tuy là gái, cô vẫn tiếp nối thừa hưởng tinh hoa của con nhà võ. Nhưng với bản chất kín đáo và nhũn nhặn, Thanh Tùng ngoan hiền về nhà chồng như bao cô gái Bình Định khác, ngày ngày chăm chỉ bên chiếc máy may, nhỏ nhẹ với khách hàng. Trông dáng dấp liễu yếu đào tơ, không ai thấy ở Thanh Tùng một dấu vết gì về võ nghệ, một thời nổi tiếng biểu diễn quyền roi. Chớ lầm! Khi cần tự vệ, “con người võ” của Thanh Tùng vụt dậy. Đôi mắt hiền lành bỗng rực sáng như gươm bén và đôi tay mềm mại biến thành thanh sắt.

Nhưng trên hết, người đàn bà Bình Định đáng nói hơn cả là nữ tướng Bùi Thị Xuân. Võ nghệ của bà vào bậc siêu phàm, ngang tài với danh tướng mày râu của Tây Sơn như Nguyễn Huệ sở trường về roi, Nguyễn Lữ sáng chế xuất sắc môn Hùng kê quyền, Võ Văn Dũng giỏi về đao, Đặng Văn Long quán thông cả cương quyền và miên quyền, còn Bùi thị Xuân không ai sánh kịp về độc kiếm và song kiếm. Tài thao lược, bà xứng là đấng nữ kiệt. Gương dũng cảm bà đáng bậc anh thư, Nguyễn Ánh phải khiếp sợ và căm tức. Còn đức độ của bà, không những trong hàng ngũ Tây Sơn mến phục mà ngay cả kẻ thù cũng thềm kính nể.

Bà Bùi Thị Xuân có họ hàng với vua Quang Toản, nhưng về thứ bậc gia tộc, các sách chép khác nhau.

- Theo tài liệu của Quách Tấn, trong *Nhà Tây Sơn*, trang 57: Bùi Đắc Lương, một cự phú ở thôn Xuân Hòa (nay thuộc xã Bình Phú, huyện Tây Sơn) sanh ba trai là Bùi Đắc Chí, Bùi Đắc Trung, Bùi Đắc Tuyên và hai gái là Bùi Thị Loan, Bùi Thị Nhạn. Bà Nhạn kết duyên với Nguyễn Huệ sau khi vợ cả là Phạm Thị Liên qua đời. Bùi Thị Xuân là con của Bùi Đắc Chí, vua Quang Toản là con của bà Bùi Thị Nhạn, bà Xuân (con cậu) là chị của Quang Toản (con cô) và gọi Bùi Đắc Tuyên bằng chú ruột.

- Theo Nguyễn Văn Xuân, *Các ngôi sao Tây Sơn*, trang 94: Bùi Thị Xuân là con của Bùi Đắc Kế và gọi Bùi Đắc Tuyên bằng chú.

- Theo *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, trang 384: Bùi Đắc Tuyên là anh ruột của Thái Hậu và là cậu của Quang Toản.

- Theo Vương Bích Thu, *Giai phẩm Tây Sơn Xuân Quý Dậu* (1993), trang 148: Bùi Thị Xuân là con của Bùi Đắc Kế, chị ruột của quan Thái sư Bùi Đắc Tuyên. Vua Quang Trung lấy con gái của Bùi Đắc Tuyên sinh ra Quang Toản; nên Bùi Thị Xuân là bà cô và Bùi Đắc Tuyên là ông ngoại của vua Cảnh Thịnh.

- Theo Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, quyển 4, trang 204: bà Phạm Thị Liên sinh ra Nguyễn Quang Toản (?), “Bùi Đắc Tuyên là anh bà này, không rõ là cùng mẹ khác cha hay là anh em thúc bá bên ngoại”. Vậy Quang Toản gọi Bùi Đắc Tuyên bằng cậu và với Bùi Thị Xuân là bà con bên ngoại.

- Theo Quỳnh Cư, *Những vì sao đất nước*, tập V, trang 204: “Bùi Đắc Tuyên là anh cùng cha khác mẹ với vua Cảnh Thịnh, là cậu Bùi Thị Xuân” (?).

Danh tướng Bùi Thị Xuân có 4 lần đối đầu với Nguyễn Ánh sau là vua Gia Long. Lần thứ nhất vào mùa

hạ năm 1797, *Đại Nam thực lục chính biên*, bản dịch, tập 2, từ trang 261 đến 267 có chép, tóm lược như sau: Nguyễn Ánh đem binh thuyền đánh Thị Nại, rồi đích thân đem hơn 100 chiến thuyền ra đánh cửa Đà Nẵng nhưng vì Trương Phúc Luật không tiếp tế thuyền lương kịp thời vì bị gió ngược, trong quân chỉ còn 5 ngày lương nên vua tạm đem quân về Gia Định và cố nhiên không thể lấy mạnh yếu mà luận.

Trên đây là lời biện bạch của sử thần nhà Nguyễn, nhưng theo Quỳnh Cư (*Những vì sao đất nước*), ban đầu Nguyễn Ánh chỉ đem quân đánh Thị Nại. Nhân lúc triều đình Phú Xuân chia rẽ nội bộ (phe Bùi Đắc Tuyên bị phe Võ Văn Dũng sát hại), nắm bắt thời cơ, Nguyễn Ánh mới đem binh thuyền ra đánh Đà Nẵng, nơi Bùi Thị Xuân đang trấn nhậm, với ý định phá tan căn cứ quan trọng nằm sát nách kinh đô Phú Xuân. Nhưng đội thám mã Tây Sơn từ Bản Tân [5] kịp thời báo về Tổng hành dinh bà về cuộc hành quân bất thần của Nguyễn Ánh. Nhân có chiếu chỉ của vua Cảnh Thịnh hối thúc bà hồi triều để dàn xếp nội bộ, tương kế tựu kế, Bùi Thị Xuân phao tin ba ngày nữa sẽ kéo đại binh về Phú Xuân, cốt làm kiêu lòng giặc. Quân Nguyễn hăm hở tiến tới thành Quảng Nam nhưng đã bị 5000 quân của Bùi Thị Xuân phục đánh đúng chỗ. Trận ấy, may cho Nguyễn Ánh đi đoạn hậu nên thoát chết. Thua cả tài lẫn trí đàn bà, Nguyễn Ánh vừa thẹn vừa tức, thu tàn quân về Gia Định, giấu nhẹm việc bại trận, nài cơ hết lương phải rút quân.

Lần thứ hai Nguyễn Ánh đụng độ với Bùi Thị Xuân tại mặt trận Trấn Ninh [6]. Theo chính sử của Trần Trọng Kim và Phạm Văn Sơn, quân Tây Sơn cả thủy bộ gồm ba vạn, chia làm ba đạo tấn công. Tháng 12 năm Tân Dậu (tháng 1- 1802), quân Tây Sơn vượt sông Linh Giang

(sông Gianh). Lực lượng tiền phương quân Nguyễn đang đóng ở đây do các tướng Nguyễn Văn Trương, Tống Phúc Lương và Đặng Trần Thường chỉ huy, phải lui binh về Đồng Hới. Được tin cấp báo, Nguyễn Ánh thân chinh đem cả đại binh ra tiếp ứng, sai Phạm Văn Nhân và Đặng Trần Thường giữ mặt bộ, giao Nguyễn Văn Trương giữ mặt biển.

Ngày mùng một Tết Nhâm Tuất (3- 2- 1802), Nguyễn Quang Thùy tiến đánh Trấn Ninh, bị hỏa lực của quân Nguyễn cầm chân lại. Bùi thị Xuân lãnh chức Đại tướng, đem 5000 quân bản bộ tấn công lũy Đồng Hới. Dịch quân bắn ra như cát vãi nhưng cờ lệnh của bà vẫn chúc hấn xuống, dấu hiệu quyết chiến không lùi. Đang chiến đấu anh dũng, vua Cảnh Thịnh ra lệnh lui binh, bà không chịu, vua phải nghe theo. Suốt ngày hôm ấy, bà ngồi trên bành voi xông xáo trận tiền, đôn đốc binh sĩ. Tuy thế trận chưa nghiêng hấn bên nào nhưng Nguyễn Ánh đã núng thế, định tháo lui.

Bỗng nghe tin thủy quân Tây Sơn ở cửa Nhật Lệ bị Nguyễn Văn Thương phá tan, lại thêm tướng Nguyễn Văn Kiên ra hàng địch, vua Cảnh Thịnh và các tướng tá nản lòng. Trước tình thế ấy, bà vẫn quyết chiến, sai một đội quân đến điền khuyết bọn làm phản rồi giành lấy dù trống thúc quân liên hồi. Được lệnh xung phong, quân của bà ào ạt trèo tường chiếm thành. Thế trận, nếu kéo dài thêm hai tiếng đồng hồ nữa, bà hạ được thành Trấn Ninh rồi.

Nguyễn Ánh và tướng tá hoảng hốt, sai thủy quân liều chết vượt sông đánh bọc hậu để chia lực lượng, hồng giảm bớt mũi nhọn tấn công của Tây Sơn, ngõ hầu mở đường máu thoát thân. Nhưng Nguyễn Quang Thùy nhát gan, thấy thủy quân của Nguyễn Ánh ở mặt sau đánh tới,

sợ bị vây, vội rút quân. Một lúc sau, Bùi Thị Xuân mới biết trên mặt trận chỉ còn quân dưới quyền bà đang đơn độc chiến đấu, các cánh quân khác đã hỗn loạn tháo chạy. Bà vẫn bình tĩnh giữ vững hàng ngũ, bảo vệ vua Cảnh Thịnh rút lui an toàn.

Lần thứ ba, Nguyễn Ánh đối diện với Bùi Thị Xuân khi bà cùng gia đình bị quân Nguyễn bắt ở huyện Thanh Chương, Nghệ An và giải về Phú Xuân. Sự kiện này có nhiều sách kể lại nhưng chi tiết khác nhau đôi chút. Theo Quách Giao (*Đặc san Quang Trung Tây Sơn Xuân Ất Hợi 1995*, trang 52), lời đối đáp giữa Nguyễn Ánh và Bùi Thị Xuân như sau:

Khi quân hầu dẫn Bùi Thị Xuân vào, Nguyễn Ánh với giọng tự đắc hỏi:

“Ta và Nguyễn Huệ, ai hơn?”

Bùi thị Xuân ung dung đáp:

“Nói về tài ba, tiên đế ta bách chiến bách thắng, hai bàn tay trắng dựng nên cơ đồ. Còn nhà ngươi bị đánh phải trốn chui trốn nhủi, phải cầu viện ngoại bang, hết xiêm đến Pháp. Chỗ hơn kém như ao trời nước vũng. Còn về đức độ, tiên đế ta lấy nghĩa mà đối xử với kẻ trung thần thất thế như đã đối với Nguyễn Huỳnh Đức, tôi nhà ngươi. Còn nhà ngươi dùng tâm của kẻ tiểu nhân mà đối với những bậc nghĩa liệt đã hết lòng vì chúa, chẳng nghĩ rằng ai có chúa nấy, ái tích kẻ tôi trung của người khác, tức là khuyến khích tôi mình trung với mình. Chỗ hơn kém cũng rõ ràng như ban ngày và đêm tối. Nếu tiên đế ta đừng thừa vong sớm, để gì nhà ngươi trở lại đất nước này”.

Nguyễn Ánh cười gằn:

“Nhà ngươi có tài sao không giữ ngai vàng cho Cảnh Thịnh?”

Bùi Thị Xuân đáp:

“Nếu có thêm một nữ nhi như ta thì cửa Nhật Lệ không dễ gì lạnh. Cửa Nhật Lệ không dễ gì lạnh thì nhà người cũng khó đặt chân lên đất Bắc Hà.”

Nguyễn Ánh nén giận hỏi với giọng mỉa mai:

“Người có muốn ta ân xá không?”

Bùi Thị Xuân đáp:

“Ta đâu sợ chết mà phải chịu nhục, hạ mình trước một kẻ tiểu nhân đác thế!”

Nguyễn Ánh căm gan, dần từng tiếng:

“Không chịu nhục. Ta sẽ làm cho mi biết nhục...”

Lần thứ tư, vua Gia Long lại đối đầu với bà Bùi Thị Xuân tại pháp trường. Trước đó, Nguyễn Ánh gặp Bùi Thị Xuân ba lần đều lãnh ba vết thua đau. Lần đầu, đấu trí thua tài. Lần hai, đấu lực thua dũng. Lần ba, đấu khẩu thua lý. Vì thế, sau Quang Toản, Bùi Thị Xuân là kẻ thù số một của Gia Long. Nhà vua dành cho gia đình bà cực hình thảm khốc nhất và đích thân chứng kiến cuộc hành quyết. Gia Long hả hê nghĩ rằng phen này bà phải chịu đau đớn tột cùng về thể xác lẫn tinh thần, dù có gan đồng dạ sắt cũng không cầm được nước mắt. Thế nhưng Gia Long lại một lần nữa thua cuộc.

Theo tài liệu ký sự của Giáo sĩ Lemonnier de la Bissachère viết năm 1807 [7] do một người thân tín đã chứng kiến rồi tường thuật lại: Tại pháp trường hôm ấy, dân chúng khắp kinh thành Phú Xuân được huy động đến xem đông nghẹt. Trên khán đài, các quan và khách ngoại quốc tề tựu đông đủ. Kiệu nhà vua đến, nhiều phát đại bác nổ vang làm tăng thêm uy nghi của ngày lễ hiến phò. Kế bên khán đài là chòi phát thanh cao lêu nghêu, tiếng loa vang lên bài chiếu của vua Gia Long, nghe câu được câu không:

“Vi chín đời mà trả thù... Chợt nửa chừng gặp lúc gian truân, để ngoan dân gây nên biến loạn... Chống giặc bắt xong tội nhân được hết... Yết tế thái miếu, làm lễ hiến phù... Phan xác tán xương, trả thù miếu xã, rửa hận thần dân...” [8]

Tiếng loa vừa dứt, một hồi thanh la vang lên báo hiệu giờ thi hành án bắt đầu. Hàng vạn người như nín thở, mắt đăm đăm nhìn mẹ con nữ kiệt Bùi Thị Xuân. Không khí nghiêm trọng bao trùm cả pháp trường! Từ xa, một thớt voi to lớn, đen đũi, lù lù tiến tới tử tù theo lệnh của quản tượng. Cô con gái của nữ kiệt mới 18 tuổi xuân, bị lột hết quần áo, đang co ro trong thân thể tiều tụy. Bỗng nàng hét lên thất thanh, toàn thân biến sắc trắng bệch như một bóng ma, quay lại cầu cứu mẹ.

Bà Bùi Thị Xuân nén xúc động, nghiêm nét mặt nói với con lần cuối: “Con gái của mẹ, con không được làm thế, phải chết anh dũng để xứng đáng là con nhà tướng Tây Sơn. Mẹ đây còn làm thế nào cứu con được!”

Con voi hung hăng dùng vòi quấn chặt cô gái, đu đưa lẩy trớn tung mạnh nạn nhân lên cao rồi nhảy bổ lên dùng ngà hứng lấy và lại tung lên lần nữa, cao hơn lần trước. Lần này cô gái rơi xuống đất, là một cái xác mềm nhũn bê bết máu. Bấy giờ voi dùng chân trước chà đạp lên xác nạn nhân cho đến khi nát bấy thành đồng bùn màu đỏ.

Đến lượt Bùi Thị Xuân, bọn đao phủ mới phát hiện trong lớp áo quần bà đã quấn chặt thân thể bằng lụa để tránh sự lỏa lồ khi bị voi giày. Chúng định tháo gỡ nhưng không kịp nữa rồi, con voi đang hăng máu xông xộc chạy tới toan làm phận sự như lần trước. Nữ kiệt vẫn đứng bình thản, nét mặt không hề biến sắc. Đợi voi đến gần, bỗng bà hét lên một tiếng thật lớn, nhái theo khẩu lệnh dùng

để nạt những con voi bướng bỉnh. Voi giật mình lùi bước rồi cong vòi quay đầu lại.

Sự kiện bất ngờ! Dân chúng lại càng thán phục người nữ tướng Tây Sơn, trước cái chết vẫn còn biết tiên liệu và vẫn còn oai quyền, khiến voi dữ cũng phải khiếp sợ. Gia Long ngự trên khán đài đang hí hửng bỗng sầm mặt lại, khiến viên Đề đốc chỉ huy cuộc hành hình tái mặt, run lập cập, truyền loa giục đao phủ thi hành gắp án lệnh.

Viên quản tượng hốt hoảng, dùng cây sào nhọn đâm vào miệng voi và quát to bảo bà phải quỳ xuống cho voi khỏi sợ. Còn bọn giáp sĩ cũng vội vàng bắn hỏa pháo vào đít voi, buộc nó phải tiến tới phía tội nhân. Con voi bị kích thích cùng cực, trở nên hung tợn và như điên dại, chạy bổ tới vội vã quấn lấy bà, tung lên cao rồi cong đuôi chạy quanh pháp trường, rống lên những tiếng đầy sợ hãi, làm hàng vạn người hoảng hốt theo.

Về cái chết của bà, giáo sĩ Bissachère còn cho biết trong đám vua quan Tây Sơn bị Gia Long hành hình tại Phú Xuân chỉ có ba người gồm em vua Quang Toản [9], quan Thiếu phó Trần Quang Diệu và vợ là nữ Đại tướng Bùi Thị Xuân là vẫn bình thản, mặt không biến sắc trong lúc bị hành hình.

Ông Nguyễn Huyềnn Anh, trong *Việt Nam Danh nhân từ điển*, đã nhận xét về bà: “Có tài binh bị, bà thường tòng chinh chống địch, lập được nhiều chiến công. Là một nữ tướng rất dũng cảm và có độ lượng, bà không bao giờ giết những quân đã chạy hay đầu hàng”.

Trong *Từ điển Nhân vật Lịch sử Việt Nam* có bài thơ vịnh bà:

*Vận nước đang xoay chuyển
Quần thoa cũng vậy vùng
Liều thân lo cứu chúa*

*Công trận quyết thay chồng
Khảng khái khi lâm nạn
Kiên trinh lúc khốn cùng
Ngàn thu gương nữ kiệt
Gương sáng hãy soi chung.*

Ông Nguyễn Bá Huân (1853- 1915), một danh sĩ Bình Định, từng tham gia phong trào Cần Vương của tỉnh nhà, chuyên nghiên cứu sử Tây Sơn để viết liệt truyện qua các tác phẩm như: *Tây Sơn tiếm long lục* (anh em Tây Sơn lúc chưa đầy nghĩa), *Tây Sơn cân quốc anh hùng truyện* (Bùi Thị Xuân và các nữ tướng), *Tây Sơn văn thần liệt truyện*, *Bình Định hào kiệt truyện* (các chiến sĩ Cần Vương)...

Ông còn để lại bài thơ *Vịnh Bùi Thị Xuân* (Vịnh phu nhân Bùi Thị Xuân):

*Cân quốc do tư báo quốc cừ
Khả liên di hận phó đông lưu
Dạ lan mỗi độc Tây Sơn sử
Phảng phát phương dung hiện án đầu.*

Việt Thao dịch:

*Phận gái lo tròn chuyện nước non
Thương thay mối hận chảy về đông
Đêm khuya lần đọc Tây Sơn sử
Phảng phát dung nhan trước án còn.*

Và trên vùng đất quê hương của bà, miền sông Côn, người đời sau có bài thơ hết lời ca tụng, rất phổ biến:

*Xưa nay khăn yếm vượt mây râu,
Bùi Thị phu nhân đứng bậc đầu.
Chém tướng, chặt cờ, khoe kiếm sắc,
Vào thần, ra quỷ, tỏ mưu sâu.
Quên nhà, nợ nước, đem toan trước,
Vì nước, thù nhà, để tính sau.
Tài đức nghìn thu còn nức tiếng,*

Non còn chảy ngọc biết vì đâu?

Với tài đức và gương dũng cảm ấy, anh thư Bùi Thị Xuân đáng đứng riêng một danh sách và vượt hẳn các nhân vật nữ ở Bình Định đã nêu trên.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Tràn bộ: xô dịch nhanh sang bên trái hay bên phải để tránh đòn của đối thủ.

[2] Hoàn bộ: quay ngược trở lại để tấn công vào chỗ sơ hở của đối thủ.

[3] Kịt ngựa: thế võ tiến thẳng tới hoặc tiến sang bên phải, bên trái của đối thủ mà bàn chân không rời mặt đất.

[4] Đứng ngựa: thế đứng mà bắp đùi song song với mặt đất để bảo vệ phần hạ bộ.

[5] Bản Tân: tức Bến Ván, tên của bến sông Trầu ở làng An Tân phía nam cửa Đại, thuộc tỉnh Quảng Nam.

[6] Trấn Ninh: thuộc xã Trấn Ninh, sau đổi là Phù Ninh, huyện Phong Lộc phủ Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình.

[7] Theo *Thiên Nam nhân vật chí* bà Bùi Thị Xuân bị xử lăng trì. Các sách sau này viết về cái chết của bà đều dựa vào một trong hai thuyết ấy.

[8] Theo tài liệu của Quỳnh Cư trong *Những vì sao đất nước*, tập 5, trang 228, nxb Thanh Niên, Hà Nội 1978.

[9] Vua Nguyễn Quang Toản có bốn anh em: Quang Thùy (anh) tự tử ở ngoài Bắc, còn ba người em là Quang Bàn, Quang Duy và Quang Thiệu cùng bị bắt với vua và bị đóng cũi giải về Phú Xuân chịu cảnh gia hình.

ĐẠO THỜ CÚNG TỔ TIÊN, ÔNG BÀ

HUỲNH TUYỀN

Con người không ai có cha, không có mẹ. Thời đại khoa học hiện nay có thể cho sinh ra một con người từ trong một ống nghiệm nhưng cũng phải cấy một tinh trùng của một người đàn ông vào một noãn sào của người đàn bà. Cha mẹ là người trước ta một bậc, trước là Ông Bà, xa hơn là Cố, là Cao, là Tổ Tiên.

Sau đây, chúng ta thử tìm hiểu của nhóm chữ: ‘ĐẠO THỜ CÚNG TỔ TIÊN, ÔNG BÀ’. “Hoặc có thể nói gọn hơn là “ĐẠO THỜ CÚNG ÔNG BÀ”.

A - Thử tìm hiểu chữ đạo

Trong tự điển Hán Việt chữ Đạo được viết (道) có nghĩa là đường đi, lý lẽ như trong chữ đạo đức, đạo lý. Nếu chúng ta hiểu theo ý nghĩa này thì chỉ hiểu trên phương diện ngôn từ bình thường.

Trong quyển Đạo Đức Kinh, Lão Tử đã gượng dùng chữ Đạo để chỉ đến cái nguyên lý tuyệt đối của vũ trụ. Như trong các câu:

1. “Đạo sinh Nhất, nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh vạn vật, Vạn vật phụ Âm nhi bảo Dương, xung khí dĩ vi hòa”. (Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Trong vạn vật không vật nào mà không có Âm và dương. Nhân chỗ xung nhau mà hòa với nhau” *
2. “Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự Nhiên”. (Người bắt chước Đất,

*Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự Nhiên) **

3. “Đạo sinh chi đức súc chi”. (Đạo thì sinh, đức thì nuôi nấng) *

4. “Phân giả Đạo chi động”. (Cái động của Đạo là trở ngược lại) *

Như vậy, theo Lão Tử Đạo là nguyên lý tuyệt đối, siêu hình của vũ trụ.

Đạo là bản thể, đức là cái dụng của vũ trụ, của vạn vật, vạn sự.

Trong Kinh Dịch, khi âm dương chuyển hóa là Đạo, có thể tạm gọi là “Đạo Âm Dương”. Chúng ta nên hiểu chữ Đạo như Lão Tử đã nói là gương dùng chữ Đạo. Trong sách Đạo Kinh, ông viết: “Đạo khả Đạo phi thường Đạo ...” Theo Lão Tử, Đạo là Hư Vô nhưng vô cùng to lớn.

Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi muốn nói lên một phần nhỏ của chữ ĐẠO THỜ CÚNG ÔNG BÀ. Đây chỉ là bước đầu để cho chúng ta thực hiện công việc suy nghiệm, về sự sống và sự chết của vạn vật trong vũ trụ bao la (Sống và chết hiểu theo nghĩa bình thường). Trong đó vạn vật, vạn sự đang sinh động theo từng tiến trình, trong từng không gian và thời gian.

Chữ Đạo theo Lão Tử không có nghĩa là tôn giáo. Vì tôn giáo có giáo chủ, giáo quyền, giáo lý, kinh kệ lê thê. Tôn giáo có thứ bậc, ngôi vị v.v... Riêng trong Đạo Thờ Cúng Tổ Tiên Ông Bà chỉ truyền trong dòng tộc, không có giáo chủ, giáo quyền hay kinh kệ (Kinh Dịch có thể là quyền kinh có một ảnh hưởng trong Đạo Thờ Cúng Ông Bà).

Chúng ta nên phân biệt và hiểu một cách đúng đắn chữ Đạo và tôn giáo để khỏi nhầm lẫn trong đời sống hàng ngày của chúng ta.

Các tôn giáo có thể còn thấp một bậc so với cái Đạo mà Lão tử đã nói: “Đạo khả Đạo phi thường Đạo ...”

Tôn giáo cần có giáo chủ, giáo lý, giáo dân, giáo quyền (mặc dù là quyền năng về phần tâm linh của con người). Mục đích của các tôn giáo có thể nói tổng quát là đưa con người đạt đến ba chữ: “CHÂN, THIỆN, MỸ”. Nhưng thử hỏi các tôn giáo trên thế giới trải qua mấy ngàn năm đã làm được việc ấy là bao? Chúng ta thử suy xét đã mấy ngàn năm qua được mấy ai đã đạt đến chữ Chân tuyệt đối như trong các tôn giáo hay trong môn triết học đã dạy. Chữ Chân chưa đạt thì làm sao nói đến chữ Thiện và chữ Mỹ. Nói như vậy chúng tôi không có ý nói các tôn giáo không đem ích lợi cho loài người trong thời gian qua. Giả sử, mấy ngàn năm qua không có các tôn giáo ra đời thì loài người sẽ đi về đâu?

Tóm lại, chữ Đạo trong Đạo Thờ Cúng Ông Bà có những điểm khác với các tôn giáo: chỉ truyền trong dòng tộc, không có giáo chủ, giáo quyền, kinh kệ và tụng niệm.

B – Thử tìm hiểu ý nghĩa chữ thờ

Trong tự điển Hán Việt của Đào Duy Anh chúng tôi không thấy chữ Thờ. Vậy chữ thờ do người Việt đặt ra. Đa số trong nhà người Việt đều có bàn thờ để thờ cúng Tổ Tiên. Ông Bà hay người thân thuộc đã quá cố. Ngoài trừ một số ít gia đình có tôn giáo khác thì không có bàn thờ để thờ cúng Ông Bà. Ngoài ra còn có một cái trang thờ táo quân, thường đặt ở một vị thế cao hơn bàn thờ.

Trải qua mấy mươi năm trong cuộc sống chúng tôi thấy phần đông các gia đình theo đạo thờ cúng Ông Bà đều được truyền từ đời này qua đời khác cho tới ngày hôm nay. Tuy nhiên, việc thờ cúng nay bị lu mờ, giảm thiểu hoặc đơn giản hóa vì chế độ chính trị thay đổi theo thời gian. Mặt khác, các tôn giáo khác đã thâm nhập vào trong nước, và đã có một số người Việt đi theo với sự tín ngưỡng riêng hoặc với sự mời gọi nào đó. Trong dân gian có câu: “Phật trong nhà không thờ mà thờ Thích Ca ngoài đường”.

Bài ca dao sau đây nói lên một phần ý nghĩa của chữ Thờ:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.*

Chữ thờ đi với chữ kính nên còn có ý nghĩa khi ông bà cha mẹ còn sống, chúng ta phải biết kính trọng. Khi ông bà, cha mẹ của chúng ta chết đi chúng ta phải thờ cúng. Trên thực tế, việc thờ cúng Tổ Tiên, Ông Bà hay bất cứ người thân thích trong dòng tộc, trong gia đình đã quá cố đều được xem như hồi còn sống. Vậy chữ thờ mang một ý nghĩa về tâm linh và siêu hình.

Chúng ta nên hiểu chữ thờ nặng phần tình cảm thiêng liêng, nặng về đạo nghĩa. Cha mẹ vẫn lập bàn thờ để thờ cúng, giỗ kỵ con mình khi con chết. Vợ hoặc chồng lập bàn thờ để thờ chồng hoặc vợ khi người thân quá cố. Anh, chị, em trong gia đình cũng có thể lập bàn thờ để thờ cúng khi người thân thích nào qua đời không có người thờ phượng.

Chữ thờ không mang ý nghĩa tôn sùng, mê tín, dị đoan. Khi một người chết những người thân thích có bốn phận thờ cúng. Việc thờ cúng được ràng buộc bởi một mối dây thiêng liêng, được kết chặt bằng TÌNH, bằng NGHĨA, bằng sự liên hệ RUỘT THỊT, bằng TÌNH THƯƠNG phát xuất từ đáy lòng, từ trong tâm, từ trong huyết quản.

Chữ thờ có ý nghĩa vượt trội lên trên hình thức của cái mà chúng ta đặt thờ. Chủ đích chính là tấm lòng chân thành. Tất cả nghi thức trong việc thờ cúng cũng cần được thực hiện đầy đủ, nhưng phần nhiều mang ý nghĩa tượng trưng chứ không đặt nặng phần giá trị phẩm chất. Chẳng hạn, nhà giàu sắm sửa bàn thờ bằng tử thờ chạm trổ long, lân, quy, phụng hoặc cẩn xà cừ v.v... Nhưng nhà nghèo có thể dùng một tấm ván làm thành một cái kệ lợp nên bàn thờ cũng được.

Ông nội tôi và ba tôi luôn luôn nhắc nhở việc thờ cúng chính ở nơi lòng thành, phát xuất từ tâm nguyện và tự nguyện. Một bình bông hái ngoài rừng, một vài trái cây hái trong vườn, thấp một nén hương đã đủ tỏ lòng tôn thờ người quá cố. Việc thờ cúng không đòi hỏi mâm cao, cỗ đầy, lễ vật linh đình.

Chữ thờ còn mang một ý nghĩa tâm thức cao siêu trong tâm tưởng của cái hình tượng mà mình đặt thờ.

C – Thử tìm hiểu ý nghĩa chữ cúng

Khi chúng ta cúng thường có bái và lạy. Lễ vật cúng thường có bốn món chính: hương, đăng, hoa, quả. Những món phụ là: trầu cau, rượu trà, bánh mứt, cơm canh, cá thịt v.v... Đặc biệt là món mà người quá cố ưa thích hồi còn sống.

Trong tự điển Hán Việt của Đào Duy Anh chữ “Cúng” hay “Cung” có nghĩa *bày ra, dâng chịu, tự nhận, cấp cho*. Nếu chúng ta hiểu theo ý nghĩa này thì quá đơn thuần, chưa nói lên được một việc làm từ ngàn xưa lưu truyền cho đến ngày hôm nay. Nếu chúng ta hiểu một cách đơn giản thì việc cúng giỗ chỉ có ý nghĩa bày ra mâm cao, cỗ đầy để tưởng nhớ người quá cố cho có lệ rồi thết đãi ăn uống thôi sao?

Ai trong chúng ta đã là người thuộc Đạo Thờ Cúng Tổ Tiên Ông Bà (xin tạm gọi là ĐẠO TRUYỀN DÒNG) thì chắc hẳn biết đến các câu như: “Đông Bình Tây Quả”, “Đền Thái Cực, Đền Lương Nghi”. “Ly Hương Bát Nước” v.v... Những câu nói này đã được truyền từ xưa đến ngày nay là để nhắc nhở chúng ta trong việc sắp xếp căn bản trên một bàn thờ. Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi chưa xác định được Đạo Thờ Cúng Tổ Tiên Ông Bà của người Việt bắt nguồn từ đâu? Nhưng chúng tôi có thể nói giữa Đạo Thờ Cúng Tổ Tiên Ông Bà và Kinh Dịch có một sự liên hệ mật thiết với nhau.

Qua Kinh Dịch, trên hình đồ “Tiên Thiên Bát Quái” (Xem hình số 3), quẻ Ly ở phía Đông, quẻ Khảm ở phía Tây. Quẻ Ly là hỏa, là sáng, là khởi đầu, là phía mặt trời mọc, là bình minh. Quẻ Khảm là thủy, là phía mặt trời lặn, là tối, là hoàng hôn. Bình bông là hình tượng tươi sáng, là bắt đầu một tiến trình sinh sôi, nảy nở của vạn vật, mang Dương tính, đặt ở phía Đông. Cổ bông là hình tượng kết quả một sự sinh động của vạn vật, mang Âm tính, đặt ở phía Tây.

Để cho phù hợp các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc đúng như bên ngoài địa dư chúng ta nên xoay hình đồ “Tiên Thiên Bát Quái” nửa vòng (xem hình số 4). Khi ấy phía Đông sẽ nằm về phía tay phải, phía Tây nằm về phía

tay trái, phía Bắc ở trên, phía Nam ở dưới. Sự sắp đặt bình bông bên tay phải, cổ bông bên tay trái trên bàn thờ là phù hợp với thiên nhiên (Xin lưu ý chúng ta đứng trước bàn thờ mặt hướng vào trong bàn thờ).

Trong phần căn bản của Kinh Dịch chúng ta có: “Thái Cực sinh Lưỡng Nghi ...” (Xem hình số 2). Đền Thái Cực được đặt ở khoảng giữa bàn thờ, sau cái lư hương. Cây đèn này được thắp thường xuyên và khi cúng chúng ta mỗi từ đèn này qua hai đèn Lưỡng Nghi.

Còn lư hương, bát nước là hai vật mang ý nghĩa một Dương và một Âm, cũng nói lên sự liên hệ mật thiết giữa con Người và Trời Đất.

Căn cứ vào hình đồ Thái Cực (Xem hình số 1), chúng ta thấy trong phần Dương có một phần nhỏ Âm và trong phần Âm có một phần nhỏ Dương. Định luật căn bản của Dịch là: *“Trong Dương có Âm và trong Âm có Dương”*. Hình đồ này cũng cho chúng ta một khái niệm về sự hình thành của mọi sự, mọi vật trong một vũ trụ bao la hay một tiểu vũ trụ (Một tế bào là một tiểu vũ trụ của một mô hay một cơ thể. Một con vật hay một vật là một tiểu vũ trụ của vũ trụ bao la. Trong vũ trụ đó, có sự *tự sinh, tự hóa, tương sinh, tương hóa, tương nhập, tương hợp, tương thông*. Đó là câu nói: *Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*).

Từ đó, chúng tôi xin thưa rằng: khi chúng ta cúng, vái chúng ta đốt nén hương chúng ta vái rồi cắm vào lư hương. Việc làm này chúng tôi gọi là :*Điểm Dương Vào Âm*, hoặc *Cân Bằng Âm Dương*, và mang một ý nghĩa *Hòa Hợp Âm Dương*.

Như vậy, Cúng là việc làm hòa Dương lẫn vào Âm hoặc điểm Dương vào Âm. Chúng tôi xin giải thích: bàn thờ là nơi Âm, nơi trú ngụ của con người khi chết, bàn thờ

là vị trí Âm trong nhà. Khi chúng ta đốt nén hương là Dương, chúng ta Cúng là đang ở trạng thái Dương.

Chúng tôi thường thấy khi một người nào van vái một điều gì, trước hết thắp hương, chấp tay đưa lên khỏi đầu rồi mới khẩn nguyện, khẩn xin điều mà trong tâm mình mong muốn. Đó là thời gian con người đặt tâm mình lắng xuống để đi vào cõi Âm mộng lung nào đó. Như vậy, con người khi cúng vái, chúng ta đang trong trạng thái Dương nhưng tâm mình đi về trạng thái Âm. Khi chúng ta làm xong việc cúng vái chúng ta có được sự thoải mái về tâm linh.

Một việc làm khác cụ thể hơn mà chúng tôi cũng thường thấy là: khi hoàng hôn đến (danh từ địa phương gọi là chạn vạn), có nghĩa là lúc sắp về đêm và chấm dứt ban ngày, chúng ta thắp một nén hương nơi bàn thờ. Chúng tôi thiết nghĩ đó là việc làm **ĐIỂM DƯƠNG VÀO ÂM**. Trong chu kỳ tiêu trưởng Âm Dương (Xem hình số 5), khi Âm tiến đến cùng cực là quẻ Thuần Khôn, kế tới là quẻ Phục. Việc làm trên chúng tôi suy nghiệm rằng: Tổ Tiên chúng ta muốn nhắn gửi cho con cháu hãy gửi một phần nhỏ Dương vào thời vị Âm (thời Âm là lúc bắt đầu về đêm, bàn thờ là vị trú ngụ của người quá cố, đó là vị trí Âm).

Mặt khác, Đạo Thờ Cúng tổ Tiên ông Bà không thấy nói đến phần kinh kệ, tụng niệm, chỉ truyền trong dòng tộc. Người sau kế thừa người trước để thực hiện việc thờ cúng. Chúng tôi thiết nghĩ trong tương lai nếu có học giả nào nghiên cứu, tìm tòi lại cội nguồn như trong ý muốn của triết gia Kim Định trong quyển “Việt Lý Tố Nguyên”. Khi đó có thể nói lên Đạo Thờ Cúng Tổ Tiên Ông Bà có bộ kinh, đó là Kinh Dịch. Theo triết gia Kim

Định: “Kinh Dịch là một quyển kinh đầu tiên của nền văn hóa Việt Nam”.

Luôn tiện đây, chúng tôi muốn nêu lên ý nghĩa chữ “Lạ”. Trong khi cúng thường có hành động lạ. Trong tự điển Hán Việt của Đào Duy Anh chữ “Bái” hay chữ “Lạ” được giải thích là: *trao chúc quan cho, như chữ bái ân là tạ ơn, hoặc chữ bái biệt là cáo biệt với lòng kính cẩn*. Ở đây, chúng ta hiểu được chữ “Bái” hay chữ “Lạ” là hành động cư xử hằng ngày giữa người này và người khác mà thôi.

Ngoài ý nghĩa ngôn từ bình thường nói trên, chữ “Lạ” là **MỘT HÀNH ĐỘNG KÍNH CẨN CỦA MỘT NGƯỜI KHI CÚNG**. Trước hết, chúng ta chấp hai bàn tay với nhau (lòng bàn tay này vào lòng bàn tay kia). Trong bàn tay của chúng ta một bên thuộc Âm, một bên thuộc Dương. Tiếp đến, chúng ta đưa lên khỏi đầu để chỉ Thiên (Trời hoặc Kiền hay Càn). Kế nữa, chúng ta đưa hai bàn tay xuống và úp hai lòng bàn tay vào bụng để chỉ Nhân (Người). Kế nữa, chúng ta quỳ xuống, úp sát hai lòng bàn tay sát với mặt đất và cuối đầu lên hai bàn tay để chỉ Địa (Đất hay Khôn). Như vậy hành động Lạ mang một ý nghĩa chỉ ba ngôi Trời, Trời, Đất, Người. Kết thúc một lạ là trở về vị trí ban đầu. Lạ bao nhiêu lạ tùy vào từng nghi lễ.

D – Ý nghĩa nhóm chữ Tổ Tiên, Ông Bà

Chắc chắn trong chúng ta ai lại không biết đến Tổ Tiên, Ông Bà, một đấng trẻ lên năm, lên bảy đã biết rồi. Ngoại trừ, trẻ mồ côi từ lúc còn nhỏ, đã lưu lạc, không tìm được tông tích thân nhân.

Tổ Tiên, Ông Bà là những bậc tiền nhân, lớp người ra đời trước chúng ta. Họ đã sinh dưỡng chúng ta. Cứ lớp

trước sinh dưỡng lớp sau và liên tiếp mãi. Đây là định luật sinh tồn của con người nói riêng và của vạn vật nói chung. Ngoại trừ trường hợp bất bình thường mới không theo đúng định luật tự nhiên của Tạo Hóa.

Trong chúng ta mấy ai không muốn có một mái ấm gia đình, có con, có cháu. Đa số chúng ta đều muốn con cháu của mình nên vai, nên vế, có sự nghiệp để nối tiếp sự sinh tồn. Mỗi người đều muốn con cháu mình biết hiếu thảo, tôn kính Cha Mẹ, Ông Bà, không những lúc còn sống mà còn muốn con cháu mình biết tôn thờ Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ khi quá cố.

Tục ngữ có câu: *“Cây có cội, nước có nguồn.*

Làm người phải biết tổ tông”.

Hoặc: *“Chim có tổ, người có tông”.*

Những câu tục ngữ trên nhắc nhở chúng ta biết đến cội nguồn. Nếu chúng ta không tôn kính, tôn thờ Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ của chúng ta thì thử hỏi còn tôn kính, tôn thờ ai đây? (Chúng tôi không nói đến trường hợp ngoại lệ).

Tóm lại, Đạo Thờ Cúng Ông Bà là một việc làm có thể bắt nguồn từ lúc sơ khai của con người. Vì con người và kể cả đa số loài vật cũng đã có sự di truyền trong huyết thống là Tình Thương Đồng Chủng. Chúng ta thấy con gà mẹ cũng biết nuôi con, thương con. Người đời thường chê “ngu như bò”, nhưng chúng tôi thấy con bò mẹ cũng biết nuôi con và thương con của nó. Con chim sáo, chim cưởng cố bảo vệ con nó khi con nó bị điều hâu, quạ đến bắt con. Nhưng đặc biệt, con người còn cao hơn một bậc so với loài vật là biết nghĩ tưởng đến người thân thích của mình đã chết – đó là việc Thờ Cúng.

Việc thờ cúng Tổ Tiên, Ông Bà ngoài ý nghĩa biểu hiện tình cảm thiêng liêng còn có ích lợi cụ thể như:

- Tạo cơ hội để cho mọi người trong tộc họ được gặp mặt nhau trong những ngày giỗ kỵ.
- Tạo cho con cháu biết đến Tổ Tiên, Ông Bà, biết được bà con ruột thịt, họ hàng.
- Tạo sự đoàn kết, thuận hòa, giải quyết sự bất đồng, xích mích trong họ hàng, bà con, anh em nếu người trưởng tộc khéo biết xử sự.
- Biết được bà con, họ hàng có thể tránh được sự lỗi lầm trong việc kết hôn, tránh sự loạn luân.

E – Phần kết luận:

Chúng tôi viết bài này với mục đích soi rọi lại một trong những điều căn bản của nền văn hóa lâu đời, đã trải qua mấy ngàn năm mà mọi người Việt thường hãnh diện chúng ta là “một dân tộc có bốn ngàn năm văn hiến”.

Trong cuộc sống, con người có phần khác với loài vật ở chỗ con người không những biết lo phục vụ cho sự sống mà còn lo cho sự chết. Sự sống và sự chết ở đây chỉ mang ý nghĩa bình thường của vạn vật. Hay nói khác đi là lo cho cả phần thể xác và phần linh hồn. Nếu chúng ta hiểu theo Kinh Dịch thì đó là phần Âm và phần Dương (chúng tôi nói hai phần Âm và Dương là để dễ hiểu nhưng trong Kinh Dịch: Âm, Dương là Một. Âm Dương luôn tiến hóa, chuyển dịch theo nguyên lý siêu hình tuyệt đối và tự nhiên).

Chúng tôi thiết nghĩ “Đạo Thờ Cúng Tổ Tiên, Ông Bà” là một nền tảng văn hóa của dòng Việt tộc. Mặc khác, Kinh dịch là một loại kinh vô ngôn, không chữ, không lời. Dù không lời nhưng nói lên hết mọi điều mà con người chúng ta muốn biết nếu chúng ta chịu khó bỏ thì giờ để suy nghiệm.

Chúng tôi hy vọng trong tương lai con người sẽ hiểu thấu đáo con người nói riêng, mọi sự, mọi vật trong vũ trụ bao la nói chung, để đem lại sự bình yên trong cuộc sống có cả vật chất lẫn tinh thần. Hai phần tinh thần và vật chất sẽ không còn chích khuyết quá sâu đậm. Chúng ta cần có một cuộc sống đủ tình thương, đủ vật chất hằng ngày như trong ý nghĩa của câu tục ngữ: “*Không gì bằng cơm với cá, không gì bằng má với con*” (chữ “đủ” phải hiểu theo như trong câu nói của Lão tử: “*Tri túc, tri chí – biết đủ biết dùng*”). Tình thương nào bằng tình thương giữa mẹ với con. Món ăn “đủ để sống” hằng ngày của chúng ta còn gì hơn là cơm với cá. Nếu tương lai mọi người đều có cuộc sống giản dị về phương diện vật chất và bình thản về tinh thần thì xã hội loài người sẽ giảm thiểu sự tranh giành. Khi đó, mọi người sẽ có cuộc sống thanh bình, yên vui và tốt đẹp.

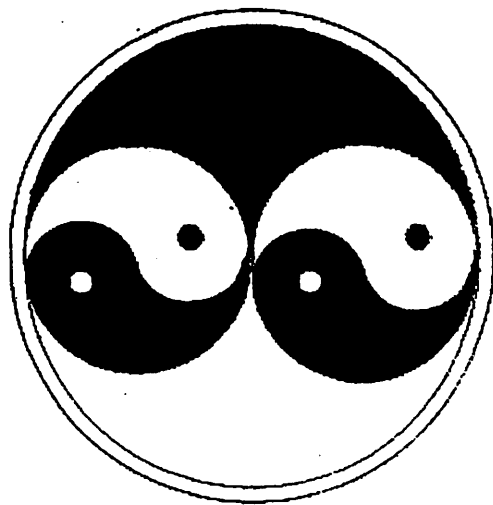
HUYỀN TUYỀN
Quý Mùi, 8-2003

Phần chú thích:

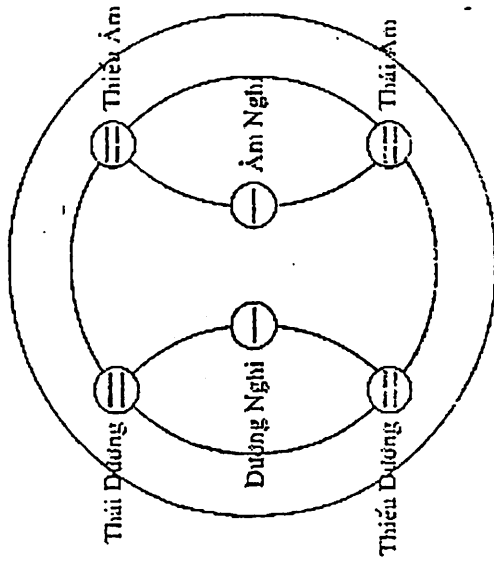
- *Những chữ viết nghiêng là phần trích dịch.*
- *Dấu * là phần dịch của tác giả Nguyễn Duy Cận.*

Ca dao Bình Định

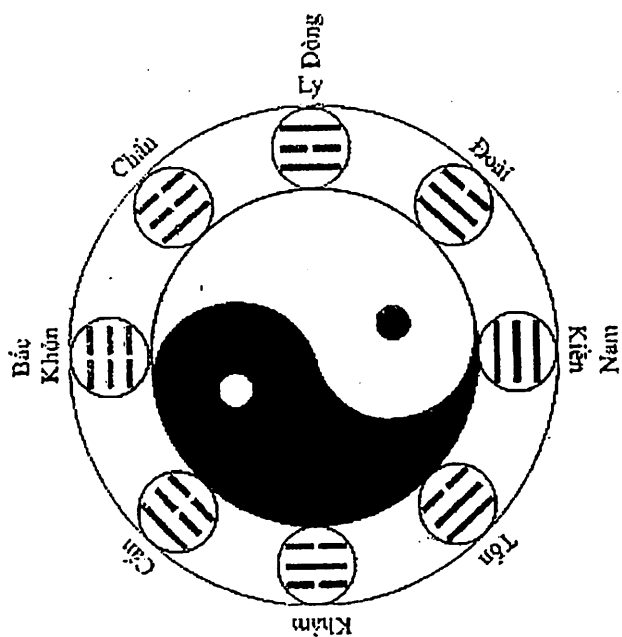
Tiếng đồn con gái Phú Trung,
Nấu cơm không chín giờ vung xem hoài.
Tiếng đồn con gái Phú Tài,
Nấu cơm không chín đốt hoài cơm khô.
Nhưng chồng em lại không chê,
Khen em khéo nấu cơm khô thơm nhà.



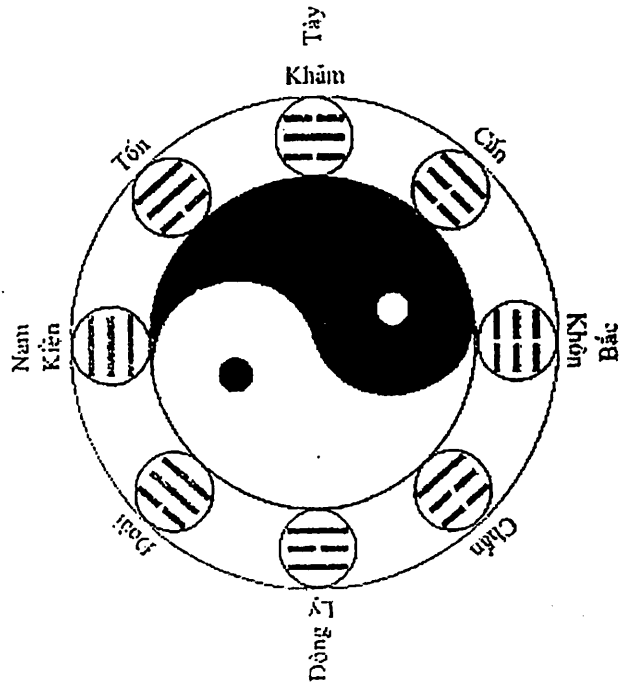
Hình 1 - Thái Cực



Hình 2 - Lượng Nghi, Tứ Tượng



Hình 4 - Tiên Thiên Bát Quái
(Xoay Nửa Vòng)



Hình 3 - Tiên Thiên Bát Quái



Hình 5 - Chu Kỳ Tiêu Trường Âm Dương

HẬU SINH KHẢ ÚY

TÂN DÂN

Vào ngày tiết Xuân, Đức Khổng Tử lúc còn làm quan nước Lỗ, ngài đánh xe vào làng thăm dân cho biết sự tình, khi vào cổng làng ngài gặp một đứa bé đang ngồi xây một cái thành bằng đất cát chắn ngang đường. Đức Khổng Tử cho xe ngừng lại và hỏi:

- Này cháu, hãy tránh ra cho xe ông qua đường. Thằng bé ngồi vừa xây thành vừa nói:

- Thưa ông, xe tránh thành chứ sao thành tránh xe được

Khổng Tử thấy thằng bé trả lời thông minh, khôn khéo, ngài bước xuống xe và hỏi:

- Cháu tên gì vậy?

- Thưa ông, cháu tên là Hạng Thác

- Sao cháu chơi đất dơ thế

- Thưa ông đất đâu có dơ, đất cho mình nhà ở, đất cho mình gạo, cây trái, hoa quả để ăn, sao ông gọi là dơ.

Khổng Tử đang tìm câu trả lời, thì thằng bé đứng dậy, nó phủ hai tay còn dính đất, còn chùi qua quẹt lại vào quần đùi xệ xuống tới đầu gối, rồi đến đứng trước mặt Khổng Tử và nói:

- Thưa ông, hồi này giờ ông hỏi con ba câu, bây giờ ông cho phép con hỏi ông ba câu, nếu ông trả lời được con để ông băng qua thành. Còn ông trả lời không được thì con chơi tiếp. Khổng Tử ngẫm nghĩ, mình chu du khắp thiên hạ, rao giảng đạo làm người, ai ai cũng kính trọng không biết thằng nhỏ nó hỏi mình điều gì đây ngài cảm thấy lo lo trong lòng nhưng cũng phải gật đầu trả lời:

- Thì cháu cứ hỏi đi

- Thưa ông, tại sao buổi sáng mặt trời nó to mà buổi trưa đứng bóng nó nhỏ hơn vậy ông? Khổng Tử đứng tần ngần nghĩ mãi không ra câu trả lời, ngài chống chế:

- Cháu hỏi chuyện trên trời xa tí mù làm sao ông biết được, cháu hỏi chuyện dưới đất đi.

- Thưa ông, vậy chứ mặt đất có bao nhiêu cái nhà?

Trên trời không biết đòi dưới đất, giờ nó hỏi chuyện dưới đất cũng không xong, Khổng Tử bối rối gượng gạo:

- Mặt đất thì bao la, nhà cửa nay người ta xây mai người ta dỡ, làm sao ông đếm được.

Thôi cháu hỏi cái gì trước mặt ông đi.

- Thưa ông, con đang đứng trước mặt ông nè, vậy chớ lông mày của con có bao nhiêu sợi? Khổng Tử gọi hai anh xe kéo:

- Tụi bay đâu, quay đầu xe lại

Ngài bước lên xe thúc giục hai anh xe kéo chạy thật lẹ, ngoái đầu lại nhìn thấy thằng bé đang cười hở mấy cái răng sún, ngài lẩm bẩm: “Hậu sinh khả úy! Hậu sinh khả úy!” (Đoạn văn đối thoại này được trích ra từ trong một bản nguyệt san Phổ Thông được ấn hành trước năm 1975).

Trong thế hệ của chúng ta mấy ai không biết đến Đức Khổng Tử, ngài là một hiền triết của Trung Hoa, sinh vào năm 551 và mất vào năm 479 trước Thiên Chúa Giáng Sinh ở nước Lỗ, lúc sinh thời ngài đi dạy học, rồi làm quan, sau đó ngài từ quan đi chu du thiên hạ thuyết giảng. Những lời dạy của ngài bàng bạc trong đời sống hàng ngày của bao nhiêu thế hệ Việt Nam. Từ vua tới hàng dân già, cấp bậc nào trong xã hội cũng được ngài đề cập tới. Đối với vua thì ngài chỉ dạy: “Dân chi sở hiếu, hiếu chi, dân chi sở ố, ố chi” (làm vua phải biết thích cái thích

của dân và ghét cái ghét của dân). Đối với đạo vua tôi, quân thần thì ngài bảo: “Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung, phụ sử tử vong, tử bất vong bất hiếu” (Vua bảo quan phải chết mà quan không chết là bất trung, cha bảo con phải chết mà con không chịu chết là bất hiếu). Với đàn ông thì ngài có tam cương ngũ thường: “Quân, Sư, Phụ và Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín”. Còn với đàn bà con gái thì có Tứ Đức Tam Tông (tức là Công, Dung, Ngôn, Hạnh và Tại gia tòng phụ, Xuất giá tòng phu, Phu tử tòng tử). Với vợ chồng thì ngài khuyên dạy: “Phụ phụ tương kính như tân”. Điều mà tôi muốn nêu ra hôm nay là cái khoảng cách giữa hai thế hệ trẻ và già. Cách đây 2500 năm Đức Khổng Tử đã than: “Hậu sinh khả úy” (kẻ sinh sau thật đáng sợ). Ngài cũng gặp “Gap Generation” không khác gì chúng ta bây giờ. Ai cũng mong “Con hơn cha là nhà có phước”, không ai muốn “Cha làm thầy, con bán sách” bao giờ. Thế nhưng khi cộng đồng người Việt sống ở Mỹ này thì những luân lý đạo đức của triết học Nho Giáo của Đức Khổng Tử đã bị đảo lộn. Cái khoảng cách giữa cha mẹ và con cái càng xa hơn, càng đối nghịch hơn nhiều so với ngài thời đó.

Ngày chân ướt chân ráo đến Mỹ, cô em dâu đến thăm gia đình tôi, cô dặn dò:

- Chị à, đừng bao giờ đánh mấy cháu, Cảnh sát mà nó biết được nó còng chị đấy.

- Làm sao nó biết được? Nhà tôi hỏi

- Hàng xóm nó thấy nó gọi Cảnh Sát.

- Thì mình đóng cửa dạy con.

- Mai cô giáo nó hỏi, con mình nó đại nó khai ra thì cô giáo sẽ báo với Cảnh Sát. Cô em dâu chỉ cô bé, hai má đỏ hồng bẽn lẽn núp sao lưng mẹ:

- Bé Tí Hon của em bắt chước ở đâu về nhà nói tục chửi thề, em vả vào miệng nó cấm không được chửi thề. Sáng hôm sau nó vào trường mét với cô giáo, em bị Cảnh Sát nó bắt giữ đến ba ngày mới thả ra đó chị.

- Con mình đang nặng đẻ đau, mình nuôi con, chứ tại nó có nuôi ngày nào đâu mà nó không cho mình dạy con. Nhà tôi ầm ức nói.

- Chị dạy chứ không được đánh con.

Cô em đâu quay qua tôi:

- Còn anh hả, anh mà đụng đến chị, chị gọi 911 thì Cảnh Sát nó cũng đến còng tay anh. Tôi biết điều này và nói:

- Anh thương chị hết mình, mỗi cái trả ơn bảy năm trong tù, công chị nuôi anh, nuôi con, Cô em tiếp lời:

- Ở bên này thứ nhất trẻ con, thứ nhì đàn bà, thứ ba súc vật, thứ tư mới đàn ông đó anh.

- Nói thì nói vậy chứ anh thấy mấy chục đời Tổng Thống Mỹ, anh đâu có thấy bà Tổng Thống nào đâu?

- Nhưng đàn bà ở bên này có quyền hơn đàn ông anh à.

- Nhà tôi nở mũi nói: “Từ nay anh không còn làm chủ gia đình nữa đâu, mà em đó!”

Cái nhóm từ “Quân, Sư, Phụ” của Đức Khổng Tử bây giờ vô nghĩa ở đây. Còn “Tứ Đức, Tam Tông” càng không có nghĩa lý gì cả. Nhưng bản thân tôi, thực sự cảm ơn về những lời dạy này của Ngài khi gia đình tôi còn ở Việt Nam. Bởi vì nhà tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình ảnh hưởng sâu đậm nền giáo dục Nho giáo, đi thưa về trình, một lòng một dạ thờ chồng nuôi con. Vì thế mà suốt bảy năm tù đàng đẵng, nhà tôi luôn luôn an ủi tôi mỗi lần thăm viếng, và cho tôi những hy vọng để sống còn trong hoàn cảnh khốn cùng nhất ở trong tù. Ngược lại

nền văn hóa ở xứ Huê Kỳ này, người ta lấy nhau rồi ly dị nhau như thay áo. Cô em dâu qua Mỹ trước gia đình chúng tôi dâu bảy, tám năm gì đó, cô tỏ ra dày dặn kinh nghiệm, hiểu biết hơn chúng tôi, cô nói:

- Anh biết không, ở Mỹ cái gì nó cũng ngược với mình. Tang chế mình mặc đồ trắng, nó mặc đồ đen, mình biết tay mặt nó viết tay trái. Làm toán số lẻ mình đánh dấu phẩy nó đánh dấu chấm. Số hàng ngàn mình đánh dấu chấm nó chơi dấu phẩy. Quay qua nhà tôi cô nói: “Còn nữa chị biết không, dấu phép chia mình gạch xuống rồi kéo dài qua bên phải, còn nó thì viết lộn ngược lại thấy phát ghét”.

- “Đồ cái thứ ngược ngạo làm sao mình ở được với tụi nó”, nhà tôi tiếp lời, cô em dâu hứng chí nói thêm:

- “Cha mẹ già thì tụi nó bỏ vào viện dưỡng lão, còn cha mẹ vợ thì nó cho ngồi sau cốp xe”. Nhà tôi mặt đỏ bừng chịu hết nổi:

- “Ai đẻ nó ra, ai nuôi nó lớn, ai cho nó ăn học mà nó đối xử với cha mẹ như vậy, ai đời cái xứ nói là văn minh mà chẳng văn minh tí nào.”

Cô em dâu tiếp lời:

- Chị ở đây lâu thì biết.

Vài tháng sau tôi vào trường Evergreen Valley College, thấy ông thầy dạy Anh Văn da đen đầu cạo trọc, mặc quần jean, áo thun đứng lợp. Tôi ngỡ ngàng hết sức, tôi ngẫm nghĩ thầy bà gì lạ vậy, chưa hết, một cậu học trò tóc chải từng nhóm đứng như lông nhím, nhuộm đủ màu xanh đỏ, vàng tím ngồi gác chân lên bàn một cách tự nhiên trước mặt ông thầy. Tôi đụng đầu với một nền văn hóa thật xa lạ với những gì mình đã được giáo dục tại Việt Nam. Trong khi đi làm, tôi ngồi bên một cô gái trẻ mắt xanh, tóc vàng, da trắng mẹ gốc Ý, cha gốc Pháp, một

hôm cô mời tôi đi dự đám cưới với cô ấy, tôi ngạc nhiên hỏi:

- Chắc cô có bạn trai mới, cô nói với tôi cô đã có hai con rồi mà.

- Không, nó là cha của hai đứa con của em đó.

- Thế sao đến bây giờ cô mới làm đám cưới?

- Thì em phải thử trước, nếu hạp thì em làm đám cưới, còn không hạp thì bọn em chia tay.

- Lỡ không hạp thì cô phải nuôi hai đứa con?

- Không nó phải cấp dưỡng cho tới khi hai đứa con em lên tới mười tám tuổi, chạy đâu cho thoát.

Đức Khổng Tử mà nghe được những chuyện này, thì Ngại sē bức tóc, bức tai mà than: “Hậu Sinh Khả Úy”.

Gần mười năm ở Mỹ, may mắn thay gia đình chúng tôi ở San Jose với cộng đồng người Việt khá đông đúc, chúng tôi không bị cái “Culture Sock” như những người Việt định cư ở những tiểu bang khác. Một phần nào đó cái khoảng cách giữa hai thế hệ trẻ và già được khóa lấp, bởi hệ thống truyền thanh, báo chí, chùa chiền, nhà thờ, hội đoàn người Việt đã đóng một vai trò thật quan trọng, tạo cho giới trẻ Việt Nam hải ngoại hiểu ra rằng: Phải biết chọn lựa cái nào hay của nền văn hóa Việt Nam mà cha ông đã hấp thụ để phát huy và hòa nhập với với văn hóa mới của Mỹ, để hãnh diện và tự hào: Tôi là một người Việt Nam.

TÂN DÂN

Câu đố

Thượng đầu hoà tâm trung hắc dạ,
Ngoại hình nhân trị tội gia hình;
Hữu nhơn phò trí huệ thông minh,
Vô nhơn trợ thiên u địa ám.

NHỮNG NHÂN VẬT CÓ LIÊN QUANTỚI CUỘC ỨNG NGHĨA CẦN VƯƠNG CỦA MAI XUÂN THƯỜNG Ở BÌNH ĐỊNH .

TRƯƠNG TOẠI

(Phụ thêm tài liệu của ông Mai Xuân Lự là hậu duệ của liệt sĩ Mai Xuân Thường và mền tặng thân hữu Huỳnh Hữu Dụng là cháu tăng tôn ngoại của liệt sĩ Mai Xuân Hoà).

Khoa thi hương năm Ất Dậu, Hàm Nghi thứ 1(1885), tại trường thi Bình Định vừa yết bảng những sĩ tử đậu Trường Nhất để vào thi Trường Nhì thì hay tin Kinh Thành có biến: Đêm 4 rạng ngày 5 tháng Bày (tức là ngày 23 tháng Năm năm Ất Dậu), Tôn Thất Thuyết cùng Trần Xuân Soạn, chỉ huy Phấn Nghĩa Quân tấn công vào đồn Mang Cá, thuộc khu sứ quán của Pháp ở Huế. Tàng sáng hôm sau, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi cùng Tam Cung ra khỏi Kinh Thành, và nhà vua xuống chiếu Cần Vương chống Pháp.

Sĩ tử Quảng Ngãi đã có tên đậu Trường Nhất, bỏ thi kéo nhau về hết, nên không có ai đậu. Chỉ còn Sĩ tử Bình Định tiếp tục thi. Giải ngạch trường thi Bình Định là 18 Cử Nhân, kỳ này chỉ lấy đậu 8. Trong đó có Mai Xuân Thường đậu thứ 7.

Quan trường thi là:

Bổ Chánh Quảng Nam Bùi Tiến Tiên làm Chánh Chủ Khảo.

Đốc Học Bình Định Lê Quang Khiêm làm Phó Chủ Khảo.

Tình Hình Tỉnh Bình Định Từ Sau Lúc Kinh Thành Có Biến.

Đời vua Kiến Phúc, ông Trần Lưu Huệ làm Tổng Đốc tỉnh Nghệ An. Đến đời Hàm Nghi, ông được bổ làm Tổng Đốc tỉnh Bình Định.

Tháng 4/1885. Hiệp Lý Thủy Sư Lê Thận thay Tổng Đốc Trần Lưu Huệ .

Tháng 8/1885. Hồng Lô Tự Thiếu Khanh (Chánh ngũ phẩm) quyền Tiểu Phủ Sứ Quảng Ngãi –Bình Định Nguyễn Thân đem quân đánh dẹp Nghĩa quân, bắt giết Bình Sơn Tả Vệ Hương Bình Chánh Quản là Cử Nhân Lê Trung Đình chủ xướng cuộc ứng nghĩa Cần Vương tỉnh Quảng Ngãi. Nguyễn Thân được thăng Binh Bộ Thị Lang (Chánh tam phẩm).

Tháng 9/1885. Nguyễn Phúc Ứng Đường lên ngôi tức là vua Đồng Khánh. Như vậy, nước có hai vua, lại là anh em ruột chống nhau.

.Thân hào tỉnh Phú Yên chiếm tỉnh, bắt giam Hoàng Giáp Phạm Như Xương đang giữ chức Bố Chánh tỉnh này. Quân Pháp đánh chiếm lại. Như Xương bị giáng xuống bốn cấp vì dể mất thành.

.Thân hào tỉnh Bình Định chiếm tỉnh thành, bắt giam Tổng Đốc Lê Thận. Sau khi giải vây, Pháp yêu cầu Án Sát Lê Tiến Thông lên làm Tổng Đốc thay Lê Thận về kinh, bị giáng xuống 2 cấp, cho về hưu. Thông là người thân với Pháp, lúc ông ngồi Tuần Phủ Hải Dương.

Tháng 10/1885.

.Nguyễn Thân được vua ban chiếc khánh bằng vàng tíá có chữ “Liêm Bình”.

.Tổng Đốc Lê Tiến Thông và Án Sát Đặng Huy Xán, trên đường đến Hoài Nhơn, bị Nghĩa quân bắt và bị giết.

.Triều đình cử Tham Tri Bộ Binh Tôn Thất Phan làm Tổng Đốc Bình Định thay Lê Tiến Thông.

Tháng 11/1885.

.Nguyễn Thân xin tăng thêm lính vì Nghĩa quân quá mạnh, và xin nhờ Pháp hội binh để đánh dẹp.

.Nguyễn Thân cho dò tin tức, biết người chủ xướng Đào Doãn Địch đã chết, còn lại:

-Đóng binh tại Cây Da Ván ở Phù Mỹ:

Đề Đốc là Bùi Điền

Tán Lý là Lý Trường Đề

Chánh Lãnh Binh là Tú Tài Tiềm.

-Lập đồn ở Thanh Lương:

Đề Đốc hồi hưu Vũ Hoá làm Thống
Suất Bồng Sơn.

-Đóng binh ở Vạn Đức, Trung An, Tài Lương:

Đồng Lý là Cử Nhân Tuấn

Tán Lý là Tú Tài Lý

Chánh Lãnh Binh là Tú Tài Tiềm

Phó Lãnh Binh là Tú Tài Tạo

Đốc Binh là sĩ nhân Phùng Đại.

.Nghĩa quân tiến đánh đồn Lão Thuộc, bắt được Đề Đốc Sơn Phòng Quảng Ngãi –Bình Định là Đinh Hội. Hội liền theo Nghĩa quân.

Tháng 1/1886.

.Nguyễn Loan, Bùi Điền, Đặng Đề chi huy Nghĩa quân chiếm Mộ Đức. Dẫn người Thượng chiếm đồn Thượng An, kéo xuống chiếm tỉnh thành.

Tháng 2/1886.

.Lực lượng Nghĩa quân rất mạnh, có cả ngàn người Thượng cùng tham chiến. Quân trú phòng trên dưới bốn ngàn mà sợ không chống nổi nên Nguyễn Thân tâu xin thêm binh, lại xin quyền tiền của dân để nuôi lính.

.Triều đình cử Phan Liêm làm Khâm Sai Đại Thần đi hiệu dụ các tỉnh Nam Trực Kỳ và Tả Trực Kỳ.

Tháng 4/1886.

. Nghĩa quân đánh tỉnh thành Bình Định.

.Nguyễn Thân xin đốt phá các làng Thượng nào theo Nghĩa quân. Vua y cho .

Tháng 5/1886.

. Nguyễn Thân được thăng Tả Tham Tri Bộ Binh (Tòng nhị phẩm), tước Nam, giữ chức cũ kiêm Chiêu Thảo Xứ Trí Sứ Bình Định.

Tháng 7/1886.

. Nghĩa quân tiến đánh Quảng Ngãi. Nguyễn Thân tâu xin mượn 200 khẩu súng và mười ngàn viên đạn.

.Triều đình bổ Nguyễn Hiệp làm Tổng Đốc Bình Định. Hiệp cáo ốm không nhận chức xin chữa bệnh, năm sau mới đáo nhậm.

Tháng 8/1886.

.Nguyễn Thân xin đích danh Trương Quang Đăng đến tiếp sức. Nhưng ông Đăng cáo ốm từ chối. Đăng là con quan Đại Thần Trương Đăng Quế.

. Nguyễn Thân xin thăng thưởng nhiều hơn để nức lòng binh sĩ.

Tháng 9/1886.

.Nguyễn Thân xin thưởng tiền cho binh sĩ đánh trận Bình Sơn.

Tháng 12/1886.

.Lần đầu tiên Nghĩa quân xuống tinh đầu thú hơn 100 người, trong đó có:

Thông Binh : Trần Văn Tô

Quản Trấn:Trần Văn Cung, Phạm Khắc Tuy, Cao Văn Triết.

Chánh, Phó Đề Đốc: Lương Văn Phú, Nguyễn Văn Hy, Nguyễn Văn Đôn, Hồ Văn Tích.

Giám Binh: Phùng Văn Kỳ

Vua chuẩn cho chiếu hàm trước thăng thưởng, do tinh bỏ dụng 7 người: Lương Văn Phú, Hồ Văn Tích, Nguyễn Văn Hy, Nguyễn Văn Quý, Lưu Văn Toán, Thái Văn Đồng, Phùng Văn Kỳ đều là những quan võ trước.

Tháng 1/1887.

. Nguyễn Thân đem quân đến Bình Định phá đồn Lão Thuộc.

Nguyên Đề Đốc Đinh Hội chức danh là Tổng Đốc,

Nguyên Lãnh Binh Vũ Lân chức danh là Đề Đốc,

Phạm Sĩ, con Đề Đốc đã chết là Phạm Biểu chức danh là Lãnh Binh đều ra đầu thú. Quan tỉnh tạm cấp cho quan chức (Hội Đề Đốc, Lân Lãnh Binh, Sĩ Phó Lãnh Binh) rồi kéo binh thu phục phủ Hoài Nhơn, đánh phá Nghĩa quân đồn trú ở thôn Lộc Giang. Số thân hào và quản suất

cũ ra đầu thú rất nhiều. Nhưng tình hình ở Bình Định, Nghĩa quân vẫn hoạt động rất mạnh.

.Kế hoạch mới: Pháp và triều đình liên hợp đánh Nghĩa quân.

Bấy giờ quân Pháp do sĩ quan Pháp chỉ huy hiện đóng tại địa phương, quân do Pháp phái Trần Bá Lộc từ trong Nam kéo ra, hội với quân của triều đình do Nguyễn Thân chỉ huy đã tập hợp lại để tiến đánh Nghĩa quân cùng một lúc.

.Nguyễn Thân tâu rằng :” Hiện nay bọn cừ mục (Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền, Phạm Thông, Nguyễn Cương, Đinh Sán), dẫu chưa bắt được làm án; nhưng từ lúc quan quân đánh nhau với chúng cộng 12 trận và thu phục đồn trại , sửa sang phủ lý đều khó nhọc. Các Đề Đốc, Lãnh Binh, Phó Lãnh Binh, Tán Tương, Đốc Binh tăng phái cộng 144 người, xin thưởng tiền lương từ hai đến ba tháng để thăm ơn”. Vua y cho.

Tháng 3/1887.

.Lãnh Tổng Đốc Binh-Phủ Nguyễn Hiệp hết hạn cáo nghị đến nhậm chức.

Tháng 5/1887.

Nguyên Soái Mai Xuân Thưởng,

Thống Trấn Bùi Điền,

Hiệp Trấn Nguyễn Đức Nhuận,

và Phó Tướng, Thông Binh trở xuống 11 người bị bắt, đều đem chém.

Tháng 5/1887.

Viên Khâm Sai của người Pháp ở Bình-Phủ là Trần Bá Lộc cai quản đem quân đi tàu thủy về Gia Định, sau khi đưa ra món nợ đòi, định đem các thân hào khởi sự ở Bình Định, Phú Yên để trách phạt, chia ra làm 5 hạng(đại phú, trung phú, tiểu phú, hơi nghèo và rất nghèo); cộng số tiền là 136 ngàn 210 đồng (Bình Định 75 ngàn 690 đồng, Phú Yên 60 ngàn 520 đồng) để trả tiền chiến phí cho Pháp kéo quân từ Gia Định ra giúp.

Các nhân vật tương quan tới cuộc ứng nghĩa cần vương Bình Định.

Bùi Tiên Tiên người thôn Đông Đồi, huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định. Đậu Cử Nhân năm Tân Dậu (1861), tại trường thi hương Nam Định. Có công đánh giặc nên được thăng Tri Phủ Hải Ninh từ năm 1878, rồi thăng làm Bố Chánh Quảng Nam. Tháng 9-1885 thân hào Quảng Nam lập Nghĩa Hội do Sơn Phòng Sứ là Trần Văn Dữ làm chủ xướng, tụ họp dân chúng bức giữ tinh thành. Ông Bố Chánh Bùi Tiên Tiên và Tuần Phủ Nguyễn Ngoạn, Án Sát Hà Thúc Quân bỏ thành chạy trốn. Sau đó ông Tiên cáo quan về.

Lê Quang Khiêm người thôn Phú Nông, huyện Phong Điền, Thừa Thiên, đậu Cử Nhân khoa năm Nhâm Tý, Tự Đức thứ 5(1852), làm đến chức Đốc Học rồi về dưỡng bệnh, không làm quan nữa.

Mai Xuân Tín. Ông nguyên tên Mai Văn Phẩm sau đổi tên là Mai Xuân Tín, người thôn Phú Lạc, huyện Tuy Viễn. Trong thời Việt Nam Cộng Hoà thuộc xã Bình Thành, quận Bình Khê, tỉnh Bình Định. Đỗ Cử Nhân khoa năm Đinh Mùi, Thiệu Trị thứ 7(1847), tại trường thi hương Thừa Thiên. Trước khi làm Bố Chánh Cao Bằng ông đã từng lãnh chức vụ ở quân thứ Cao Bằng. Trong thời gian lĩnh chức ở Cao Bằng giặc giã liên miên, quan dân phải thật vất vả và đánh dẹp. Gia dĩ là nơi xa kinh thành, rừng núi khí độc nặng, binh lính ít, lương eo hẹp, thiếu thuốc men, phải cắt mỡ thịt để chữa ghè lở. Trong 4, 5 năm kể từ năm 1866 đến ba lần tinh thành thất thủ, tài lực hao mòn, mỏi mệt. Đã thế mà các quan trấn đóng trong tinh còn phải phái đi Thái Nguyên để hợp lực đánh dẹp giặc, giao một mình ông phòng thủ tinh thành Cao Bằng và đồn Lạc Dương. Ông mất trước khi có biến ở kinh thành. Ông là thân phụ của liệt sĩ Mai Xuân Thương.

Đào Doãn Địch. Sử chi kể lại việc chuẩn định cho các quan thất thủ ở quân thứ các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hải Dương vào tay quân Pháp vào năm 1883, giáng chức, cách chức hoặc miễn nghị. Danh sách khiển phạt này kể từ cấp lớn như Hoàng Kế

Viêm làm Đại Tướng Quân cho đến Phó Lãnh Binh, Tán
Tương Quân Vụ.....trong đó có tên Đào Doãn Địch, xin
lược trích như sau:

.....
Phó Lãnh Binh tinh Sơn Tây thụ Lãnh Binh Đông Văn Quy,

.....
Thị Độc sung Tán Tương Nguyễn Thiện Thuật,

.....
đều giáng 4 cấp, đổi bỏ đi nơi khác.

.....
Bắc thứ Thị Giảng sung Thương Biện Nguyễn Cao,
Thị Độc sung Tán Tương Phạm Phú Lân,
Trước Tác sung Tán Tương Đào Doãn Địch,

.....
đều giáng 3 cấp, đổi bỏ nơi khác.

Sau khi chiếu Cần Vương ban ra hơn hai tháng,
ngày 19 tháng 9 tức ngày 11 tháng 8 năm Ất Dậu, triều đình
với sự ưng thuận của Pháp đưa Nguyễn Phúc Ứng Đường
lên ngôi thay vua Hàm Nghi. Có người theo về phía vua
anh là Đồng Khánh chấp nhận sự đô hộ của Pháp. Có người
tiếp tục hưởng ứng hịch Cần Vương theo về phía vua em là
Hàm Nghi đứng lên chống Pháp.

Tán Tương Đào Doãn Địch chủ xướng cuộc Ứng
Nghĩa Cần Vương ở tỉnh Bình Định. Nhưng chỉ được mấy
tháng ông mất (vào khoảng tháng Tám năm 1885).

Phụ chú: Vua anh, vua em.

Nguyễn Phúc Miên Tông tức là vua Thiệu Trị, có nhiều
con:

1. Nguyễn Phúc Hồng Bảo.
2. Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, làm vua niên hiệu Tự
Đức. Đời vua thứ tư của triều Nguyễn. Không có
con, nuôi ba người cháu:
 1. Dục Đức (Nguyễn Phúc Ứng Chân)
 2. Chánh Mông (Nguyễn Phúc Ứng Đường)
 3. Dương Thiện (Nguyễn Phúc Ứng Đăng)
3.

4. Nguyễn Phúc Hồng Y, các con:

1.....

2. Nguyễn Phúc Ứng Chân, tức là vua Dục Đức. Đời vua thứ 5.

.....
26. Nguyễn Phúc Hồng Cai, các con:

1. Nguyễn Phúc Ứng Đường, tức là vua Đồng Khánh. Đời vua thứ 9.

.....

3. Nguyễn Phúc Ứng Đăng, tức là vua Kiến Phúc. Đời vua thứ 7.

4.....

5. Nguyễn Phúc Ứng Lịch, tức là vua Hàm Nghi. Đời vua thứ 8.

.....
29. Nguyễn Phúc Hồng Dật, tức là vua Hiệp Hoà. Đời vua thứ 6.

.....

Thời bấy giờ có câu ca dao:

Một nhà mà dặng ba vua,

Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài.

Đó là nói về Kiên Thái Vương Hồng Cai có ba người con làm vua. Vua còn là vua Đồng Khánh; vua mất là vua Kiến Phúc, vua thua chạy dài là vua Hàm Nghi. Vua Đồng Khánh là vua anh, vua Hàm Nghi là vua em.

Võ Phong Mậu. Ông người thôn Kiên Phụng, huyện Tuy Viễn, nay là thôn Thuận Hạnh, xã Bình Thuận, Quận Bình Khê, tỉnh Bình Định; đậu Cử Nhân khoa Quý Dậu, năm Tự Đức thứ 26 (1873) tại trường thi Bình Định. Ông được Mai Nguyên Soái cử làm Tham Trấn, Nguyễn Trọng Trì làm Hiệp Trấn, Trần Tân làm Quản Trấn, Trần Trung làm Phó Quản Trấn thứ Hương Sơn. Khi thứ Hương Sơn thất thủ, ông Tham Mậu trốn về quê ông và bị cộp vô chết.

Thôn Thuận Hạnh có một ông Tiến Sĩ tên là Võ Văn Hiệu. Ông đậu Tiến Sĩ khoa Đinh Mùi (1847) về đời Thiệu Trị. Ban đầu bổ Tri Phủ Tuy An, dẹp trộm cướp an dân cư, rất

được lòng dân chúng. Vua triệu về kinh làm Ngự Sử, dân xin lưu ông lại. Năm Tự Đức thứ 5(1852) đổi làm Tri Phủ Ba Xuyên, am hiểu chánh thể, biết rõ tình hình người thiếu số, thanh liêm công bình không những nhiều. Người ta xưng là tuần lương. Không rõ có liên hệ tộc thuộc với Tham Mậu hay chăng, cũng xin ghi ra đây để tiện tra cứu.

Nguyễn Trọng Trì. Ông người thôn Vân Sơn, huyện Tuy Viễn, nay thuộc địa phận thị xã Đập Đá, tỉnh Bình Định; đậu Cử Nhân khoa Bính Tý, năm Tự Đức thứ 29(1876) tại trường thi Bình Định. Ông là người đứng thứ nhì sau Võ Phong Mậu trong nhiệm vụ ở thứ Hương Sơn. Sau khi việc Ứng Nghĩa Cần Vương tan rã, ông bị tước Cử Nhân, về cư ngụ ở phía ngoại là thôn Bình Đức, xã Bình An, quận Bình Khê. Ông là một nhà giáo có cả hai đặc tính mà người xưa thường lấy đó làm tiêu chuẩn để phẩm bình về một thầy đồ:

Nhất hay chữ, nhì dữ đòn.

Ông hay chữ nên dù ông chỉ đỗ Cử Nhân người ta vẫn tôn ông là ông Tiến Sĩ. Khi nhắc đến chuyện thứ Hương Sơn người ta thường gọi: Ông Tham Mậu, cụ Nghè Trì hay cụ Nghè Vân Sơn. Ông dạy học trò rất nghiêm, thường dùng roi để phạt, ngay cả những học trò đã lớn tuổi có vợ con.

Nghe kể lại, chỉ có một lần duy nhất được biệt lệ. Một lần vào ngày cuối năm, học trò tổ chức lễ cúng tạ trường. Học trò lớn nhỏ góp tiền làm heo đặt bàn cúng tạ trường rồi lần lượt đến lạy tạ ơn thầy dạy dỗ trong năm, sau đó cùng nhau cỗ bàn ăn uống. Tuổi học trò nhà quê có lẽ ngày tạ trường là ngày vui nhất trong năm. Ngày đó như được chút tự do, được nhìn thấy thầy nhoèn miệng cười, và nhất là được nghỉ ở nhà trọn tháng .

Sau khi uống chung rượu từ người học trò trường tràng trân trọng bung khay dâng lên cung kính mời, cụ Nghè Trì giao việc trường cho trường tràng lo tiệc ăn uống. Cụ có việc phải đi.

Gặp dịp may hiếm có, mấy cậu học trò lớp lớn rủ nhau mua thêm rượu.... Uống rượu làm thơ, rồi quá chén say nằm lăn ra đất ngủ. Đến khi tỉnh dậy thì mặt trời lên đã

quá con sào. Hoàng hốt rù nhau rừ mặt và yên chí thể nào cũng lãnh một trận đòn cuối năm. Nhưng không, chỉ thấy một bài thơ dán trên vách như sau:

Rắn say rượu.

Rượu không kẻ uống bán cho ai !

Hỏi uống làm chi đến nổi sai ?

Lung chén trí còn hơi tinh tinh,

Đầy chung giọng đã kéo dài dài.

Bôi vôi đắp chiếu may còn đỡ,

Bê trán u đầu ấ phải tai.

Bào chó học đòi ông Lý Bạch,

Thơ đâu sắp để đến trăm bài.

Mấy anh học trò hú vía !

Nhiều người nói sau khi bị tước Cử Nhân, ông có đi thi lại nhưng không thấy tên trong danh sách thi đỗ từ sau năm 1887. Ông có soạn quyển Tây Sơn Lương Tướng Truyện, Tây Sơn Danh Tướng Chinh Nam Truyện.

Trần Tân. Ông còn gọi là Trần Văn Nhã hay Quán Nhã, người thôn Trường Định, huyện Tuy Viễn, nay là thôn Trường Định, xã Bình Hoà, quận Bình Khê, tỉnh Bình Định. Ông vốn là dòng dõi Võ sư Trần Kim Hùng (Trần Kim Hùng là ông nội của bà Trần Thị Huệ, Chánh Cung Hoàng Hậu của vua Thái Đức Nguyễn Nhạc và cũng là ông nội của nữ kiệt trong Ngũ Phụng Thư Trần Thị Loan). Ông là một người hào sảng, có khí tiết, trọng thực tế, phẩm hạnh cao mọi người kính nể, được mời làm Quán Trấn cùng với hai vị khoa mục Võ Phong Mậu, Nguyễn Trọng Tri chia lo công việc chung ở thứ Hương Sơn. Người cháu họ là Trần Trung cũng là người nổi tiếng nghĩa khí, giỏi võ nghệ ở đất Thuận Hạnh cũng được mời làm Phó Quán Trấn.

Việc xảy ra thật đau lòng cho Nghĩa Bình nhưng cần phải nói; nói để đời sau nhìn thấy gương người xưa, noi theo hoặc cố tránh. Việc như thế này:

Hai ông Quán Trấn và Phó Quán Trấn, một ông đi họp với thượng cấp, một ông đi dò xét tình hình. Được tin quân của triều đình họp với quân của Trần Bá Lộc trong Nam kéo ra

đã tiến đến gần bên dò Bàu Sáu. Ông Quán Trấn vội phi ngựa trở về trấn để bàn hai ông Tham,Hiệp lo việc chống cự. Về tới bàn doanh thấy hai ông đang ngồi đánh cờ. Ông Quán nổi nóng, xẵng giọng với hai ông kia, rằng giặc đến nơi không lo, còn ngồi đánh cờ. Rồi thuận tay, ông Quán xua bàn cờ đổ xuống đất. Ông Tham cũng nổi nóng, cho thế là phạm thượng, kêu cận vệ bắt ông Quán đem chôn sống.

Một lúc sau ông Phó Quán phi ngựa về khẩn báo tình hình nguy cấp, mới hay có sự xảy ra, bèn xin mọi ông Quán lên. Người còn ốm, hơi thở yếu. Mọi người cố cấp cứu, nhưng đã muộn!

Ông Quán có con ngựa ô, cùng mẹ với con ngựa kim của Mai Nguyên Soái. Mỗi lần quy ngài hội lại, hai con ngựa thường đứng gần bên nhau trên đám cỏ, vô cùng quyến luyến.

Con Ô hí vang, nhảy đá bức dây cương, chạy một mạch về nơi đóng quân của Mai Nguyên Soái. Thấy con ngựa của ông Quán Trấn chạy về không chủ, biết là có chuyện chẳng lành. Ông Mai vội gióng ngựa xuống thú Hương Sơn thì xác ông Quán đã đưa về Trương Định để mai táng.

Lần thứ nhì người ta thấy ông Mai khóc.

Lần thứ nhất khi dân thôn Phú Lạc cờ trống xuống tinh rước ông cử tân khoa về làng. Ông cử tân khoa mặc áo mào vua ban, ung dung ngồi trên kiệu. Khi đoàn rước đến thôn Kiên Luông, giáp ranh với thôn Phú Lạc, có một ông già say rượu (không biết say thật hay giả say!), đứng cản giữa đường la hét:

-Giặc đánh khắp nơi , Kinh Thành thất thủ, Hoàng Thượng xuất bôn, lòng người nhốn nháo, kẻ sĩ sao chẳng biết hổ người, còn thung dung để cho bọn dân đen khom lưng đón rước! Kẻ sĩ có thể điềm nhiên tọa thị được à? Mặt ông tân Cử Nhân Mai bỗng sa sầm, rồi hai giọt lệ từ từ lăn trên má. Đó là lần đầu tiên người ta thấy ông Mai khóc.Ông già say kia cũng ôm mặt khóc.

Nghiên rằng ông bước xuống kiệu, bảo dẹp trống xếp cờ thôi rước. Một mình ông lặng lẽ đi qua con đường tắt về nhà.

Ông tìm gặp cụ Tán Tương Đào Doãn Địch, đang chủ xướng việc cân vưng và được giao coi mặt Tây Bình Định.

Gò Hương Sơn là một triền của núi Thom (Hương Sơn), nằm giữa 4 thôn: An Chánh, Kiên Thành, Trường Định, Vân Tường. Từ gò Hương Sơn xuôi Đông, hướng về tỉnh lỵ, phải đi qua các thôn An Chánh, An Vinh, Đại Bình thì đến bến đò Bàu Sáu. Bàu Sáu rất sâu, muốn qua phải đi đò. Nơi đây là một chướng ngại thiên nhiên, binh lính khó vượt qua được. Ông Mai cho lập quân thứ ở gò Hương Sơn, và một tiền đồn ở thôn Đại Bình, bên này Bàu Sáu. Bên kia Bàu Sáu là thôn Thiết Tràng.

Từ thứ Hương Sơn dựa theo suối Cam Tuyền đi vào núi, đi qua các thôn Trường Định, Phú Ân, Phú Hữu, Hưng Long, Thuận An, Thuận Ninh là đến xứ Thượng trong vùng núi non trùng điệp. Trong đó có vùng đất Đông Quan thuộc thôn Thuận Ninh rộng mênh mông, phì nhiêu có khe suối dễ đem nước vào trồng lúa. Đường vô chốn này lại hiểm trở. Nơi đó là Bắc Trại, hậu cứ của Nghĩa quân.

Thứ Hương Sơn là một vị trí quan trọng, vừa là tiền đồn án ngữ mặt Đông, bảo vệ hậu cứ Lộc Đông, vừa là đường rút lui vào hậu cứ về mặt Bắc. Cho nên, bốn nhân vật ông Mai dẫn đo cân nhắc thật kỹ trước khi mời tham gia trấn thủ Hương Sơn, rất có ý nghĩa:

Ông Võ Phong Mậu là người địa phương thống thuộc vùng chân núi Thuận Ninh, Thuận Hạnh, Thuận Truyền.... nằm dọc theo triền dãy Trường Sơn, nối liền với Quảng Ngãi. Ông lại biết võ, cùng học võ với Trần Trung người cùng thôn. Và lại ông đậu Cử Nhân trước Cử Nhân Nguyễn Trọng Trì ba khoa nên ông được mời làm chánh, tức là Tham Trấn. Ông Nguyễn Trọng Trì làm Hiệp Trấn, kẻ như là phó.

Ông Trì thống thuộc vùng từ Đại Bình trở xuống, là vùng Thiết Tràng, Thiết Trụ, Vân Sơn, quê ông.

Quanh vùng Hương Sơn là khu ảnh hưởng của ông Trần Tân. Ông Tân là người có uy tín, lại là chỗ quen biết thâm tình từ trước với ông Mai. Cho nên Ông Tân được mời làm Quản Trấn, nhân vật thứ ba là như vậy.

Trong bài ai điệu “Khốc Trần Quản Trấn” của Mai nguyên soái có câu:

Bộc trực đón đau lòng tráng sĩ,
Đồng tâm chua xót dạ tương tri.

đủ nói lên tâm trạng của ông Mai trước việc đáng tiếc xảy ra giữa ba người mà ông trân trọng.

Ông Quản Trấn có bảy người con, ba trai bốn gái. Người con đầu tên Trần Thị Nhã. Người con gái út tên Trần Thị Dung, lấy ông Tú Tài Đoàn Cống ở thôn Mỹ Yên (nay là thôn Mỹ Yên, xã Bình An), một nhà giáo là thân phụ của võ sư nổi tiếng côn quyền Đoàn Phong mà các con một nhà đều giỏi võ: Đoàn Dũng, Đoàn Churu, Đoàn Kịck, Đoàn Mích.

Một người con trai út, em Trần Thị Dung tên Trần Phương, là ông ngoại của thi sĩ Quách Tấn. Người con trai lớn tên Trần Duy Thiện làm Xã Trưởng, có hai con đều là chân Học Sanh, một người làm Chánh Tổng tên Trần Trác một người đậu Tú Tài tên Trần Duy Khương. Cháu chắt cánh này đa số theo ngành giáo dục như Trần Văn Biên từng làm Chánh Sự Vụ Sở Học Chánh tỉnh Bình Long, Trần Thống làm Phó Hiệu Trưởng trường Nguyễn Huệ Qui Nhơn, Trần Văn Duy, Trần Văn Thương, Trần Văn Cảnh, Trần Đức Phúc, Trần Lý hườn, Trần Lý Nhi.....

Năm 1945, Chánh quyền Việt Minh lấy tên ông đặt tên làng Trường Định là làng Văn Nhã.

Trần Trung. Ông vốn người Trường Định nhưng hưởng phần hương hoá phía ngoại ở Thuận Hạnh nên về ngụ cư ở nơi này. Thời bấy giờ vùng Thuận Hạnh lắm cọp beo và những tay anh chị lật trời đổ nước lấy vùng này làm chốn trú thân. Trộm cướp cũng lui tới phá cướp những nhà giàu có. Vì thế mà chuyện học võ để phòng thân, bảo vệ gia đình là một nhu cầu. Ông Trần Trung và ông Cử Mậu cùng

học võ một thầy. Nghe đâu hai ông đều là học trò của ông Từ Thứ, một tay võ nổi tiếng đương thời người Trường Định. Nhưng không chắc lắm.

Sau vụ thất trận ở thứ Hương Sơn ông Trần Trung cũng như ông Tham Mậu trốn về Thuận Hạnh ẩn lánh. Hậu duệ của ông Phó Quản Trấn là ông Hương Bộ Năng, thời Đế Nhất Việt Nam Cộng Hoà làm Chủ tịch xã Bình Thuận, là nhạc phụ của cố Giáo Sư Chánh Thanh Tra ty Văn Hoá Giáo Dục và Thanh Niên Bình Định Lê Hữu Tuyền.

Trong lúc lo chôn cất Trần Quản Trấn cũng là lúc tin khẩn cấp dồn dập đem đến, quân Pháp do Trần Bá Lộc chỉ huy và quân của triều đình họp lại tiến công theo ba cánh:

.Một cánh dọc theo sông Côn đi ngược lên bên này bờ sông qua các thôn An Thái, Thủ Thiện, Lai Nghi, Xuân Hoà, Phú Phong tiến đánh căn cứ Đồng Hươu (Lộc Đồng). Hai phòng tuyến Xuân Hòa, Phú Phong do nghĩa quân trấn đóng tuy chống cự mãnh liệt nhưng rốt cuộc bị chọc thủng. Căn cứ Lộc Đồng bị san bằng. Mai Nguyên Soái phải rút sâu vào rừng cổ thụ.

.Một cánh bên này sông Côn qua các thôn Thiết Trụ, Thiết Trảng, vượt Bàu Sáu, gặp sức kháng cự mãnh liệt của nghĩa quân từ bên tiền đồn Đại Bình bắn qua. Sau nửa ngày giao tranh mặt trận Bàu Sáu bị vỡ, thứ Hương Sơn cũng bị san bằng. Nghĩa quân rút lui dọc theo suối Cam Tuyền hướng về núi Thuận Ninh.

.Một cánh từ hướng Gò Găng dọc theo quan lộ qua các thôn Mỹ Yên, Vân Tường chặn đường rút lui vào núi dọc theo suối Cam Tuyền ngang cầu chợ Trường Định. Một số nghĩa quân rút lui về hướng này bị bắt hoặc bị giết. Một số lần lượt ra đầu thú.

Bản án Mai Xuân Thuồng.

Trần Lưu Huệ. Nguyên tên Trần Gia Thiện sau đổi là Trần Lưu Huệ; người thôn Vĩnh Xương, huyện Phong Điền, Thừa Thiên. Đậu Cử Nhân khoa Đinh Mão, năm Tự Đức thứ 20(1867), tại trường Thừa Thiên. Làm quan trải các

chức Tổng Đốc Bình Phú, Tổng Đốc Nghệ An, sau về trông coi Đô Sát Viện. Ông xét lại vụ án Mai Xuân Thường do tinh thần Bình Định tâu lên .Sách Đại Nam Thực Lục chép như sau:

“Lúc trước quan tỉnh Bình Định Nguyễn Hiệp tra xét án Mai Xuân Thường:

Xuân Thường bị lăng trì xử tử.

Anh em ruột là 2 tên **Xuân Khánh, Xuân Quang** không biết can ngăn.

Anh em họ thân 4 tên **Hoà , Vân, Nghị, Dao** lại nhận chức hàm đều bị tội chém ngay. Bản án đã thi hành.

Còn bác y **Chất** 72 tuổi, **Đức** 65 tuổi, **Hanh** 62 tuổi; anh họ thân **Dur, Dương, Tuyết, Ngân**; em họ thân **Cầm, Hoán, Dũng, Hoá, Phát**, cộng 13 tên, xét thuộc án thường, không dự vào việc làm giặc, đều giảm tội chết, phát lưu ra nước ngoài, giao cho tàu Pháp nhận chở đi an trí. Bộ Hình đã làm phiếu tâu lên, chuẩn y theo xét định.

Đô Sát Viện Trần Lưu Huệ chấp pháp tâu rằng:

“Các tỉnh ở Trục Kỳ, Hữu Trục Kỳ mấy năm nay lấy cớ làm việc nghĩa xúi giục làm loạn, dù quan tỉnh cũng không không chế được huống là tư thế cha anh của y cũng khó can ngăn !

Hiện nay những tên cừ mục thù xương, phần nhiều chưa bắt kết án, nếu bắt kẻ có dự mưu làm ác hay không; án luật cứ nhất thiết buộc tội châu liên, thì một người làm ác cả họ phải chịu tội, sợ rằng không phải để tỏ lòng thương xót mà chỉ để yên lòng bọn làm phản.

Gần đây, lũ đầu mục của giặc như Hoàng Phúc, Nguyễn Phạm Tuấn, Bùi Điền đã không bắt tội lây.

Nay 5 anh em của y đều đã bị thọ hình, dù tỏ răn bảo. Còn bác chú anh em họ thân của y 13 người, xét ra không can dự. Xin nên miễn phát vãng biệt xứ những người này, nhưng giao về quê chúng là thôn Phú Lạc lãnh quản”.
Vua y cho.”

Lưu ý: Đoạn trên có hai con số nhầm: 7 thay vì 5; 12 thay vì 13.

(Nguyên bản Hán Văn và phiên âm đoạn này được kèm theo ở cuối bài .)

Mai Xuân Thường. Họ Mai ở thôn Phú Lạc là một họ giàu có có tiếng. Riêng về khoa cử, huyện Bình Khê (Sau vụ Cần Vương huyện Bình Khê mới được thành lập năm 1888) có 17 Cử Nhân trong số 253 của toàn tỉnh Bình Định. Như vậy nếu tính theo tỷ số là thấp. Nhưng bù lại thì đại khoa lại đoạt được 3 trong số 8 Tiến Sĩ, Phó Bảng của tỉnh thì cũng có phần an ủi. Riêng thôn Phú Lạc có đặc biệt khác: Toàn huyện chỉ mỗi gia đình họ Mai ở thôn Phú Lạc là có hai cha con cùng thi đậu. Nhà giàu có mà hiếu học, đó là một chuyện khó trong đời. Ông Mai Xuân Phẩm vì vua vì nước phải chia tay người thân suốt cả cuộc đời ở nơi rừng thiêng nước độc Cao Bằng. Ông Mai Xuân Thường ứng nghĩa cần vương cũng chỉ vì vua vì nước mà thôi. Nhưng thực tế trước mắt là để bảo vệ ngai vàng triều Nguyễn dù vua Hàm Nghi hay Đồng Khánh.

Cũng người Bình Định, trước ông Mai Xuân Thường một chút, sau thân phụ ông Mai Xuân Thường một chút, có một người không theo phong trào Cần Vương. Khi phong trào Cần Vương nổi lên ở Bình Định, là lúc ông cáo quan ở triều đình Huế về ở quê. Nghĩa quân có mời ông tham dự. Ông lấy cớ đang đình gian bà mẹ nên từ chối. Nghĩa quân đến nhà vây bắt. Ông phải ẩn trốn trong Chùa Ông Núi. Đến khi vua Đồng Khánh lên ngôi, ông được triệu về kinh phục chức và được trọng dụng. Ông đã từng làm Tổng Đốc, Thượng Thư, lên đến Nhất phẩm trong triều đình. Thế đứng của ông đối với bên ứng nghĩa cần vương nhìn ra như đối lập, hai thế chênh vênh đầu giốc. Nhưng hành động của ông thật khác xa với những Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải.... Có lần ngồi ghé Tổng Đốc Nghệ An, viên Tri Huyện Nam Đàn bắt người thanh niên yêu nước Phan San (sau đổi là Bội Châu) lên nộp ở tỉnh. Tới đến quan Tổng Đốc cho trải chiếu cũ xuống sàn gạch, cùng ngồi với người thanh niên yêu nước nọ, bàn quốc sự rồi thả

về. Nhân vật đó chính là Hiệp Biện Đại Học Sĩ Đào Tấn, nhà soạn tuồng Hát Bội nổi tiếng dưới triều vua Tự Đức.

Ông gởi gắm rất nhiều tâm tình cảm mến của ông đối với Nghĩa quân qua tác phẩm tuồng và đồng cảm nỗi chua xót của Nghĩa quân trước cảnh nước mất nhà tan, nhân tình điên đảo.

Mở miệng cười, cười cũng khó khăn,

Ôm lòng chịu, chịu càng đau đớn.

Có lẽ ông đã nói giùm cho ông Mai Nguyên Soái qua nhân vật Tiết Cương trong tuồng Hộ Sanh Đàn. Khi hay Mai Nguyên Soái bị hành quyết ông cũng có câu đối điều như sau:

Bình tặc chí nan thành, **anh** phong Linh Đồng xuy cao thọ;

Định biên công vị toại, **hùng** khí Côn Giang phó bích lưu.

Nhìn câu đối trên, chúng ta thấy nổi bật ấn ý của tác giả viết câu đối: Bình Định Anh Hùng.

Việc dụ gạt ông Mai đầu hàng là một hành động nham hiểm và đê hạ.

Cho nên khi đưa ra pháp trường xử chém, từ trước đến sau ông Mai vẫn giữ một thái độ ung dung vừa cao ngạo.

Có người bạn, một lần nào đó, thân mật vỗ vai một người bạn chí thân, đưa ra một nhận xét ngộ nghĩnh:

-Dân Bình Định của bạn rất dễ thương và cũng rất “xác” đấy bạn ạ!

Chưa kịp suy nghĩ về chữ xác ông bạn dùng, thì ông tiếp cắt nghĩa ngay:

Nữ soái Bùi Thị Xuân, người làm cho binh tướng Nguyễn Vương khiếp phục trong trận Trấn Ninh. Vốn nghe danh nữ kiệt, vua Gia Long truyền dẫn đến xem mặt, hỏi có xin ân xá không. Nữ kiệt đáp:” Ta đâu có sợ chết mà phải chịu nhục hạ mình trước một kẻ tiểu nhân đắc thế!”

Như vậy không xác là gì!

Nếu thế thì cũng có thể nói ông Mai Nguyên Soái rất xác. Ông xác đứng giữa pháp trường. Ông xác kiểu Bình Định thứ thiệt, theo kiểu nói của ông bạn thân kia. Và cường điệu thêm một chút, ông xác ngay với cả Từ Thần.

Cháu nội Mai Nguyên Soái là Mai Xuân Tài. Thời Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hoà, ông Tài làm Thôn Trưởng thôn Phú Lạc, là một nhân vật rất có uy tín của xã Bình Thành. Vì thế bọn Việt Cộng ở trên núi đã lên xuống ám sát ông.

Con ông Mai Xuân Tài hiện tỵ nạn ở ngoại quốc trong đó có ông Mai Xuân Lục.

Mai Xuân Hoà. Ông là anh em chú bác ruột với Mai Nguyên Soái, cũng người thôn Phú Lạc, giữ chức Phó Nguyên Soái, bị trảm quyết. Xác đem về chôn ở Phú Lạc, sau đem cải táng trên núi sau làng. Nơi này rất cao và nguy hiểm, có nhiều cọp hùm thú dữ. Muốn lên phải đi cả đoàn hai ba chục người, mang theo vũ khí như gậy gộc, giáo mác để phòng thú dữ; mang cả dao rựa để phát đường mà lên tới mộ ở tận trên đỉnh núi, và phải đi từ gà gáy sang đến quá trưa mới tới nơi.

Mộ liệt sĩ Mai Xuân Hoà nằm trên một vùng đất tương đối bằng phẳng, ở giữa hai con suối, đá xếp chập chồng, nước trong xanh chảy lượn khúc quanh năm, lòng suối không bao giờ cạn. Hai con suối nhập thành một, gọi tên là suối Bà Trung trước khi đổ vào sông Côn, xé trên bến đò Kiên Mỹ (bến đò này nay đã được thay thế bằng con cầu nối liền hai thôn Kiên Mỹ, Phú Phong thời Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hoà). Bên kia mộ là một đồi hoa mai trắng hồng chen lẫn, đua nở tư mùa. Đàn chim rừng rộn rịp bay đi bay về, không ngớt cao giọng líu lo đua hát. Đứng từ nơi mộ nhìn xuống người ta có thể thấy rõ cảnh trí các xã Bình Phú, Bình Thành, Bình Hòa, Bình An, Bình Tân, Bình Thuận, nằm trải dài ra xa từ chân núi. Trước mặt là sông Côn từ nguồn đổ xuống, dòng nước lững lờ quanh co ẩn hiện sau những hàng tre khóm lá thưa nhạt đứng sát hai bên sông.

Mỗi năm chỉ thăm mộ Mai Phó Soái một lần vào ngày rằm tháng Tư âm lịch là ngày mười một liệt sĩ bị đem ra hành quyết.

Ông Mai Xuân Hoà duy nhất có một người con. Khi ông bị tử hình thì còn nhỏ tên là Mai Xuân Phương. Mai Xuân Phương lớn lên làm chức Chiếu Quán nên thường gọi là Chiếu Quán Phương. Ông Chiếu Quán liên tiếp cưới bốn bà vợ mà không có con. Bà vợ đầu tiên là cháu Cừ Nhân Lâm Duy Hiệp (còn gọi là Duy Thiếp, Duy Nghĩa), người mà đã một thời làm trải qua các chức Tổng Đốc, Thượng Thơ, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, Phụ Chánh Cơ Mật Đại Thần. Sau cưới một bà goá chồng mới sanh được một gái. Đó là thân mẫu Giáo Sư Huỳnh Hữu Dụng, nguyên là Trường Ty Văn Hoá Giáo Dục Và Thanh Niên tỉnh Bình Định và thị xã Qui Nhơn cho đến ngày Việt Cộng cưỡng chiếm Miền Nam 1975.

Bùi Điền. Ông là dòng dõi của bà Bùi Thị Xuân. Người thôn Xuân Hoà, Xã Bình Phú, huyện Bình Khê. Quê mẹ ở thôn Gia Trị huyện Hoài Ân. Ông tánh tình điềm đạm, võ nghệ cao cường, thường đi đây đi đó kết giao nhiều bạn bè. Trong đó có Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Hoá. Khi Mai Xuân Thường ứng nghĩa Cần Vương, Bùi công là người liên lạc hợp tác giữa hai nhóm Tuy Viễn và Hoài Ân. Hậu duệ của ông là ông Bùi Tu, thường gọi là Bầy Tu. Không có con.

Các tỉnh Hữu Trục Kỳ là Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá. **Khâm Mệnh Hữu Trục Kỳ** là Hoàng Tá Viêm.

Các tỉnh Tả Trục Kỳ là Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận. **Khâm Sai Tả Trục Kỳ** là Phan Liêm. **Khâm Sai Phó Sứ** là Phạm Phú Lâm.

Phan Liêm. Phan Liêm hay Tông là con thứ ba của Hiệp Biện Đại Học Sĩ lãnh Đông Đốc tỉnh Vĩnh Long Phan Thanh Giản. Sau khi thân phụ ông đương nhiệm Tổng Đốc, giao thành trì Vĩnh Long cho Pháp rồi uống thuốc độc tự tử và mẹ cũng mất, ông cùng em là Phan Tôn ở lại làng Bảo Thạnh, huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long cùng khởi nghĩa chống Pháp. Thất bại ông chạy ra Bình Thuận rồi Huế, theo

Nguyễn Tri Phương ra Bắc. Ngày 20/11/1873, Francis Garnier công phá thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương bị thương, Phò mã Nguyễn Lâm tử trận. Ông Liêm và Tôn bị Pháp bắt, sau giao trả cho triều đình Huế. Cả hai đều được trọng dụng.

Năm Đồng Khánh nguyên niên, phong trào Cần Vương lên mạnh ở Quảng Nam trở vào, nhất là Quảng Ngãi, Bình Định. Tiểu Phủ Sứ Nguyễn Thân phải tâu về kinh xin viện binh. Phan Liêm đang làm Phủ Doãn Thừa Thiên thăng Thị Lang, gia hàm Tham Tri sung làm Khâm Sai Đại Thần, cầm cờ tiết, mang theo 300 lính tập do Pháp tuyển cấp, lương tiền, tùy tiện làm việc. Bắt đầu đi từ Quảng Nam, lần lượt đến các tỉnh. Tham Tá Các Vụ là Phạm Phú Lâm thăng Quang Lộc Tự Khanh sung làm Phó Khâm Sai.

Phan Liêm tâu xin:

”Hiện nay việc đánh dẹp bắt được bọn giặc rất nhiều, những tên đại cừ mục (suất đội trở lên) bắt được nên chém ngay. Những người có thể lượng giảm thì xích hai chân hai người một xích, tùy theo nặng nhẹ, phạt khổ sai mười năm hoặc năm năm. Khi mãn hạn cho về”.

Vua Đồng Khánh y cho.

Lần khác Phan Liêm tâu xin:

”Đảng giặc lén ở hương thôn mà hào lý sơ tại không bảm báo, thì theo số giặc đến trú ngụ nhiều hay ít mà trách phạt từ 100 quan đến 3000 quan. Bốn bên cạnh không dò báo đều bị phạt nhưng giảm cho một nửa. Nếu tái phạm phạt gấp đôi”.

Vua Đồng Khánh dụ bảo:

”Cốt phải đánh dẹp võ yên thế nào. Nếu diềm nhiên ngồi nhìn, chỉ lấy phạt là thượng sách, e rằng giặc không bao giờ hết, mà còn cái nghĩa sợ uy mến đức thì sao?”. Vua không cho.

Cũng cần có một chút so sánh số tiền phạt mà ông Khâm Sai tâu xin với tiền lương của các quan lúc bấy giờ. Đời Kiến Phúc (1885) định mức lương đồng niên của các quan như Thượng Thư, Tổng Đốc tiền 250 quan, gạo 200 vuông;

Tuần Phủ tiền 180 quan, gạo 150 vuông; Tri Phủ tiền 35 quan, gạo 30 vuông; Tri Huyện tiền 25 quan, gạo 22 vuông.....

Sau khi dẹp xong ông Phan Liêm được Pháp chấp thuận bổ làm Tổng Đốc Khánh Thuận.

Nguyễn Thân. Người thôn Thạch Trụ, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi. Cha là Nguyễn Công Tấn, đậu Cử Nhân khoa Quý Mão năm Thiệu Trị 3 (1843), làm chức Tiểu Phủ Sứ quân thứ Quảng Ngãi. Có công phủ dụ được mọi Đá Vách ở Quảng Ngãi. Khi chết được tặng hàm Tham Tri.

Nguyễn Thân không đỗ đạt gì, nhờ tập ấm ra làm quan thế chức của cha. Ông có công lớn trong việc đánh dẹp Phong Trào Cần Vương ở Nam Ngãi Bình Phú, được thăng làm Tổng Đốc Bình Phú. Năm Thành Thái thứ 7 (1895), vua sai ông làm Khâm Sai Tiết Chế Quân Vụ đem quân ra đánh dẹp nghĩa quân do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo. Về sau ông làm đến Phụ Chánh, hiền hách ở trong triều, được phong Quận Công trước khi về hưu. Xin trích một đoạn trong một bức thư dài Nguyễn Thân viết đưa quan Toàn quyền Paul Doumer hồi năm 1902, lúc ông này mãn hạn làm việc trở về nước Pháp có liên quan đến Mai Xuân Thưởng như sau:

“.....Tỉnh Quảng Ngãi đã dẹp xong rồi, tôi vâng mạng của đức Đồng Khánh, đem bốn bộ binh mã kéo vô Bình Định đánh dẹp đám dân khởi loạn ở trong tỉnh này. Tôi tiểu trừ được loạn đảng, khôi phục được trật tự và sắp đặt lại công việc cai trị các phủ huyện. Còn tên tướng giặc sau chót là Mai xuân Thưởng chạy về miền An Khê, thì tôi sai quân lính đuổi theo đánh riết.

Cũng trong lúc đó, ông Đốc Phủ Lộc đem toán quân lính của ông ở Nam Kỳ ra tiểu trừ bọn văn thân do Mai Xuân Thưởng làm đầu. Lúc ấy tôi phụng mạng đức Hoàng đế đem quân trở ra Quảng Nam đánh đám giặc văn thân, cầm đầu là tên tướng giặc nổi tiếng Hường Hiệu.....”

Ông là người hung ác và hiểm độc lắm, hay giết người. Trong lúc dùng binh, ông giết người không biết bao nhiêu

mà kẻ. Sau về hưu trí ở làng Thu Xà ông bị điên cuồng mà chết. Người ta nói là bị những oan quỳ báo oán, cho nên khi đang bị bệnh, hễ chớp mắt đi lúc nào là thấy một lũ oan quỳ đầu tóc rũ rượi máu me đầy người, hiện lên để đòi mạng. Mỗi lúc thấy như thế thì ông hét lên, hình như lấy làm sợ hãi hồi hận lắm. (Theo Đào Trinh Nhất, Phan Đình Phùng, trang 185-188).

Con trai ông là Nguyễn Hy cũng đã từng làm Tổng Đốc Bình Định.

Trần Bá Lộc. Xin lược trích đoạn văn trong quyển Sài Gòn Năm Xưa của Vương Hồng Sển (từ trang 234 đến trang 237):

Ông xuất thân “đội” rồi thăng tri huyện, tri phủ, rồi lại về hưu “hàm Tổng-Đốc. Một ông nay ở tỉnh Mỹ Tho, ai đi tàu gần tới xứ sản xuất cam ngon là thấy sừng sừng trước đầu doi ngay khúc ngã ba sông hùng dũng.

Ông là người giữ đạo Thiên Chúa, vì căm thù vua Tự Đức bắt đạo, nên sớm ra giúp Pháp và lập nhiều công lớn, nhưng về già lại bị Pháp bỏ rơi. Ngoài Bắc Hà có ông Hoàng Cao Khải, trong Nam có ông. Nhân vật này đã từng cùng với một nhân vật nữa là Nguyễn Thân, khét tiếng miền Trung, cả hai đồng thủ vai tướng” đánh bại Mai Xuân Thưởng “ vùng Bình Định.

Lính Pháp và quan võ Pháp đánh cùng binh Văn Thân cù nhậy trót một năm trời mà bình không nổi giặc. Người Pháp muốn mua chuộc nhơn tâm, nửa cương nửa nhu, khi chùng khi thẳng và không nỡ xuống tay độc thủ. Pháp bắt được địch quân thì giam vào ngục thất là cùng. Giam mãi ngục thất đầy dẫy người yêu nước, cho nên thét quan Pháp phải viện đến ông. Ông ra quân chỉ có mấy tháng mà dẹp yên vùng Thuận Khánh (Khánh Hoà, Bình Thuận).

Ông người khô ráo dong dầy, môi mỏng, cặp mắt có sát khí. Ông bắt được địch thủ, nhứt quyết không cầm tù và chỉ chặt đầu y quân lịnh: chém người như chém chuối, chém không chừa một con đò. Các ông già bà cả, nay nghe nhắc tên ông, đều thầy lắc đầu. Chính toàn quyền Paul Doumer

đã hạ một câu xác đáng:”Việc ấy đã biết dư, cố nhiên là phải vậy! Nếu muốn (nhơn nghĩa) và chớ chi còn kế hoạch nào khác,thì thà đừng sai hấn cầm binh¹ “.

Ngày nay còn nghe nhắc những phương pháp quá bạo tàn:

- Đê đối phó với các địch binh không khứng ra quy thuận và thường ản mình nơi thâm sơn cùng cốc, có một cách tuyệt đối:

Sai bắt cha mẹ vợ con người ấy, đóng gông cầm tù. Một mặt bố cáo trong ngoài kỳ hạn bao nhiêu ngày, phải ra nạp mạng. Bằng không thì:

- Cha, mẹ, và vợ, bêu đầu làm lịnh;
- Trẻ con thì bỏ vào lòng cối giã gạo, sai lính dùng chày lớn quết như quết nem!

- Đối với phạm nhơn tội không đáng chết, có khi cũng cho thân nhơn lãnh về. Mà đây là một đau lòng khác. Trò chơi ác độc là bỏ người đàn ông vào nóp lá, nóp bàng, mỗi người một nóp may kín đầu đuôi, chỉ chừa một lỗ để lọt “ bộ đồ kín “ ra ngoài, đàn bà nào nhìn được “của riêng “ thì lãnh được chồng về ! Néron là bạo quân tàn nhẫn, Lê Ngoạ triều cũng bạo chúa xú danh, còn chưa nghĩ ra việc này!.....

Đẹp xong giặc, được thăng Tổng Đốc và được ban đệ tam đẳng Bắc đầu bội tinh, nhưng chim dữ hết thì ná treo đầu tường,Pháp ngán nên không dùng nữa.....

Con trai ăn học bên Pháp, về làm quan ít lâu, cũng khét tiếng như cha.....Có dịch tập “Nhị thập tứ hiếu” ra Pháp văn và quốc ngữ. Sau ra làm hội đồng quản hạt (conseiller colonial), dám ăn dám nói, Doumer nhìn nhận người Pháp cũng không bì. Buồn rầu việc tư, tự tử bằng súng lục.

Nguyễn Hiệp. Nguyễn tên là Nguyễn Trọng Biên sau đổi tên Nguyễn Hiệp, người thôn Năng An, huyện Mộ Đức,

¹ “Il fallait s’y attendre et ne pas l’envoyer si on pouvait faire autrement”(L’Indochine- Souvenir par P. Doumer. trang 60)

Tinh Quảng Ngãi. Ông là con Nguyễn Trọng Đôn, đỗ Cử Nhân đồng khoa, cùng trường thi Thừa Thiên với cha Nguyễn Thân là Nguyễn Công Tấn năm Quý Mão, Thiệu Trị thứ 3(1843) làm quan đến chức Giáo Thụ.

Nguyễn Hiệp cũng đậu Cử Nhân tại trường thi Bình Định khoa năm Mậu Ngọ, Tự Đức thứ 11(1858). Ông đã từng ngồi ghế Tổng Đốc Bình Phú và tra xét vụ án Mai Xuân Thuồng, bị Đô Sát viện Trần Lưu Huệ tâu hặc. Năm 1888, cũng vì định án không theo đúng luật pháp phải giáng xuống 2 cấp.

Lê Tiến Thông. Người thôn Thanh Hà, huyện Hương Trà, Thừa Thiên. Đậu Cử Nhân khoa năm Giáp Tý Tự Đức thứ 17(1864) tại trường Thừa Thiên. Từng làm quan đến chức Tuần Phủ Hải Dương. Sau khi được Pháp đề cử giữ chức Tổng Đốc Bình Phú thay Lê Thận, trên đường đến phủ Hoài Nhơn bị nghĩa quân bắt giết. Triều đình truy tặng ông hàm Tham Tri.

Đặng Huy Xán. Người thôn Bác Vọng, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên. Đậu Phó Bảng khoa Kỳ Tỵ (1869). Làm Án Sát tỉnh Bình Phú bị nghĩa quân bắt ở trên đường đến Hoài Nhơn và bị sát hại cùng với Lê Tiến Thông.

Phạm Như Xương. Người làng Ngân Câu, huyện Diên Phước, Quảng Nam. Thi đậu Hoàng Giáp Khoa Ất Hợi (1875). Khi thân hào tỉnh Phú Yên hưởng ứng chiếu Cần Vương chiếm giữ tỉnh thành, ông đang làm Bồi Chánh ở đó, bị bắt giam. Triều đình kết tội đề mất tỉnh thành phạt giáng ông xuống bốn cấp. Sau Khâm Sai Phan Liêm cho người theo dõi bắt được Phạm Như Xương và gia quyến áp giải về kinh do bộ Hình xét xử. Nghị định rằng ông bị bắt hiếp phải theo nên gia on trăm giam hậu, giam cấm ở phủ Thừa Thiên và thân thích thuộc trai gái bảy người. Rồi được khai phục.

Phạm Phú Lâm. Nguyên tên là Lâm đổi ra Lâm. Người thôn Đông Ba, huyện Diên Phước. Con Cử Nhân Phạm Tân Hồng, cháu gọi Tiến Sĩ Phạm Phú Thứ bằng chú. Đậu Cử Nhân khoa năm Mậu Thìn Tự Đức thứ 21(1868).

Đang làm chức Quang Lộc Tự Khanh, được sung Tả Trực Kỳ Khâm Sai Phó Sứ. Đến nhiệm sở ở Quảng Nam được 10 ngày, nghĩa quân doạ đào má tổ tiên ông. Ông hoảng quá, bỏ nhiệm sở chạy về kinh nên bị cách, đi hiệu lực ở Hữu Trực Kỳ, được khai phục làm Biện Lý bộ Lại sung Tham Tá Cơ Mật Viện. Phạm Phú Tiết là cháu gọi ông bằng bác, đậu Cử Nhân khoa cuối cùng năm 1918 tại trường thi Thừa Thiên, sau làm Tổng Đốc tỉnh Bình Định cho đến năm 1945.

Một số hình ảnh: Trích trong sách *Français et Annamites*



Le roi Ham Nghi (Vua Hàm Nghi)



Le roi Dong Khanh (Vua Đông Khanh)



Le ministre Nguyen Than.
(Thượng Thư Nguyễn Thân)



Le song dac Loc
(Tổng Đốc Trần Bửu Lộc)

Sau đây là hình chụp đoạn văn bản chữ Hán trích từ sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên và phần phiên âm.

本朝實錄正編第百七

卷七

初平定省臣阮昉查擬枚春賞之案春實凌遲

處死同胞兄弟不能諫止之春磔春先二名

堂兄弟又受職銜之和雲議瑤四名各問斬

決經卽正法存伊伯父質七十歲德六十五歲亨六

二堂兄譽揚雪銀堂翁錦煥勇化發十三名

察係安常無預僞事各減死發流他國交法

船認駛安置經刑部片準依擬都察院陳劉

惠執奏言左右直畿年來託義扇動雖省官

亦不能制況伊父兄勢亦難於禁約現下首
倡渠目多未到案若不論有無預謀同惡一
槩按律株連則一人造孽全族受辜恐非所
以示哀矜而安反側近日匪渠如黃福阮范
遵裴佃等既無緣坐茲伊犯兄弟五人均正
法梟示足彰炯戒存伯叔堂兄弟等十三名
究無干預請應免其發往別處仍交伊貫富
樂村領管許之

Phiên âm:

Đại Nam Thực Lục Chính Biên – Đệ Lục Kỳ – Quyển Thất
– Tam Thập.

Sơ Bình Định tinh thần Nguyễn Hiệp tra nghĩ Mai Xuân Thường chi án: Xuân Thường lãng trì xử tử. Đồng bào huynh đệ bất năng gián chi chi Xuân Khánh, Xuân Quang nhị danh; đường huynh đệ hựu thụ chức hàm chi Hoà, Vân, Nghị, Dao tứ danh, các vấn trăm quyết. Kinh tức chánh pháp.

Tồn y bá phụ Chất thất thập nhị tuế, Đức lục thập ngũ tuế, Hanh lục thập nhị tuế; đường huynh Dự, Dương, Tuyết, Ngân; đường đệ Cẩm, Hoán, Dũng, Hoá, Phát thập tam danh, sát hệ án thường vô dự ngục sự. Các giảm tử phát lưu tha quốc, giao Pháp thuyền nhận sử an trí. Kinh Hình bộ phiên chuẩn y nghĩ.

Đô Sát Viện Trần Lưu Huệ chấp tấu ngôn:

“Tà Hữu Trục Kỳ niên lai thác nghĩa phiên động. Tuy tinh quan diệc bất năng chế, huống y phụ huynh thể diệc nan ư cấm ước.

Hiện hạ thù xướng cừ mục đa vị đảo án. Nhược bất luận hữu vô dự mưu đồng ác, nhất khái án luật châu liên, tắc nhất nhân tạo nghiệt toàn tộc thụ cô, khủng phi sở dĩ thị ai căng nhi an phần trặc.

Cận nhật phi cừ như Hoàng Phúc, Nguyễn Phạm Tuân, Bùi Điền đăng ký vô lục tọa. Tư y phạm huynh đệ ngũ nhân quân chánh pháp niết thị túc chương hồng giới. Tồn bá thúc, đường huynh đệ đăng thập tam danh, cừ vô can dự. Thịnh ứng miễn kỳ phát vãng biệt xứ, nhưng giao y quán Phú Lạc thôn lãnh quản.”

Hứa chi.

Thay phần kết, xin trích dẫn lời vua Đồng Khánh thảo luận với Khâm Sứ Pháp Hector vào yết kiến ở Tiễn điện, sau khi dẹp xong Mai Xuân Thường:

“ Về thể pháp của bản triều, phạm người có tội phải nên xét kỹ, nếu quả tình tội không thể tha được, mới bắt tội tử hình.

Gần đây căn cứ ở các tỉnh tư về, bắt được giặc lẫn trốn, quý quan không từng tra xét tình trạng nặng nhẹ ra sao, tức thời thương lượng với quan tỉnh cho đem chém. Quan tỉnh cũng sợ là che chở, không dám tra xét. Và lại thường tình dân gian hay thù oán hãm hại nhau; quý quan tánh nóng, mà Tổng Đốc, Tuần Phủ các tỉnh không biết rõ, nếu nhất khái theo thể mà làm, thì trong đó hoặc có người mượn nghĩa công mà báo thù riêng, hoặc lây đến cả người không có tội.

Vậy trừ khi bắn chém tại trận ra, còn thì bắt được kẻ phạm lẫn trốn, thì nên giao cho tỉnh sở tại tra xét tội trạng đích xác mới thi hành, cho mạng người được trọng”

TRƯƠNG TOẠI

Tài liệu tham khảo:

.Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đệ Tứ, Ngũ, Lục Kỳ; Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; Sở Nghiên Cứu Văn Hoá Đông Dương, Đông Kinh, Nhật Bản, 1980.

.Français et Annamites-Partenaires ou ennemis? (1856-1902), Philippe Devillers, 1998.

.Nước Non Bình Định, Quách Tấn, Nam Cường- Sài Gòn, 1967.

.Phan Đình Phùng, Đào Trinh Nhất, Tân Việt, xuất bản lần thứ tư, 1957.

.Quốc Triều Hương Khoa Lục, Cao Xuân Dục.

.SÀI GÒN Năm Xưa, Vương Hồng Sển, Xuân Thu, xuất bản lần thứ hai, 1968.

.Trần Tộc Gia Phả

Cùng một số thơ văn và sự việc mà người soạn được nghe ông nội và các vị cao niên ở trong vùng đã từng theo Nghĩa binh đóng ở thứ Hương Sơn kể lại lúc trẻ.

NHỮNG MẪU ĐỜI KHÓ QUÊN

NGƯỜI HỌ BÙI

“Anh còn nhớ hay anh đã quên?...”

Lời ca thoảng qua tai, làm tôi thâm nhủ: Cố quên đi cho đời thêm nhẹ nhõm. Nhưng làm sao quên được những cái không thể quên!

Một chuyện, đúng hơn là một giai đoạn trong cuộc sống lúc thiếu niên của tôi, cách đây đã hơn một chu kỳ của năm Giáp Thân, trải qua bao nỗi nhọc nhằn, dỗi lừa, phản bội và bất trắc.

Năm Giáp Thân, rồi năm Ất Dậu (1945), tôi với lứa tuổi mười ba, vừa học xong cấp Tiểu học thì cũng vừa lúc Việt Minh lên cướp chính quyền. Cùng trang lứa chúng tôi, làm Thiếu nhi cứu quốc, việc học hành dở dang. Mãi đến năm 1948, mới thi vào học ở bậc Trung học, lớp Đệ Nhất Niên, trường Trung Học Nguyễn Huệ. Nguyên trường này là trường Collège Võ Tánh ở Qui Nhơn. Việt Minh đổi tên và dời đến thôn Hoà Bình, thuộc xã Nhơn Phong, huyện An Nhơn.

Trong thời Kháng Chiến mà được đi học là một điều rất mừng. Toàn tỉnh Bình Định lúc bấy giờ có 7 trường Tiểu học có lớp Nhất cho mỗi huyện. Học xong lớp Nhất, phải thi đậu bằng Tiểu Học mới được dự thi tuyển vào học trường trung học công của tỉnh. Chen nổi vào trong số học sinh được tuyển vào hai lớp Đệ Nhất Niên, kẻ cũng vinh dự lắm.

Chúng tôi lại được học theo Chương trình giáo dục Hoàng Xuân Hãn, là một chương trình rất nặng, do giáo sư Hoàng Xuân Hãn soạn ra, lúc ông làm Bộ Trưởng Giáo Dục trong Chính Phủ Trần Trọng Kim, đời vua Bảo Đại. Chúng tôi vì thế mà cũng hãnh diện luôn!

Học được hai niên khoá, thì trong trường đã bắt đầu có sự bàn tán xì xầm, “rougir” hay không rougir. Thầy tôi có lần

nói ngay trong lớp:”Ồi! Thực tại không gì đáng ghét bằng mi!.”. Có vị giáo sư còn thẳng thừng tuyên bố:” Tôi tên là Nguyễn Hoài Nghi. Vâng! Đúng với tên,tôi hoài nghi thật! Nhưng không hoài nghi về kháng chiến mà hoài nghi về chủ nghĩa.”

Thế rồi, con ngoáo ọp Cộng Sản hiện ra.

Thế rồi, cái tô giáo dục! Chương trình bốn năm trung học rút xuống còn ba năm. Tên trường đổi lần nữa, gọi là Trường Phổ Thông Cấp Ba An Nhơn . Học sinh học xong Đệ Tam Niên đương nhiên vào học lớp Bảy, Học sinh học xong lớp Đệ Nhất Niên đương nhiên lên học lớp Sáu. Khổ nỗi cho học sinh đã học xong lớp Đệ Nhị Niên và được lên lớp Đệ Tam Niên như chúng tôi. Khi vào niên khoá mới, tất cả học sinh lớp Đệ Nhị Niên bị nắm cổ vào thi. Anh nào đậu thì lên học lớp Bảy, anh nào rớt thì ở lại học lớp Sáu với học sinh lớp Đệ Nhất Niên mới lên. Việc này làm chúng tôi tức lắm. Có anh phản đối bằng cách bỏ giấy trắng không chịu làm bài thi. Có anh ức quá bỏ về, không thèm đi học nữa. Anh bạn tôi, anh Bùi Thúc Khán có làm bài thơ, nay chỉ còn nhớ hai câu như vầy:

Tôi trông non nước hoá ra tro,
Đề khời mang thân chú học trò.

.....

Chương trình học thì ngã hẳn theo Tàu Cộng. Sinh ngữ thì bỏ không dạy cả Pháp văn, Anh văn và Hán văn. Thay vào đó thì dạy Hoa văn, tập nói tiếng Quan Thoại. Cơ cơ chồ, ti ti ê chồ....(Ca ca toạ, đệ đệ dã toạ : Anh ngồi, em cũng ngồi)

Điều làm cho thầy trò chúng tôi ngỡ ngàng hơn nữa, là học trò gọi thầy bằng anh, chứ không được gọi bằng thầy nữa. Học sinh gọi thầy giáo là thầy là đầu óc phong kiến.

(Gần đây, khi đã định cư ở Hoa Kỳ, anh bạn tôi có kể lại chuyện sau năm 1975: Những người đi tập kết ra Bắc về lại Qui Nhơn, có tổ chức cuộc hội ngộ, những cựu học sinh Trường Phổ Thông Cấp Ba An Nhơn xưa. Tình cờ, anh bạn tôi được mời tham dự. Gặp lại thầy cũ, mặc dù ông theo

Cộng Sản nhưng ông vẫn là giáo sư dạy các môn Toán, Lý Hoá và Anh Văn của mình ngày trước, anh bạn kính cẩn chào thầy lễ phép. Mười mấy con người, thầy trò ngồi dự buổi họp, nhìn hướng về phía anh bạn tôi, lặng im trong giây lát. Anh bạn tôi chưa bắt được sự lặng yên ấy ý nghĩa như thế nào. Phá tan sự yên lặng đó, thầy đứng dậy, chạy lại cầm tay và ôm chặt bạn tôi vô cùng cảm động, như thử ông đã đánh mất một cái gì quý giá từ xưa, mà ông đã coi thường nó, nay đột nhiên tìm gặp lại. Thì ra, hai chữ “thầy trò”, ông đã cố tình quên nó, từ ngày ông theo đảng. Nay đưa học trò cũ, mang danh là học sinh lên, làm ông xúc động, mà từ trước, cũng những đứa học trò cũ, cùng chiến tuyến với ông, chưa có lần nhắc lại bao giờ.)

Quái gở hơn nữa là quyền cho học sinh lên lớp hay không, không phải là quyền của thầy, mà do quyền của học trò, do “bình nghị” trong lớp quyết định.

Tôi đeo được hai năm, lớp Sáu rồi hết lớp Bảy. Cuối năm 1952 thi bị “bình nghị” tôi không được học nữa, vì thành phần giai cấp.

Đúng là:

Học thì không phải kém,
Sinh hoạt chưa ai tày.
Bởi vì con Địa Chủ,
Nên phải về đi cày.

Về quê, trước tiên là phải trình diện với nhà chức trách địa phương thôn xã để được trao cho công tác gì. Dù sao, với trình độ lớp Bảy, tôi vẫn là một tiểu trí thức ở trong làng, thời mà cán bộ thôn xã, chung chung chỉ mới học hết lớp Hai, lớp Ba bậc Tiểu Học. Còn có cả những người, mới vừa thoát khỏi nạn mù chữ qua các lớp Bình Dân Học Vụ, mà tôi cũng đã góp công dạy những lớp đó, trong những tháng về quê nghỉ hè hàng năm.

Tôi cố gắng thích nghi với hoàn cảnh mới: Tập cày bừa, làm cỏ, gieo mạ, gánh phân....Nói chung là để trở thành người nông dân thuần túy.

Thế rồi, tôi được lệnh đi dân công.

Lần đầu tiên trong đời, tôi được lãnh tiền lương của chính phủ, sau mười năm mài đũng quần ở ghế nhà trường. Tiền đó gọi là Tiền Mắm. Một buổi chiều người Thôn Đội Dân Quân cho gọi tôi lên trụ sở thôn. Một chút ngần ngừ, rồi anh cho biết: tôi được chỉ định đi công tác chuyển kho, thời gian nửa tháng. Tiếp theo anh phát tiền mua thức ăn gọi là tiền mắm, còn gạo mang theo ăn, thì sẽ phát khi lên đường. Có ba ngày để tôi kíp chuẩn bị các thứ cần thiết cho việc gánh lúa.

Đúng ngày ấn định, tôi đến nơi tập trung vào lúc chạng vạng. Tôi được đặt dưới sự chỉ huy của viên Tiểu Đội Trưởng, người cùng xóm. Sau khi nhận gạo ăn, kiểm điểm mọi thứ lần chót, đầu đó xong xuôi, chúng tôi theo thứ tự từng tiểu đội, đến kho chứa lúa Thuế Nông Nghiệp để nhận lúa. Ngay tối hôm đó, chúng tôi gánh lúa chuyên lên các kho ở ven núi. Cứ thế, đêm đi ngày nghỉ lúc ở đồng bằng. Khi lên núi, ngày đi đêm nghỉ, di chuyển từ trạm này qua trạm khác. Tối ngủ lại trại qua đêm, sáng dậy thật sớm nấu cơm ăn và dỡ cơm cho buổi chiều. Khi tới trạm kè thì lấy cơm đã dỡ sẵn đó ra ăn, rồi nghỉ chứ khỏi phải lo việc nấu nướng nữa.

Mới đầu đi nửa tháng, rồi một tháng, rồi đi liên tu bất tận. Cứ hết đợt, về nhà nghỉ chưa được mấy bữa, thì lại sửa soạn lên đường đi chuyển khác. Dù vì lý do nào đó, xin hoãn để đi đợt kế, cũng không được. Còn nhớ một lần nọ, tôi đi chuyển dân công về, bị sốt rét dữ quá. Uống thuốc trị sốt rét, bằng nước dây Ký Ninh. Vừa khỏi bệnh được mấy hôm, chưa kịp lại sức, đã thấy người Trung Đội Trưởng Dân Quân lù lù đến, đem tiền mắm giao tận nhà. Tôi cố xin khất đi chuyển sau vì còn mệt, nhưng nhất định bị từ chối. Cầm nắm tiền mắm trên tay, lòng vô cùng chán nản. Tôi lơ đãng nhìn ra chuồng bò, thấy con bò đang nằm nhơi rơm, hai mắt nó mơ màng nhìn vào khoảng không, dáng vẻ vô tư lự. Nó được thông thả nghỉ ngơi, sau khi làm việc ngoài đồng trở về. Tự nhiên tôi cảm thấy, kiếp con bò sao sung sướng

thế! Đời sống của tôi, quả thật thua xa con bò, đang nằm nhai rơm kia.

Lâu dần, tôi trở thành người dân công chuyên nghiệp, hết làm dân công chuyên kho đến làm dân công chiến trường - gánh đạn cho bộ đội đánh đồn An Khê, Cheo Reo.... Đã là dân công tham chiến, phải di chuyển vào lúc buổi trưa, chiều tối để tránh phi cơ quan sát của Pháp bay lượn chung quanh đồn. Thật lắm gian nan và nguy hiểm. Nơi đây không có trạm để nghỉ chân. Gặp chỗ nào thấy thuận tiện là dừng chân ăn uống, nghỉ ngơi. Lắm chỗ người ta thông báo có cọp hùm, thú dữ. Có lần, sau một đêm lội suối, trời tối như mực, người sau phải nắm thắt lưng người trước cho khỏi lạc, chúng tôi mò mẫm đi trong đêm. Sáng ra khi nhìn lại trên con suối, nhan nhản những trái rộm nũng. Thật là hãi hùng và mừng vì đã thoát nạn. Với đôi dép râu, làm sao khỏi đạp phải trái rộm. Có ai đi rừng mới hiểu rõ sự tai hại khi đạp phải trái rộm thối. Người đạp phải trái rộm thối, thì lông tơ của trái rộm xuyên vào chân. Chân sẽ sưng lên, làm mủ. Cuối cùng thối cả chân, phải chịu tật suốt đời.

Áy thế mà tôi đã đi, cho dù khi ấy tuổi tôi vừa tròn hai mươi và chân ướt chân ráo của tuổi học trò. Tôi phải trải qua một lộ trình từ Phú Phong đi An Khê, Cheo Reo, xuống Củng Sơn (Phú Yên) và về ngã An Trường. Một lộ trình cam go, nguy hiểm với hai thùng đạn dài làm thành gánh chữ A hoa, kè kè trên vai, mà tôi không tin rằng tôi có thể làm được. Nào là thác ghềnh, buôn thượng xa xôi, rẫy thượng trơn trượt... Nhất là phải đi vào lúc giữa trưa nắng gắt hoặc đêm lạnh trong rừng sâu. Có lúc tôi bị lên cơn sốt rét rừng, lạnh run cầm cập, vẫn phải theo đoàn dân công, lội dọc theo các con suối hằng buổi, mặc cho con bệnh hoành hành thân thể tôi, hết lạnh rồi nóng, hết nóng rồi lạnh, cho đến lúc lê thân về đến nhà.

Khi về đến nhà, tôi lại nghe phát động quần chúng đấu tranh với giai cấp trí phú địa hào mà đối tượng chính là thành phần địa chủ.

Gia đình tôi phải chịu trận đấu tranh này.

Không khí trở nên ngột ngạt khi họ cho phổ biến đấu tố ông Bùi Ngang, thuộc xã Ân Tín, quận Hoài Ân. Đó là vụ điển hình đấu tố, phát động toàn tỉnh Bình Định. Thôi thì họ tạo dựng lên lắm điều để phi nhò ông Bùi Ngang và gia đình, để kích động lòng căm thù của dân chúng mà họ chủ trương khơi động.

Không lâu, mỗi huyện họ chọn một nhân vật để đấu tố điển hình cho huyện. Huyện Bình Khê, gia đình tôi là nạn nhân.

Trước ngày đấu tố vài hôm, đã có tổ chức học tập để biết cách đấu tố ở đình Xuân Hoà mỗi buổi tối, do một nhóm chỉ đạo từ cấp trên xuống hướng dẫn.

Từ hôm đó có một số người đến nhà tôi, với những lý do khác thường:

Khi thì hỏi mua gà, khi thì hỏi mua heo, nhưng thực ra họ muốn dò xét một cái gì đó.....Đến ngày chót, họ trực tiếp đến nhà ra lệnh cho nội tôi, ba tôi, dì tôi (tức bà kế mẫu của tôi) phải ra đình Xuân Hoà để cho họ đấu tố. Thấy tai họa đến nơi, ngoài ông, ba, dì và hai em nhỏ tôi còn ở nhà; số còn lại phải tìm nơi khác để tạm nương thân. Chúng tôi không biết những gì sẽ xảy ra mai sau.

Khởi sự đấu tố:

Đêm đầu, gia đình tôi phải chịu sự đàn áp láo khoét của họ để kích thích sự mắng mỏ, chửi rủa của dân làng, do một số nòng cốt làm cò mồi chủ động. Từ xa tôi lắng nghe, lâu lâu một làn sóng phản đối, la ó nổi lên. Tôi phải bỏ hai em nhỏ ở nhà, chạy đến gần đình lén xem, trong nỗi lo sợ.

Tối thứ nhất qua, tối thứ hai qua. Mỗi tối như vậy, gia đình tôi phải chịu sự đấu tố của họ cho đến ba giờ sáng. Khi về đến nhà cả ba thân xác của người thân tôi rũ rượi, thảm nã. Nhưng có điều này tôi không quên được về sự chịu đựng của ông nội tôi, người trụ cột của gia đình. Tôi lại với ông đang ngồi trên võng trầm ngâm....Ông bảo:”Bọn họ chủ trương hành hạ nội, chứ đồng bào trong làng, nội cảm thấy họ vẫn thương nội, mến nội. Cháu yên tâm- gia đình mình phải chấp nhận . Thế thôi!”

Tối thứ ba, đêm thứ ba cũng là đêm đầu tổ chót. Họ kết tội nặng hơn, họ thúc đẩy dân chúng mạnh tay hơn. Họ la hét, đánh đập. Xót ruột quá, tôi chạy lại chỗ đầu tổ gần hơn. Rùi thời, một tên An Ninh lại xét tôi và ra lệnh tôi vào ngôi chỗ dành cho những người thuộc thành phần Phú nông, Địa chủ. Tôi ngồi sau lưng ông nội, ba, di tôi để hứng chịu sự phi nhò mà họ gán ghép cho gia đình tôi. Biết nói làm sao cho vừa!

Tôi ngồi chịu đựng tới ba giờ sáng, chứng kiến lượt đầu cuối cùng là họ bắt ông nội tôi, ba tôi, di tôi phải quỳ, bò suốt quanh sân đình: Một tên cầm đèn đi trước, nắm tóc kéo tới. Một tên đi sau đập tới. Cảm xúc của tôi lúc bấy giờ thật khó tả hết được.

Đã thế, ban ngày họ bắt gia đình tôi ra trụ sở “làm việc”. Còn ở nhà, anh em tôi lại chứng kiến: một số trẻ con tụ tập trước nhà tôi để diễn lại tuồng đầu tổ đêm qua. Tôi chỉ biết nuốt hận làm ngơ.

Sau đó, bạn thân, họ hàng bà con tôi, hễ thấy tôi từ xa là họ lảng tránh ngò khác. Đầu đó râm ran câu ca dao thời đại:

Có chồng Bàn, Cò là tiên,
Có chồng Địa chủ là duyên con bò.

Hay là:

Bàn Cò nông, ăn cơm không rời ngủ,
Phú nông, Địa chủ, ăn cơm củ đi cày.

Ăn cơm không tức là ăn cơm không có độn khoai vào. Ăn cơm củ là ăn cơm có độn thêm khoai lang hoặc khoai mì vào.

Nhục nhã hơn nữa, khi mỗi đêm có tiếng mõ tập trung là chúng tôi phải chạy đến trước. Họ chẳng thèm nhìn. Có lúc tôi cảm thấy mình như kẻ xa lạ tất cả- một đối tượng đáng khinh mà họ như muốn ruồng bỏ?

Một buổi trưa thui thui gánh phân trên đường về, qua khoảng đường vắng tôi gặp một người trong xóm đứng nghỉ mát dưới bóng cây. Tôi chào, người ấy niềm nở chào lại, rồi đôi giọng buồn buồn nói:

”Cậu Hai, đứng nghỉ mát chút đã! Nắng quá, ngoài đồng không có ai hết chỉ còn có một mình cậu thôi hè!”

Sau vụ đấu tố gia đình tôi tới nay, tôi mới nghe người hàng xóm gọi lên tôi là Cậu Hai, như lúc trước anh thường gọi tôi, khi tôi còn dạy anh ở lớp Bình Dân Học Vụ, trong dịp hè mấy năm về trước. Anh nhìn quanh quất xem có ai xung quanh hay không, rồi anh mới tiếp nói nhỏ vừa đủ nghe:

“-Vậy mà thầy Phụng và thầy giáo, lúc trước Việt Minh mới lên, hai thầy ráng công ráng sức tuyên truyền, hô hào dân trong làng hăng hái tham gia Việt Minh, chớ lúc đó ai biết. Việt Minh là cái gì? Ai cũng gọi là Giặc Minh, Giặc Minh! Không có mấy thầy Trí, Phú, Địa, Hào ung hộ thì đâu có ngày nay. Thiệt gia đình cậu được họ trả ơn quá hậu!. Thiệt hôm đó thiếu chút nữa là tôi khóc. Mà khóc là chết cha tôi rồi! Thiệt là mấy thằng trở mặt, chó chết!”

Lúc bấy giờ, tôi vô cùng xúc động nhưng không dám cảm ơn người cho tôi ơn huệ đó.

Anh lại cho tôi hay, chuyện này tôi phải bị bắt đi dân công Ban Mê Thuột và thành phần Địa chủ sắp đem ra đấu lược. Nói xong anh sờ vai tôi rồi đi.

Nếu vậy, gia đình tôi chắc chết. Con cá nằm trên thớt, con heo đã bị mổ trời chân nằm đó, chỉ còn con dao chặt lên, cái dao đâm vào cổ là xong thôi!

Nếu không có hoà ước Ba Lê 1954, thì gia đình tôi còn bao tang thương nào nữa, không lường được trước.

Sau năm 1975, cơn ác mộng lại hiện ra. Chúng tôi thấy không sống nổi ở quê hương mình. Chấp nhận tất cả để thoát khỏi gông cùm Cộng Sản. Tôi không có lời nào hơn, cái gì để nhớ hơn, để quên hơn, vì tất cả đồng bào chúng ta đã thấu hiểu và chung chịu.

Bây giờ không nói đồng bào ta, trong cũng như ngoài nước, ai cũng biết tội Cộng Sản Việt Nam nó đốn mặt biết là đường nào !

Hôm nay nhìn lại quê hương mấy ai mà không thờ dài não nuột. Tôi đồng cảm với Bác sĩ Trần Đại Sỹ qua bài thơ ông

Biên ải ngã cô hương.
Kim thuộc Trung Quốc thỏ,
Khấp, khốc , ký đoạn trường.
(Đất này xưa gọi Nam Quan,
Vốn là biên địa cô hương của mình.
Hiện nay là đất Trung nguyên,
Khóc chảy máu mắt, đoạn trường ai hay?)
NGƯỜI HỌ BÙI

TRỪ TỊCH

*Hồng Sơn phong vũ cận hà như
Cầm kiếm nhân lai tuế hựu trừ
Đãi đao minh triều khan vạn vịnh
Tinh hòa thắng phủ vị xuân sơ.*

ĐÀO TẤN

(Tiên nghiêm Mộng Mai ngâm thảo)

ĐÊM CUỐI NĂM

*Nắng mưa mấy độ núi Hồng Lam
Đón khách gươm đàn đêm cuối năm
Chờ sáng nhìn xem muôn vật thử
Có hơn cái lúc chữa vào xuân.*

VIỆT THAO phụng dịch

SAY SÓNG

ĐẶNG VĨNH MAI

Trong tiếng Việt , chữ “ say “ thường đi đôi với một danh từ khác để chỉ rõ mỗi trạng thái say; chẳng hạn như say nắng, say gió, say rượu, say men tình v.v.... Trong bài này chúng tôi muốn nói đến một loại say khác :Đó là *say sóng* .

Danh từ say sóng tiếng Anh là sea-sickness. .Khi đọc chữ này , tôi nhớ một kỷ niệm lúc mới đến Mỹ, khi học ESL. Cô giáo muốn học viên phân biệt âm đọc hai chữ sea và see bằng cách bắt mỗi người đọc ba lần câu :” I can see a sea-shell on the sea-shore when I am sea-sick “. Say sóng,thông thường dùng để chỉ những trạng thái chóng mặt,buồn nôn và mửa của những người di chuyển bằng ghe, tàu trên sông, trên biển. Không phải tất cả những ai khi sử dụng ghe,tàu đều bị say sóng, nhưng thường là đa số; không phân biệt đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, người khỏe, người yếu. Trạng thái say sóng cũng có nhiều mức độ khác nhau,tùy từng người cảm nhận,tùy từng loại ghe tàu, tùy tình trạng thời tiết. Đi ghe tàu trong sông ít bị say sóng hơn đi ngoài biển. Trẻ em ít bị say sóng hơn người lớn. Thời tiết đẹp,trời yên bể lặng ít bị say sóng hơn lúc giông tố, bão táp. Đặc biệt có một loại say không liên hệ gì đến sông biển mà vẫn được gọi là *say sóng* . Đó là khi đi xe hơi, tàu lửa, máy bay, mà bị chóng mặt, nôn mửa cũng gọi là *say sóng*. Có lẽ trạng thái say lúc đi ghe, tàu gần giống như trạng

thái say lúc đi máy bay, đi xe nên được gọi chung là say sóng.

* Thể trạng của người say sóng ra sao ? Hãy nghe những người trong cuộc nói chuyện. Tôi có bà chị họ, mỗi lần có công việc cần đi trong thành phố Sài gòn thường nhờ tôi chở bằng Honda. Thời đó tôi còn trẻ nên thường chạy xe nhanh, queo gấp, lạn lách nên thường bị bà chị nhắc chừng: đừng chạy nhanh, đừng lạn lách, chị chóng mặt quá. Cũng hồi đó, có ông hàng xóm mỗi lần đi xe đò xuống miền Tây hay đi máy bay ra Huế, ông ta thường mang theo vài túi nylon nhỏ và mấy viên thuốc Tây. Thấy lạ, tôi thường hỏi mang theo những thứ đó làm gì, và ông ta bảo: Đi máy thứ đó Bác thường bị say sóng nên phải mang theo túi mửa và thuốc chống say sóng. Đặc biệt hồi đó tôi có mấy ông bạn đi Hải quân thường than với tôi là “ đã chọn lầm nghề “. Tôi bảo , thời buổi chiến tranh mà đi Hải quân là nhứt rồi. Nào là mang chữ “ thợ “ tổ bố trong người; nào là mặc quần áo đẹp, nào là Mới nghe tới đó, ông bạn tôi cắt ngang và nói liên miên, lúc mỉm cười, lúc u buồn. Anh ta bảo: mỗi lần tàu rời bến Bạch đằng để đi công tác, bất kể ngày giờ nào, ngoại trừ sau giờ mặt trời lặn, tất cả thủy thủ đoàn đều mặc quần phục trắng, đứng nghiêm chỉnh dọc theo boong tàu, trên sân thượng, trên đài Chỉ huy, để chào từ giã Sài gòn, chào Quốc kỳ khi chạy qua cột cờ lớn trước Bộ Tư Lệnh, chào người Sài-thành, chào em gái nhỏ Nhưng chừng 3,4 tiếng đồng hồ sau, khi con tàu lướt qua cửa biển Vũng tàu để vào Đại dương, nếu thấy trên trời mây đen nghịt, dưới biển sóng bạc đầu.... thì ôi thôi, cơn say sóng sắp sửa len lỏi vào từng lòng người. Màu áo trắng sẽ không còn nữa, thay vào đó là bộ quần phục làm việc màu xám xanh. Một

sự im lặng lạ thường bao trùm con tàu !. Con người bước đi lắc lư, con tàu chòng chành, vặn vẹo. Thỉnh thoảng nghe những tiếng ọe mưa sau mỗi lần nghe tiếng sóng biển đập âm ì vào thành tàu. Nếu tình trạng sóng to gió lớn, biển động dữ dội kéo dài vài ba giờ liền thì người bị say sóng nôn mưa liên tục. Lúc đầu thường mưa ra đồ ăn. Những lần sau, khi mưa hết đồ ăn thì mưa ra mật vàng. Có người say sóng nặng hơn, sau giai đoạn mưa ra mật vàng thì mưa đến mật xanh. Nhưng cũng may, người lính Hải quân có một sức chịu đựng rất tuyệt vời. Những ai trong phiên lái tàu , dù say sóng đến cỡ nào, cũng phải điều khiển con tàu đi đúng đường. Một điều lạ lùng là khi con tàu vượt qua vùng giông bão để vào vùng biển lặng hay vào hải cảng nào đó, thì thể trạng của người lính Hải quân lại phục hồi ngay trong chốc lát. Phải chăng họ được vị Nữ Thủy Thần của Đại dương luôn luôn phù hộ và bao dung cho họ???.Tôi tò mò hỏi anh bạn rằng, cỡ ông Hạm trưởng có bị say sóng không ? Anh bạn bảo,muốn lên tới chức Hạm trưởng, dĩ nhiên phải trải qua nhiều năm đi biển. Cơ thể đã thích nghi với sóng gió, một phần vì trách nhiệm cao cả, ông ta có thể vượt qua những cơn say sóng. Tuy nhiên trong những trường hợp sóng gió lớn, biển động mạnh từ biển ba (3) trở lên thì cũng bị say sóng. Anh ta kể trong Hải quân ngày xưa có một vị Hạm trưởng to con, đẹp trai, có nick name là Madame VN nhưng lại bị say sóng quá cỡ. Có một hôm, ông ta mưa làm rớt mấy cái răng giả vào trong chiếc xô(dụng cụ chứa đồ mưa.) Mặc dù mệt nhừ, mặt đỏ gay nhưng ông ta cũng ráng gọi anh thủy thủ đến bảo rằng:" khi rửa xô nhớ gạn lọc mấy cái răng cho tôi" !!!

Như để tăng thêm ý nghĩa “ chọn làm nghề “, mấy anh bạn Hải quân còn kể thêm một câu chuyện có thật, vừa mắc cười, vừa xấu hổ. Số là khi còn học trong trường Sĩ quan Hải quân ở Nha trang. Trong năm học thứ hai thường có vài chuyến thực tập hải hành trên tàu lớn, ngoài biển khơi, trong nhiều ngày. Hôm đó là chuyến hải hành từ Nha trang đến Đà nẵng. Khi tàu chạy đến Quy nhơn thì bị bão rất lớn. Tất cả mấy chục sinh viên sĩ quan đều bị say sóng, nôn mửa dữ dội. Gặp đâu mửa đó, mửa xuống biển, mửa trên sàn tàu, mửa trong xô. Trong Hải quân họ không nói mửa mà có tiếng lóng là “ cho cá ăn chè “. Nếu đi biển mà gặp bão tố bị say sóng, nôn mửa là chuyện thường. Nhưng trường hợp sau đây mới chuyện lạ. Đó là sau chuyến thực tập hải hành nói trên đã về đến quân trường được một ngày, nhưng đang đêm trong khi ngủ, có anh nằm mơ thấy như còn đang đi thực tập trên tàu, đang bị say sóng, nên ngồi bật dậy khỏi giường và mửa thoải mái !

* Nguyên nhân của sự say sóng và cách chữa. Như đã trình bày trên, nếu khi di chuyển trên sông, trên biển mà không bị chóng mặt gây ra nôn mửa thì không gọi là say sóng. Vậy sự chóng mặt là thủ phạm của sự say sóng. Có người hỏi, say sóng có phải là một chứng bệnh không ?. Xin thưa say sóng không phải là chứng bệnh nên khỏi phải đi Bác sĩ, cũng như khỏi phải uống thuốc, chữa trị gì cả. Bởi sự chóng mặt nêu trong bài này để chứng minh cho sự say sóng không phải là một loại bệnh. Ngày xưa, hồi còn ở Việt nam trước năm 1975, tôi thường nghe những người bạn Hải quân nói về sự say sóng, nhưng chưa nghe ai cắt nghĩa một cách khoa học tại sao bị say sóng. Thực ra , họ cũng có cắt nghĩa nhưng bằng cách suy diễn hoặc dựa

theo thực nghiệm. Chẳng hạn có người bảo rằng, trong sự cấu tạo cơ thể con người, trời phú cho có người bị say sóng, có người không. Thật ra, trong Hải quân cũng có người không bị say sóng. Những người này, khi tàu gặp giông bão, biển động, sóng to gió lớn, họ vẫn tỉnh táo làm việc, ăn uống bình thường. Để tránh bị say sóng, đa số đều nói rằng, ngay tối hôm trước của ngày tàu đi công tác ra biển, phải ngủ sớm, không đánh bài, không nhậu nhẹt trác táng. Có anh còn nói nhỏ thêm vào là ngay cả chuyện vợ chồng cũng phải nhịn. Tôi không biết những ý kiến đó có hữu hiệu không, và họ có áp dụng triệt để không. Nhưng trong thời gian ở Mỹ, tôi có gặp hầu hết những người bạn Hải quân đó. Hầu hết họ đều có vợ trước năm 1975, thế mà bây giờ họ chỉ có hai hoặc ba đứa con. Có lẽ ngày xưa họ áp dụng phương pháp ngừa say sóng kỹ quá.!

Nhờ những năm ở Mỹ, tôi có điều kiện đọc được một số bài viết về y học, trong đó có tài liệu nói về sự chóng mặt nên mới biết rõ lý do của sự say sóng một cách khoa học. Ai cũng biết thủ phạm của sự say sóng là sự chóng mặt, nhưng ít ai ngờ thủ phạm của sự chóng mặt lại là lỗ tai và con mắt.

Thật vậy, ai cũng biết tai dùng để nghe mà không biết rằng phần tai trong có một hệ thống gọi là "vestibule", là cơ quan chủ chốt trong sự cảm nhận vị thế thăng bằng của cơ thể. Khi cơ thể bị mất thăng bằng, hệ thần kinh của cơ quan này báo lên óc, tạo ra chứng chóng mặt. Cơ quan này gồm có ba (3) cái ống rất nhỏ hình bán nguyệt nằm trên ba mặt phẳng thẳng góc với nhau như trong bài toán hình học không gian. Trong ba cái ống hình bán nguyệt này có chứa một chất lỏng lưu thông với nhau. Khi cái đầu bị

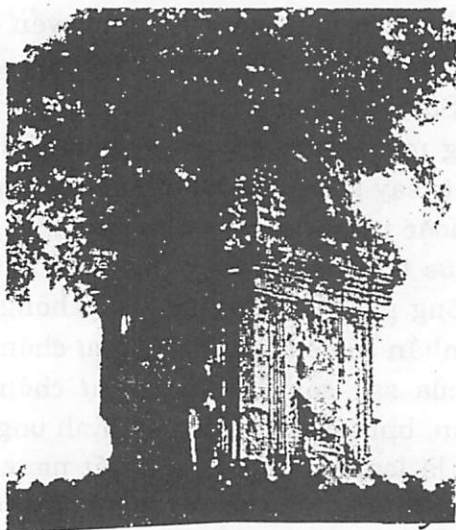
lắc lư, xoay chuyển vì sự mất thăng bằng của cơ thể, thì chất lỏng chứa bên trong ống xê dịch, va chạm vào những sợi tế bào thần kinh li ti bên trong các ống bán nguyệt, hay còn gọi là tế bào lông (hair cell). Các tế bào thần kinh này báo lên óc biết sự xoay chuyển (circular) của cái đầu. Phần dưới của các ống hình bán nguyệt thông với hai cái bầu nhỏ, có nhiệm vụ chính là cảm nhận những xê dịch thẳng đứng (vertical). Trong hai cái bầu này cũng có chứa một chất lỏng, có tế bào thần kinh (tế bào lông), và những hạt vôi li ti bám vào. Khi những hạt vôi này rời ra, di chuyển tới ống bán nguyệt, thường là ống bán nguyệt phía sau, rồi hoặc là làm nghẹt dịch chất lưu chuyển, hoặc làm kích thích tế bào thần kinh trong ống bán nguyệt mà sinh ra sự chóng mặt.

Ngoài ra, để giữ thăng bằng cơ thể, óc còn dựa vào các tín hiệu thần kinh từ mắt. Thật vậy, khi ngồi trên xe hơi hay tàu lửa lúc đang chạy, chúng ta thường nhìn ra bên ngoài và thấy như mọi cảnh vật, cây cỏ đang chạy ngược về phía ta. Những chuyển động biểu kiến đó làm rối loạn thần kinh mắt và gây ra sự chóng mặt. Sự chóng mặt này cũng gây ra nôn mửa như sự chóng mặt do tai gây ra. Để tránh hoặc giảm sự chóng mặt (say sóng), người đi xe, ghe, tàu, thường nhắm mắt hoặc tránh nhìn ra bên ngoài.

*Cách chữa trị sự say sóng. Như trên đã trình bày, say sóng không phải là căn bệnh nên không cần chữa trị. Nguyên nhân của sự say sóng là sự chóng mặt. Sự chóng mặt của say sóng khác với sự chóng mặt do bệnh cảm cúm, bệnh mạch máu, hay bệnh ung bướu gây ra. Dĩ nhiên là loại chóng mặt này rất nguy hiểm cần phải chữa trị. Chóng mặt do say sóng gây ra là loại “ chóng mặt ngoại vi “ hay còn gọi là” chóng mặt đích

thị “ (vertigo); do tác dụng cơ học bên ngoài làm mất thăng bằng cơ thể được tế bào thần kinh ở tai báo lên óc mà sinh ra chóng mặt. Loại chóng mặt ngoại vi này không gây nguy hiểm mà chỉ khó chịu. Khi nào cơ thể trở lại vị thế thăng bằng thì hết chóng mặt; hết chóng mặt thì cũng hết say sóng. Sở dĩ có người uống thuốc chống say sóng vì họ muốn dễ chịu một chút chứ thật sự không phải để hết say sóng. Có vài loại thuốc có tính an thần, làm cho đỡ thấy khó chịu lúc say sóng như : Antivert, Compazine, Phenergan .Chỉ có một cách duy nhất để khỏi bị say sóng là đừng bao giờ sử dụng các phương tiện như máy bay, xe hơi, xe lửa, xe bus, ghe, tàu v.v.....Đi bộ only !!

DẶNG VĨNH MAI



VÙNG TRỜI KÝ ỨC

THƯ TRANG

Làng Hữu Pháp, cái địa danh đặc biệt này đã in hằn trong ký ức của đời tôi như một dấu ấn khó quên! Bởi lẽ, ở đó tôi đã cất tiếng khóc chào đời, đã trải qua những năm dài của tuổi ấu thơ cho đến ngày khôn lớn.

Cuộc sống nổi trôi của đời tôi cũng thăng trầm theo vận nước. Không đi tập kết ra Bắc theo một số bạn bè hồi còn học ở Hòa Bình, liên khu V, tôi đã tìm đường vào Nam sau hòa ước Genève (20-7-1954), làm việc ở Nha Trang với thầy Quách Tấn, Ngô Uyên một thời gian, rồi nhập vào đoàn hành chánh lưu động về tiếp thu Bình Định 1955. Tôi được sống lại nơi làng xưa chốn cũ, lấy ruộng đồng làm mạch sống, dưỡng nuôi tôi trở lại mái trường mấy năm, đến ngày đổ đạt thành danh, rồi vào nghề “gỗ đầu trẻ”. Tôi vẫn sống độc thân, ôm ấp làng Hữu Pháp, cho đến ngày khói lửa chiến tranh tàn khốc (1964) đã hất tung tôi ra khỏi làng, để rồi vĩnh viễn xa lìa nó cho đến nay đã gần bốn mươi năm qua.

Dẫu bây giờ tôi đang bước vào tuổi cổ lai hy, đã có một đại gia đình và hai phần ba gia đình tôi đang sống bình yên trên đất Mỹ, tiểu bang Cali, quanh năm có nắng vàng ấm áp, có tình người Bình Định-Việt Nam, có bạn bè đồng hương quen thuộc. Nhưng, những đêm về trong giấc ngủ, nhiều kỷ niệm của một thời xa xưa, khi còn ở làng Hữu Pháp lại ùn ùn kéo nhau hiện về với những tiếc thương ngơ ngẩn.

Năm ấy 1939, sau vài tháng lâm trọng bệnh, mặc dầu mẹ tôi, cô tôi đã mời các danh y khắp tỉnh như thầy Hai Hằng ở Lục Trung, thầy Ba Lầu ở Thiều Quang, thầy Sáu Chái ở An Cửu đến nhà tận tình cứu chữa, nhưng cuối cùng cha tôi cũng đã qua đời, để lại mẹ tôi vừa tròn ba mươi hai tuổi với ba con dại: Chị tôi mười hai, tôi lên sáu và em tôi được bốn tháng tuổi. Sau khi Người mất đi, gia đình tôi trở nên quạnh hiu, trống vắng. Ngôi nhà ba gian lạnh lẽo nằm giữa khu vườn cuối xóm, gần một mẫu đất rộng thênh thang. Phía Nam, trước nhà là một gò tư vuông vức, gồm toàn những mộ phần ông bà cao và hai dòng nội ngoại, họ hàng của cha tôi. Ngõ quay về hướng đông, tiếp giáp với đồng lúa mênh mông bát ngát. Đằng sau là một dòng sông xanh, nước chảy quanh năm trong vắt, với hàng cửa nước ngã nghiêng, trườn mình ăn lan ra tận giữa sông. Những trưa hè oi ả, tôi và lũ bạn trong xóm thường rủ nhau ra đó leo trèo đu đưa lội tắm. Chênh chênh phía mặt trời lặn, dăm ba nhà hàng xóm chật hẹp, nghèo khổ, tiếp giáp với khu vườn nhà tôi. Sau khi cha tôi qua đời chừng ba tháng, đám trai bạn trong nhà mẹ tôi lần lượt cho nghỉ việc. Trâu cày bán hết, bỏ chuồng trống. Con ngựa Ô Bắc thảo cao lớn duy nhất mà lúc sinh tiền cha tôi đã chọn để lại, mẹ tôi cũng mượn người mai mối đến bán cho một ông chánh tổng ở tận trên Đa tài. Khi ngã giá xong, trả tiền sòng phẳng, người mua ngựa đến chuồng mở cổng dắt ra định cỡi về. Con Ô Bắc Thảo lồng lên dùng dằng hí vang, chân sau đá liên tục không chịu theo người chủ mới. Trước mấy ngày, khi cha tôi sắp mất, nó cũng hí từng hồi bất thường, rống to, rồi rên rĩ với những âm thanh thống thiết. Anh Sơn, người giữ ngựa bỏ cỏ, nó không chịu ăn, nước mắt chảy ràn rụa, như linh cảm được nỗi đớn đau của người chủ sắp vĩnh viễn xa lìa nó! Con vàng, con Vện

cả tuần lễ cũng co ro nằm trong xó, biếng ăn, biếng sửa, về chạng vạng tối thường tru lên từng hồi quái dị và thê thảm! Mấy con quạ từ đâu cũng bay đến đậu trên cây sấu đông cao nhất trong vườn nhà tôi cất vài tiếng kêu ghê rợn ... rồi vỗ cánh bay đi như báo điềm chẳng lành. Sau một đêm trần trọc, vật vã chống chọi với tử thần, rồi cha tôi ngất đi chịu đựng cho đến chín giờ ba mươi phút sáng ngày hai mươi sáu tháng giêng năm một nghìn chín trăm bốn mươi, Người đã trút hơi thở cuối cùng để giã từ vợ con, sự nghiệp, tiền tài, danh vọng của một võ quan lúc chưa đầy năm mươi lăm tuổi. Mẹ tôi ngất đi, đập mình lăn lộn, đòi chết theo chồng. Mọi người phải xúm lại dìu bà đi nơi khác. Chị tôi, cô tôi, các chú thím tôi đã rên rĩ khóc than kể lể vô cùng thảm thiết. Tin cha tôi qua đời đã truyền đi khắp làng. Các hương chức đã tề tựu đủ mặt. Từ ông lý trưởng, hương bộ, hương mục, hương kiểm, hương lễ, hương dịch đã đến để lo tang lễ. Còn họ hàng nhà tôi thì rước thầy về chọn ngày tốt, giờ tốt để làm lễ thành phục và tống táng. Một rạp tạm được dựng lên trước sân nhà. Vài ba con heo được giết thịt để làm lễ tế trước quan tài cha tôi.

Trong khi gia đình họ hàng nhà tôi cử hành lễ thành phục. Mọi người đang sì sụp lạy trước linh cữu cha tôi. Khi những nhạc công của ban nhạc cất lên tiếng kèn, tiếng trống, đờn bi ai thống thiết thì một con bướm trắng có đôi cánh hồng, từ đâu bay đến đậu trên khung hình đang đặt trên bàn thờ cha tôi. Con bướm đậu mãi từ xế chiều cho đến suốt đêm hôm đó, trước những cây nến thấp liên tục và những dòng khói hương nghi ngút. Nhiều người bảo: đó là hồn thiêng của thầy đã biến thành hồ điệp “sinh như tướng tử như thần”. Sau ba ngày quan, đến lễ tống táng xong xuôi. Những ngày sóc, vọng sau đó, vẫn

con bướm đó, thỉnh thoảng không biết bằng cách nào, đã bay được vào nhà trên của tôi, cũng đậu ngay trên tấm hình đặt trên bàn thờ cha tôi, trong khi các cửa đều đóng chặt. Tuy còn nhỏ, nhưng tôi không sợ. Chỉ một mình tôi tò mò đến bàn thờ để nhìn con bướm. Trong tâm tưởng tôi nghĩ rằng; Đó là hình ảnh của Người đã biến hóa để trở về gần gũi với vợ con, nhất là gần bên cạnh tôi. Những ngày cha tôi còn sống đã thương tôi lắm, âu yếm tôi hết mực. Tôi là đứa con trai độc nhất của Người để nối dòng họ Nguyễn, khi tuổi đời của cha tôi đã cao mới sinh hạ ra tôi. Dù còn nhỏ, nhưng tôi vẫn nhớ như in. Tối nào ông cũng đích thân, chứ không phải người giúp việc, rửa chân tay, mặt mày tôi kỹ lưỡng rồi mới ấm tôi lên ngủ chung giường với ông. Mới năm tuổi ông đã rước thầy về nhà dạy cho tôi học. Đình làng có tế lễ, kỳ yên, hoặc đi ăn kỵ giỗ nhà ai ông cũng bông tôi theo ngồi trên lưng ngựa trong lòng ông. Chỉ sáu năm ra đời, tôi đã mất đi người cha vĩnh viễn! Không biết mẹ tôi đã cho tôi ngủ chung giường với cha tự lúc nào, nhưng hình ảnh, khuôn mặt, vóc dáng, cả đến hơi thở của Người hồi đó, dù đã hơn sáu mươi năm qua vẫn còn in đậm nét, hiển hiện trong trí tôi mãi mãi, chắc cho đến một ngày nào đó mới mất đi, khi tôi đã nhắm mắt theo người.

Tôi đã sống những ngày côicút thiếu tình cha, nhưng bù vào đó mẹ tôi đã thương tôi gấp bội. Bà tiếp tục gửi tôi vào tận Thiệu Quang ở nhà Cậu Ba Lâu, theo học thầy Nguyễn Thế Diêu, rồi sau lên Tịnh Hòa học thầy Giáo Thính. Thời gian theo thụ giáo thầy Diêu, tôi đã là đệ tử của các anh Đặng Bá Tuân, Nguyễn Ngọc Anh. Các anh ấy lớn hơn tôi nhiều. Hiện giờ anh Tuân đang ở Úc, còn anh Anh con dì Xã Hai đã qua đời trước 75. Thầy Diêu sau này trở thành nhà văn Xuân Quang, rồi cũng mất đi,

sau hơn ba năm “học tập cải tạo”. Anh Bảy, Chị Năm, Chị Bé Em con cậu Ba Lâu sau đó bị mắc bệnh phong cùi, đều vào nhà thương Qui Hòa. Chị Bé em về sau là nhà thơ Hàn Lệ Thu. Chị đã gửi ra tặng tôi nhiều bài thơ suốt suốt. Có một thời gian thầy Diêu đã dẫn tôi vào nhà ông Chánh Tổng Tượng ở thôn Tùng Giản mở lớp học mới. Tôi đã chơi rất thân với Tâm, một người học trò cùng lớp. Hai đứa tôi gần nhau như hình với bóng. Một hôm vào ngày đầu mùa hè, trời mưa lớn. Nước giọt từ trên mái nhà chảy xuống dọc theo vỉa hè như một dòng sông con. Chúng tôi lấy giấy thắt ghe thả xuống giọt. Ghe trôi theo cùng những bong bóng bập bềnh trên dòng sông đó. Rồi cả hai cùng cởi trần truồng ra nô giỡn tắm mưa, vô tình tôi thấy rõ ... tôi biết Tâm là gái, tôi đỏ rần cả mặt mày vội vàng chạy lên hè lau khô mình mẩy, mặc vội quần áo vào, trước sự ngạc nhiên của Tâm – và cũng kể từ đó tôi cố lánh xa Tâm ... trước sự ngỡ ngàng của bạn. Những dị ứng đầu đời của tuổi con nít khác phái, mãi đến bây giờ sao tôi vẫn chưa quên!

Những ngày ấu thơ xa nhà của tôi rồi cũng trôi qua theo năm tháng. Một hôm vào mùa đông tháng mười, trời mưa như trút. Lụt lớn. Mẹ tôi nhờ Dượng Chín tôi chống sòng băng đồng từ Hữu Pháp vào Tùng giản đón tôi về nhà. Ngồi trên sòng, co ro trong chiếc áo tơ lá kè, tôi nhìn tứ phía, bầu trời bao phủ một màn mưa trắng đục. Nhiều xóm làng mọi thôn xã chung quanh tôi như những cù lao đứng cheo leo giữa một biển nước mênh mông. Sóng đập bình bịch vào đầu mũi sòng, nhồi lên, hạ xuống. Gió lạnh ngược chiều rít lên từng hồi vút qua chiếc sòng, tôi nghe như những tiếng hú của các oan hồn. Tôi run bần bật, miệng lâm râm niệm kinh cầu Phật ... Mưa gió hãi hùng trôi qua. Đất trời bớt cơn thịnh nộ. Hú vía, Dượng Chín

cũng đã đưa tôi về đến nhà. Xóm tôi cũng trở thành một biển nước đục ngầu. Dượng tôi đã cột dây chiếc sồng vào gốc cây cạnh nhà, ẩm tôi lên bộ phảng gỗ được kê sát tường nhà ngang. Tuy nhà tôi cao nhất xóm, nhưng nước cũng đã nằm ngang mực nửa vách, còn các nhà khác trong xóm thì gần chắm mái rui; Có nhà phải trổ cửa trên mái để vào. Nhiều người già bảo, đó là cây lụt lớn nhất trong vòng ba mươi năm qua. Mẹ tôi đang đúc bánh xèo với hai cái lò than hừng hực được kê cao trên phảng. Bà đã chuyển khuôn bánh cho chị tôi, rồi ôm tôi vào lòng xuýt xoa đến chảy nước mắt. Cái không khí ẩm áp của tình gia đình, tình mẫu tử được sưởi ấm, khi mẹ con và chị em tôi gặp lại. Và cũng từ hôm ấy mẹ bắt tôi ở nhà đến năm sau lên chín tuổi, tôi được đưa vào trường làng học lớp ba với thầy Nguyễn An Ích.

Ngày cha tôi mất, mẹ tôi đã trở thành gia trưởng, thay thế cha mọi việc. Từ vườn tược, ruộng nương, đến các ngày giỗ chạp, một tay bà lo toan bao quát hết thảy. Không còn kẻ ăn, người ở trong nhà nữa, mẹ đã thức dậy từ gà gáy sang canh, nấu nướng nên mâm bát đặt trong lồng bàn, để chúng tôi thức dậy có thức ăn rồi đi học. Bà phải vội vã ra đồng từ sáng sớm để mướn người cày, hoặc xem đám thợ cấy. Đến mùa gặt, mẹ phải tất tả ngược xuôi đến làng trên, xóm dưới gọi người gặt cho kịp thời vụ, kéo lúa rụng, hoặc bị ngập nước. Chị tôi phải trông em cùng phụ việc nhà với mẹ.

Dù vất vả một thân hai nắng, nhưng mẹ tôi. Người góa phụ trẻ, vẫn còn giữ được nét đẹp quyến rũ của thời còn con gái. Khuôn mặt trái xoan, ứng hồng, điểm đậm, với đôi mắt bồ câu đen và sáng long lanh, sắc sảo lẫn nét nghiêm nghị, đã làm chùn lòng ham muốn của những ông nghè, ông tú trong làng. Nhiều bậc khoa bảng góa vợ

trong làng và các làng lân cận đã cậy người mai mối đến xin mẹ tôi tái giá. Khi đã qua ba năm mãn tang chồng. Người một mực từ chối, ở vậy thủ tiết thờ chồng nuôi con cho trọn đạo. Ông bà ngoại tôi mất sớm, lúc mẹ tôi chưa đầy mười bốn tuổi. Mẹ tôi được tiếp tục học với người chú là cụ Tú Bùi – em ruột ông ngoại tôi. Dù đang học chữ nho nhưng mẹ biết làm thơ chữ nôm, và quốc ngữ từ năm mười lăm, mười sáu tuổi. Lời thơ thường phản ánh những sinh hoạt ở xóm làng, miêu tả đặc tính các nhân vật có chức quyền ở địa phương nên thường bị cụ Tú răn đe nhiều lần, tiêu biểu như bài diễn tả miếu Hữu Khánh nơi bà đang cư ngụ:

*Mùa xuân tả cảnh miếu ta,
Kẻ thiện người ác nói ra dân tường.
Chờ khi nhóm việc hội hương,
Ra tay đi kiện phải nương họ Bùi.
Huỳnh gia dốt tựa bò thui,
Vui đâu chúc đó, đũa dui nhưng là.
Có ông Bát phẩm đội ba,
Quyền cao tước cả nói ra chẳng gì ...*

Năm mười chín tuổi, khi đã lập gia đình rồi, về sống với cha tôi, thỉnh thoảng hồn thơ của mẹ cũng trở dậy lai láng trữ tình. Trong một bài thơ tình bốn chữ viết tặng cho ông bác thúc bá ruột cạnh nhà. Bà thường ngâm nga những sáng tác của mình nên tôi còn nhớ:

*Tơ hồng khéo xết
Chỉ nợ xe lơ
Đã mấy năm trời
Muôn cam chịu khổ
Quành quạnh đơn cô*

*Không nơi núp mát
Tơ hồng phận bạc
Xui khiến nợ duyên
Cảm cảnh lòng phiền
Đêm thu trần trọc
Bà Ba (1) ơi bả đà thương nhớ
Chịu (2) nợ đã dóc lòng thương
Mới năm bảy tháng
Duyên đà nghểnh ngảng
Tình hồi ơi tình ...*

(1) tên người tình của Bác Ba chịu.

(2) tên Bác Ba là Chịu.

Quên làm sao được, những trưa hè oi ả dưới nắng hanh vàng tĩn mịch, khi tiếng ve sầu vang lên từ cây phượng vĩ trước hàng hiên, hòa với tiếng võng ru em kéo kẹt của mẹ tôi. Người góa phụ cô đơn lại cất lên giọng ngâm lảnh lót, những khúc ca nã nuột, về chuyện Bà Phan thị Thuấn, một tiết phụ trung trinh:

*Khảng khái tông vương đế
Thung dung tộ nghĩa nan
Phận bọt bèo xiết nỗi khách hồng nhan
Lòng vàng đá mấy thua ông Tiền Trạch
Trung sở sự chàng đành Kiệt lực
Nhất nhi chung nàng vẹn chữ tòng ...*

Thơ phú, tuồng tích mẹ thuộc rất nhiều. Từ Lục Vân Tiên, Truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm đến Cung Oán Ngâm khúc bà đọc lầu lầu, nhất là những đoạn hợp với cảnh ngộ của mình thì lời ngâm của mẹ càng thêm thống thiết.

*Nga đà rằng phận nữ nhi
Một câu chánh tiết phải ghi vào lòng
Trăm năm giữ trọn chữ tòng
Sống sao thác vậy một chồng mà thôi ...
Lục Vân Tiên.*

Nước mắt nhớ chồng, khóc cha của bốn mẹ con trong gia đình tôi cũng rơi dần theo năm tháng. Mẹ tôi đã can đảm vượt qua những sóng gió, những cạm bẫy của cuộc đời trong thời xuân sắc, đã ở vậy thờ chồng nuôi con cho đến ngày khôn lớn, khiến cho mọi người trong họ hàng, làng xóm ai cũng kính nể. Dòng máu tứ thư, ngũ kinh, tam tông tứ đức đã ăn sâu vào huyết quản của mẹ; người con gái họ Bùi mãi cho đến khi về già vẫn mẫu mực, bảo thủ, vằng vặc như những chòm sao cuối cùng của nền nho học lóe lên trước khi phụt tắt.

Thời gian thấm thoát trôi qua. Tuổi đời tôi cũng lớn dần theo năm tháng. Cuối năm lớp ba, tôi và bạn bè cùng lớp đã chuẩn bị tham dự kỳ thi lấy bằng sơ học yếu lược tận trên quận lỵ Phù Cát. Trước đó cả tháng, tôi đã theo sống hàng xáo trong xóm, xuống Qui Nhơn chụp hình để nộp hồ sơ thi. Một kỷ niệm khó quên là ngày trên đường đến trường thi với hai người bạn nữa là Huỳnh Xuân Mai lớn hơn tôi bốn tuổi ở cạnh nhà và Trần Mai cũng hơn tôi hai tuổi, có ông nội dẫn đi. Ba chúng tôi theo ông nội Trần Mai, ra đi bộ từ ngày hôm trước, định đến Phù Cát ở trọ lại một đêm rồi sáng hôm sau mới vào trường thi. Lúc cởi hết áo quần lội qua sông Đại An; vì tôi nhỏ và thấp nhất nên bị hụt chân trôi theo dòng nước, may ra có ông nội Trần Mai kịp thời quay lại níu tôi lên! Suýt chết hụt nhưng may mắn là năm ấy cả ba chúng tôi cùng đậu. Bây

giờ Trần Mai đã qua đời trước năm 64. Còn Huỳnh Xuân Mai sau đó tập kết ra Bắc, năm 75 trở về với quân hàm đại tá đang ở Sài Gòn trên đường Cộng Hòa, trước lăng cha Cả.

Tôi cũng không rõ cái tên làng Hữu Pháp nó có tự lúc nào, nhưng về sau, khi lớn lên thỉnh thoảng có lúc cần lục lại giấy tờ ruộng đất. Xem các trích lục vàng địa bộ, tôi thấy trong đó có ghi rõ: Làng Hữu Pháp, Tổng Chánh Lộc, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định ... Làng tôi, Hữu Pháp có một diện tích rộng mênh mông. Con đường chính đi vào làng từ thôn Long Hậu chạy xuống, ngang qua ngôi trường ba gian, có dòng sông con trước mặt, nước xanh, trong vắt, quanh năm chảy luồn dưới vòm cổng lớn xây gạch cuốn, mà mỗi tuần năm ngày, mười buổi (sáng-chiều) chúng tôi phải qua đó để đến trường. Bốn kệ cổng hai bên đường, có xây tam cấp, thiếp tận dưới mặt nước, để bọn học trò chúng tôi thường xuống đó, rửa chân tay mặt mày sạch sẽ trước giờ vào lớp. Bên trái, cách trường không xa lắm, dưới những tàng cây vông, cây đa um tùm rợp bóng mát quanh năm là chợ Quán Ngỗng. Mỗi tháng họp chín phiên vào các ngày hai, sáu và tám. Khi bước qua vòm cổng, nếu không rẽ về tay phải để vào cổng trường, thì đi thẳng đến đình làng. Đình làng Hữu Pháp có tiếng rộng rãi, khang trang, chạm trổ tinh vi và kiểu xây đẹp nhất, nhì trong huyện. Nó cũng đã bị đập phá tiêu tan để rồi thời gian đi vào quên lãng, chịu chung số phận với nhiều đình làng khác trong thời “Tiêu thổ kháng chiến” sau 1945.

Nếu để tầm mắt nhìn về phía nam, qua cánh đồng Bầu Gốc mênh mông là các làng Vân Tập, Triêm Ân. Từ đập Kiến Thiết, bọc theo hướng đông gặp ngay các làng Huỳnh Giản, Phú Hậu tiếp giáp với những cánh đồng xanh bát ngát. Xa xa làng Phú Hậu, chạy dọc theo bờ biển

Nam Hải, thấp thoáng những đồi cát chập chùng, có rừng thông chắn gió, ngọn đâm cao vút chọc thủng từng mây. Đêm về trong cảnh tĩnh mịch của đồng quê, người dân làng tôi còn nghe rõ tiếng sóng vỗ bờ, xa xăm từ cửa Cách Thử vọng lại. Con sông Cái là ranh giới giữa làng tôi và các làng lân cận phía bắc. Dọc theo chân ngọn núi Bà sừng sững từ đông sang tây có các làng Phương Phi, Phương Thái, Trường Thạnh, Chánh Đạt đều tiếp giáp với làng tôi qua cánh đồng Hiến Châu ngút ngàn xanh biếc.

Có thể nói Hữu Pháp là ngôi làng to nhất và có tiếng tăm hơn cả trong huyện Phù Cát. Nhiều bậc khoa bảng cả văn lẫn võ đã xuất thân đỗ đạt từ làng này như Hồng Lô Cử nhân Văn Vĩnh Thiệu, con là cử nhân Văn Vĩ (đậu mới 16 tuổi). Gần đình làng, xóm Bắc những bậc tiền bối có cụ Tú Cả, sinh hạ các con là cụ Tú Bảy, Tú Mười, Tú Mười là ông nội nhà văn Nguyễn Thế Giác hiện đang ở Houston TX. Miếu Hữu Khánh xóm Đông có cụ, Tú Bùi cùng nhiều bậc lụy khoa nổi tiếng hay chữ có Bùi Tuân, Lê Thông, Lê Phát v.v...

Tương truyền rằng: Trong thời quân chủ (trước 1945) dân tráng làng Hữu Pháp có đến vài ngàn, cho nên mỗi khi đến ngày Kỳ yên, tế thần, làng không sắm đủ dưa bát để dọn ăn, nên dân làng đến cúng thần rồi ăn tiệc tại đình, mỗi người phải giắt sẵn một đôi dưa trong lưng. Khi có hiệu lệnh bắt đầu ăn, thì người dự tiệc sẵn sàng rút dưa ra ... cho nên dân các làng khác thường gọi dân làng Hữu Pháp là dân “giắt dưa lưng quần.” Ngoài những bậc khoa bảng quan lại hữu danh, còn có các tay võ biền cự phách cũng không hiếm. Nổi tiếng một thời có Bác Cửu Xưa. Tên tuổi bác đã đi vào huyền thoại. Nghe nói ngọn roi trận của Bác đã từng một lúc hạ hàng trăm đối thủ, nhưng tuyệt chiêu chính của Bác là môn luyện công. Những năm

sau này dù có quen biết Bác, nhưng tôi chưa dám hỏi về đời tư của Bác. Tuy võ nghệ cao cường có tiếng tăm khắp phủ, huyện nhưng Bác chưa hề hiếp đáp ai. Nhiều người lớn đã kể với tôi: Trong thời Pháp thuộc, Bác đã xuống Qui Nhơn ăn trộm nhà băng của Tây. Mật thám Tây lên tận làng điều tra, bắt Bác treo ngược lên xà nhà ngâm đầu vào ang nước, đánh đập tra hỏi. Bác đã gồng mình thờ mạnh, mấy bận dây dừa cột Bác đứt phăng cùng ang nước vỡ toan. Tây bèn cột Bác vào xuồng máy, thả dưới nước, kéo thẳng xuống Qui Nhơn. Khi ở tù, đập đá khổ quá, Bác đã bảo một tù nhân khác lăn tảng đá từ trên cao rơi xuống, cán nát đôi chân Bác ... để được vào nằm bệnh viện. Đến ngày Việt Minh cướp chính quyền Bác mới được thả về. Bác có một người con là Kim Hùng rất tinh thông quyền cước. Trong các ngày lễ lạc, thường thấy anh xuất hiện đấu giao hữu với các võ sĩ Mười Đẹt hay Duyên Hoài Sơn. rồi “sinh nghề tử nghiệp” Rồi người võ sĩ trẻ Kim Hùng đã tử thương trong một cuộc chiến bất đắc dĩ. Ngoài cha con Bác Cửu Xưa còn có Bác Phó Đốc (Lê Linh) một võ sĩ bậc thầy hào hoa và đạo đức. Lớp đàn em nổi nghiệp đã làm rạng danh một thời có Tư Gòn, Trần Lang Bốn Ngã, Kim Thanh v.v... Trần lang một địa chủ nổi tiếng chống đối chế độ CS thời 9 năm kháng chiến đã bị đưa đi cải tạo dài hạn ở Phú Nhiêu (Bắc Bình Định) mãi đến sau tháng 7-1954 mới được về – Khi chính quyền quốc gia tiếp thu ĐĐ.

Nói chuyện làng võ ở Hữu Pháp, bỗng tôi nhớ đến trận giành nước năm nào dưới thời đệ nhất cộng hòa. Làng tôi thuộc miền hạ bạn (vùng sâu), được ngăn với các làng lân cận phía trên, cao hơn qua cái đập Bờ Làng. Mùa hè, tiết trời tháng 6 hạn hán lâu ngày. Các cánh đồng Bầu Gốc, Hương Châu, Tấn Hùng của làng tôi thiếu nước, đất

nước nê, lúa ở “mã con gái” nhưng cháy khô vàng úa, ủ rủ, đứng trơ chờ chết ... thật nóng ruột, nhưng đập Bờ Làng lại đóng chặt! Các thửa ruộng thuộc nhiều xã khác trên bờ đập, nước vun đồng, nhưng vì lòng ích kỷ của chính quyền xã trên “ai chết nấy chịu” là nguyên nhân xảy ra cuộc chiến giành nước. Sau hơn mười ngày xã tôi đã làm đơn kiện lên kinh tế quận nhưng có lẽ vì thiên vị, quận cứ ậm ừ không giải quyết. Việc cứu hạn cũng bức xúc như cứu hỏa. Những bậc tiên chỉ trong làng tôi đã đi đến quyết định: Thành lập một đoàn lên xả đập Bờ Làng. Từ tờ mờ sáng một đoàn trai tráng lực lưỡng đã túc tốc, rần rật chạy bộ dọc theo bờ sông cái, thẳng tới đập Bờ Làng, chớp nhoáng xả nước đổ về ... Để yểm trợ cho đoàn quân đi giữa, cánh phía nam có võ sĩ Kim Hùng và Tư Gòn nằm phục kích, để phòng ngừa các võ sĩ đối phương là Hương thơ Đông và Kiểm Trung từ Long Hậu đổ ra. Còn cánh bắc có Bác Phó Dốc cùng võ sĩ Kim Thanh chờ cản đường mấy cha con Hương bộ Phúng từ Trường Thạnh Chánh Đạt kéo đến.

Như có đề phòng trước, khi đoàn chúng tôi vừa xuất hiện thì bên đối phương tiếng trống, mõ, phèn la nổi lên inh ỏi ... đồng thời một trận mưa đá trái bằng cổ tay, cườm chân đổ tấp tới trên đầu chúng tôi. Đoàn chúng tôi cũng nhanh như nhớp phá được hai lạch giữa. Bờ đập sập, nước đổ ào ào như thác rồi nổi lửa đốt những bó bổi dự phòng trên bờ. Khói lửa ngút trời. Một cuộc hỗn chiến đã xảy ra. Tôi quay nhìn về cánh bắc, ngọn roi điêu luyện của võ sĩ Kim Thanh, đã kháng cự cầm chân được với ba cha con Hương Bộ Phúng. Còn ngọn roi của Bác Phó Dốc, vừa múa tít, vừa thụt lùi để đỡ làm mưa đá trái của hàng trăm thanh niên đang hùng hực sấn tới. Với chủ ý câu giờ, để chờ chúng tôi phá vỡ bờ đập, rồi rút quân (chứ không

đánh ai). Bất ngờ, trong bước thối lui, Bác Phó Dốc đã ngã ngựa, vì một hầm ngựa trang trên bờ đập. Tiếp theo một võ sĩ, phía đối thủ (đóng vai như người ngoài cuộc) đã dùng chiếc sỡ con bơi lướt tới, thót lên bờ đập, trở sống dầm bổ ngay trên mặt Bác Phó Dốc! Chúng tôi thất kinh, một số sấn tới với cuộc, xẽng bao quanh võ sĩ (đối thủ) cầm dầm quyết tử chiến... Một số chạy về cánh nam báo tin cho hai võ sĩ Kim Hùng và Tư Gòn biết. Nhanh như cắt Kim Hùng đã bay qua đoạn lở của bờ đập “tả xung hữu đột” lau ngọn roi vun vút như chong chóng. Khi ngọn roi của Kim Hùng đến đâu thì chỗ đó có người ngã, có máu đổ. Hàng đôi trăm người của phía bên kia dạt ra như đàn ong vỡ tổ. Võ sĩ cầm dầm (bên kia) đã trúng ngay ngọn roi đầu tiên của Kim Hùng ngã xuống nằm bất tỉnh máu ra lai láng. Hăng máu phục thù, Kim Hùng, Kim Thanh đã nạp mấy cha eon Hương Bộ Phúng chạy đến tận mé núi. Dân làng trường Thạnh, Chánh Đạt cũng sợ hãi trốn chạy tứ tán. ...

Đập bể to, nước ào ào đổ xuống như những dòng thác vỡ ... Rõ ra là cánh nam, phía đối thủ (hai võ sĩ Kiếm Trung và Thơ Đồng) không xuất hiện vì có quen biết với bác Cửu Xưa (cha Kim Hùng) lại ngại ân oán giang hồ ... Trên đường kéo về, đoàn giành nước chúng tôi đã hả hê thắng lợi, nhưng nhìn Bác Phó Dốc nằm trong vũng (vì bị thương nặng) không khỏi xót xa bùi ngùi cho một bậc tiền bối “đạo cao, đức trọng”. Đã cầm ngọn roi trong tay, chỉ đỡ gạt cầm chừng chứ không gây tổn hại cho ai dù đó là một cuộc tranh chấp mất còn.

Những sóng gió đổi thay của đời tôi, gia đình tôi, của làng Hữu Pháp rồi cũng đi qua theo năm tháng. Chị tôi đã về nhà chồng năm mươi tám. Sau một thời gian khá xa, em tôi cũng lên xe hoa với người con trai cùng làng. còn

lại chỉ mình tôi thui thủi đi về sớm hôm với người mẹ già tóc đã ngả màu bông. Mẹ tôi thường tựa cửa trông tôi về. Nhiều lần bà đã tâm sự, ước ao, khuyên tôi nên lập gia đình để có đôi, có bạn, có con cái nối dõi tông đường, nhưng lòng tôi còn phân vân lo nghĩ ...

Vào những năm cuối thập niên năm mươi và những năm đầu thập niên sáu mươi của nền đệ nhất cộng hòa, cả miền nam tương đối bình yên và trù phú. Hữu Pháp – làng tôi cũng ấm no, sung túc. Đường sá mở mang, Nông nghiệp được mùa. Người dân hớn hở vui tươi. Nhiều nhà ngói khang trang thi nhau mọc lên thay cho những mái tranh cũ kỹ của ông cha để lại đã bao đời. Giai đoạn hồi sinh chưa được bao lâu thì hình bóng chiến tranh lại rình rập đổ về. Sau một đêm tối trời tháng 3/1964 “người anh em phía bên kia” từ núi Bà lển về “xử lý” ông Thu con bác Phó Sính làng Phương Phi, anh Chiêu chồng Chị Tâm làng Phương Thái, rồi sau đó Bác Xã Nhưng Ba Anh Trường ở tỉnh đoàn XDNT. Những lùm mây đen u ám, kinh hoàng đã bắt đầu kéo về bao phủ trên vòm trời xã Cát Chánh mà làng Hữu Pháp của tôi là một thành viên trong bản xã. Tiếng súng tặc, cù đầu đó trong đêm khuya vọng về đã gây nên nỗi lo sợ, phấp phồng trong lòng người dân lương thiện.

Một chiều thứ bảy cuối tuần, sau khi dạy xong, trên đường về nhà lòng tôi miên man tư lự, thả hồn theo cánh cò trắng đang ung dung bay về dưới bóng hoàng hôn. Bất giác tôi nhìn sang cây cầu gỗ bắc ngang qua dòng sông trước ngõ nhà tôi. Lần đầu tôi thấy người lính du kích xuất hiện với chiếc mũ tai bèo đang ôm súng đi qua lại, nhìn tôi một cách thận trọng. Vào nhà rồi, tối hôm đó tôi bàng hoàng toan tính ... lo gom mấy bộ quần áo, thu dọn giấy tờ quan trọng, cùng một số sách vở cần thiết bỏ vào rương

chuẩn bị cho chuyến ra đi ngày mai mà không hẹn ngày trở lại.

Sáng hôm sau, trước khi mặt trời mọc, tôi đã xót xa nói lời giã từ với mẹ tôi trong hai hàng nước mắt nhập nhòa. Tôi nhìn lại căn nhà lần cuối ... Nó đã gói ghém – chất chứa suốt quãng đời thơ ấu và trưởng thành của tôi với biết bao kỷ niệm ...

Khi chiếc ca nô xinh xịch, nổ máy, tăng ga chuyển mình khởi động, khuấy bung đám lục bình mang những cánh hoa màu tím biên biếc tản mát trên dòng sông Thanh Giang. Tôi quay nhìn lại những xóm làng quen thuộc quanh tôi, những dòng sông ngoằn ngoèo uốn khúc, những bờ tre, ruộng lúa, những khóm lục bình trước mặt, đang cuốn theo dòng nước xoáy, hối hả như muốn chạy theo tôi, mời gọi tôi ở lại để cùng nói với nhau nghe những cảnh đời đổi thay, để cùng ấp yêu những kỷ niệm buồn vui của một kiếp người.

THƯ TRANG

San Jose, CA Mùa Thu 2003

LỜI HAY Ý ĐẸP

Nếu bạn không may mắn được đáp lại trong tình yêu thì hãy cố che dấu nỗi đau của mình nếu bạn không muốn tự hạ thấp mình.

G. Sand

TÌNH NGHĨA THẦY TRÒ

PHẠM NGỌC HÀI



Tình nghĩa thầy trò tôi ghi ra dưới đây là lấy trong cuộc sống hiện thực; trong năm nay, trong mùa này, những học trò cũ đã 30 năm còn ở lại trong nước, còn biết nhớ ơn thầy. Khi thầy còn sống họ tìm hiểu học hỏi đã đành, cả khi thầy qua đời họ cũng nhờ chỗ này chỗ nọ tìm kiếm giúp những công trình của thầy để học tiếp, cho dầu họ đã già, hầu hết thì giờ dành cho kế sinh nhai.

Chẳng hạn chị Lâm thị Đức, một cựu học sinh trường Văn Học Đà Lạt đã viết thư bày tỏ : “Đọc tờ báo Tuổi Trẻ ngày 13.9.2003 tôi nhận được tin thầy của chúng tôi là giáo sư Hứa Hoàn đã qua đời vì căn bệnh nan y : ung thư. Tôi thật bàng hoàng và thật buồn nhưng tôi cũng thấy thật vinh dự và hãnh diện về người Thầy của mình trong những ngày cuối cuộc đời trong cơn đau vật vã vì bệnh hoạn. Thầy đã để lại cho đời, cho thành phố Đà Lạt, cho chúng ta những nghiên cứu khoa học thật quý giá.

“Bây giờ là tháng Chín, tháng tựu trường&Chúng con giờ đây đã là những người làm cha, làm mẹ, cũng có những đứa con đang cấp sách đến trường&làm sao chúng con không khỏi chạnh lòng khi nghĩ đến trường xưa? Trường VĂN HỌC số 4 Hoàng Diệu Đà Lạt. “Hôm nay con xin thay mặt các anh chị , các bạn, các thế hệ đã được làm học trò của Thầy, kính gửi đến hương hồn của các Thầy Chữ bá Anh, Thầy Phan văn Vĩnh, Thầy Hứa Hoành&lòng kính yêu sâu sắc nhất. Có thể nói cuộc đời chúng con , của những học trò Thầy, cơm áo gạo tiền là do cha mẹ nuôi nấng, nhưng cuộc đời mà hôm nay chúng con có được là do sự dạy dỗ và chỉ bảo của quý Thầy. Sự dạy dỗ và chỉ bảo ấy nay là vốn sống , là bản lĩnh để sống: “Sống như thế nào để trở thành con người chân chính , đạo đức, trong một xã hội mà vật chất là thước đo giá trị con người”.

“Con nhớ trong một giờ kiểm tra, Thầy Hứa Hoành đã nói: “Các anh chị có thể quay cốp, nói dối tôi, nói dối cha mẹ các anh chị, nhưng các anh chị hãy nhớ cho tôi một điều là các anh chị sẽ không nói dối được chính cuộc đời của anh chị.” Và giờ đây con vẫn lấy bài học quý giá ấy để dạy dỗ lại cho các con của chúng con.“Kính thưa Thầy, cho dù chúng con đang ở đâu, bất cứ phương trời nào, làm nghề gì, đang vinh quang hay có khó khăn trong cuộc sống, đang ấm no hay nghèo khó&chúng con cũng luôn luôn nghĩ đến Thầy, vì những bài học của Thầy luôn sống cùng chúng con trong cuộc sống, và tấm gương sáng của Thầy là nguồn động viên lớn nhất cho chúng con.” (chị ấy chuyển gửi cho tôi, có lẽ nhờ tôi chuyển đến thân nhân thầy Hoành ở Mỹ).

Một học sinh khác, anh Lê văn Dũng ở Dalat viết cho tôi về thầy Hứa Hoành :

“&Tình cờ chúng em đọc được bài viết Sự Hình Thành Và Phát Triển Thành Phố Đà Lạt của tác giả Hứa Hoành trên website mà chúng em vừa mới tập tành làm thử để thỏa mãn nhu cầu hiếu tri của mình. Không rõ do một linh tính nào đã khiến em liên tưởng ngay đến một thầy giáo cũ mà em đã từng học tại trường tư thục Văn Học trước đây, cách đây đã trên 30 năm với biết bao đổi thay”.

Vào những năm 1972-1975, khi còn là cậu học trò đang học những năm cuối của bậc trung học, lúc bấy giờ đa phần giáo sư dạy tại trường Văn Học và một số trường tư thục khác của Đà Lạt có nhiều nguồn từ các nơi đến giảng dạy tại Đà Lạt. Đây là một trong những thế mạnh của giáo dục Đà Lạt, trong đó phải kể đến đội ngũ Giáo sư trường Võ Bị Đà Lạt. “Thưa thầy, em nhớ rõ từng Thầy mà tụi em đã từng học : thầy Hứa hữu Hoành là giáo sư Sử Địa, dạy Sử Địa các lớp đệ Tam, đệ Nhị. Thầy phát âm giọng nam hào sảng. Thầy hay mặc quân phục kaki vàng của Võ Bị, không mang lon quân đội, đầu đội beret đen. Còn Thầy Nguyễn minh Diễm là giáo sư Việt văn đệ Tam (10), đệ Nhị (11), Triết Luận lý học đệ Nhất (12). Thầy Diễm trong lúc giảng bài hay hút pipe, mùi thơm khói thuốc 79 thơm ngát, mịt mù. Thầy Hoàng văn Thạnh, người Huế, dạy Hóa Học. Thầy Nam dạy Toán các lớp đệ Tam (ban A và B). Thầy Tuệ dạy Pháp văn cho các lớp đệ Tam , đệ Nhị ban C, ban B. Thầy Đan đình Soạn dạy Công Dân. Thầy Vĩnh Dương dạy Công Dân. Thầy Cường dạy Anh

văn. Thầy Thuận dạy Lý Thuyết Thống Kê Xác Suất. Thầy Lưu văn Nguyên dạy Toán (hiện còn sống, ở Đà Lạt). Thầy Phạm kế Viêm dạy Toán. Thầy Thân trọng Bình dạy Lý Hóa. (Các cours Toán Lý Hóa nổi tiếng của thầy Viêm, thầy Bình tại Đà Lạt đến nay các thế hệ học trò Đà Lạt vẫn thường hay nhắc đến với lòng kính trọng và ngưỡng mộ)& Hơn ba mươi năm đã qua đi với biết bao đổi thay mà các Thầy Giáo sư Võ Bị từ khắp nơi về dạy học tại Đà Lạt trước 1975 vẫn để lại nhiều ấn tượng sâu đậm cho nhiều thế hệ học trò tại Đà Lạt.

Ngoài khối lượng kiến thức phong phú còn có cả những bài học về tư cách làm người, những bài học mà trong sách giáo khoa hiện nay chưa được cập nhật. Chúng em được như ngày hôm nay, thật tình trong đó có công lao dạy dỗ của các Thầy từ những năm tháng đó, những năm còn cấp sách đến trường.

Nay em tình cờ gặp lại, dù chỉ là một bài viết qua trang web, nhưng em vẫn nghĩ đó là một bài học của Thầy Hoàn, chứa đựng nhiều thông tin hết sức quý báu. Ngoài thông tin về Đà Lạt năm xưa còn gói ghém cả tình cảm mà Thầy Hoàn đã có từ những lúc ban đầu khi đặt chân lên Đà Lạt để dạy học. Tình cảm của Thầy đối với Đà Lạt (về cảnh và người) trước sau như một. Xin Thầy giúp em hiểu rõ hơn về những ngày cuối của Thầy Hoàn.

Nay được biết tin Thầy Hoàn đã đi xa ở một nơi xa xứ, khá đột ngột, nên em viết những dòng này để tưởng nhớ đến Thầy Hứa Hữu Hoàn; cầu xin hương hồn Thầy sớm về miền cực lạc. Và kính nhờ Thầy chuyển hộ chúng em

những lời chia buồn của các thế hệ học trò của Thầy Hứa Hữu Hoàn tại Đà Lạt đến với gia đình Thầy Hoàn.

Cũng nhân đây, rất mong Thầy, qua các tài liệu của Thầy Hoàn (các bài viết về Đà Lạt, về Đào duy Từ v.v..) xin Thầy vui lòng giúp cho chúng em rõ thêm các chi tiết sau đây :

1/- Tác giả Gereald C. Hickey mà Thầy Hoàn có trích lục đã viết tác phẩm The Sons of Mountains xin cho em biết nhà xuất bản và năm xuất bản. Nếu được thầy giúp cho tụi em một bản copie thì quá hay.

2/- các sách báo và tạp chí cũ : Indochine năm 1943-1944 số mấy ?

3/- Monographie de la province Dalat, năm? số?

4/- Các tạp chí Amis du vieux Huế, các năm&

5/- Henri d'Orlean mort à Saigon của A. Baudrit viết năm ? nhà xuất bản ?

6/- Trong bài viết của Thầy Hoàn có những chi tiết đất giá, ở Việt nam hiện nay không có, , rất mong Thầy giúp và nói rõ hơn : về nguồn hoặc các địa chỉ có thể liên lạc làm rõ về bà Nguyễn thế Truyền (Madelen Marie Clarisse Latour)-là nhân viên y tế của Lycée Yersin từ năm ? đến năm ?. Nếu bà mất tại Đà Lạt thì mộ chí ? và gia đình bà ở tại Đà Lạt ? Nếu có được ảnh, nhất là ảnh bà làm việc tại Lycée Yersin thì hay quá.

7/- Các chi tiết quanh các trường học đầu tiên của Đà Lạt, như trường của cụ Bùi thúc Bàng, trường Petit Lycée, trường Nazareth&(ảnh ? bài viết ? các tài liệu liên quan ?)

8/- Lai lịch câu Ông Đạo, các Quán đạo Đà Lạt : Tôn thất Toại, Tôn thất Hối, Phạm khắc Hoè, Trần văn Lý.. (ảnh và chi tiết liên quan).

9/- Tài liệu liên quan về đồng bào thượng đòi hỏi Pháp để cho con em họ được đi học và mở trường riêng cho con em họ. Lai lịch và thân thế của Yagút; các tác phẩm văn học của Yagút (chữ viết hay truyền khẩu). Các tài liệu viết về Yagút (hình ảnh, sách báo&). Hiện nay Đà Lạt vẫn có con đường mang tên Yagút nhưng những chi tiết về cuộc đời ông thì chưa ai biết đến; cũng như các chi tiết về các nhân sĩ người Churu, người Lạch, người K'hor&trên đất Đà Lạt đã góp phần hình thành và phát triển thành phố này.

10/- Em có nghe nói về dòng họ Touch, một họ lớn của người Churu vẫn còn sống tại Diom A, Diom B, Lạch xuân, Đơn dương. Rất mong Thầy nói rõ hơn về các nhân sĩ Touch Hàn Thọ, Touch Hàn Đàng& Các trường học của người thượng trong các buôn người Lạch , số học sinh ? số thầy giáo ? nội dung học ?

Ở bên này, mùa hè và mùa tết, cựu học sinh các trường Việt nam mời các thầy cô cũ tụ họp tâm tình, tỏ lòng biết ơn và phân phát đặc san kỷ niệm định kỳ. Những học sinh già vừa an ủi làm vui lòng thầy, vừa lo duy trì nét đẹp dân ta trong lớp con cháu. Những thầy cô nhìn trò cũ qua nhân cách ngày nay của họ hơn là qua sự thành đạt giàu sang.

Nếu “một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy” thì trong trường học và ngoài trường đời chúng ta nợ lẫn nhau, thầy cũng nợ trò và bạn nợ bạn, trong biết bao điều học hỏi ở nhau, ở kẻ xa lạ, ở người đã khuất & để hoàn thiện bản thân mình.

Từ đại học sư phạm, tôi dạy thực tập trong trường Đồng Khánh năm 1958 rồi đi vào các nhiệm sở Đà Lạt, Nha Trang, Qui Nhơn, Sài Gòn. Năm học cuối 74-75 tôi giảng dạy về Communication ở 3 phân khoa Kỹ thuật Phú thọ Sài Gòn, Nông nghiệp và Giáo dục ở Thủ đức. Mười năm lao lung tôi học ở bạn tù, giám thị tù, ở dân vùng tiếp cận, ở anh tài xế và bà con đi thăm nuôi. Không kể những đắng cay tạo nên bài thuốc, ở đâu phải sống, phải tiếp xúc, phải cọ xát với cỏ cây, máy móc, đất đá, khí hậu và con người (với biết bao thành kiến) & tôi đều hái lượm được cho mình chút hương thơm hoa quả, chút ánh mắt nụ cười thơ dại trong sáng vô tư, chút mùi vị của quê hương vườn cau nường chuối khói chiều sương sớm. Trong cái khổ hạnh tự tạo được niềm vui, đó là bài học lớn cho tôi sống ở đời.

Trở lại với các “em học trò già” với lòng biết ơn và tin cậy ở thầy, tuy tôi không có khả năng đáp ứng 10 câu hỏi của anh Dũng thì tôi vẫn có tấm lòng nhờ báo chí chuyển đến gia đình Chị Hứa Hoàn lời chia buồn và biết ơn sâu xa của đám học trò cũ của Anh. Qua Chị và qua uy tín của Anh, tôi nghĩ các bạn thân và bạn văn của Anh có thể giúp chỉ dẫn giảng giải 10 điểm hỏi của Dũng, xin gửi email về địa chỉ của tôi seapham@hotmail.com hay của anh Đặng tiết Rừng TBTHOIBAO@aol.com , anh Phan tấn Hải VanT644574@aol.com, chị Đỗ Mùi

VNTDNEWS@aol.com, chị Quỳnh Thi
vnnb@vietnamdailycom để tôi có thể in ra và gửi về cho
học sinh cũ của anh Hoàn. Anh đã vĩnh biệt chúng ta
sáng sớm ngày 11 tháng 7 năm 2003 (12 tháng 6 Quý
Mùi) nhưng khi danh tiếng Anh còn thì Anh vẫn chưa thực
sự qua đời. Tôi rất mong các anh Xuân Vũ, Lý minh Hào,
Phương Triều, Phan Phi Hùng, Lê Bình, Vương trùng
Dương và chị Ngọc Lan (nhật báo Việt nam) có điều kiện
xin giúp đỡ kiến thức học thêm của học trò anh Hoàn.
Qua đó, những người học trò khác trong nước cũng sẽ học
kế được nhiều điều.

Trong từng vấn đề nhỏ, các anh chị viết có chiều sâu, có
khảo cứu chân xác, tập hợp lời xưa, mưa dầm thấm đất,
dựng lại và củng cố tâm hồn kiến thức giới trẻ cho tương
lai dân nước khá hơn.

PHẠM NGỌC HÀI

Câu đố

Hai làng xúm đánh một làng,
Máu chảy cùng đàng ruồi chằng dám bu.

Cái gì giống như con cò,
Ăn ba hòn núi hồng no cái điều?

Một bầy cò trắng, ở tại núi cao,
Bằng đêm lao xao, bằng ngày trốn mắt.

Đi ngoe ngoáy, về gãy lưng

Mẹ đi trước đánh cùn, đánh mõ,
Con đi sau vừa khóc vừa la.

HƯƠNG XƯA

PHẠM THỊ QUANG NINH

Không biết định mệnh thế nào mà ba đứa con gái độc thân lại dính chùm ở cái tỉnh lỵ nhỏ bé này. Trong ba người, chị Hương là người lớn tuổi nhất, đã đi dạy học ở Sài Gòn mấy năm. Tôi và Cát là cô giáo mới ra trường, được đổi về đây.

Chúng tôi ở chung nhà trọ. Chị Hương tính tình trầm lặng chứ không ồn ào như Cát. Hai đứa tôi hay tâm sự vun những khi rảnh rỗi hay rủ nhau ra bãi biển nhặt vỏ sò về bỏ đầy hộp trên bàn. Chị Hương lủi tha lủi thủi, ít nói. Cát tò mò, thắc mắc tại sao chị Hương đã hăm lăm, hăm sáu mà chưa có chồng, tại sao đang dạy học ở Sài Gòn ngon lành như vậy mà lại phải ở đây cho khổ vậy? Tại sao? Tại Sao ... Nhiều khi Cát hỏi tôi, khi chị Hương vắng mặt:

Này Bình, bồ có thấy bà Hương nhà mình bất thường không? Ít khi bà ấy tâm sự cởi mở với tụi mình.

Tôi gạt đi ngay:

- Tại tính người, chắc tính chị ấy như vậy.
- Chắc thế.

Một hôm tình cờ tôi về sớm hơn thường lệ, chị Hương giặt mình, nhưng không quay mặt ra hỏi:

- Cát hay Bình đấy?
- Em đây, Bình đây. Sao chị không mở cửa ra, để nhà tối thui vậy?

Nói xong tôi chạy tới mở cửa sổ. Ánh sáng tràn vào nhà. Chị Hương cuống quýt. Mắt chị đỏ hoe. Đó là lần đầu tiên tôi thấy chị khóc. Tôi ngồi xuống cạnh chị:

- Chị Hường ơi, tụi em coi chị như chị ruột, chị có gì buồn nói cho em biết để chia sẻ chứ. Ở đây chỉ có ba chị em thôi mà. Mình đâu có nói chuyện riêng được với mấy ông thầy kia.

Chị gượng cười:

- Không có gì đâu cưng. Tại chị nhớ nhà.

Cái cố nhớ nhà tôi thấy cũng có lý nên chẳng hỏi thêm và xem như chuyện bình thường.

Chiều đến, tôi kể chuyện này cho Cát nghe, nàng nhất định không tin:

- Bộ tôi không nhớ nhà sao? Bộ không nhớ nhà sao? Tụi mình cũng nhớ nhà vậy nhưng vẫn tán hươu tán vượn như thường chứ có “cạy miệng không ra một câu” như chị ấy đâu. Nhất là nghề cô giáo.

Tôi phản đối:

- Tôi đã nói bồ là mỗi người mỗi tính. Cũng có khi tuổi tụi mình còn trẻ nên nổi nhớ nhà nó ... trẻ hơn.

Cát vẫn không chịu:

- Nói vậy mà nghe được. Nhất định chị Hường có tâm sự gì mà không nói cho tụi mình biết. Chắc chị ấy cho là tụi mình còn trẻ không hiểu nổi.

- Cũng có lý!

- Cái đồ ba phải!

Một hôm anh tôi gửi cho một thùng sách để đọc cho đỡ buồn, nên cả tháng tôi không có thì giờ đi chơi và để ý nhiều đến chuyện của chị Hường. Không có tôi, Cát rất rảnh rỗi. Sau giờ học, về nhà chấm bài xong là hết việc. Cát rủ rê được chị Hường đi chơi biển. Sau mấy tháng, tình thân giữa hai người đậm đà hơn trước. Tôi hỏi nhỏ Cát:

- Thành công không?

Cát lắc đầu:

- Khó thật! Coi như thất bại. Không biết gì thêm.
Thua!

Mà Cát bỏ cuộc thật. Tâm sự riêng tư của chị Hường chúng tôi không thắc mắc như trước nữa. Chúng tôi quen với tính trầm lặng của chị. Nhưng không ngờ, ít lâu sau trong trường bắt đầu xì xào về người khách của cô giáo Hường. Người này là một “quan hai hoa mai” vẫn thường tới thăm cô giáo Hường trong giờ chơi. Mọi người đều đoán là cô giáo sắp lấy chồng. Ở tỉnh nhỏ, chuyện nhỏ bao nhiêu cũng thành chuyện lớn. Câu chuyện của chị Hường là một đề tài nóng hổi trong những buổi tụ họp.

Tôi không dám hỏi, sợ chị cho là xía vào đời tư của chị. Nhưng tôi đã lấy cái tính tò mò của Cát nên một lần đã rụt rè hỏi chị:

- Em thấy chị có bạn mới. Chị kín đáo ghê, không chịu giới thiệu cho tụi em.

Chị cười:

- Bạn thường thôi, không có gì đặc biệt. Gặp nhau hôm đang lang thang ở bãi biển.

Thấy chị nói chuyện vui vẻ, tôi tấn công thêm:

- Người ta tới thăm chị hàng ngày mà chị nói là bạn thường. Em không nghĩ thế. Em thấy ông ấy mê chị “đút đuôi con nòng nọc” rồi. Mà con người trông cũng thanh tao nữa chứ.

Chị tinh nghịch vo tròn tờ giấy, vất đốp vào trán tôi rồi cười:

- Láu cá! Cũng có thể.

- Vậy thì chị gặt đầu đi cho tụi em làm phù dâu.

- Chưa chắc, chị còn nghĩ xem đã.

Lúc đó tôi cảm thấy thật thân với chị như chị em ruột, nên trách móc:

- Chị kỳ quá, người ta thương mình như vậy mà chị lại còn đòi nghỉ. Nghĩ cái gì chứ? Ai mà thương em như vậy là em bằng lòng liền.

- Còn nhiều chuyện khác, Bình không biết đâu. Chỉ khi nào chuyện ấy xảy đến cho mình, em mới hiểu được Bình ạ.

Tôi tưởng khi người con gái được một người thương yêu thì chuyện hôn nhân là bình thường chứ sao lại rắc rối như vậy. Có thể Cát nói đúng, bà Hường này quả là người khó hiểu.

Thế rồi anh Việt và chị Hường cưới nhau thật. Đám cưới tổ chức đơn giản, chỉ có hai bên cha mẹ và bạn bè thân. Cát cho rằng chuyện bí mật của chị Hường là chuyện chẳng có gì bí mật cả. Đó chỉ là cái ưu tư của các cô gái khi cha mẹ muốn đẩy đi mà vẫn chưa tìm được “hoàng tử của lòng mình”. Vậy thì Cát và tôi cũng đang ở trong tình trạng ấy.

Vợ chồng chị Hường sống rất hạnh phúc. Khi chị có bầu cháu thứ hai thì xin được đổi về Saigon. Chị nói là vì chịu anh chứ chị vẫn thích sống ở cái tỉnh nhỏ này hơn. Năm đầu ba chúng tôi vẫn thư từ thường xuyên, rồi thưa dần. Đến khi chị có cháu thứ ba thì chúng tôi ít liên lạc với nhau nữa. Cát và tôi đoán chắc chị bận rộn chuyện gia đình chồng con nên không có thì giờ. Nhưng sau đó thư từ hai đứa bị trả lại vì chị đã đổi địa chỉ. Chúng tôi mất liên lạc từ đó.

Năm sau Cát lấy một ông giáo dạy cùng trường và quyết định ở lại nơi đây. Chỉ còn một mình, tôi thấy cô độc lạ thường nên cố xoay sở đổi về Saigon để được gần mẹ.

Một hôm tôi đang lang thang trong chợ Bến Thành thì gặp chị Hường. Chị vẫn còn đẹp như xưa nhưng vì có con

nên hơi có da có thịt hơn trước. Hai chị em mừng rỡ, tay bắt mặt mừng.

- Bình coi lúc này xinh gái quá, có chồng chưa?

- Em còn ế chị ơi. Cát cũng chồng con rồi. Chỉ có em vẫn còn “mồ côì”.

Chị cười, đập tay vào lưng tôi, nói đùa:

- Mất đàn ông lúc này cận thị hết rồi.

Rồi chị mời tôi lại nhà chơi:

- Từ khi về Saigòn đến giờ nhiều chuyện thay đổi lắm, về nhà ăn cơm với các cháu, chị kể hết cho Bình nghe.

Tôi tinh nghịch:

- Bộ chị không dấu như ngày xưa nữa hả?

- Chắc chắn không.

- Nhưng em phải về nhà ngay. Mẹ em dặn về ăn cơm vì có ông anh được nghỉ phép. Mai em tới được không?

- Đây địa chỉ của chị. Chị chờ Bình ngày mai nhé.

Không được xạo đấy.

Tôi tíu tít với chị một hồi rồi lên xe buýt về nhà. Anh Hưng, với bộ rần ri đang đứng xừng xững trước cửa:

- Cô này đi chơi đâu mà về trễ quá vậy? Chờ cơm cô đói xót cả ruột.

Tôi cười cầu tài:

- Em xin lỗi nghe. Hôm nay gặp chị bạn dạy cùng trường ngày xưa, vui quá nên em lỡ mất một chuyến xe buýt. Nhưng em có mua cho anh mấy trái ổi xá lị nè.

Mẹ tôi đang ở trong bếp nói ra:

- Cơm xong rồi, anh em vào ăn đi rồi nói chuyện sau.

Anh Hưng và tôi ngồi vào bàn ăn. Mẹ ngồi bên cạnh ăn nhỏ nhẹ và luôn gấp thức ăn vào chén cho anh Hưng.

Anh tôi nịnh mẹ:

- Mẹ làm cơm ngon hơn ở tiệm nhiều. Cô nào được cái gia sản nấu ăn của mẹ là ông chồng trúng số.

Tôi cũng nói đùa:

- Anh kiếm người về để mẹ truyền nghề cho.

- Làm mối cho anh đi. Cái cô bạn Bình gặp ở trạm xe buýt đã có chồng chưa?

- Anh chậm chân rồi, chị Hường có chồng, có ba đứa con lặn. Hồi đó ai bảo không ra thăm em.

Anh Hưng trở mặt nhìn tôi rồi cúi xuống ăn tiếp:

- Cô đó tên là Hường hả? tên hay quá, mà tên đệm là gì? Kim Hường, hay là ...

Tôi cướp lời:

- “Lốc Cốc Tử” đoán trúng phóc. Bạn em tên là Kim Hường. Tụi em ngày trước ở cùng chung nhà trọ. Bây giờ chị ấy khác trước nhiều, hồi đó chị cứ lủi thủi một mình, ít thềm nói chuyện với tụi em. Con Cát nó đoán chị có tâm sự buồn nhưng trệt lất. Chị lấy chồng rồi tính tình vui vẻ hơn trước. Ông chồng mê chị ấy quá trời.

Nghĩ một lúc tôi lại hỏi:

- Tại sao anh đoán tài quá vậy?

Anh tôi lắc đầu:

- Không biết tại sao cái tên ấy lại hiện ra bất tử như vậy.

Ngày hôm sau tôi sửa soạn đi thăm chị Hường, anh tôi bảo:

- Đưa tiền xe buýt cho tôi đổ xăng, tôi chở cô đi.

Tôi phản đối liền:

- Đâu có được. Chuyện đàn bà anh tới làm gì. Có anh nói chuyện mất tự nhiên.

- Hay là tôi thả cô xuống rồi tôi đi. Về phép lần này hết tiền rồi, không muốn mượn tiền mẹ.

- Xạo! Em thấy anh có một xấp tiền trong túi mà nói hết tiền. Chắc tiền ấy để bao gái chứ gì?

- Cô này tài thật, nói trúng “tim đen” của tôi. Vậy bây giờ có chịu cho tôi chở không?

- Cũng được, nhưng em chỉ đưa anh chút chút thôi chứ em không có tiền đâu nhá.

- Đồng ý liền.

Anh Hưng nhiều khi hết tiền vì bao bạn bè nên hay moi tiền mẹ và em gái. Mẹ bảo bố ngày trước cũng thế đấy nhưng khi lấy vợ xong là chín chắn làm ăn, lo gia đình đàng hoàng. Khi bố mất, mẹ thấy hụt hẫng vì thiếu người nương tựa. Ước mong lớn nhất của mẹ là anh Hưng lấy vợ. Có nhiều mai mối nhưng anh chẳng chịu đám nào. Bị mẹ giục nhiều lần, anh kiếm cố “hoãn binh”, bảo khi nào tôi lấy chồng xong rồi anh lấy vợ. Tôi nghĩ đến thân phận mình. Một vài hình bóng đi qua, mờ mờ ảo ảo. Tại sao tuổi cũng đã nhiều mà lòng vẫn chưa thấy tương tư. Tôi thở dài bảo anh Hưng:

- Anh phải lấy vợ, em chắc đi tu.

- Anh cũng đi tu.

- Tu gì? tu hú! anh có đạo mà chẳng bao giờ đi nhà thờ thì đi tu làm sao được.

- Ừ nhỉ

Anh tôi sợ tôi “lý sự cùn” nên vẫn hay đầu hàng như vậy cho chắc ăn, khỏi bị thua.

Mãi suy nghĩ, chúng tôi đã tới khu Bàn Cờ. Anh em tôi tìm mãi mới thấy căn nhà nhỏ của chị Hường. Tôi xuống xe, nói anh cứ đi. Chị Hường ra mở cửa mời tôi vào. Nhà không có ai. Chị nói các cháu đi xi nê với bố. Chị mời tôi ngồi uống nước rồi vào bếp đun thêm nước xôi. Chưa kịp uống ngụm nước nào thì nghe tiếng gõ cửa. Chị Hường đang lúi húi trong bếp nói ra:

- Bình ra mở cửa giùm chị xem ai đó

Tôi mở cửa thấy anh Hưng đứng ngay đó. Tôi nhăn nhó nói nhỏ:

- Em đã nói rồi, tụi em nói chuyện riêng, anh tới nhà bạn chơi đi, tí nữa tới đón em.

Anh Hưng ngần ngừ. Tôi lại giục anh đi đi. Chị Hường ở trong nhà nói vọng ra:

- Ai đó Bình?

Không biết làm sao, tôi đành thú thật:

- Em nhờ ông anh chở tới đây vì sợ không tìm được nhà chị.

- Mời ông ấy vào nhà chứ đứng đợi ngoài đường nóng chết.

Anh Hưng đẩy cửa bước vào nhà. Chị Hường bước trong bếp ra. Hai người nhìn nhau lúng túng trong giây lát. Gớm! các ông, các bà đã già rồi rồi mà gặp nhau còn ngây ngô như tuổi học trò. Ước gì tôi gặp được người đàn ông cho mình cảm giác ấy. Anh Hưng nói trước:

- Chào cô Kim Hường.

Chị Hường lấp bắp.

- Chào ... anh.

Tôi xía vào:

- Anh tên là Hưng.

Anh Hưng cười nhẹ rồi vội vã cáo từ:

- Tí nữa anh quên. Anh có hẹn người bạn. Một tiếng nữa anh tới đón Bình. Anh đứng ở gốc cây đằng kia.

Nói xong anh bước ra ngay, quên cả chào chị Hường.

Chị Hường mời tôi ngồi. Với giọng nói mất bình tĩnh, chị kể những chuyện thay đổi đời chị sau khi sanh cháu thứ ba. Câu chuyện thiếu mạch lạc, thỉnh thoảng chen lẫn với tiếng thở dài. Thật là không ngờ, hai anh chị đã không còn ở với nhau nữa:

- Hai vợ chồng chị rất hòa thuận, tương kính lẫn nhau. Nhưng một hôm chị bắt gặp anh với một người đàn bà khác. Chị nói anh tự xử. Anh bỏ ra đi.

Tôi lắc đầu quây quây:

- Trời đất, sao mà ghê gớm vậy? Em không tin đâu. Em thấy anh đứng đần lăm lăm mà.

Chị buồn rầu:

- Chị cũng nghĩ như vậy.

Tôi thở dài;

- Chắc anh chị phải cãi nhau dữ lắm?

- Không, chẳng một lần nào cãi nhau.

Từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác, tôi hỏi chị:

- Không cãi nhau mà bỏ nhau, sao kỳ quá vậy? Tại sao lại có chuyện lạ lùng thế? Anh lấy người đàn bà kia?

- Thường thì không cãi nhau mới dễ bỏ nhau, vì lịch sự với nhau lâu rồi nên không thể nói khác được. Anh không lấy ai. Vẫn lại thăm các cháu nhưng hai vợ chồng không thể ở với nhau được nữa.

Tôi vẫn còn bực tức như chuyện xảy ra cho mình:

- Chị không tha thứ cho anh được sao?

- Có nhiều người đàn ông tự ái, không muốn được tha thứ, họ bỏ đi, tự hành họ.

Hôm đó đi về, tôi mang một tâm trạng chán chường, bực bội. Với tôi, hai người có tình yêu thật thì hôn nhân phải là cái gì thật gắn bó, thật vững vàng, chứ sao lại có thể mỏng manh như vậy. Thấy tôi suy tư, anh Hưng cũng không nói gì. Hai anh em cứ yên lặng như vậy cho đến lúc về nhà.

Kể từ hôm ấy tôi thấy mất tin tưởng vào hôn nhân. Tôi trở nên ít nói làm anh Hưng cũng ngậm miệng theo. anh em tôi không đùa dỡn như trước, một chuyện hiếm có khi ngồi cạnh nhau. Khi hết phép anh trở về nhiệm sở.

Xui làm sao, mấy tháng sau anh Hưng bị thương phải nằm bệnh viện Cộng Hòa. Mẹ tôi khóc hết nước mắt sợ anh chết. Tôi cố gắng không biết làm sao cũng lại khóc. Anh thấy thế chọc tôi:

- Cô này không đủ điều kiện làm người yêu của lính.

Tưởng vết thương anh không đến nỗi nào, ai dè anh lên cơn sốt mê sảng liên miên. Khi tỉnh, anh gọi tôi tới nhờ chào chị Hường. Và tôi vô cùng sững sốt nghe anh thều thào kể chuyện tình thâm kín của anh và chị. Thảo nào khi anh gặp chị, tôi thấy có điểm gì bất thường mà tối dạ đoán không ra. Anh nói anh vụng dại làm mất chị. Chị giận hờn nói chẳng bao giờ yêu anh, rồi xin đổi đi xa. Anh mất liên lạc. Tôi cũng kể cho anh tình cảnh của chị Hường hiện nay. Anh bảo tôi hỏi chị Hường xem chị có yêu anh không? và giục tôi phải đi ngay.

Tôi sợ những lời anh nói là trần trối, nên tới ngay nhà chị Hường. Khi tôi báo tin anh bị thương nặng, nằm ở Cộng Hòa. Chị hết hoảng nhưng nhất định không tới thăm. Khi tôi nhắc lời anh Hưng hỏi chị, chị hiểu tôi đã biết mọi chuyện. Chị vẫn trả lời không yêu anh Hưng, rồi chị ngồi bất động. Nước mắt chị chảy ròng ròng, từng giọt lăn trên má, như hôm tôi bắt gặp chị một mình trong phòng trọ của chúng tôi khi xưa. Chị Hường trở lại thành con người không bình thường. Đã không yêu người ta làm sao mà phải khóc? Tôi giận chị. Anh tôi sắp chết mà sao chị trả lời tàn ác quá vậy.

Thất thiếu đi ra, lòng tôi tan nát. Tôi không muốn anh Hưng đau lòng trước khi chết nên định nói dối, nhưng lại nghĩ, khi chết rồi, con người sẽ hiển linh, sẽ biết hết sự thật. Tôi nhất định không nói dối anh. Anh Hưng hỏi chị Hường có nói gì nữa không. Tôi lắc đầu thất vọng, nói chị chỉ khóc. Tự nhiên khuôn mặt anh rạng rỡ, đôi mắt anh

sáng lên. Lạ thay, anh cũng chảy nước mắt. Nhìn anh, tôi chẳng thể hiểu được cái thế giới của hai kẻ yêu nhau sao lại có thể kỳ bí đến thế. Nó có cái gì như “thần giao cách cảm” và hai người như hiểu được ngôn ngữ của nhau.

Như một phép lạ, và trước sự ngạc nhiên của mọi người, bệnh tình anh Hưng thuyên giảm một cách mau lẹ. Vài ngày sau đó, anh được phép về nhà dưỡng bệnh.

PHẠM THỊ QUANG NINH

MAI TĂNG TIỂU CHIẾU

*Vi tiểu lậu thiên ky
Phong trần không mẫn y
Linh phong tam thập tải
Vị kiến thử tăng quy !*

ĐÀO TẤN
(Tư liệu Đào gia)

TẤM ẢNH MAI TĂNG (1)

*Mỉm cười làm mất cơ thiên
Ra đi trên áo cố nhiên bụi đời.
Linh Phong, ba chục năm rồi!
Mà tăng chưa thấy tấm hơi trở về.*

VIỆT THAO phụng dịch

(1) Mai Tăng là biệt hiệu của cụ Đào Tấn

NHỮNG DÒNG THI CA

Góp từ muôn phương

NHÀ TÂY SƠN

*Áo vải cờ đào rạng sử xanh
Tây Sơn Nguyễn Huệ đấng hùng anh
Tùng phen khiếp đảm quân Xiêm tặc
Cũng lúc kinh hồn lũ Mãn Thanh
Nam Bắc xa thư gồm một mối
Đông Tây non nước thấy an lành
Bạc đầu ví phỏng nhân gian thấy
Xã tắc lâu rồi thoát khúc quanh*

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

YÊU EM DÁNG NGỌC VỪA TRÒN

*Yêu em ...
Từ lúc tuổi thơ
Tóc nâu vừa phủ
Bên bờ vai thon*

*Yêu em ...
Dáng ngọc vừa tròn
Giọt sương buổi sáng
Vẫn còn lung linh*

*Yêu em ...
Vương nhẹ đường tình
Hồng hoàng kẻ cận
Bóng hình em yêu*

*Yêu em ...
Phố nhỏ đường chiều
Vàng thu lá rụng
Tiêu điều hoang sơ*

*Yêu em ...
Nhặt lá đề thơ
Gẫm trong nhung nhớ
Tràn bờ yêu thương*

*Yêu em ...
Thức trắng đêm trường
Vòng tay vỗ ngọt
Còn vương tơ lòng*

*Yêu em ...
Đêm nhớ ngày mong
Đồng tiền trên má
Ngàn năm thương hoài*

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Người đại thường nghĩ là mình khôn nhưng người khôn thì lại tự biết mình còn dại.

W. Shakespeare

Đặc San Bình Định 173

HÌNH BÓNG QUÊ NHÀ

SAU CÓN MƯA CHIỀU

*Sông tạnh, màn mưa trôi lững xa
Bờ tre quyện gió, bóng sương nhòa
Lập lòe bến khói, đò neo quạnh
Đồng vọng hoàng hôn tiếng thác xa*

THƯƠNG NHỚ ĐỒNG QUÊ

*Gió sớm nhớ hương đồng lúa trổ
Mưa chiều tưởng khói quyện nhà tranh
Lạc lõng tiếng chim miền lũ thứ
Ngõ nghe tu hú gọi trong cành*

TRƯA VỀ THĂM TỪ ĐƯỜNG

*Võng đưa từng nhịp dật dờ
Bồi hồi mộng, thực lắng chờ sâu đưa
Tiếng chim cu gáy cành trưa
Tâng khơi đồng vọng hồn xưa ngậm ngùi*

BẾN CŨ NGÀY VỀ

*Quê nhà tơ tưởng trong hồn mộng
Lối cũ về qua đạo thân thờ
Mưa dầm bến xuân nhòa dĩ vãng
Tình đây, cảnh đó, cứ bơ vơ !*

TRẦN CẨM TÚ

GỎI BẠN CŨ

Thương mến gửi Đặng Vinh Mai, người bạn học thời niên thiếu

*Vắng thăm hỏi đâu phải thôi gấn bó
Bởi đa đoan cơm áo chuyện đời thường
Thư bạn viết chỉ đầy trang giấy nhỏ
Mà gọi lên bao kỷ niệm thân thương*

*Đời sàng lọc cố tri còn mấy nữa?
Với nhau, từng cần khổ thuở hoa niên
Bao dâu bể, giờ “bên trời một lúa”
Tình đồng song nay kết mối tương liên*

TRẦN CẨM TÚ

NÀNG XUÂN TRONG MỘNG

*Nếu mỗi cánh ... Hải âu đừng bay nữa
Vòm trời xa đang lác đác hạt mưa
Mây vẫn vũ gió chiều lên bão lớn
Và đêm nay ... là đêm tối giao thừa ...*

*Em có nhớ ... Những gì em đã hứa
Mang thư xuân về rải khắp trần gian
Mang niềm vui, mang hạnh phúc chứa chan
Hầu vá lại mảnh hồn hoang vỡ vụn!*

*Xuân rục rỡ cho tiết đông tàn lụn
Hoa mai vàng thay những giọt sương pha
Nàng xuân ơi ... nàng hãy đến bên ta
Ôi ... tuyệt mỹ, trời cho ta bỗng lộc*

*Đến đây em, hơi tấm thân ngà ngọc
Ru hồn ta vào giấc mộng liêu trai
Dáng em đi, ôi liễu yếu trang đài
Ta ngây ngất, hơi nàng xuân trong mộng!*

*Em vẫn đến dù bão chiều gió lộng
Thân ly hương trên mảnh đất phù sa
Cách trở địa cầu, em vẫn bước qua
Em là cả thiên đường ... ta mong đợi*

*Rồi một sớm ta nghe buồn vời vợi
Nắng hạ hồng che khuất dáng xuân tươi
Đêm trở giấc tim ta buồn rười rượi
Ngày lang thang như kẻ mất tình nhân ...*

NGỌC AN

NHỮNG CON ĐƯỜNG KHÔNG TÊN

*Những con đường không tên,
Miền Sơn La gió lạnh,
Xuôi ngược về Yên Bái, Lào Cai,
Qua Đông Triều, Lai Châu, Thanh Hóa,
Con đường nào thiếu dấu chân em?
Những con đường không tên,
Rừng Kim Sơn, Bình Định,*

Đèo Mang Yang dốc ngược còng lưng,
Rừng Phước Long lồ ô che kín,
Con đường nào thiếu bóng em qua?
Những con đường không tên,
Gói ân tình ba lô em cồng,
Dốc em trèo mù mịt mây giăng.
Áo dầm mồ hôi dãi cao nắng hạ,
Tóc sũng mưa phùn thung lũng mùa đông.
Những con đường không tên,
Con đường in sâu tình sử.
Dấu chân xưa phai nhạt tháng ngày,
Nhưng ân tình em ghi còn đó,
Xa quê hương vẫn nhớ con đường!
Và nay,
Trên con đường tha hương đất lạ,
Hoa đầu mùa anh hái tặng em.
Em nâng niu cành hoa thắm nở,
Nhớ con đường vạn thuở không tên.

QUÁCH TỬ

NHỚ VỀ

Xuân đã về ta vẫn ngồi đây,
Để nhớ về phương trời xưa cũ.
Nhớ trưa hè tiếng hát mẹ ru,
Bài ca dao nghìn năm vẫn ngọt.
Nhớ tiếng ai giọng hò thanh thót,
Tình quê hương như rót vào lòng.
Nhớ đêm trăng vàng đổ trên sông,
Đứng chờ em dò xuôi dò ngược.
Nếu mai này đôi mình lỡ bước,
Tình còn như trăng nước sông dài?
Nhớ bước chân của thời thơ dại,

Dẫm bờ ao trên lối đến trường.
Nhớ mai vàng rộ nở muôn phương,
Màu áo dài xuân về em mặc.
Quê hương xưa giờ xa lãng lất,
Khóm trúc buồn cúi mặt chiều mưa.
Ta mơ ngày trở lại bến xưa,
Để nghe sóng vỗ bờ tịch dương.
Đường đời sao vẫn kiếp tha phương?
Ngồi nghe giọt lệ canh trường đêm xuân!

QUÁCH TỨ

MÙA XUÂN NÓI VỀ HOA

Hoa gạo nhắm rượu trên cao
Hoa mơ lão đảo rơi nhào cỏ may.
Hoa lựu má đỏ hây hây
Hoa đào chúm chím, bèo tây bông bênh,
Hoa ngô run rẩy rập rình,
Gió trăng là ả đa tình hoa cau.
Hoa lan ẩn hiện bờ lau,
Hoa sói sắc sảo, hoa bầu ngẩn ngơ.
Hoa lài thơm lúc lẳng lơ.
Hoa mai chung thủy, tình thơ mặn nồng.
Mào gà đích thị đàn ông,
Hoa sim con gái then thùng đáng yêu.
Hoa xoan đáng vẽ mỹ miều,
Sụt sùi nhớ bạn mưa chiều mưa đêm.
Bìm bìm luôn lách vườn em,
Anh theo cánh bướm tìm xem mặt mình.
Dạ hương biến hóa tài tình,
Hương bay một nẻo, hoa rình dàng xa.

Vườn em mà được đậm đà bát cơm.
Trên vườn hoa táo, hoa thơm,
Bước chân xuống ruộng hoa đơm bốn mùa.
Hoa sen so má em thua,
Trình nguyên hoa cúc, đong đũa hoa hồng.
Hoa quỳ lả bóng bên sông,
Để cho anh bế anh bồng trên tay.
Hoa mơ nào có ai hay,
Ngàn hương muôn sắc, bóng mây là đà.
Ước gì anh hóa ra hoa,
Cho em nung lấy cài và vào bầu.
Chàng ơi chớ phụ hoa ngâu,
Tham nơi phú quý thì cầu mẩu đờn.
Gió đưa vườn cải rập rờn,
Áo vàng trong nắng chập chờn canh trâu.
Dưới giàn thiên lý nhớ nhau.
Nhớ mùa hoa phượng, nhớ màu mực son.
Hoa thơm càng héo càng thơm,
Em giòn rách áo đỏi cơm càng giòn.
Thương em rộn rã tâm hồn,
Ngắm hoa lòng lại bồn cồn nhớ em.
Trăm hoa đã gọi cho xem,
Nhưng hoa nào đẹp bằng em: hoa người.
Hoa người đẹp lắm em ơi,
Không hương sắc lại bằng mười sắc hương.
Ngàn hoa dị thảo lạ thường,
Ngất ngây lữ khách, dạ vương xuân tình.

PHAN VĂN HÀM

QUÁN BÊN ĐƯỜNG

Tóc em xóa bỗng bênh màu lãng mạng
Môi em cười lún nụ thật kiêu sa
Thân phận anh người lính chiến xa nhà
Ba lô nhỏ là gia tài anh đấy
Đường hành quân còn nhọc nhằn biết mấy!
Quán bên đường: anh ghé lại nghỉ chân
Tách cà phê rơi từng giọt vui dần
Khói thuốc lá đan đi buồn đơn lẻ ...
Chợt nhìn em, gặp em nhìn, cười khê
Xao xuyên lòng, gây dấu ấn tim anh
Bên ngoài kia: giá lạnh, gió lay cành
Trong quán nhỏ ấm tình người lính chiến
Cùng hẹn hò chờ nhau tàn binh biến
Để ngày về vương niệm đội tóc em
Tiếng súng xa như réo gọi lên đường
Mình già biệt, siết tay mền em gái

*

Ngày được phép, năm sau mình trở lại
Quán bên đường hieu hắt nét râu phong
Hỏi thăm ra: biết được em lấy chồng
Bỏ quán lạnh, đón tình nồng duyên ấm
Bóng chiều nghiêng, buông dần rơi chầm chậm
Thầm hỏi em có nhớ bóng chinh nhân?
Tay trong tay ôm giây phút ngời gần
Chôn kỷ niệm trong ba lô còn đó.

VÕ NGUYỄN

TỰ TÌNH

Ai cho gió lọt chun song?
Để gió hôn trộm má hồng của em.
Ai treo trăng sáng về đêm?
Để trăng nhìn lên phòng em lạnh lùng
Ai thả mây trắng ngập ngừng?
Là đà quyến rũ tưởng chừng ghẹo em.
Ai để sao chớp mắt nhìn?
Nửa khuya thấy lên con tim đại khờ.
Ai cho trời tỏa sương mờ?
Sương che khuất bóng người mơ, nào lòng
Ai làm mặt nước hồ trong
Chụp trộm hình bóng em vòng rửa chân
Buồn tình em dạo vườn xuân,
Lá lao xao vẫy như ruộng rẫy em.
Xa anh, buồn lắm về đêm ...
Gió, trăng, trêu chọc, làm em xiu lòng

VÕ NGUYỄN

Ô CỬA NHÌN ĐỜI

(Lời tòa soạn: Tâm trạng của một Tử Tù trong Xà Lim Cộng Sản)

Kín bưng giữa bốn bức tường
Cũng may còn một ô vuông nhìn đời
Nhìn mùa thu lá thu rơi
Nhìn chiều mưa đổ toi bời bên song
Lặng nhìn những buổi trời trong
Nghe con chim hót mà lòng không vui
Có khi nhìn thấy mặt người

Lạnh căm đôi mắt thay lời chào nhau
Đôi nhìn cánh én về đâu
Giữa trời thăm thẳm một màu chiều buông
Hoàng hôn nhìn sợi nắng vương
Trên hàng cây đứng cuối đường xa xăm
Có đêm thoáng thấy trăng rằm
Qua nhanh nhớ sợ ai cầm lấy tay
Cả đời nhìn mãi mây bay
Sao hôm nay bỗng lòng ngây ngất sâu
Nhắm đôi mắt nhìn thật sâu
Một trời tang tóc ấy màu quê hương
Bờ môi mẫn giọt đoạn trường
Vẫn xanh mơ ước con đường nở hoa
Có vì sao ở thật xa
Dịu dàng màu mắt như là cố nhân
Nhìn nhau tha thiết ân cần
Để tương tư một mùa xuân thiên đàng
Đêm về nhìn ánh đèn vàng
Dọc tường vôi xám sáng hàng kềm gai
Vách bên có tiếng thờ dài
Biết anh đã lỡ mộng đời tự do
Mấy phòng liên tiếp cùng ho
Là lời nhắn nhủ dặn dò gì nhau
Nghe lòng ấm giữa đêm sâu
Biết đời còn những nhịp cầu tri âm
Trong tâm tối nổi vui thâm
Tỏa hương như giữa một đầm hoa sen
Sắc trời bàng bạc sương in
Tiếng con vạc lẻ vừa chìm đầu dây
Cửa đời nhỏ tựa bàn tay
Vẫn nhìn thấy ánh sao mai rạng ngời ...

LÊ PHƯƠNG NGUYỄN

TÌNH QUÊ

Thuyền ai neo đậu ở men sông,
Trăng nước quê hương thấm đượm nồng.
Chở kịp ta về nơi ước hẹn,
Để cho người bớt nỗi hờn mong.
Non sông cách trở, thương cùng nhớ,
Năm tháng mỗi mòn đợi với trông.
Tuyết lát phát bay, đầu điểm trắng,
Quê nhà, trời đất đã sang sông.

NGÔ ĐÌNH PHÙNG

SUỐI NGUỒN TUỔI NHỎ

Cảm hứng từ "Dòng Sông Ngày Cũ" của Vương Đức Lệ

Ôi con suối tuổi nhỏ của ta đâu?
Đêm êm nghe róc rách dòng nước đổ
Bọt tung trắng xóa, bờ cao đất lở
Ta đứng lặng nghe riu rít tiếng chim
Hót hòa vui thi với sóng êm dềm
Ôi những tảng đá xanh rêu nâu đỏ
Bên bờ hàng cây rữ trời nổi gió
Phía cửa sông nước ngập bóng mây chiều
Tận nguồn sâu dốc đá dựng cheo leo
Ta trèo lên cây đại bên ngôi miếu
Thả lá dày trôi xuôi sông Hạ Chiếu
Bàn chân non trượt ngã đã nhiều phen

Tuổi xuân hồng dâu nghĩ chuyện đua chen
Bao kỷ niệm trôi theo dòng nước lũ
Ta ngậm ngùi nhìn sương phủ chiều đông
Sao trong lòng nghe nổi nhớ tràn dâng
Tuổi tóc xanh dâu? Còn đây tóc trắng
Chủ nghĩa, tù đày, bom rơi, đạn bắn
Tự lưu đày nơi góc biển chân mây
Nhớ thương nguồn suối cũ bao giờ khuây?
Chân thối giẫm trên đá mòn rêu phủ
Năm mươi lăm năm quá lâu để nhớ
Năm mươi lăm năm nổi nhớ thêm sâu
Ôi con suối tuổi nhỏ của ta đâu?
Đất khách bến Tầm Dương nghe sóng vỗ

Đêm nghe suối róc rách sao không ngủ?
Suối lững lờ không nâng gót ta đi ...

DIỆU TÂN

QUỐC HẬN CA

Hà Nội ơi! Thành Thăng Long triều cũ,
Nay ngai vàng của bè lũ ma vương.
Cung Ba Đình quỉ ngục giữa trần gian,
Mà xác cáo được truy hoan thân tượng.

Nguyễn Ái Quốc dùng mỹ từ bịp bợm
Gạt muôn dân để bán nước cầu vinh.
Đội lớp Hồ, sao lại gọi Chí Minh?
Đưa dân Việt đắm chìm trong máu lửa

Sự nghiệp cha, ông, thôi rồi sụp đổ!
Bốn ngàn năm lịch sử đã tan tành.
Khói điêu linh ngút tỏa phủ trời xanh,
Lửa uất hận loang tràn trên biển đỏ.

Tập đoàn Hà Nội vẫn rấn đầu ngoan cố,
Dựng lâu đài trên xương máu quốc dân
Bao oan khiên chấn động cả trời Nam,
Bấy cay nghiệt, sục sôi bờ cõi Việt.

Giương nanh vuốt chúng tha hồi vợ vét,
Bóc lột dân và quật mộ tổ tiên.
Kiếm đô la bằng xác chết tù binh,
Lòng dạ thú miệng hô hào giải phóng.

Mấy mươi năm cả toàn dân điêu đứng,
Máu lệ nhòa cho Bác, Đảng quang vinh.
Trại giam nhà tù đầy cả ba miền,
Làm sao có tự do và dân chủ.

Ôi Hà Nội! hỡi tập đoàn quỷ dữ!
Dưới trời Nam cờ máu búa liềm bay.
Chốn rừng sâu có bao lá và cây,
Cộng sản Việt có bấy nhiêu tội ác.

Ôi tổ quốc giống nòi Hồng Lạc!
Sỏi đá còn muốn bỏ nước mà đi.
Mẹ xa con, chồng vợ cũng cách lìa,
Đứt nóm ruột ai lòng nào đành đoạn.

Vì tự do, vì kẻ thù cộng sản,
Mà lạc loài thây sinh tối biển Đông.
Hàng triệu oan linh, tắc nghẹn cả lòng,
Đời tị nạn hỏi ai không uất hận?

Giờ chung quyết đứng lên phát cờ trận,
Hỡi quốc dân nước Việt ta đấu tranh.
Hãy đánh tan loài quỷ đồ gian manh,
Bóp cho nát bọn rắn đầu bạo chúa.
Thực thi được dân quyền và dân chủ,
Dem tự do hạnh phúc đến muôn dân.
Giành lại giang sơn độc lập vẹn toàn,
Đất nước Việt của toàn nhân dân Việt.

HÀ LY MẠC

ĐẤT QUÊ HƯƠNG

Thở mới sinh ra tim này đã mang ý đất
Với linh hồn này là hơi thở của người Việt Nam

Buổi ra đi con mang nắm đất
Đất quê hương – đỡ nỗi nhớ nhà
Chiều mỗi mắt từ phương trời lạ
Đất mẹ hiền còn chút cát pha.

Nắm đất nhỏ mà tình quê ấm
Con riêng mang đến tận cuối đời
Chiều nhớ nhà. Thương quá mẹ ơi!
Trời đất Việt còn pha sắc máu.

Nắm đất nhỏ tình quê đã gửi.
Trọn tình yêu thở mới vào đời
Trọn tình yêu lúc còn nằm nôi

Đường đi học đất mang hồn nước.

*Nắm đất nhỏ trong hình bóng mẹ
Chiều làng quê quây gánh đường về
Bước ngược xuôi đất bám hương quê
Con nhớ mãi – tròn đời mẹ ạ!*

PHAN TUỞNG NIỆM

SUMMA CUM LAUDE

Xóm-ma Cơm Lao-đi

*Trong những ngày lễ tốt nghiệp tại các đại học Hoa Kỳ, tiếng xướng
ngôn tên họ Việt Nam cùng với hạng tốt ưu danh dự Summa Cum
Laude vang vọng lên, xúc động rung cảm mãi trong tâm hồn ...*

*Hạ về
lòng mở hội xuân
reo vui rộn rã
những con em chúng ta
trái đời dâng hương hoa quả
rạng rỡ thành công đánh dấu học kỳ
nhận lãnh văn bằng ưu hạng
summa cum laude ...*

*Ôi Trường sơn đỉnh cao sừng sững
trí thức thặng hoa
nhân kiệt kiêu hùng
phù sa Cửu Long
trời học thơm nồng bát ngát không trung
tuổi trẻ Việt Nam
tràn đầy quyết tâm nghị lực*

những đóa hoa đời
rạng ngời kiến thức
rực rỡ thành công kết quả học kỳ
tiếng xướng danh Bùi Nguyễn Lê Trần
vang vọng tiếng lẫy lừng bia văn miếu
summa cum laude...

Này anh kỹ sư
hỡi cô tiến sĩ
ôi đáng đi các em
những con người yêu quý
tiến lên bực đời
áo mào vinh quy
anh ôm choàng
nền văn minh Việt
summa cum laude...

Này cô cử nhân
hỡi anh bác sĩ
những người con Lạc Hồng yêu quý
dòng máu rồng tiên hiếu học
cuồn cuộn chảy hồng tâm
summa cum laude
vẫn suốt đời vang vọng dư âm ...

Bốn ngàn năm
nguồn văn minh sông Hồng sông Cửu
quần quít Trường Sơn
đỉnh cao thành tựu
các em lớn lên
bằng chất sữa ca dao
trí óc tinh khôn
nhân ái ngọt ngào
bốn biển năm châu

nhìn các em chào mừng
tinh hoa đất Việt
dáng đi các em
dịu dàng tha thiết
bước vào đời rực rỡ vinh quy
tiếng vỗ tay chúc mừng
trí tuệ Việt
summa cum laude ...

Biển học vui trải rộng nỗi lòng ta
hai mươi tám năm
chữ nghĩa say ngây
tình Việt chan hòa
này đêm sách vở hoa đăng
này giảng đường ngày vui rực sáng
học thầy giúp bạn
mùi thơm sách mới
bụi phấn hoa xưa
bàn chân hối hả giảng đường
đẫm ướt chiều mưa
buổi sáng nắng thơm
trải thảm hồng đưa vào thư viện
hiếu học Việt Nam
trên đường vui thẳng tiến
các em đua bay
với sinh viên thế giới học đường
trong những đại học tốt nhất
trên hành tinh này
trí tuệ Việt nêu gương ...

Này sinh viên Việt Nam
văn minh Lạc Hồng sáng chiếu
tuổi trẻ trên vai

*mang hôn bia văn miếu
các em tiến vào đời
rực rỡ vinh quy
dân tộc chào mừng
vang vọng
summa cum laude ...*

HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

VÀNG PHAI

*Dấu xưa vàng úa trắng gầy,
Đêm tàn buông xuống, trùng vây muện phiên.
Mơ màng một giấc cô miên,
Lạc trong hoang vắng, từ miền tịch liêu.*

*Biết thân đã ngã về chiều,
Sao còn dan díu những điều thị phi.
Để lòng khổ hận sâu bi,
Vương mang chi nữa sân si bận lòng.*

*Việc đời lắm ngã đục trong,
Biết ai tri kỷ cho lòng thành thơ.
Nhìn xem những áng mây trời,
Ung dung trôi mãi về nơi vô thường.*

*Lững lờ một giải sông Tương,
Ngẫm xem thế sự khó lường nông sâu.
Tang điền theo cuộc bể dâu.
Tấm thân cát bụi tìm đâu lối về?
Vàng phai một giải trắng thề.*

THỨ TRANG

NGẬP LÁ THU RƠI

Một kẻ tha hương
Lang thang thơ thẩn
Nhìn lá thu bay
Lòng vương vương buồn!

Thu ơi! Thu ơi!
Lá thu vàng rơi
Rơi về cội nguồn
Còn ta viễn khách
Biết về phương nao?

Thần thờ nhật lá
Tỉ tê thì thầm,
Lá có biết chăng?
Lá đẹp tuyệt vời!
Vàng tươi rục rở
Đỏ thắm rạng ngời
Theo gió tung tăng
Phủ tràn ngập lối
Điểm tô trời thu
Dương nuôi đất mẹ
Vun bồi cỏ cây
Trọn kiếp luân hồi.

Còn ta lữ thứ
Quê mẹ xa vời
Xa nút ngàn khơi
Xa tự thuở nào
Xa lắm mùa Xuân
Xa rồi mùa Hạ

*Nay đã vào Thu!
Thu phai màu tóc,
Thu nhạt vành môi,
Thu mở ánh mắt,
Thu xóa má hồng,
Thu chìm dĩ vãng!*

*Thu ơi! Ơi Thu!
Lòng ta nức nở
Chạnh nhớ cố hương
Tuổi đời vào Thu
Xa vời đất Mẹ
Bơ vơ lạc loài
Cội nguồn nơi nao?!
Nỗi buồn tàn Thu!*

*Bâng khuâng mơ tưởng
Giờ nằm xuống đây
Mùa Thu lá bay
Vàng, đỏ tung tăng
Rơi rơi, nhẹ nhẹ ...
Rơi mãi, rơi hoài ...
Phủ kín giùm ta
Tắm thân phiêu lãng
Nhẹ nhàng thanh thản
Ngập lá Thu rơi
Giấc mơ tuyệt vời
Tạm biệt mùa Thu!*

CẨM TUYẾN

NẾU MỘT MAI ...

*Nếu một mai em đi vào giấc ngủ,
Trả hồn về cho mây trắng trời xanh;
Em không còn là em của riêng anh,
Em không đợi, không chờ anh nữa.
Không thao thức những đêm dài nhung nhớ,
Không gửi tâm tình qua cánh thư xanh.
Nếu một mai anh trở lại kinh thành,
Không có em đón chào bên thềm cũ ...
Ngõ vắng mênh mang sâu rơi lá đổ,
Mây mùa Thu bay lững thững ngang trời;
Thành phố im lìm câm tiếng gọi: Anh ơi!
Dưới gót chân anh đất chuyển mình nức nở;
Nắng tàn phai bên giàn hoa tím vỡ,
Màn đêm về liệm kín cả không gian.
Một mình anh đi dưới ánh đèn vàng,
Bóng đơn độc trải dài trên đại lộ ...
Anh có tiếc, có buồn hay thương nhớ,
Bước lạc đường vào tình sử thâm u?
(Nhưng nói thế mà thôi!)*
*Nếu một mai trong những buổi chiều Thu,
Anh vẫn thấy còn trời xanh mây trắng;
Thì anh nhé! Thôi đừng buồn xa vắng,
Em vẫn còn là Em của riêng Anh.*

ĐỖ THỊ THU BA

Sự cao thượng luôn luôn được ngưỡng mộ nhất là khi nó đi cùng với sự khiêm tốn.

Goeth

Đặc San Bình Định 193

THƠ MỜI HỌA (#)

(Trích trong thi tập Góp Nhặt Lời Quê)

Bài Xướng 1: Con Hồ ... (1)

(Riêng tặng Tổng Bí Thư Nông Đức Mạnh)

Lắm người bảo hấn: hấn con hồ ...
Xảo quyết rặt dòng, có khác mô?
Lùng lục cá tôm khi xuống nước
Rập rình gà cuốc lúc lên khô
Thềm giun lén lút bươi bầu bí
Ngựa mồm hung hăng ươi mả mổ
Già trẻ xem lông trông có khác
Nông sâu lẩn gốc, trốn ra hồ ... (2)

Bài Xướng 2: Đám Man Di

Trông lũ man di (*) kéo xuống đồng
Nhìn đồ là biết bọn Tam Không:
Dép râu chẳng đủ mang vào cẳng
Quần cụt nên đành chịu ló mông
“Bác” đến (*) bay theo, nên: “bết” ... đáng ! (*)
Hồng Nô (*) (3) sử chép, hấn: Hồ – Nông (*)
Chỉ thương mấy triệu dân còng cổ
Nuôi đám man di (*) mãi phải gồng

(#): Với mục đích để đánh đổ những huyện thoái quanh HCM, những bài họa của quý vị xin gửi về tác giả để nếu được sẽ in thành tập trình làng sau.

(1): Con hồ Li, một loại chồn cáo, chồn neon cũng có ý chỉ Hồ Chí Minh.

(2): HCM luôn luôn phủ nhận việc có vợ con. Còn Nông Đức Mạnh thì bảo: "ai cũng là con của Bác", muốn biết sự thật thì phải truy gốc.
(3): Bọn Tư Bản Đỏ cam làm nô lệ cho ngoại bang. (*): Nói lái lại sẽ mang ý nghĩa khác: Man di: mi gian, bác đến: bết ... đáng, hồng nô: Hồ Nông (Hồ Chí Minh và Nông Đức Mạnh) ...

NGUYỄN VIỆT NHO

GIỌT NƯỚC MẮT CHO QUÊ HƯƠNG

Giọt nước mắt nào để khóc cho Quê Hương tôi,
Giọt nước mắt nào để khóc cho Dân tộc tôi,
Giọt nước mắt nào để khóc cho thân phận tôi,
Giọt nước mắt đó giờ đây héo hắt
Giọt nước mắt đó giờ đây khô cạn ...
Đã bao lần, đã bao lần, đổ xuống cho Quê hương.
Quê hương ta đó: Việt Nam yêu dấu,
Quê hương ta đó Việt Nam tang thương.
Quê hương ta đó ngàn đời thương nhớ,
Quê hương ta đó giờ đây xa cách,
Xa cả một bầu trời và cách cả một đại dương.
Những đứa con Việt Nam giờ đây mất Mẹ,
Những đứa con Việt Nam mồ côi Quê Cha,
Ôi! Mồ côi Quê Cha.
Đất nước thân yêu giờ đây xơ xác,
Cơ đồ Cha Ông hôm nay đổ nát,
Con dân Việt Nam phiêu bạt khắp bốn phương trời,
Còn gì đau thương cho bằng mất nước,
Có gì thương đau hơn mất Quê hương,
Mất Quê hương là mất cả cuộc đời,
Mất cả cuộc đời khi đánh mất Quê hương.

LÝ MINH ĐẠO

Đặc San Bình Định 195

TÌNH NGƯỜI

Nhân loại giờ đây tình người cạn kiệt,
Sống cho mình nào nghĩ tương đến ai đâu,
Áp đặt mưu ma, bày trò quỷ kế,
Đánh lộn lương tâm cốt độc chiếm lợi quyền.
Cuộc sống đó còn gì ý nghĩa?
Sống hôm nay mà như đã chết tự bao giờ.
Đồng loại tương thân ta sao không nhớ?
Đau thương của người chính là tổn thức của ta,
Bởi tất cả chúng ta là huynh đệ,
Chỉ khác nhau bởi tiếng nói bởi màu da.
Phải chấm dứt những gì thương tổn,
Đừng gây thêm những đổ vỡ hận thù,
Hãy chia sẻ những gì ta có được,
Cùng cho nhau những tình cảm chân thành
Cuộc sống đó tràn đầy lý tưởng,
Cao đẹp thay chan chứa tình người.
Đây tất cả những gì ta mong ước,
Để thế giới này có được cuộc sống yên vui.

LÝ MINH ĐẠO

EO GIÓ QUÊ TÔI

Trèo lên eo núi đá cheo leo
Một mảnh trời xanh mây lưng đèo
Xuống dốc chập chùng nghiêng thoải thoải
Bãi dài đã trải gập gềnh theo
Hòn Mông lồ nhớ năm ba cụm

Hòn xeo đơn cô cảnh vắng teo
Ngư ông câu cá mỗi đôi thẻo
Thấp thoáng thuyền nan lưới sóng chèo
Cánh nhạn lưng trời ven bãi vắng
La đà chim én lượn vòng theo
Gió mây khao khát vùng trăng mộng
Rừng thưa bãi vắng khúc gieo neo
Ngất ngây tà áo cô thôn nữ
Ấp ủ tình xuân buổi tóc thề
Giang sơn gấm vóc, ôi đẹp quá!
Sao mảnh hình hài lại tách xa?
Nam Quan bức tử hờn sông núi
Chim Việt trời Nam lệ dầm sa.
Gợn sóng thu phong xao xuyến lạ
Chạnh lòng thương nhớ nước non nhà.

NGUYỄN BƯỜNG
(San Pablo CA)

THƯ GỬI VỀ EM

Vào thuở ấy, em đẹp như huyền thoại
Môi chín hồng ngọt lịm trái nho tươi
Đôi mắt biếc nhìn ai như muốn nói
Mái tóc-huyền buông xỏa xuống đôi vai.

Giờ tan học tung tăng đôi chân sẻ
Tà áo bay như bướm trắng sân trường
Tiếng em nói như oanh vàng thỏ thẻ
Lặng nhìn em lòng xao xuyến, vương thương.

*Hồn nhiên quá! Thiên đường xanh tuổi ngọc
Lòng chứa đầy những mộng ước cao xa
Kể từ đó, anh về thêm chăm học
Cánh phượng hồng anh hái tặng em hoa.*

*Em sẽ ép vào trang trong sách vở
Để đêm về em mộng thấy tình ta
Phượng chẳng ép, trang thơ đành viết dở
Cánh phượng buồn, trang thơ cũng nhạt nhòa!*

*Ở bên này, đã bao mùa phượng thắm
Vẫn nhớ hoài những buổi trống trường tan
Anh lẻo đẻo theo sau bầy bướm trắng
Bên kia trời, em có thấu tình chăng?!*

THÁI TẮU

NGÃU HỨNG

Bài Xương

*“Thất thập cổ lai” cũng chưa già.
Tâm thần phấn phát tựa xuân hoa
Một sương năm nắng tình chưa cạn
Chín giận mười thương nghĩa đậm đà
Non nước đang chờ cơ thử thách
Đá vàng hồ dễ mãi riêng a?!
Bọn về hôm nớ xin cho nhắn
Ta vẫn là ta, ta với ta*

NGUYỄN TƯỜNG CHI

Bài họa:

HƯƠNG ĐĂNG

Tóc bạc hùng tâm tuổi chửa già
Tấc lòng hương đăng đẹp muôn hoa
Tinh thần Yên Bái hồng non Tân
Truyền thống tiên Long cuộn sóng Đà
Thống nhất về nguồn luôn quyết chí
Kết đoàn cứu quốc chẳng riêng ai.
Chung lòng nung nấu tình dân tộc
Quang phục quê hương chính nghĩa ta.

PHẠM CÔNG TRÂM

XUÂN CALI

Đã mấy Xuân rồi em biết không.
Trăng chiều trăng trở ánh thu phong.
Mình nghe lá đổ chiều hoang vắng.
Biết đợi, biết chờ ai bóng trông.

Chiếc lá một mình với gió trăng.
Bao lần rơi mãi đón xuân sang.
Đang chờ, đang đợi ai trông ngóng.
Mà vẫn một mình yêu chứa chan.

Để rồi hoang tưởng tình yêu mới.
Chìm đắm mơ màng chung lứa đôi.
Cứ ngỡ yêu đương còn rất trẻ.
Vậy mà đã mấy vạn Xuân tươi.

KHOA NGUYEN
Cali, Xuân 2004

感

江上多啼到客棹
舟上素荷忍割行
高上一地雪行寒
大海子頭浪送舟
水在孤鴻懷應跡
旅人點打此鄉句
吃天好呈蒼色
回首誰人美感愁

藍源

THU CẢM

Giang thượng ô đề động khách lâu
Phân phân điệp lạc hốt tri thu
Cao sơn nhất phiến vân hành xử
Đại hải thiên đầu lãng tống châu
Bạch nhận cô phi hoài cụ tích
Lữ nhân mặc tưởng vọng hương châu.
Văn thiên cố lý thương thương sắc
Hồi thu thùy nhân mặc cảm sầu.

LAM NGUYỄN

dịch

THU CẢM

Vọng lâu tiếng thước trên sông
Lá thu lả tả nghe lòng ngẩn ngơ
Mây trên đỉnh núi lững lờ
Thuyền trôi đầu sóng vật vờ xa xa
Dấu xưa, nhận lẽ thoáng qua
Làng xưa xóm cũ, khó nhòa lòng ai
Quê hương ẩn nét xanh dài
Tình người xa xứ u hoài nhớ thương.

TUẤN VIỆT

Quạ náo đầu sông tiếng vọng lâu
Ngập ngừng lá rụng động tình thu
Nhấp nhô mặt biển thuyền xa thấy
Phiêu lãng mây ngàn đến chốn nao
Cánh nhạn bơ vơ ngùi cội cũ
Quê người khắc khoải quận lòng đau
Cuối trời non nước mờ mờ bóng
Ngoảnh lại ai ngăn được lệ sầu.

VÂN TRÌNH

Lầu trên bến tiếng từ ô vọng
Cây ven đường thoáng bóng thu rơi
Bơ vơ đầu núi mây trời
Thuyền vin ngọn sóng dậm khơi mịt mờ
Thương tổ cũ lừng lơ cánh nhạn
Nhớ đường xưa ngơ ngẩn vó câu
Đoái trông thăm thăm ngàn dâu
Tình nhà nổi nước giục sầu lòng ai!

SONG NGUYỄN

Bên sông tiếng qua tới lầu.
Chót nghe lá rụng, trời hầu vào thu.
Mây trôi đỉnh núi hững hờ
Thuyền nương theo gió dáng mờ biển xa.
Cô đơn cánh nhạn nhớ nhà
Làng xưa lũ khách ngẩn ngơ lòng buồn.
Cuối trời quê cũ mờ sương.
Mấy ai ngăn nổi mắt vương lệ sầu.

NGÂN SƠN

NHỚ

*Dù xa vắng lòng ta vẫn nhớ
Qui Nhơn ơi muôn thuở mến yêu
Vui sao cát trắng, sóng chiều
Trong ta vị mặn vẫn lưu luyến hoài.*

*Đã lỡ xa em cát trắng rồi
Qui Nhơn biển mặn vẫn trong tôi
Ngày về ta sẽ mang nắng mới
Nối lại tình ta cát trắng ơi!*

CHỜ

*Con đợi chờ Cha mai không trở
Cháu thiếu pháo nổ, đón tin ông
Biến loạn ai gây tình mình xa cách
Một trời thương trách ruột thắt hồn đau.*

HÒA NGUYỄN
San Jose, CA

MƯA PALAWAN

*Chị vừa đặt chân đến Mỹ
Gửi em tấm hình cũ kỹ nhiều năm
Nơi chị ở trời đang mưa
Em có còn nhớ ngày đưa tiễn buồn
Rời trại ty nạn lên đường
Ngày vui sao lạ trời buồn đổ mưa
Định cư bỏ lại người đưa
Ngửa tay hứng giọt trời mưa cát tường*

Chúc cầu may mắn lên đường
Tiếng Huyền lạc giọng thoáng buồn trong mưa
Vẫy tay tạm biệt tiễn đưa
Mắt cười ẩn hiện ngàn xưa nỗi buồn

Người đi bịn rịn lên đường
Bước chân quyến luyến lạ thường chiều mưa
Hứa hẹn gì với người đưa
Những lời nhắn nhủ gió mưa thêm buồn

Tay trao túi sách lên đường
Dấu yêu lòng chị phố phường dẫm mưa
Kỷ niệm buồn ngày tiễn đưa
Giờ nơi xứ lạ nhìn mưa nhớ người

Đã lâu thăm trách em lười
Không thư liên lạc với người cùng ghe
Hoài thương dưới mái dù che
Đi bên vai chị tựa nghe biển buồn

Bây giờ chị cũng lên đường
Nơi chị hiện ở trời buồn đổ mưa
Còn em đã biết yêu chưa?
Hay chỉ thích cảnh trời mưa buồn buồn

GIÀ TRƯỜNG

Không phải bao giờ dưới khuôn mặt xinh đẹp cũng ẩn náu
một tâm hồn trong trắng.

Ngạn ngữ phương Đông

TÌNH ANH XIN NGỎ

“Nhớ em như nhớ thuốc Lào,
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên”.
Xa em, thao thức ngày đêm,
Gần em thì miệng anh câm như hến.
Nhớ em đôi má lúm đồng ...
... Tiền hậu ngơ ngẩn như diên như hùng.
Muốn ngỏ mà cứ ấp úng,
Em ơi xin đừng ngại ngừng thương anh.
Dẫu rằng anh vất vả trăm ...
... Chiều tà tà vẫn chờ em tỏ bày.
Cần anh tặng hoa, tặng trái,
Lợi sông, lợi biển anh đây cũng lợi.
Bao giờ mình mới nên đôi,
Em ơi! Xin hãy trả lời rõ ràng.
Biết chẳng thương em quá chừng,
Trèo trướng quên mệt, ngậm gừng quên cay.
Nhác trông thấy bóng em đây,
Ăn tám lạng ớt, ngọt ngay như đường.
Khi nào nên vợ nên chồng,
Hàng tuần tiền Check trao em hết trội.
Mỗi sáng chỉ xin một gói xôi,
Ăn vào lấy sức để rồi cày mệt xỉu.
Tình anh xin ngỏ bấy nhiêu,
Mong thuyền sớm cập bến yêu đôi ta.

ĐẮC ĐĂNG

NHỮNG NĂM GIÁP THÂN TRONG LỊCH SỬ NƯỚC TA

TRÁC NHƯ

Họ Hồng Bàng (2879-258 trước Tây lịch).

Nhà Thục (257-207 trước Tây lịch).

Nhà Triệu (207-111 trước Tây lịch).

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ nhất (111tr. Tây lịch-39).

Trung Nữ Vương (40-43).

1.Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ hai (43-544): Đời Tam Quốc, nhà Đông Ngô (222- 280):

Năm Giáp Thân (264), Ngô Tôn Hạo Nguyên Hưng nguyên niên, vua Ngô chia đất Nam Việt của Nhà Triệu ngày trước ra thành Quảng Châu và Giao Châu :

.Lấy đất Nam Hải, Thương Ngô và Uất Lâm làm Quảng Châu, đặt châu trị ở Phiên Ngung;

.Lấy đất Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam làm Giao Châu, đặt châu trị ở Long Biên.

2.Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ ba, Nhà Đường (618-907):

Năm Giáp Thân (864), vua Đường sai Cao Biền sang Giao Châu đánh quân Nam Chiếu.

3.Nhà Tiền Lê (980- 1009):

Năm Giáp Thân (984), vua Lê Đại Hành cho đúc tiền Thiên Phúc , xây cung điện, cột giác vàng, mái lợp ngói bạc.

4.Nhà Lý (1010-1225): Lý Thái Tông (1028-1054).

Năm Giáp Thân (1044), vua Lý Thái Tông phát khí giới trong kho ban cho tướng quân. Vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành, giao kinh sư cho Khai Hoàng Vương Nhật Tôn lưu thủ. Ngày ra quân, Hữu ty đem dâng một túi mật to bằng trái bưởi. Vua nói đùa rằng:”Chữ đằm (mật) âm gần với chữ đăm (vui), con thiếu lao mà có mật to, có lẽ là

điềm báo cho ta biết, chỉ khó nhọc một chút mà được vui lớn”.

Con thiếu lao là con dê và con heo mà Hữu Ty là phần hành lo làm cỗ gọi là cỗ thiếu lao để vua cúng thần sông thần núi.

Quân Chiêm Thành dàn trận phía Nam sông Ngũ Bồ. Vua Thái Tông truyền thúc quân đánh tràn sang. Quân Chiêm Thành thua chạy. Tướng Chiêm Thành Quách Gia Di chém vua Chiêm Thành là Sạ Đầu đem đầu sang xin hàng.

Người Chiêm Thành chết nhiều quá, xác đầy đồng. Vua thấy động lòng thương, xuống lệnh rằng:” Kẻ nào giết bậy người Chiêm Thành thì sẽ giết không tha”.

Vua tiến quân vào thành Phật Thệ, bắt vợ cả, vợ lẽ của Chiêm Vương Sạ Đầu và các cung nữ múa giỏi khúc điệu Tây Thiên.

Khi rút quân về đến hành điện Lý Nhân, vua sai Nội Thị gọi My Ê là phi của Sạ Đầu sang thuyền vua. My Ê phần uất, ngấm lầy chân quấn vào mình nhảy xuống sông chết. Vua khen là trinh tiết, phong là Hiệp Chính Hựu Thiên Phu Nhân.

5. Nhà Lý: Lý Nhân Tông (1072-1127).

Năm Giáp Thân (1104), vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành. Trước đó Lý Giác làm phản bị đuổi đánh. Hắn chạy trốn sang Chiêm Thành, tiết lộ tình hình nước ta cho Chiêm Thành biết. Nhân đó vua Chiêm Thành là Chế Ma Na đem quân sang cướp, lấy lại ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chánh (ba châu này nay thuộc địa hạt Quảng Bình, Quảng Trị) mà Chế Củ đã dâng lúc trước. Đến đây, vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh, phá được. Chế Ma Na dâng nộp đất ấy lại.

6. Nhà Lý: Lý Anh Tông (1138-1175).

Năm Giáp Thân (1164):

. Nước Chiêm Thành sang cống.

. Nhà Tống phong vua Nhân Tông làm An Nam Quốc Vương, đổi Giao Chi làm An Nam Quốc.

7. Nhà Lý: Lý Huệ Tông (1211-1225).

Năm Giáp Thân (1224), vua Lý Huệ Tông xuống chiếu lập Công Chúa Chiêu Thánh làm Hoàng Thái Tử để truyền ngôi cho. Chiêu Thánh lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ nhất, tôn hiệu là Chiêu Hoàng. Vua Lý Huệ Tông xuất gia ở chùa Chân Giáo.

8. Nhà Trần (1225-1400): Trần Nhân Tông(1279-1293).

Năm Giáp Thân (1284):

. Vét sông Tô Lịch.

. Mùa Thu tháng Tám, Hưng Đạo Vương điều quân của các Vương, Hầu duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu (tức bến sông Hồng trên cầu Long Biên, Hà Nội ngày nay), chia quân đóng giữ Bình Than và những nơi xung yếu khác.

. Nghe tin vua Nguyên sai bọn Thoát Hoan đem quân lấy cớ mượn đường đi đánh Chiêm Thành để cướp nước ta, Thượng Hoàng (vua Thánh Tông) triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói “đánh”, muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng.

. Ngày 26 tháng Chạp, giặc đánh vào các ải Vĩnh Châu, Nội Bàng, Thiết Lược, Chi Lăng. Quân ta đánh bất lợi, lui về đóng ở bến Vạn Kiếp.

Lúc đó, vua ngự thuyền nhẹ ra Hải Đông, chiều rồi mà vẫn chưa ăn cơm sáng. Có người lính là Trần Lai dâng cơm gạo hầm, vua khen có lòng trung, ban cho chức Thượng Phẩm, kiêm chức Tiểu Tư Tư Xã, xã Hữu Thiên Môn ở sông Bạch Đằng.

. Hưng Đạo Vương vâng mệnh điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm, chọn những người dũng cảm làm tiền phong, vượt bể vào Nam. Thế lực quân tăng lên dần. Thấy vậy, các đạo quân đều tới họp. Vua làm thơ đề ở đuôi thuyền rằng:

Cối Kê vạn sự quân tu ký.

Hoan Diễn do tôn thập vạn binh.

Nghĩa là: Nên nhớ Câu Tiễn vua nước Việt thời Chiến Quốc, đánh nhau với nước Ngô, chỉ còn một ngàn quân phải lui về giữ đất Cối Kê, mà sau đánh bại Ngô Phù Sai, khôi phục lại nước. Huống là tinh thể của ta, vùng Hoan, Diển (vùng Nghệ An Hà Tĩnh ngày nay) còn đến cả trăm ngàn quân!

. Hưng Vũ Vương Trần Nghiễn, Minh Hiếu Vương Trần Uất, Hưng Nhượng Vương Trần Tăng, Hưng Trí Vương Trần Hiện, đốc suất 200 ngàn quân ở các xứ Bằng Hà, Na Sầm, Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhãn đến hội ở Vạn Kiếp, dưới sự điều khiển của Hưng Đạo Vương để chống quân Nguyên.

9. Nhà Trần: Trần Dụ Tông(1341-1369).

Năm Giáp Thân (1344) là năm mất mùa đói kém, giặc cướp nổi lên, dân nhiều người phải làm sư và làm nô cho các nhà thế gia.

10. Nhà Hồ (1400-1407): Hồ Hán Thương (1401-1407).

Năm Giáp Thân (1404):

. Hán Thương cho đắp đê ngăn nước mặn để tiện việc cày cấy của dân.

. Hán Thương sai đem biếu nhà Minh một con voi đen một con voi trắng. Trước đó Chiêm Thành đem cống nước ta hai con voi này và dâng đất để xin hoãn binh, rồi lại nói dối với nhà Minh là họ Hồ lấn đất và bắt cống voi. Đến đây nhà Minh sai sứ sang trách hỏi nên đưa biếu voi.

. Hán Thương đổi cách thi cử có thi môn toán. Người làm trò, kẻ phạm tội đều không được bỏ dụng.

. Cửa Eo ở Hoá Châu (tức là cửa Thuận An, Thừa Thiên) bị vỡ, sai lính kinh thành đi đắp.

. Hán Thương đóng thuyền đinh sắt để phòng giặc phương Bắc, có hiệu là "Trung Tào Tài Lương", "Cổ Lâu Thuyền Tài Lương". Thực ra mượn tiếng là chỉ tải lương thôi, nhưng bên trên có đường sào đi lại để tiện việc chiến đấu, bên dưới thì hai người chèo một mái chèo.

11. Nhà Lê (1428-1788): Lê Thánh Tông (1460-1497).

Năm Giáp Thân (1464), vua Lê Thánh Tông:

. Định lễ tế âm hồn, gồm con vật cúng và rượu.

. Ra lệnh chỉ cho các phủ, lộ, trấn, châu, huyện, xã: Từ nay về sau, không được tự tiện càn bậy.

. Biếm chức Tả Thị Lang Bộ Binh Nguyễn Đình Mỹ. Vua dụ rằng:” Dùng đồ thì chọn thứ mới, dùng người thì nên dùng người cũ. Nho thần tuổi già như các người còn có bao nhiêu đầu, còn người phạm tội cũng là sau vụ Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Thiện phạm tội mà thôi.

Pháp Ty giữ phép công, theo đó mà giáng hay bãi, nhưng ta thì tiếc tài người, sai đổi thành lệnh biếm chức.

Pháp luật là phép công của nhà nước, ta cùng các người đều phải tuân theo, người nên nhớ lấy”.

.Ban cho Anh Vũ, con Nguyễn Trãi chức quan huyện. Nguyễn Trãi là công thần, được ban quốc tính, mắc oan vụ Thị Lộ đời Lê Thái Tông bị kết tội tru di tam tộc. Vua Thánh Tông lên ngôi mới giải oan và lục dụng con cháu của Nguyễn Trãi.

.Ban sắc dụ đại thần và các quan rằng:” Xưa Thái Tổ ta dãi gió dầm mưa để bình định thiên hạ, bấy giờ các bề tôi có công ra giúp sức, cùng chịu gian lao khó nhọc, tình nghĩa vẹn toàn. Vì thế, ban quốc tính để tỏ lòng yêu quý khác thường. Nhưng con cháu các người truyền nối lâu dài e rằng quên mất họ cũ của tổ tiên thì trái với đạo dạy người ta hiếu thảo. Cho nên từ nay về sau, công thần được đặc ân ban quốc tính thì chỉ một đời người ấy thôi, còn con cháu thì đều theo họ cũ”.

12. Nhà Lê: Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng(1516-1527).

Năm Giáp Thân (1524),vua tấn phong Mạc Đăng Dung làm Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái Phó Nhân Quốc Công.

13. Nhà Lê: Lê Thế Tông (1573-1599).

Năm Giáp Thân (1584), Trịnh Tùng đem quân đánh Trường Yên (nay là phủ Yên Khánh), ra Thiên Quan. Vì quân của Thế Quận Công Ngô Cảnh Hựu rút về trước. Khi về Tùng dâng biểu biếm chức Hựu hai tư.(Theo Quan Chức Chế nhà Lê, chia đẳng cấp các quan văn, võ, từ dưới lên trên gồm có 24 tư)

14. Lê Chân Tông(1643-1649).

Năm Giáp Thân (1644), Đàng Ngoài:

.Khảo hạch các Công Sĩ trong nước, người có đức hạnh được bổ ở phủ, huyện.

.Sai Tây Quận Công Trịnh Tạc đi đánh giặc Mạc ở Cao Bằng.

Đàng Trong:

.Thế Tử Dũng Lễ Hầu (tức là Nguyễn Phúc Tần, Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế) đánh phá giặc Hoà Lan ở cửa Eo. Lúc bấy giờ bọn Hòa Lan đậu thuyền ngoài biển cướp bóc những thuyền buôn qua lại và còn lén chớ gián điệp Đàng Ngoài xâm nhập vào Đàng Trong dò tin tức . Được tin chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan đương bàn kế đánh dẹp.Thế Tử lập tức mật báo với Chương Cơ Tôn Thất Trung (chú của Thế Tử) hẹn cùng đưa thủy quân ra đánh. Trung lầy cớ chưa bảm mệnh, ngần ngại chưa quyết. Thế Tử một mình đốc suất chiến thuyền của mình ra khơi . Trung bắt đắc dĩ phải đốc suất chiến thuyền đi theo. Các chiến thuyền của Thế Tử đồng loạt lướt tới nhanh như tên bay. Giặc trông thấy sợ hãi bỏ chạy về hướng Đông, bỏ rơi lại một chiếc thuyền lớn. Thế Tử đốc quân vây bắn. Tướng giặc thế cùng phóng hỏa tự đốt mà chết. Thế Tử thu quân về.

Chúa Thượng nghe tin Thế Tử xuất quân một mình cả sợ, bèn đốc suất đại binh tiếp ứng. Vừa tới cửa biển, xa trông thấy khói đen bốc lên mù trời, gấp ra lệnh cho các quân tiến lên. Đến khi được tin thắng trận, Chúa mừng lắm, kéo quân về hải đình để chờ. Thế Tử đến bái yết, Chúa giận trách rằng:” Mày làm Thế Tử sao không thận trọng giữ mình?”. Lại trách Trung về tội không bảm mệnh. Trung cúi

đầu nhận tội hồi lâu, rồi nhân ngợi khen oai phong anh dũng của Thế Tử không ai bì kịp. Chúa cười nói rằng:” Trước kia tiên quân ta đã từng đánh phá giặc biển, nay con ta cũng lại như thế. Ta không lo gì nữa”. Bèn trọng thưởng cho rồi xa giá về cung.

15.Nhà Hậu Lê: (1533-1788).

Năm Giáp Thân (1704). Đàng Ngoài:Con trai của Tiết Chế Trịnh Bách là Trịnh Luân, Trịnh Chi mưu giết Trịnh Cương. Cơ mưu bại lộ, bị Trịnh Căn giết.

Đàng Trong: Hòa hoạn, tháng Bảy lửa bốc cháy từ chợ Phú Xuân đến phủ Đông Tri, cháy lan hơn vạn nhà.

16. Nhà Hậu Lê: (1533-1788).

Năm Giáp Thân (1764). Cảnh Hưng năm thứ 25 lập Hoàng Tử Lê Duy Vĩ làm Thái Tử.

17.Triều Nguyễn (1802-1945).

Năm Giáp Thân (1824).Minh Mệnh thứ 5.

. Dân Nghệ An đói, vua sai Tham Tri bộ Hình Vũ Xuân Cẩn đi phát chẩn. Người nghèo ốm không đến lãnh được thì mang đến nhà, người chết thì cho tiền tử tuất. Đến khi sắp hết kỳ phát chẩn mà lúa ngoài đồng mới trở, vua sai cho phát chẩn thêm năm ngày nữa.

. Thanh Hoa bị hạn và động đất, trấn thần không tâu lên. Vua nghe, quờ rằng:”Trẫm từ lên ngôi đến nay, chăm chăm mong được trị yên, gặp có tai biến càng sợ hãi sửa đức trừ tai, chẳng dám chút nào nghĩ sự vui sướng. Nay các người lại giấu giếm chẳng báo, như thế há phải là đạo bề tôi thờ vua ư? Tạm tha cho. Từ sau nếu lại đem thói xấu, mà tránh dữ nói lành để mong đẹp lòng thì tất sẽ bị nghị xét”. Rồi Trấn thần đem việc mất mùa, gạo đất tâu báo. Vua liền sai lấy ba mươi ngàn hộ thóc đem bán rẻ cho dân.

.. Lê Văn Duyệt và Lê Chất dâng sớ xin từ chức Tổng Trấn. Vua bảo rằng :”Hai thành là chỗ trọng trấn ở miền Nam miền Bắc, trẫm đang nhờ cậy các khanh, sao lại nói ra lời ấy?”.Hai người quỳ khóc mãi không thôi. Vua hỏi phải

chẳng có việc gì khó lắm sao?. Chát nói:”Không phải việc gì khó, thần làm được hay không là ở bộ hạ thôi”.

Vua ngạc nhiên hỏi :”Tại sao thế?”.

Chát nói:”Trước kia cái án Lê Duy Thanh tham tang thần cùng Hình tào xét hỏi, tội Thanh đáng giết. Kịp khi bắt giao triều đình xét, lại được giảm nhẹ. Ấy là luật pháp không đủ tin với dân, nên thần không thể làm việc thành được.”

Vua bảo:” Việc ấy là công nghị của đình thần, chẳng phải riêng một mình trẫm”. Sai lấy bản án Duy Thanh giao cho Chát bàn lại, rồi hạ chiếu theo chỉ trước, phát Duy Thanh đi Quảng Bình ra sức lập công chuộc tội.

. Vua xem danh sách hình án, chưa kết cuối năm Minh Mệnh thứ tư của Bắc Thành và Thanh Nghệ mà còn đến 320 án, bị giam đến hơn 840 người.

Vua dụ bộ Hình rằng:”Dân đen không biết mà phạm pháp, trẫm lấy làm thương lắm. Và giam cầm nhiều như thế, trong ấy há không có người liên lụy hay sao!.

Vậy truyền dụ cho các nha môn xét hình ở thành, trấn , phủ, huyện phạm các án tầm thường, tội tình nhẹ, thì cho dân làm giấy bảo lãnh, những người không tội bị bắt lấy thì tha ngay”. Lại sai bộ Hình lục tội trạng tù phạm để tâu lên. Vua thân tự kiểm duyệt. Hình án được khoan giảm rất nhiều.

.Vua thấy Bắc Thành một năm xử chém kẻ cướp đến hơn 200 người, bảo bộ Hình rằng:”Án ăn cướp trọng luật vốn có điều riêng, duy những đứa đi theo đứng gác ở ngoài, tiếp nhận của cải, cùng những đứa bị hiệp đồng đi theo ăn cướp hoặc đi ăn cướp mới có một lần, số tang vật không nhiều, đều là những tình nên thứ. Nếu cứ lấy luật mà xử, thì có phải vâng theo ý thương xót khi xử hình đâu?. Vậy truyền dụ cho Thành thần từ sau, có án ăn cướp như loại ấy thì nên đợi tâu xét định”.

18. Triều Nguyễn: (1802-1945).

Năm Giáp Thân (1884).

.Triều đình cho thử loại súng của Mỹ và của Đức.

.Tôn Thất Thuyết lập Phấn Nghĩa Quân.

. Vua Kiến Phúc ra dụ lập các đội Hương Binh để tự bảo vệ địa phương và ra dụ kêu gọi những người đã đậu Tiến Sĩ, Phó Bảng, Cử Nhân, Tú Tài đều phải ra làm việc.

. Quân Pháp chiếm Phả Lại, chiếm tỉnh thành Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hưng Hoá và thành lập Hội Đồng Bảo Hộ Bắc Kỳ.

. Pháp và triều đình Huế ký hiệp ước tại Huế:

Đại diện triều đình Huế:-Thượng Thư bộ Lại kiêm Đệ Nhất Phụ Chánh Nguyễn Văn Tường.

-Thượng Thư bộ Hộ Phạm

Thận Duật.

-Thượng Thư bộ Công Tôn

Thất Phan.

Đại diện Pháp: Đặc phái viên của Chánh Phủ Pháp bên cạnh Hoàng Đế Trung Hoa Jules Patenôtre.

Hiệp ước có 19 điều khoản nội dung tổng quát là nước An Nam chấp nhận sự bảo hộ của nước Pháp. Nước Pháp thay mặt nước An Nam về mặt ngoại giao. Triều đình Huế buộc phải đem ấn bạc của vua nhà Thanh tặng vua An Nam trước kia đến sứ quán Pháp ở Huế để phá, đúc thành khối bạc trước mặt đại diện của Pháp.

.Pháp và triều đình Huế phân định lại ranh giới:

Từ Bình Thuận trở vào gọi là Nam Kỳ.

Từ địa giới phía Nam tỉnh Ninh Bình trở ra tới biên giới Trung -Việt gọi là Bắc Kỳ.

Từ địa giới phía Nam tỉnh Bình Thuận trở ra đến phía Nam tỉnh Ninh Bình gọi là Trung Kỳ.

Nam Kỳ gọi là thuộc địa, còn Trung Kỳ và Bắc Kỳ hợp lại gọi là Vương Quốc An Nam dưới chế độ Bảo Hộ của Pháp.

.Nghĩa quân nổi dậy khắp nơi chống Pháp, không tuân lệnh của triều đình.

.Kiến Phúc băng, triều đình đưa Ứng Lịch lên ngôi tức là vua Hàm Nghi.

.Chùa Ứng Chân Quảng Nam đào được pho tượng đồng "Huyền Thiên Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế". Tượng cao 1 thước rưỡi, ngang 6 tấc, nặng 80 cân, đầu đội mũ

bình thiên, mình mặc áo long bào, thắt đai, cầm hốt mạ vàng, ngồi trên ghế.

19. Triều Nguyễn:(1802-1945).

Năm Giáp Thân (1944).

. Thực dân Pháp và phát xít Nhật tranh giành nhau đưa đến dân Việt chết đói.

. Tình hình chiến tranh thế giới phe trục sắp thất bại, các đảng phái tích cực hoạt động, hợp lại để mưu cầu độc lập cho dân tộc: Tân Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt Quốc Gia Liên Minh thành lập.

Tân Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Xã, Đại Việt Dân Chính, Đại Việt Quốc Dân Đảng thành lập một mặt trận lấy tên là Đại Việt Quốc Gia Liên Minh.

.Một bọn khác vong bản, học được ma thuật treo đầu dê bán thịt chó của ngoại bang, mưu đồ thoái ách bỏ thay ách trâu vào cổ dân tộc Việt.

Trước thêm năm Giáp Thân đầu tiên của thế kỷ thứ 21, xin trích một đoạn thơ tố cáo tình trạng thống khổ của dân ta trong thời Pháp thuộc để so sánh tình trạng dân ta ngày nay dưới chế độ Cộng Sản thử như thế nào ?

.....
Dưới sông máu chảy trên ngàn xương phơi.

Thân nô lệ làm tôi tớ Pháp,

Biết bao giờ cho thoát cơ hàn.

Than ôi! Nam Việt giang san,

Người nhiều, đất rộng, kho tàng sạch không.

Dân lao khổ rét hòm, đói tối,

Thuế nặng nề, lại với quan tham.

Cường quyền theo thói dã man,

Bạc vàng vợ vét, mình làm chúng xoi.

.....
20.Năm Giáp Thân (2004): Chờ xem!

TRÁC NHƯ

CHÙA ÔNG NÚI

LAM NGUYỄN

Cho tôi gọi ông bằng bạn để cách xưng hô được thân mật hơn, vì ông đã chọn tôi là người hướng dẫn để viếng danh lam thắng cảnh Chùa Ông Núi, làng Phương Phi, Phù Cát, Bình Định.

Bạn có thể đi bằng đường bộ hay đường thủy nhưng tôi khuyên bạn nên dùng thuyền và khởi hành từ bến Chùa Bà Qui Nhơn. Để hưởng được trọn vẹn cái hương sắc cảnh Chùa bằng ngũ giác quan thì tôi xin đề nghị bạn nên chọn đêm Mười Bốn tháng Giêng Tết nhỏ neo để khi đặt chân đến Chùa Ông Núi vào đúng ngày Thượng Nguyên tức ngày Rằm tháng Giêng Âm Lịch thì phong cảnh Chùa này mới tăng thêm ý vị! Bạn vừa qua một đêm trăng nước mênh mông trên đầm lịch sử Thị Nại và đến bến bờ Khách Thử mà người dân thường gọi là Kê Thử vào đúng lúc mặt trời vừa ló dạng. Từ xa xa, bạn đã nghe chim rừng kêu: “Khách về, khách về ...” tạo cho bạn một cảm giác vui vui. Rồi khi đến chợ Khách Thử, bạn lại có dịp mua hoa, quả tốt tươi mang lên Chùa lễ Phật. Hẳn bạn phân vân tự hỏi tại sao chợ này lại có biệt danh Chợ Khách Thử? Thưa bạn, chuyện xưa kể rằng nơi đây trước kia ma quỷ thường xuất hiện quấy phá dân làng, chúng giả dạng người và đi mua sắm như người trên trần thế. Vì vậy, để thử tiền bạc nào của ma quỷ bằng cách bỏ tiền vào một cái chậu nước. Nếu tiền đồng ấy không chìm là tiền của ma quỷ và trái lại là tiền của nhân gian. Từ đó địa danh Chợ Khách Thử lưu truyền cho đến ngày nay.

Trước ngõ hẻm lên Chùa Ông Núi, đầu tiên bạn gặp cây cổ thụ, gốc to bằng một ôm thì tự nhiên bạn cảm thấy ớn lạnh vì như vừa chợt nhận ra một cái gì đầy linh thiêng khó phân tích! Ngày xưa dân làng kể lại rằng tại gốc cây cổ thụ này, mỗi buổi sáng tinh sương, người ta đã thấy một gánh củi dựng sẵn bên gốc cây. Chẳng biết chủ gánh củi là ai nhưng những kẻ giàu có mà tham lam thì không thể gánh nổi bó củi này, trái lại, dân nghèo cần bó củi này để dùng hoặc lấy để đổi gạo nuôi con thì gánh được ngay mà người lấy bó củi đó đôi khi chỉ để lại một ít muối, một ít gạo cũng đã làm cho chủ nhân của bó củi vui rồi, còn người được bó củi ấy thì suốt tháng gia đình đó gặp được nhiều điều may mắn. Sau này dân làng mới khám phá ra chủ của những gánh củi đó là một tiểu phu, tướng mạo phương phi, cốt cách tiên ông! Người tiểu phu ấy chính là Ngài Lê Bang tức Ông Núi. Khi bạn bước chân vào con đường nhỏ hẹp, hai bên thơm phức mùi hoa dại, con đường này chạy ngoằn ngoèo độ chừng vài trăm thước là bạn gặp kệ đá đầu tiên của dốc lên Chùa. Tất cả mấy chục bậc đá trên sườn núi Phương Phi bạn phải dừng chân nhiều lần và mỗi lần ngồi nghỉ bạn lại có dịp nhìn thấy thuyền chài đang chập chờn theo sóng nước xa xa. Dưới chân đồi, một con sông nhỏ như giải lụa màu bạc trải quanh làng, bên những mẩu ruộng xanh non bát ngát, lác đác vài túp lều tranh nho nhỏ, xinh xinh như bức thủy mặc! Ngoảnh trông lên tượng Vọng Phu đang bỗng con đứng chót vót trên cao của đỉnh núi Bà. Chắc bạn còn nhớ bài thơ Đá Vọng Phu của thi sĩ Quách Tấn:

*Người đã không về tin cũng không,
Đầu non dất trẻ đứng trông chồng.
Nước mây quanh vắng trông khô lẻ,*

*Mưa nắng phơi pha má lợt hồng.
Lời thệ vừng ghi lòng sắt đá,
Khối tình riêng nặng gánh non sông.
Nỗi niềm ai biết không ai biết,
Gương nguyệt nghìn thu rạng biển đông.*

Quách Tấn

Và sau lưng bạn là dốc Chùa Ông Núi vẫn còn vời vợi, lên đến bậc cuối cùng bạn lại ngạc nhiên thích vô kể khi bạn tận mắt nhìn thấy những bài thơ chữ Hán với nét bút tài hoa của tao nhân mặc khách thập phương đã ca ngợi cảnh thần tiên non nước này trên những tảng đá khổng lồ che cả một góc trời lồng lộng trong xanh! Tiếp đó là con đường nhỏ lổm chổm đá cuội thuộc khu Chùa Ông Núi; mùi hoa mít thơm phức, ngây ngất không gian, tàn lá mít che mát hai bên đường và bạn chợt nghe văng vẳng đâu đây tiếng suối reo róc rách hòa với tiếng chuông mõ, đôi khi nghe cả tiếng đại hồng chung điểm trong không gian tịch mịch, rồi tiếng kinh kệ rõ dần khi bạn lần gót đến cổng tam quan của Chùa này. Nếu tôi nhớ không lầm thì vào thời Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) mến mộ công đức giúp người hoạn nạn hoặc chữa bệnh cho dân làng của nhà sư Ông Núi (tức Ngài Lê Bang) đã xuống chiếu xây lại ngôi Chùa này và tứ danh là Linh Phong Thiên Tự. Cổng Chùa xây bằng gạch đỏ rêu phong phủ dày thành màu xanh đậm. Vừa bước chân qua khỏi cổng tam quan bạn đã ngửi thấy mùi trầm hương thoang thoảng, phảng phất bao quanh cảnh thanh u này. Nhìn về phía tay trái, bạn sẽ thấy một hồ sen hình chữ nhật ở lũng sâu, cuối hồ có một cái cổng lớn thường đóng kín cho đến khi có đại lễ như ngày Thượng Nguyên hôm nay. Bây giờ

bạn đang đứng trước sân gạch của Chùa Ông Núi tức Linh Phong Thiên Tự. Cách kiến trúc của ngôi Chùa này cũng như phần đông danh lam khác ở Việt Nam nhưng khi vào đến bên trong Chánh Điện, bạn sẽ ngạc nhiên thích thú được xem vỏ lúa ngày xưa giống trái bí đao loại nhỏ chừng một gan tay. Tục truyền rằng ngày xưa không biết vào thời nào đến mùa lúa chín thì hạt lúc tự động từ đồng ruộng lăn về nhà chứ không cần ta phải đi gặt như thời nay. Nhưng có một ngày nọ, mẹ tớ già của điền chủ kia, tánh tình độc ác đã dùng cây chổi đập nát hạt lúa ra thành nhiều mảnh chỉ vì lúa đã lăn về trong lúc sân nhà chưa quét dọn xong. Từ đó trái lúa lớn trở thành hạt thóc nhỏ như ngày nay và mỗi mùa lúa chín nông dân phải ra đồng gặt lấy và gánh về nhà.

Sau khi được quí nhà sư thăm hỏi, trai chạy xong và hưởng được vài chung trà Tàu thơm thì bạn sẽ hoàn tỉnh sau những giây phút mệt nhọc. Bấy giờ bạn mới lần ra phía sau Chùa, nhìn dòng suối mát phun từ miệng con rồng bằng đá to như cái nia thì lòng bạn tự nhiên cảm thấy khoan khoái lạ thường! Mặt trời đã nghiêng hẳn về hướng Tây, lần theo dốc cao, gập ghềnh lởm chởm và bạn phải cẩn thận, cố gắng mới đến được động hang Ông Núi. Tích xưa kể rằng Vua Minh Mệnh thứ 7 (1837) bị bệnh đau mắt mà không ngự y nào chữa khỏi thì một đêm nọ Vua nằm mộng thấy một nhà Sư, tướng mạo phương phi, mặc áo bằng vỏ cây, tay bưng chén thuốc cho Vua uống xong thì biến mất. Khi tỉnh giấc Vua cảm thấy khỏe khoắn và mắt Vua đột nhiên lành hẳn. May thay, trong giấc mơ Vua đã hỏi kỹ tên, tuổi nên biết vị Sư tiên này tên Lê Bang mà dân làng Phương Phi của tỉnh Bình Định thường gọi Ngài là Ông Núi nên vua Minh Mệnh đã chỉ truyền đem bộ áo cà sa của Chúa Nguyễn Phúc Khoát lúc trước kia đã ân tứ

đem về Kinh và Ngài ban cho Chùa Ông Núi tức Linh Phong Thiên Tự một bộ áo cà sa mới, vòng ngà móc vàng để thờ, lại cấp cho 120 nén bạc để tu bổ Chùa. Khi bạn đến động hang là lúc trời chiều đã trở màu vàng đỏ, ánh sáng của vầng thái dương đã thiếu vắng ở nhiều nơi, chim rừng xào xạc bay về tổ, tiếng gọi đàn riu rít, xôn xao. Dòng suối chảy róc rách dưới hang động đã làm cho du khách nghe rõ mồn một chen lẫn tiếng chày kinh nện không. Cảnh trí chẳng khác chốn Bồng Lai Nhược Thủy đã khơi lòng lữ khách nỗi niềm man mác, lâng lâng! Trước động có một tảng đá rất bằng phẳng, rộng bằng chiếc chiếu hoa đôi. Nơi đây trước kia Ngài Lê Bang ngồi thiền và sau này các nhà Sư Chùa Linh Phong tức Chùa Ông Núi đến mùa kiết hạ đã tọa thiền, tịnh giới ở nơi đây. Nghe rằng nếu ném một quả bưởi xuống động này thì ngày hôm sau người ta lại thấy trái bưởi đã khắc dấu ấy trôi dạt trên biển Đông.

Du khách đến Chùa Ông Núi, có cảm tưởng như thi hào Nguyễn Trãi thăm danh lam thắng cảnh Chùa Hoa Yên ở núi Yên Tử mà thi sĩ đã hạ bút:

*Vũ trụ nhân cùng thương hải ngoại,
Tiểu đàm nhân tại bích vân trung.*

(Trong vũ trụ, đưa mắt nhìn suốt ngoài biển xanh. Còn khi nói, cười, con người như ở trên mây biếc) hay du khách tưởng mình như Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai. Âu cũng là một kỷ niệm ngàn đời khó quên. Đất nước Việt thật đúng danh Giang Sơn Cẩm Tú!

LAM NGUYỄN

CHUYỆN ĐỜI

THANH HƯ

Mây lang-thang bay, gió nhẹ nhàng vờn lên tóc, lên má: Nguyên thanh thần tâm hồn. Một quá khứ dài thườn thượt theo thời gian, chen nhau về qua sự nhung nhớ của chàng. Khung trời không khác xưa, nhưng quê xưa đã thay đổi rất nhiều. Qui Nhơn hôm nay không giống Qui Nhơn ngày nào, với những con đường mới, những khu phố mới, cả những con người mới. Nghĩ gì vậy, hã ông bạn? Cụng ly, nghen! Chúc vui đấy. Thực tế lại về với Nguyên. Chàng đang ngồi với ba người bạn xưa, tại một quán cóc ven con đường mới, mà ngày xưa là phi trường, dẫn từ đường Nguyễn Thái Học ra đến biển.

- Ngon không, rượu Bầu đá đó.

- Mùi thơm dễ thương. Độ nồng ấm áp, cay cay. Bầu đá mà, mình nhớ.

- Quê hương vẫn còn đó, người thân còn đó; tưởng rằng anh đã quên rồi.

- Làm sao mà quên được. Mong ước rất nhiều để có ngày hôm nay đây, bạn bè không thấy sao. Mà không riêng gì mình đâu, mọi người Việt xa quê ngày nào đều mong như vậy cả. Về quê gặp lại người xưa mà.

- Ngồi trên đất quê xưa, đang cụng ly với bạn bè ngày xưa, anh thấy sao?

Nhìn quý bạn, nghe câu hỏi của quý bạn, Nguyên mừng mừng, tủi tủi. Quê xưa đã có phần thay đổi. Chuyện đó đáng mừng; người xưa vắng dần, số người còn lại có phần hơi yếu. Yếu hơn xưa vì già hơn xưa, chuyện thường; vì nghèo hơn xưa, vì nghề hôm nay không phải nghề ngày xưa rồi; một chút buồn buồn. Xưa và nay có khác mà.

- Mình thấy khoái. Còn quý bạn?

- Cũng thấy khoái. Có điều, bạn bè muốn hỏi thực, anh kể cho thực, nghe! Anh em bên này biết anh già như bọn tui, và anh lại lắm bệnh.

- Không đi làm được thì tiền đâu anh tiêu, tiền đâu anh gọi điện thoại viễn liên về thăm bọn tui, tiền đâu mua vé về thăm quê, thăm bằng hữu?

- Mình bệnh, thì mình có tiền bệnh. Những người già có tiền già. Xã hội lo!

- Thế là sướng rồi đó. Bọn tui ao ước để ao ước, để mơ thôi.

- Đừng vội vui. Xã hội lo vì xã hội sợ khi người dói thì khó tránh những tệ nạn xã hội đó.

- Xã hội mà biết lo cho con người là quý rồi. Còn ở đây, con người tự lo cho mình đấy. Xã hội ư! Sống chết mặc bay đấy. Thôi, cụng ly.

Câu chuyện ngắn ngủi nói lên một thực trạng ngút ngàn: Quê hương còn nghèo, người dân nên khắc phục, người dân phải hy sinh để xây dựng đất nước. Phải hy sinh, và đừng hỏi là hy sinh đến bao giờ, đó là bổn phận của người dân. Trong óc Nguyên bồng dưng có khoảng không gian và thời gian xa lạ đến với chàng. Nước Nhật, nước Đức là những nước thua trận trong đệ nhị thế chiến. Đất nước họ tan tành, kinh tế của họ suy sụp. Người dân của họ phải hy sinh, hy sinh cho đất nước đấy. Và đất nước họ đã phục hồi, kinh tế quốc gia họ đã phát triển mạnh, mức sống của người dân vươn cao trong một thời gian rất ư là ngắn. Mối tương quan giữa nhà nước với người dân, giữa vật chất và tinh thần là điều nên suy nghĩ. Ngày làm Tổng thống nước Mỹ, ông Kennedy có tuyên bố: Đừng hỏi quê hương đã làm gì cho mình mà hãy hỏi chính ta đã làm được gì cho quê hương. Ông Kennedy nói

có phần đúng. Hồi đó, xã hội Mỹ đã lo cho người Mỹ rồi. Những người bệnh, những người già đã có trợ cấp. Khoản tiền trợ cấp này lấy từ tiền thuế mà người công dân Mỹ đã đóng; tương quan giữa nhà nước và người dân đã có. Năm 1989, ông Ng-Th-Ba làm luận án tiến sĩ với đề tài: Luật đầu tư nên khai triển như thế nào, ông ta đã mở đầu luận án đó với câu nói bất hủ của Tổng thống Kennedy. Sau khi tốt nghiệp, ông Ng-Th-Ba đã từ bỏ mức lương 5000 đô tại Mỹ, và về Việt Nam phục vụ với mức lương thấp hơn. Tính đến ngày Nguyên ngời nhậ với bạn bè tại Qui Nhơn thì ông Ng-Th-Ba đã về phục vụ cho chính quyền CSVN hơn 10 năm. Xã hội Việt Nam đã thay đổi như thế nào nhỉ? Hay là người dân vẫn phải hy sinh, vẫn xem thường vật chất, chỉ ước mơ về tinh thần, một loại tinh thần chẳng bao giờ có. Rượu Bầu đá vẫn ngon, người Việt Nam vẫn tôn thờ bất đắc dĩ sự lãnh đạo ngu dốt mà gian dối của chính quyền?

Nguyên ghé thăm một ông bạn khác. Anh ta lớn hơn Nguyên lối 10 tuổi, đãi Nguyên rượu gạo chính anh ta nấu. Cụng ly với nhau, tâm tình với nhau. Anh ta tham gia kháng chiến từ lâu, rồi quần kết, làm huyện ủy Tuy Phước.

- Hơn 50 năm chiến đấu gian khổ để được gì, hả chú!
- Thì quốc gia được độc lập, anh còn mong gì nữa.
- Chú có nói đùa không đấy? Những đứa em tôi đã chết vì lý tưởng, tôi đã lặn lội công tác vì những ước mơ. Giờ đây tôi có gì đây. Ước mơ vẫn là ước mơ đấy à!

- Anh vẫn còn thể đảng, tức là vẫn còn quyền lợi khi đảng thành công.

- Ôi thôi, toàn là bánh vẽ của bọn lão khoét, toàn là lời kêu gọi hy sinh của người dân để phục vụ cho một lũ ngu ăn trên ngồi trước.

- Anh nói, tôi không dám nói đấy.

- Tôi cóc sợ ai. Mọi người Việt đều muốn cơm no áo ấm, đều muốn có tiền để mua sắm những thứ cần thiết cho cuộc sống, chứ không phải cứ khổ sở trong hy sinh đâu.

Tội nghiệp cho ông anh, tội nghiệp cho những người Việt Nam thân yêu đã từng hy sinh, lại tiếp tục hy sinh mò cua bắt ốc để sống trong thanh bình. Ước mơ vẫn là lẽ sống mà!

Nguyên ghé thăm gia đình một người bạn khác. Anh ta người Phú Phong, tính tình hào phóng. Nguyên quen thân với anh ta từ những năm xa lắc xa lơ. Sau 1975, anh ta là người thường uống rượu với Nguyên, rượu Bầu đá ấy. Năm 1975, anh bị bắt về tội làm thơ, loại văn hóa đồi trụy mà Cộng sản đã ghép cho anh và các bằng hữu.

Trước khi Nguyên qua Mỹ, anh uống rượu với Nguyên và tặng cho Nguyên một bài thơ. Phải công nhận là anh làm thơ rất hay, đủ mọi thể loại, đủ mọi cảnh sinh hoạt trong cuộc sống. Những thềm thuồng, những ao ước về một cuộc sống mà anh, và những người Việt Nam, đều ao ước. Bài thơ anh tặng Nguyên hôm chia tay đó sao mà Nguyên nhớ rõ mồn một. Vẫn là người, nhất là người lúc làm bài thơ đó chẳng? Nguyên xin ghi lại bài thơ ấy ra đây.

TIỄN ANH

(Tặng Thanh Hư)

*Chiều xưa bên hiên quán vắng
Mắt anh bừng lên tia nắng*

*Tôi ngâm bài: Tống biệt hành
Đùa theo sóng nước long lanh.*

*Chiều nay giữa lòng quê hương
Mắt anh chợt nhìn xa vắng*

*Nghe bài thơ xưa ngâm tặng
Lòng chòm bốn hướng mù sương.*

Tôi đã cùng anh bao độ
Minh muốn tạc vàng trên đá

Sương sương một xỉ về chiều
Qua cơn nắng sớm mưa chiều.

Ước mơ trời thơ rộng mở
Ước mơ vườn tình bé nhỏ

Thênh thang gió lộng cánh diều
Bốn mùa hoa trở thương yêu.

Nào hay đất bằng dẫy sóng
Chân chim cháy trên cát bỏng

Lạc loài bóng nhận chiều thu
Mộng thiêu một giấc trưa hè.

Nước qua cầu, ngày trôi mau
Ngửa trông hai bàn tay trắng

Tóc xanh giờ đã đổi màu
Biết mình chung một lòng đau.

Rồi mai anh sang trời tây
Bạn bè tính lui tính tới

Quê nghèo tôi ở lại đây
Thưa dần trên những ngón tay.

Ngẩn ngơ ly đắng tình đầy
Ngheñ lời còn biết nói sao

Rót vào sâu thẳm những ngày bên nhau
Thôi thì để giọt lệ trào làm tin!

Lão Tiều

Bây giờ, anh không còn nữa. Nguyên đến thăm anh, vợ của anh đón tiếp. Trông lên bàn thờ, Nguyên thấy anh đang nhìn Nguyên, mỉm cười. Nguyên ra mộ thăm anh. Đầu gối Trường Sơn, chân đạp biển đông, anh gặp lại đứa con yêu quý, đứa em thân thương, và vẫn mơ về những ngày đẹp trời cho con cháu. Mỗi năm, anh vẫn gặp lại bạn bè của anh, những người từng nâng ly cùng anh, vui với thơ với rượu ngày nào. Nay Nguyên về đây thăm anh, Lão Tiều ơi! Thôi, chào anh, anh nhé! Nguyên bần thần, bước chân khập khiểng, đầu óc hoang mang với những cảnh, những tình; với lời thơ xưa. Thơ xưa mà anh cho Nguyên là những lời ước mơ, rồi những buồn chán khi đất bằng dẫy sóng, khi: “Ngửa trông hai bàn tay trắng, biết mình chung một lòng đau”. Anh T.Q. S. ơi, nay anh đâu còn Ngheñ lời còn biết nói sao, thôi thì để giọt lệ trào làm tin. Nhưng Nguyên tin anh, tin nơi hỗ trợ của anh. Mà chẳng

riêng gì Nguyên, mọi người Việt Nam đều cầu nguyện cho anh, cũng như mong chờ sự yểm trợ của anh, anh T.Q. S. ơi. Nguyên cầu anh thác thiêng.

Có điện thoại từ Quận Cam. Ông bạn nói: - Khỏe không, vẫn bình thường hả?

- Cảm ơn anh, mình vẫn bình thường. Anh xuống Quận Cam làm gì vậy?

- Thăm bạn bè đấy mà, với lại mình thăm trả lễ mấy ông bạn xưa mà mình chưa có dịp. Bạn có biết hôm nay là ngày gì không?

- Không nhớ, ngày gì vậy anh?

- Ngày người cha đấy. (Father's day). Mình vừa nhận được gói quà từ những đứa con bên Canada gửi tặng đấy. Bạn có không?

- Mình không nhận được quà, nhưng có điện thoại thăm hỏi của con.

- Giá trị vật chất của gói quà chả là bao, nhưng về tinh thần thì quá ấm cúng. Con nhớ cha và thương cha, mình thấy sung sướng quá chừng.

Bạn Nguyên nói lung tung chuyện khác, còn chuyện con gửi quà đến cha thì đủ rồi, không cần thêm bớt gì. Với Nguyên, sau đó, chàng nghĩ rất nhiều về gói quà của con nhà người bạn đã nhận được. Gói quà rất quý, biểu lộ tình thương cha. Quà của con, do con gửi tặng đấy. Đơn giản thế sao? Hay là còn có những thứ hay ho hơn gói quà. Sau ba mươi tháng 4/75, xã hội miền nam Việt Nam chao đảo. Người cha trong gia đình phải đi học tập cải tạo, người mẹ lặn lội tìm sống. Mối ưu tư lúc đó của người mẹ là lo cho con đủ no; còn tương lai của con ư, với xã hội này, người mẹ chỉ còn cách là nhìn mây mà thở dài. Có nhiều người mẹ tìm đủ mọi cách để vừa thăm nuôi chồng, vừa nuôi con. Cũng có những người mẹ đánh liều, dẫn con vượt

biên để lo tương lai cho con. Tương lai cho con là điều tâm niệm mà cả vợ lẫn chồng đều mong ước. Người chồng trong trại cải tạo lấy làm hớn hử biết bao khi nhận được tin này. Tương lai của con là tương lai của cha mẹ đấy. Và tương lai của con là gì nhỉ? Là no ấm, là học hành giỏi giang ... là gì nữa? Người mẹ không chỉ đơn giản lo cho con ăn học, mà còn dạy dỗ con nên người. Những gì về lễ nghĩa, trường đâu có dạy. Chuyện đó người mẹ lo. Chuyện kính cha là do mẹ dạy từ nhỏ, chuyện con gửi quà cho cha là do bản chất của người con mà người mẹ đã hun đúc cho con từ lâu rồi. Cũng có loại đàn bà đối gạt con, nói xấu người cha của con hòng lấp liếm tội lỗi của mình, thì sao! Ôi thôi, chuyện đời mà, biết đâu mà lường. Qua câu chuyện nhận quà của người bạn, Nguyên khen những đứa con biết mến thương người cha, nhưng Nguyên trọng và phục người mẹ của mấy cháu. Chị bạn là người mẹ rất xứng đáng của mấy cháu. Hơn thế đấy, chị ta thuộc loại những người mẹ Việt Nam, thương con, nuôi dạy con cả về vật chất lẫn tinh thần. Cao quý thay!

Lòng mẹ bao la như biển Thái bình, mà.

Về Việt Nam, Nguyên thấy buồn, thấy vui. Qua Mỹ, Nguyên thấy vui thấy buồn. Chuyện vật chất và tinh thần riêng rẽ hay kết hợp để thăng tiến. Chuyện tình chuyện nghĩa có chung hay riêng. Tình đấy, mà là tính tình tang đấy. Nghĩa đây, mà là nghĩa chơi đấy. Xưa và nay, đông và tây, Nguyên suy nghĩ về tương quan. Tương quan giữa người với người, giữa người với cộng đồng quốc gia và xã hội. Nguyên rùng mình khi nghĩ đến lưới gổ. Người ta thường dùng lưới gổ để đối xử lẫn nhau.

THANH HƯ

VIẾT TỪ GHẾ NHÀ TRƯỜNG

VÕ NGUYỄN

Hàng năm, cứ mỗi độ xuân về, nhìn mọi người chuẩn bị đón Tết, là lòng tôi bùi ngùi nhớ lại người xưa.

Năm ấy tôi đang học lớp Đệ Nhị C1. Cuối niên khóa là thi Tú Tài 1, Văn chương: Ban C. Tôi hay mơ mộng, thích văn thơ và có năng khiếu học Ngoại ngữ, nên khi lên Đệ Tam tôi chọn Ban C. Còn Ban A: Ban Vạn Vật, Ban B: Ban Toán, đối với tôi khô khan, nhiều công thức khó thuộc nên tôi không thích.

Lúc đó, hể cứ gần Tết đến, nhà trường kêu gọi học sinh viết thư thăm viếng, an ủi anh em binh lính xa nhà đang đóng ngoài biên cương xa xôi để giữ an bờ cõi cho đồng bào yên ổn đón Tết, vui Xuân.

Riêng lớp tôi, giờ Việt văn hôm ấy, giáo sư văn chương, không giảng dạy tiếp chương trình phải học, mà bằng giọng truyền cảm, thầy phổ biến “lệnh” của Nhà trường và kêu gọi học sinh viết thư thăm lính.

Mười lăm phút trôi qua, lớp học yên lặng. Tôi liếc nhìn bạn bè xung quanh, ngược cổ nhìn lên đám bạn gái bàn trên và xoay ra sau nhìn những chàng trai cuối lớp. Ai cũng giơ lên những tờ giấy trắng còn trống. Có bạn giỏi lắm viết được đôi ba dòng. Thấy tôi không ngồi yên trên ghế, mà như nóng lòng cứ đi lên đi xuống quan sát lớp học. Rồi thầy đứng cạnh tôi nhìn tờ giấy nháp của tôi cũng chỉ viết được mấy hàng. Thấy tôi như hiểu ý: đề tài hôm nay tuy vậy mà khó. Thường thì viết thư thăm nhau là có liên can tình cảm thân thương ... người đi, kẻ ở có gì

vương vấn, nhớ nhau ... Đằng này viết thư thăm một người mà mình chưa hề quen nhau thì biết nói gì đây.

Riêng tôi, những bài Luận văn trước, thường được thầy khen khá, được điểm cao ... mà đề tài này cũng không viết được.

Thầy tôi như nóng lòng, bước lên bục giảng khơi động tình cảm giữa Quân và Dân; ca tụng tính hào hùng của chiến sĩ tiền tuyến ôm súng gác ngoài xa giữa rừng núi chập chùng rét lạnh, xa gia đình, xa người thân ... hy sinh vì nghĩa vụ lớn ... Còn chúng mình ở hậu phương thì pháo đỏ, rượu nồng, đón xuân trong gia đình đầm ấm. Thầy động viên thêm: Các em sắp là Cô Tú, Cậu Tú, mà nhất là Lớp Đệ II C1, không lẽ viết một bức thư thăm lính mà không có “hồn” hay sao?

Giọng thầy ấm áp và truyền cảm quá, cả lớp như không để phụ lòng thầy. Tôi liếc nhìn bạn bè: hình như ai nấy đều say sưa viết với niềm vui rạng rỡ trên mặt.

Thư viết xong nộp lên văn phòng, cả lớp chúng tôi như nhẹ nhõm, thở phào vui vẻ. Thế rồi, ngày vui Tết qua mau Chúng tôi trở lại học hành trong nắng xuân ấm áp vô tư của tuổi học trò, thì trên văn phòng nhà trường trao cho tôi bức thư. Trên bì thư có cành hoa mai vàng, ghi đúng tên tôi. Ánh Hồng Lớp Đệ II C1, còn người gửi là tên chàng trai xa lạ: Thiếu úy Hải, KBC 307 ...

Ở tuổi mộng mơ, tim tôi rạo rức trước bức thư lạ đã dấu trong cặp, mà bắt buộc phải nghe giảng bài. Nào thầy giảng tôi có hiểu gì đâu? Tim cứ đập thình thịch trong lồng ngực, má tôi nóng ran. Con bạn gái ngồi cạnh hỏi:

- Sao mặt mày đỏ thế?

Tôi lặng thinh như cố chăm nghe thầy giảng, chứ thực ra trông cho thì giờ qua nhanh đến giờ ra chơi, lén ra góc trường đọc thư lính. Mấy đứa bạn gái tinh nghịch cùng lớp

bu theo tôi, giành thư riêng ra đọc rồi đùa cợt, trêu chọc. Lúc viết thư là theo “lệnh” của trường, không ngờ thư tôi làm ấm lòng Hải trong 3 ngày Tết xa nhà đang túc đóng vùng Tây Nguyên Pleiku đất đỏ, gió rừng ...

Hải thăm và hỏi tôi đủ thứ ... Tôi muốn lãng quên không hồi âm, để tâm trí học thi ... Nhưng càng về khuya, không gian trầm lắng, ngồi học bài một mình tôi lại nhớ thư Hải. Mà chính tôi cũng muốn biết nhiều về Hải, nên không cầm lòng được, tôi dành ít thì giờ viết thư cho Hải và để địa chỉ nhà riêng tôi.

Thư đi thư về, ở tuổi học sinh phát triển, tôi thấy lòng vui vui. Chẳng biết mặt mũi vóc dáng Hải ra sao, nhưng chữ viết đẹp và lời thư cảm tình ... nên những lần chậm thư là tôi hờn, tôi trách.

Thời gian lặng lẽ trôi... tôi ôm hoài hình bóng một chiến binh đang ngoài biên ải và chờ và đợi ... Rồi tiếng ve sầu bắt đầu vang và hàng phượng trong sân trường bắt đầu nở những cánh hoa đỏ: báo hiệu mùa hè đến, sắp chấm dứt một năm học và ngày thi của tôi cũng gần kề. Lòng tôi rộn lên đủ thứ. Cha mẹ tôi nuông chiều tôi, nên đảm trách mọi công việc nhà. Riêng tôi chỉ còn học ôn để thi và thỉnh thoảng đọc thư và viết thư cho Hải.

Ngày dán kết quả kỳ thi Tú Tài, cha tôi đưa tôi đi xem điểm. Trước chỗ dán điểm, đám người chen lấn, xô đẩy đông nghẹt, cha và tôi phải đứng ngoài chờ bớt lượng người mới xem được. Tôi đang thần thờ, lo lắng thì bạn tôi hớn hở lại báo tin:

- Mầy đậu Bình Thứ còn tao đậu Thứ thôi.

Tôi sung sướng như muốn nhảy cẫng, nhưng mình là con gái nên reo mừng ra mặt. Cha tôi âu yếm nhìn tôi nở nụ cười rưng rưng hàng ria mép. Tin mừng của tôi loan

nhanh đến Hải. Mấy hôm sau, lúc tôi đang phụ giúp mẹ lo dọn dẹp nhà cửa thì em gái tôi vào báo:

- Chị Ánh Hồng, có người xưng là Hải, muốn gặp chị. Anh ấy đang chờ ngoài cửa.

Tôi mừng quá chạy ra, trước mặt tôi là một thanh niên dáng khỏe mạnh, nước da ngăm đen, mặc thường phục nói tiếng Miền Trung. Chính là Hải mà tôi đang chờ đấy. Tôi đưa Hải vào nhà chào cha mẹ. Chúng tôi bắt chuyện làm quen rất nhanh. Hải ăn nói lưu loát, khôn ngoan. Sau vài giờ trò chuyện thân vui trong gia đình, Hải ngỏ ý muốn đi dạo biển Qui Nhơn. Tôi xin phép và cha mẹ tôi bằng lòng. Hải chở tôi trên chiếc Honda vun vút lao đi rồi hòa lẫn vào giòng xe xuôi ngược. Chẳng mấy chốc, bãi biển Ghềnh rắng, Qui Nhơn hiện ra trước mặt. Chúng tôi leo lên mấy bậc đá thăm mộ Hàn Mặc Tử: thi sĩ rao bán trăng... rồi dạo qua lầu Bảo Đại, theo những lối mòn nhỏ xuống bãi biển.

Hôm ấy, gió nhẹ sóng im, màu biển xanh thật đẹp, phong cảnh một bên ghềnh núi, một bên biển cả sóng nhấp nhô, sơn thủy thật hữu tình thơ mộng. Nơi đây là điểm hẹn lý tưởng của nhiều cặp nhân tình. Rải rác quanh tôi có những đôi bạn trông chừng thân thiết lắm. Tôi đi bên Hải, dẫm lên cát trắng, sạch, rảo bước mấy vòng ... vừa đi vừa kể cho nhau nghe đủ thứ. Giọng Hải trầm ấm, nói chuyện lưu loát, gãy gọn. Hải kể:

- Hải là giáo chức, gốc Nha Trang, bị động viên vào trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Hải học xong giai đoạn 1, là giai đoạn của Cấp Sĩ quan chỉ huy Bộ binh. Sang giai đoạn 2 anh được đưa ra Trường Pháo Binh Dục Mỹ, học tiếp Sĩ quan Pháo Binh. Học ở Dục-Mỹ-Ninh Hòa, gần Nha Trang nên Hải thường về phép thăm gia đình. Tình

thương thật thấm thiết. Mãn khóa anh được về Tiểu đoàn Pháo Binh 155, đóng ở Pleiku.

Lúc mới ra trường cấp bậc Chuẩn Úy, Hải phải làm Sĩ quan Tiền Sát Thường gọi Sĩ Quan DLO (Devant Liaison Observateur), đi hành quân theo Tiểu đoàn Bộ Binh. Hải được trang bị: 1 bản đồ vùng hành quân, 1 địa bàn, 1 ống nhòm và 1 súng ngắn. Toán DLO của Hải còn có thêm 2 quân nhân: 1 anh mang máy Truyền tin PRC25 để liên lạc với cấp chỉ huy hoặc gọi tác xạ yểm trợ chiến trường. Còn 1 anh lính mang theo lương thực và quân dụng gọn nhẹ. Công việc tuy có vất vả nhưng ít nguy hiểm hơn các Sĩ quan Bộ Binh, phải nằm chung với binh sĩ tiếp cận chiến trường. Hiện giờ Hải được điều về Bộ chỉ huy Tiểu đoàn, phụ tá Sĩ quan Ban Tư, nên dễ chịu hơn lúc còn theo chân Bộ Binh đi hành quân sát mặt trận. Hải kể cũng có nhiều lần đụng giặc. Quân ta không tiến chiếm mục tiêu được vì giặc bắn ra dữ dội ... Hải xin bắn trái khói để điều chỉnh ... Sau khi quan sát trái khói nổ chính xác, Hải gọi liên Pháo Binh đội thêm mấy tràn ... bên địch im tiếng súng và quân ta tiến chiếm mục tiêu, làm chủ chiến trường, giặc bỏ nhiều xác chết ...

Câu chuyện đang giòn, vô tình tôi trượt đá té, đầu gối chạm đá thật đau, không đứng dậy được Hải lật đật xóc đờ tôi dậy. Bàn tay Hải nắm vào cánh tay tôi, sao tôi thấy cảm giác rân rân, nồng ấm khác lạ, như chạy khắp cơ thể. Tôi nhìn thẳng vào mắt Hải, Hải cũng nhìn tôi như có vẻ xót xa. Tôi để yên cho Hải địu tôi đứng dậy, như không muốn kéo tay ra. Tôi bước đi khó khăn, nên chúng tôi ngồi trên phiến đá gần đó. Gió biển thổi mạnh, ngồi gần Hải tôi thấy ấm hơn. Tôi suy nghĩ mung lung, đủ thứ, như không còn nghe Hải nói gì nữa ... cho đến khi Hải kéo má tôi dựa vào vai Hải tôi thấy như ấm áp hơn, như hạnh

phức hơn. Gần Hải, tôi cảm thấy mình như bé bỏng đang ẩn núp dưới tàng cây to che chắn.

- Phải chăng tôi đã yêu Hải từ đây?

Nắng đã lên cao, gió biển thổi mạnh. Chúng tôi ra về. Hải chở tôi ngồi sau xe honda nhưng lần này sao thấy ấm áp quá. Về nhà cơm dọn sẵn. Má tôi nhìn tôi mỉm cười. Vẫn nụ cười của những ngày tôi đi học về, nhưng nay sao tôi thấy e lệ ... Má tôi đã hiểu gì trong tim tôi? Bữa cơm có thêm Hải gia đình tôi thấy vui lên, nồng ấm hơn.

Thế rồi hôm sau, Hải phải trở về đơn vị. Lúc tiễn Hải lên xe, tôi bù ngùi xúc động như không muốn Hải xa tôi ... tự nhiên những giọt lệ cứ lăn tràn ướt mi, nhất là lúc xe lăn bánh, vẫy tay chào nhau.

Có đôi mắt ướt tìm mắt ướt

Những cánh tay mềm vẫy cánh tay.

Hải đi rồi tôi như thần thờ như hụt hẫng:

Người đi một nửa hồn tôi chết,

Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ.

Trong thi ca, tôi cũng thường gặp những vần thơ tiễn biệt, chia ly:

“Chàng thì đi cõi xa mưa gió,

Thiếp thì về buồn cũ chiếu chăn”

hoặc:

“Vàng trăng ai xẻ làm đôi

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường”.

Bình thường đọc lên tôi chỉ thoáng buồn, những lần này tôi là vai trò chính trong cuộc. Tôi thật thấm thía nỗi đau của con tim khi xa người yêu.

Những lá thư của Hải viết vội từ KBC gửi về cũng chỉ làm tôi đỡ buồn, khuây khỏa trong giây lát chứ không xóa nỗi nhớ nhung.

- Có phải tại cánh thư tôi viết từ ghé nhà trường để thăm lính, để làm ấm lòng chiến sĩ tiền phương, mà giờ này tôi vương vấn, tim thấy lạnh, lòng thấy cô đơn. Tại lệnh của trường hay tại tôi. Nếu giả sử tôi không hồi âm thư đầu của Thiếu úy Hải, thì giờ này tôi chắc vô tư, nào có vương bận gì?

Hoa tình yêu lớn dần theo ngày tháng. Hải dành những ngày phép về thăm tôi, rồi ngày Hải ra đi là bịn rịn, là lệ rơi ... Hải cũng yêu thương tôi đắm đuối, cũng ấn dấu hình ảnh tôi trong tim. Người chiến sĩ oai hùng nơi tiền tuyến nhưng vẫn yếu mềm khi chia tay tình nhân.

Thế rồi, trận chiến xảy ra tràn lan. Sau cuộc di tản lớn của mùa hè 1975 ở Pleiku, Hải không về thăm tôi nữa.

Giờ đây, nhiều lớp bụi thời gian bao phủ, Xuân đi, Hè đến, Thu sang, Đông tàn mà hình bóng người Sĩ quan Pháo Binh năm xưa không sao xóa mờ trong tâm trí tôi được. Tôi vẫn biết trai thời loạn:

"Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu?

Cổ lai chinh chiến kỹ nhân hồi?

(Say nơi trận mạc ai cười nhỉ?

Xưa nay đánh giặc mấy ai về?)

nhưng sao số phận ấy lại nhằm vào tôi?

Hoa Xuân vẫn nở, trầm hương vẫn nghi ngút trên bàn thờ, hương lòng tôi không khói mà vẫn cháy để nhớ hình bóng cố nhân.

VÕ NGUYỄN

Người giàu tình cảm nhất là người chỉ có một tình yêu, nhưng đó là tình yêu chân chính không thay lòng đổi dạ.

Honoré de Balzac

NHỮNG NHẬN THỨC KHÁC NHAU QUA MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

THƯ TRANG

Người xưa thường nói: “Văn dĩ tải đạo” nên khi làm một bài thơ, một câu đối, viết một cốt chuyện, xây dựng một tác phẩm dù lớn hay nhỏ, họ đều có dụng tâm để lại cho đời, cho hậu thế một bài học, một đường hướng khuyên răn con người phải giữ nhân cách, tu tâm dưỡng tính, tránh cái ác, làm điều thiện. Đó là qui luật của kẻ sĩ khi cầm bút.

Ngày nay xã hội loài người càng ngày càng văn minh. Cuộc sống đa đoan phức tạp dưới nhiều hình thái. Quan niệm chân, giả, thiện, ác khó phân biệt. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật cũng thế, cho nên khi xem xong một cuộn phim, một vở kịch, thưởng thức một bức tranh, đọc một quyển sách, một bài thơ bài báo của tác giả nào thì người đọc trong mỗi chúng ta đều phải có khái niệm nhận xét đứng đắn về tác phẩm ấy.

Ở bài này, người viết muốn đề cập đến một giai đoạn lịch sử văn học trong thời kháng chiến chống Pháp (từ 1945 đến 1954). Giới văn thi sĩ Việt Nam lúc bấy giờ đã đóng góp vào kho tàng văn học nước nhà nhiều áng thơ văn phong phú, đa dạng; nhất là trong lĩnh vực thi ca. Nhiều bài thơ xuất sắc có giá trị đã đi vào lòng dân tộc, cho đến nay và có lẽ mãi mãi những thế hệ sau vẫn còn nhắc nhở như bài: Nhớ của Hồng Nguyên, Đêm liên hoan của Hoàng Cầm, Tây Tiến của Quang Dũng, Mầu Tím Hoa Sim của Hữu Loan v.v... Còn một bài thơ nữa, tuy không được liệt vào các bài thơ bất tử được truyền tụng kể

trên, nhưng nó đã để lại trong lòng người đọc, giới thưởng ngoạn thi ca lúc bấy giờ một ấn tượng khó quên, bởi nó đã trở thành một đề tài gây tranh luận xôn xao trong nhiều năm, sau khi bài thơ đó ra đời. Đó là bài “Chị Hai” mà rất tiếc là tôi không nhớ đầy đủ, kể cả tên tác giả. Dù không thuộc trọn vẹn, nhưng một số câu trong nội dung bài thơ, tôi muốn chép lại dưới đây cũng đủ để chúng ta đánh giá cho một khuynh hướng văn học thời bấy giờ:

*Chị Hai sợ mím môi tay ôm chặt
Đứa con trai ba tháng siết vào lòng
Mắt nhìn qua những giậu xương rồng
Coi giặc Pháp làm gì bên phía ấy
Giặc hùng hổ tiến sâu vào nhà anh Bảy
Bắt cô Trinh và bắn chết ông già Ân*

.....
*Má nó tròn thân sỗ sũa thật xinh xinh
Chị khóc ròng nghĩ thương con chị buổi bình minh
Nhưng mà quân giặc đến ...
Rồi ai biết chính tay người mẹ ấy
Ấn cổ con tắt thở bao giờ không
Nói làm sao cho hết nỗi đau lòng
Khi đứa bé vẫy vùng tìm hơi thở.
Chiều hôm ấy bên chiếc quách hồng sơn đỏ
Tiểu đôi kia cầm súng đi đưa
Lảo đảo đi với một lòng mưa
Chị Hai khóc tưởng như trời ngập lệ
Gương cữu nước đứng trên ngôi thế hệ
Ánh tà dương rục rỡ một chân trời
Tươi như lòng người mẹ xé đôi
Cho Tổ quốc, xé đôi thờ Tổ quốc!*

Hồi ấy bài thơ có một thời rất thịnh, đã được Bộ Giáo dục nước Việt Nam ĐCCH ưu tiên đưa vào chương trình sách giáo khoa giảng dạy, bắt buộc học sinh phải học thuộc lòng, nhưng thời gian sau đó giới yêu thơ ít ai nhắc nhở đến, nó đã đi vào quên lãng. Chúng ta thử tìm hiểu, phân tích những quan điểm khen, chê một cách khách quan của bài thơ trên.

Nội dung câu chuyện: Trong một trận càn, giặc Pháp vào một làng nọ bắn giết người già, bắt bố gái quê. Người mẹ (chị Hai) đã ôm đứa con nhỏ chạy trốn trong làng, rồi chui dưới hầm bí mật cùng mấy anh bộ đội. Vì sợ lộ tông tích khi con khóc, thì tính mạng mấy anh bộ đội không còn, nên người mẹ đã quyết định bóp chết con mình để cứu mấy anh bộ đội! Chủ đích của bài thơ là ca ngợi lòng hy sinh cao cả cho Tổ Quốc, vì Tổ Quốc của những bà mẹ Việt Nam anh hùng như chị Hai. Đó là việc làm phi thường của những người đàn bà tầm thường:

*Gương cứu nước đứng trên ngôi thế hệ
Ánh tà dương rực đỏ một chân trời
Tươi như lòng người mẹ xé đôi
Cho tổ quốc xé đôi thờ Tổ quốc!*

Phải thành thật mà nói, tác giả đã khéo mô tả, dẫn dắt cốt chuyện đến những chỗ hồi hộp căng thẳng và sống động, lời thơ lại lôi cuốn người đọc, gây được cảm xúc một cách mãnh liệt, đã làm mờ nhạt đi những phán đoán của lý trí. Khi một động lực vô hình, có lẽ đã bị tiêm nhiễm ăn sâu, đã dồn ép ức chế, đẩy người mẹ đi đến quyết định điên rồ, đã dám bóp chết đứa con ruột thịt mang nặng đẻ đau của mình để cứu sống mấy anh “chiến sĩ”!

Nếu ta cứ đọc những lời thơ trên một cách chậm rãi và liên tưởng đến hình ảnh một đứa bé bụ bẫm, ngây thơ vô tội, với vẻ đẹp hồn nhiên mủm mủm đang quần quai vùng vẫy tìm sự sống, khi bị người mẹ đã nhẫn tâm siết cổ nó cho đến lúc tắt thở:

Má nó tròn thân sỗ sữa thật xinh xinh

.....

Rồi ai biết, chính tay người mẹ ấy

Ấn cổ con tắt thở bao giờ không?

.....

Khi đứa bé vẫy vùng tìm hơi thở !

Ta không khỏi nổi da gà, ghê rợn cho tính dã man, vô nhân đạo, chỉ có ở những con người CS. Họ đã biến chị Hai từ một người đàn bà quê mùa, chất phác kia trở thành người mẹ khốn nạn, dã man và tội lỗi. Vì biết đâu, cứ hằng đêm chị đã cùng đồng bào đi họp, học tập. Chị đã bị đảng xây dựng, nhồi nhét, bơm lên, vinh danh với những ước mơ trở thành “thần tượng”, trở thành những “anh hùng dân tộc” để được mọi người công kênh, ngưỡng mộ như: La Văn Cầu, Ngô Mây, Lê Phước v.v... Chị đã bị đầu độc bởi bùa mê của chủ nghĩa Mác Xít, cũng giống như những nhân vật chính đạo trong Ngũ nhạc Kiếm phái, khi đã nuốt phải tam não thần đan của tà phái “Trêu Dương thần giáo” trong Tiểu Ngạo Giang Hồ của Kim Dung. Chính những độc tố trong lá bùa mê chủ nghĩa Mác-xít của cái thiên đường XHCN đã tác động, xô đẩy người mẹ ngây thơ kia xuống vực sâu tội lỗi, mất hết nhân tính, mất cả tình mẫu tử, trở thành con người điên loạn, thua cả loài thú vật. Con gà mẹ yếu đuối đã xòe đôi cánh bay lông lên đánh đá, áp đảo con điều hâu khi đang từ trên cao đâm bổ xuống định gắp các con gà con.

Theo dõi những diễn tiến trong bài thơ, một điều đáng lưu ý nữa là khi giặc Pháp vào làng “bắt cô Trinh” và “bắn chết ông già Ân” mà cả một tiểu đội được mệnh danh là “quân đội nhân dân”, có vũ khí trong tay (tiểu đội kia cầm súng đi đưa) không dám ra trực diện, chiến đấu với kẻ thù, lại chui rúc trốn theo người đàn bà có đứa con nhỏ, núp bóng để nhờ bảo vệ. Đến lúc hiểm nguy cận kề, lại mượn cái chết đứa bé để bảo toàn sự sống của mình. Đó là một việc làm hèn nhát, vô liêm sỉ mà lịch sử ngàn đời không tha thứ! Người lính thường có nhiệm vụ bảo vệ dân, nhưng trở trêu thay ở đây dân lại bảo vệ lính. Cái nghịch lý đó đã thể hiện tính ích kỷ, lừa bịp của chủ nghĩa CS. Người CS chỉ nghĩ đến cá nhân mình, quyền lợi của đảng mình.

Không phải chỉ có một chị Hai đã giết chết con mình trong bài thơ trên mà CS đã xây dựng, đầu độc hàng trăm, hàng ngàn anh Hai, chị Hai nữa đứng lên đấu tố thủ tiêu giết lại những người thân yêu ruột thịt của mình trong đợt phóng tay phát động cải cách ruộng đất vào đầu thập niên 50:

*Thắp đuốc cho sáng khắp đường
Thắp đuốc cho sáng đình làng đêm nay
Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống đọa đày chết thối.*

Xuân Diệu

CS đã chia rẽ dân tộc, tạo nên hận thù giai cấp. Ngay cả đời sống riêng tư của mỗi người, khi đến tuổi yêu đương lập gia đình họ cũng bắt buộc, hướng dẫn theo khuôn khổ, lập trường giai cấp.

*Anh trót yêu con địa chủ
Yêu nó rồi dứt bỏ sao đành ...*

*Vì đâu nó đẹp nó xinh
Vì đâu da nó trắng má nó hồng
Vì đâu văn hóa nó cao ...*

Lịch sử chuyển biến. Hết chống Pháp rồi đến cuộc trường chinh chống Mỹ. Đảng CS Việt Nam đã kích động lòng yêu nước của dân tộc dưới chiêu bài lừa bịp “Phong trào quần chúng” “chiến thuật biển người” “đồng khởi nhập thị” đã nướng hàng triệu triệu con dân Việt Nam vào hai cuộc chiến không cần thiết, nếu người lãnh đạo biết lèo lái đất nước chọn những hướng đi khôn ngoan hơn. Chính những cán binh trong hàng ngũ thanh thiếu niên “sinh Bắc tử Nam” cũng phải rơi nước mắt xúc động, trước những việc làm dã man, ghê tởm của mình khi “Đảng” bắt buộc họ xâm nhập vào phá hoại miền Nam đang sống trong yên lành, êm ấm:

*... Và trong vườn những luống cải vàng hoa
Đàn bướm nhỏ rủ nhau về hút mật
Xóm dưới làng trên, niềm vui ngây ngất
Sao người ta bắt con, phải đốt xóm phá cầu
Phải gài mìn, để sau bỗng thấy
Xác người tung, rồi máu đỏ chan hòa
Máu của ai? Của bà con ta
Của những người như con, như mẹ
Đêm hôm ấy mắt con tràn ngấn lệ
Ác mộng về con trần trọc râu canh
(Thư gửi mẹ: Bà Trần Thị Phấn ở Hải Dương)*

Trở về bài thơ Chị Hai ta có thể kết luận: Đó là loại thơ tiêu biểu của đơn đặt hàng cao cấp “mập mờ đánh lộn con đen” mang tính cổ vũ, tuyên truyền. Người thi nô kia đã khéo bẻ cong ngòi bút nặn ra những mỹ từ đẹp đẽ, hấp

dẫn thiết tha để khơi động, mê hoặc lung lạc những độc giả yêu thơ, những người non trẻ nhẹ dạ thiếu cảnh giác, dễ tin rằng chị Hai – Người mẹ đã thương con hết lòng: “Chị khóc ròng nghĩ thương con chị buổi bình minh” hoặc “Lão đảo đi với một lòng mưa – Chị Hai khóc tưởng như trời ngập lệ”. Nhưng vì cứu nước – Vì phải hy sinh cho tổ quốc: “Gương cứu nước đứng trên ngôi thế hệ – Cho tổ quốc, xé đôi thờ tổ quốc”.

Chúng ta phải tự hỏi để phân biệt. Tổ quốc đây là tổ quốc nào? Với người CS – Đó là “tổ quốc xã hội chủ nghĩa” của một nhóm người thiểu số lãnh đạo đảng CS Việt Nam, chứ không phải tổ quốc của toàn thể nhân dân Việt Nam. Như vậy, những sự hy sinh đã có, nếu có như chị Hai, như những “anh hùng liệt sĩ” dưới chế độ cầm quyền của đảng CS suốt năm mươi năm qua đều trở nên vô nghĩa. Tiếc thay, xương máu của những người Việt Nam “phía bên kia” đã đổ một cách oan uổng. Họ đã nằm xuống trong lửa bịp, oán hờn và uất ức. Họ đã bị phản bội. Giờ này hồn họ vẫn chưa tan! Vì đồng đội họ, bạn bè họ còn sống sót. Những thế hệ con cháu họ đang nhìn thấy, đang chứng kiến đám âm binh của Bộ chính trị đảng CS Việt Nam cùng bè lũ tay sai thân, sơ đang thay phiên nhau gần suốt ba mươi năm kể từ ngày thống nhất đất nước (30-4-75) tha hồ đàn áp bóc lột nhân dân đến tận xương tủy. Tha hồ vơ vét tài sản quốc gia để làm giàu cá nhân, để hưởng thụ vinh thân phì da, tích lũy cho gia đình họ hàng và chuyển hóa tài sản riêng tư của họ ra nước ngoài. Đảng CS đã thẳng tay đàn áp tôn giáo, đã đẩy lùi cả dân tộc rơi vào vòng đói nghèo lạc hậu, thiếu nhân quyền tự do dân chủ. Nạn hút xách, xì ke ma túy, đĩ điếm lan tràn từ thành thị đến thôn quê, thậm chí có cả những bé gái mới ở tuổi 12 – 13 đã bán thân nuôi miệng – nuôi

gia đình vì đói nghèo thất học. Nền giáo dục cả nước xuống dốc một cách tệ hại. Nạn bằng giả, thi mướn, bán đề thi lan tràn, năm nào cũng xảy ra. Còn tệ trạng tham ô, buôn lậu là con bệnh trầm kha, của những cán bộ có chức có quyền cầm đầu, bao che yểm trợ từ trung ương đến địa phương. Xã hội phân hóa, băng hoại đến cùng cực.

Đảng CS Việt Nam, tên tội đồ dân tộc không phải chỉ đối với người Việt quốc gia, mà cả gần tám mươi triệu đồng bào trong nước cũng oán hờn phản kháng, kể cả những người trước đây là đồng đội, đồng chí đã đứng cùng một chiến tuyến với họ như nhà văn Dương Thu Hương, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Đặng Vũ Bình, Vũ Thư Hiên v.v... Tất cả họ đã thấy rõ: Chủ nghĩa CS lỗi thời, phản trào lưu tiến hóa nhân loại, đang đi vào con đường rẫy chết. Cái phao XHCN của bốn nước còn sót lại trên trái đất này như Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn, Cu Ba đang bập bênh, ngất ngỏi trước khi bị nhận chìm bởi những dòng thác tự do – dân chủ – nhân quyền của nhân loại tiến bộ sẽ cuốn trôi.

Cái khuynh hướng theo dòng văn học một chiều của thời bán khai bưng bít đã không còn đất đứng. Nó cũng chết non theo học thuyết vô thần của chủ nghĩa Mac-xít. Những nhận xét thô thiển về bài thơ chị Hai và một số bài thơ tiêu biểu trên cho ta thấy, ngoài dòng văn học chân chính tự do nhân bản, suốt ba mươi năm chiến tranh ở hai miền Nam Bắc Việt Nam (có dịp sẽ đề cập đến) còn có một số văn thơ nô dịch, xuất phát từ những quái thai dị dạng đẻ ra bởi những văn nô bồi bút, đã để lại trong lịch sử văn học những trang xú ối ngàn đời không xóa được.

THỨ TRANG
San Jose, CA

NHÀ LÁ MÁI

VIỆT THAO

Lục tìm trong các tự điển Việt Nam xưa và nay không thấy từ ngữ Nhà lá mái. Duy có *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Của, xuất bản lần đầu năm 1895 tại Sài Gòn, trang 524 có ghi “Lá mái : Nhà mái đất trên lợp lá (nhà Bình Định) ; đồ tô đúc, tráng lót phía ngoài”. Vâng, từ ngữ này không được phổ biến vì ở Việt Nam, từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau không có kiểu nhà lá mái; ngoại trừ ở Bình Định và rải rác ở vùng bắc Phú Yên. Vấn đề đặt ra, tại sao ở Bình Định lại có lối kiến trúc riêng về nhà cửa mà các tỉnh khác không có?

Bình Định là rẻo đất miền duyên hải, bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi có đèo Bình Đê phân giới, nam giáp tỉnh Phú Yên ngăn cách bởi đèo Cù Mông, phía đông là biển cả, tây dựa vào dãy Trường Sơn cao chón chở. Cũng từ dãy Trường Sơn, nhiều nhánh núi mọc ra theo hướng tây đông, tạo vùng đất này thành những thung lũng và chuỗi đồng bằng xen kẽ núi đồi. Địa hình tỉnh Bình Định tương đối phức tạp, độ dốc cao, thấp dần từ tây sang đông. Miền núi phía tây chiếm 70% diện tích của tỉnh, cao từ 500 đến 700 mét và dốc trên 25 độ. Tiếp theo là vùng đồi chiếm khoảng 10% diện tích, cao trên dưới 100 mét và dốc từ 10 đến 15 độ. Tiếp nữa là rẻo đồng bằng ven biển, chiếm khoảng 20% diện tích. Mùa mưa lại trùng với mùa bão, nước chảy xiết như thác đổ, tràn ngập làng mạc, phá vỡ đường sá và các công trình xây dựng. Mùa nắng lại hạn

hán kéo dài, nước sông cạn kiệt, gió nam khô khan, khí hậu càng nóng bức. Thêm vào đó, Bình Định trước kia có nhiều thú dữ hằng đêm lùng sục các làng ven núi, ở đồng bằng thì nạn trộm cướp xảy ra thường xuyên. Vì thế, dân chúng ở miền này phải chiến đấu với thiên nhiên để sống còn, họ đã thiết kế nhà ở thích ứng với bao hiểm nguy bất trắc, quen gọi là Lá mái, người ở các tỉnh khác gọi là Nhà Bình Định.

Đó là kiểu nhà có hai lớp mái chồng cách lên nhau. Lớp mái ngoài dốc đứng, kết lại bởi những thanh tre đặt dọc gọi là rui, đặt ngang gọi là mè; dưới có đà tre nguyên cây đặt hàng ngang, song song, cách đều, buộc dính với nhau bằng sợi mây; dưới nữa có nhiều trụ tre đắp đất chống đỡ (gọi là trồng bồ), trên lợp tranh hay lá dừa. Lớp mái trong có độ dốc vừa, mặt dưới lót ván hoặc sìa (tre dầm) hay khạp (tre đan), mặt trên trải đất sét dày, có lớp hồ bao phủ. Dưới hai lớp mái là sườn nhà, một hệ thống giàn gỗ gồm đòn dông, đòn tay, kèo, xiên, trính, xà, chày, cối, đấm, quyết, ngạch, ngưỡng... được ráp nối nhau bởi niêm, mộng, ngàm [1] và không dùng đinh. Cả ba hệ thống này, chống đỡ bởi 3 đôi hàng cột bằng danh mộc đặt trên lớp đá tảng, chung quanh có vách chắn gió, dưới là nền cao tránh lụt.

Tuy được mệnh danh là Nhà Bình Định, nhưng không phải ai ở Bình Định cũng tạo lập được nhà này. Chỉ những người có nhiều bổng lộc hoặc giàu có, lắm ruộng vườn, mới dám xây dựng. Bởi thế, nhà lá mái còn biểu hiện danh giá, thể diện chủ gia; nên ca dao địa phương có câu:

*Nhà cặp một lớp khó trông,
Sang chơi lá mái, cột chồng mới sang...*

Từ khi khởi sự tạo lập ngôi nhà đến hoàn thành phải mất 2 năm, trải qua nhiều công đoạn :

GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ

Thời kỳ này kéo dài suốt cả năm mới đủ thời gian mua sắm vật liệu và sắp đặt công việc.

1 - Xem hướng, chọn ngày :

Trước tiên, rước thầy địa lý đến xem tuổi gia chủ có hợp với hướng nhà và năm định xây cất không? Nếu không hợp hướng thì trấn ếm hay quay mặt nhà hướng khác; nếu không hợp năm, phải dời sang năm khác. Việc xây cất nhà phải hợp với lẽ âm dương, với Tam tài là điều quan trọng hàng đầu, tục ngữ có câu *“Thứ nhất dương cơ, thứ nhì mồ mả”*. Hướng nhà cũng cần hòa hợp giữa con người và thiên nhiên, hướng nam được nhiều người thích vì thuận với phong thổ nước ta, coi như lẽ đương nhiên nên tục ngữ có câu *“Lấy vợ đàn bà, làm nhà hướng nam”*, bởi có hợp mới phát đạt được *“Cất nhà hướng nam, vừa làm vừa chơi”*.

2 - Thiết kế, hợp đồng :

Xong khâu thầy địa, đến việc giao kết hợp đồng với 3 ông bầu : thợ mộc, thợ hồ, thợ mái [1]. Chủ nhà cho biết sơ đồ xây cất, nhà chữ môn hay chữ nhất, 3 gian 2 chái hay 5 gian 2 chái, có sân cát hay không, nhà chứa lúa xây lẫm thượng hay lẫm hạ, cửa bàn khoa hay phen đại, tường đất hay gạch, móng và hè xây đá ong hay đá núi...

3 - Mua sắm vật liệu :

Thợ mộc đảm nhận việc mua gỗ. Thòi trước không có gỗ xẻ sẵn bán ở các tiệm, ông bầu mộc liên lạc với thợ rừng đặt mua gỗ theo kích thước đã định và loại danh mộc đã hợp đồng với chủ nhà. Gỗ mua có 2 loại: súc cổ

trâu, tiết diện tròn dùng làm cột, đòn dông, đòn tay, trụ...; súc khối, tiết diện vuông, mỗi cạnh 5 tấc mộc (21cm 2) trở lên, dùng xẻ ván làm trần bản, vách đồ hoặc xẻ gỗ làm đà, gạch ngưỡng, cửa bàn khoa...

Thợ mái đảm nhận việc mua tre, ngâm tre, dầm sìa... Tre có hai loại: tre gai vỏ dày, ruột rỗng ít, thân dài, rắn chắc, dẻo dai, dùng làm đòn tay, đòn dông của lớp mái ngoài. Tre mỡ vỏ mỏng, ruột rỗng nhiều, thân to, dễ chẻ, dùng làm rui, mè, trī. Ngoài ra còn cần một số gốc tre để làm cột, trụ. Đốn tre rất khó, đôi khi còn nguy hiểm đến tính mạng, phải thành thạo mới làm được, tục ngữ có câu “*Nhất đánh giặc, nhì chặt tre*”, hay “*Nhất chặt tre, nhì ve gái*”. Tre đốn, không được phơi nắng, phải dìm xuống nước lúc còn tươi. Tre ngâm từ 6 đến 8 tháng, trong ao tù, nhiều bùn và luôn luôn ngập nước thì vỏ tre mới trắng, thân tre bền chắc và mối mọt không ăn; ngâm ở nước chảy thì tre không tốt và đen. Tre ngâm vớt lên phải rửa cho sạch rong và bùn, không được phơi nắng sẽ bị nứt, chỉ hong khô nơi thoáng mát, rồi chất thành đống cách đất, trên có mái che mưa nắng và tránh ẩm ướt. Tre dầm phải thực hiện ngay lúc mới đốn về, chọn những cây tre mỡ to, cưa thành đoạn dài 5 thước mộc (212 cm), dùng cái chày của thợ mộc dầm cho dập vỏ tre có thể trải thành mặt phẳng, gọi là dầm sìa, rồi cuốn tròn thành bó, đem ngâm nước ao 1 tháng. Số lượng tre ngâm phải trội lên nhiều, trừ hao vì lở thiếu, không thể nào ngâm tre kịp. Bên thợ mái không lập riêng toán thợ cưa và cách cưa tre khác với gỗ vì “*cưa gỗ thì dề, cưa tre thì đỡ*” (tục ngữ), để vỏ tre không bị xước, thân tre không nứt.

Thợ hồ, tức thợ vôi đảm nhận việc mua đá ong, đá núi, gạch, cát xây và cát tô. Ngoài các vật liệu trên, chủ

gia còn chuẩn bị số rơm rạ đủ dùng đánh tranh lợp nhà và trộn với đất dẻo trét vách, đắp mái.

GIAI ĐOẠN DỰNG NHÀ

Thường khởi công trong mùa xuân, thuận tiện nhất là khoảng sau rằm tháng giêng, lợi dụng thời tiết khô ráo trong 7 tháng, phải hoàn tất hai lớp mái, lợp tranh, xây tường vách trước mùa mưa và làm lễ khánh thành mừng tân gia trong tháng chạp. Mọi việc xây dựng lớn phải hoàn tất trong năm, tối kỵ làm nhà kéo dài 2 năm.

1 - Xây móng, đắp nền :

Đúng ngày giờ tốt do thầy địa chọn, chủ nhà bày lễ vật khấn bái và toán thợ hồ khởi công đào móng sâu non 3 thước mộc (127 cm 2), rộng hơn 1 thước mộc (42 cm 4) . Trái đá dăm, đầm lún xuống đất, trái một lớp hồ, hỗn hợp vôi bột, cát, nước đường đầm kỹ, xây đá núi hai mặt cao hơn mặt đất 2 thước mộc (84 cm 8). Chung quanh nhà xây hè bằng đá núi hay đá ong, cao bằng móng nhà. Gánh đất có trộn cát đổ đầy, cho nước vào, dùng xà beng xăm sâu để nước thấm đều, trái đá dăm đầm nén chặt. Ở vị trí các chân cột, đào móng hình vuông, đầm nén kỹ hơn, dùng đá tảng chôn bằng mặt với nền nhà; nếu là cột chân dài, trên mặt khối đá còn đẽo hình khối cổ bầu để đỡ các chân cột. Nền nhà đã xong, toán thợ mộc có thể dựng giàn đóng [1], tức sườn nhà.

2 - Làm giàn đóng :

Đội ngũ thợ mộc đông đảo nhất, gồm nhóm cửa, nhóm làm giàn đóng, nhóm làm bàn khoa và đóng khuôn cửa, nhóm chạm trổ; mỗi nhóm có một thợ cả trực tiếp điều hành. Họ cất một nhà tạm lớn, chia khu vực làm việc dưới sự chỉ huy tổng quát của ông bầu mộc.

Nhóm cửa chuyên xẻ ván, xẻ gỗ theo kích thước đã định. Nhóm thợ làm giàn đóng quan trọng nhất vì dựng lên khung sườn nhà. Nhà 3 gian có 4 dầm kèo [1], nhà 5 gian có 6 dầm kèo. Mỗi dầm kèo là một hệ thống hàng dọc, nối kết đầu các cây cột, đà, trụ bởi ngàm, mộng, niêm [1] và gồm có:

- 4 kèo lưỡng đoạn. Kèo là hai cây gỗ chéo đầu nhau hình dấu mũ để đỡ các đòn tay, nếu cửa đôi kèo rồi gối đầu lại ở trên cột hàng nhất thì gọi là kèo lưỡng đoạn. Làm loại kèo này rất công phu vì thân kèo đẽo hình lục giác hoặc chành trái khế, chỗ nối phải vãnh để hai đầu kèo khớp nhau, và có chạm khắc đầu lân hay tai thỏ.

- 6 cây cột , gồm 2 cột hàng nhất , 2 cột hàng nhì, 2 cột hàng ba, đối xứng nhau từng đôi một.

- 1 cây trính, đó là là khúc gỗ lớn, hơi thon ở hai đầu, thân hình lục giác, hơi cong phía lưng (mặt trên), câu đầu vào hai cột hàng nhất bằng ngàm và mộng.

- 1 bộ chày cối làm nạnh chống giữa hai đầu kèo chéo nhau và trính. Thợ mộc đẽo giống như cối giã gạo nhưng gọn và xinh, trên dựng đứng chày hình bắp chuối.

- 4 cây xà nằm ngang, hình lục giác, gồm 2 cây gắn đối xứng từ đầu cột hàng nhì đến thân cột hàng nhất, và 2 cây nữa cũng gắn đối xứng từ đầu cột hàng ba đến thân cột hàng nhì.

3 - Dựng giàn đóng :

Tục ngữ địa phương có câu “*Đục lỗ kiếm thợ già, dựng nhà kiếm thợ trẻ*”, bởi thợ già có nhiều kinh nghiệm và cẩn thận hơn nên việc đục lỗ, đẽo mộng, xẻ ngàm, chuốt niêm, khi tra vào vừa khít nhau. Mộng ngàm phải đúng hình bán nguyệt mới ngậm chặt thân cột, giữ thế thẳng đứng và trông mới đẹp mắt. Mộng lỏng thì dàn đóng không vững nhưng nếu chặt quá làm tét lỗ đục thì lại

càng tệ hại hơn. Con niêm là chốt giữ cho mộng không sút ra nên cần áp sát vào vạt cản.

Khi dựng nhà phải nhờ vào sức mạnh nên cần nhiều thợ trẻ. Mỗi dày kèo vừa cao vừa nặng, dựng lên phải dùng dây kéo và cây chống có ngàm. Khoảng cách giữa hai dày kèo là một gian, có 4 cây xiên thượng nằm ngang, giúp cho 2 dày kèo đứng vững, đó là 4 thanh gỗ hình vuông hay lục giác, chạy chỉ và xẻ ngàm mộng ở hai đầu, nối kết 2 cặp cột hàng nhì, rồi 2 cặp cột hàng nhất lại với nhau. Muốn nối xiên vào kèo không dễ, phải làm giàn tạm để đưa lên, tra ngàm mộng vào cột, niêm chặt.

Dựng xong các gian, đến lượt dựng 2 chái. Mỗi chái có 2 cây quyết nối từ đầu mỗi cột hàng nhất của dày kèo ngoài cùng đến mỗi góc mái, chân quyết có cột đỡ. Và hai cây đấm cũng nối từ đầu cột hàng nhất, nhưng đặt xuôi theo chái và song song nhau, có cột nâng đỡ.

Số lượng gỗ dùng làm giàn đóng nhà 3 gian 2 chái có: 8 cột hàng nhất, 8 cột hàng nhì, 8 cột hàng ba, 8 cột chái, 16 kèo lưỡng đoạn, 4 cây trính, 4 bộ chày cối, 16 cây xà, 12 cây xiên thượng, 4 cây quyết, 4 cây đấm. Nếu nhà 5 gian 2 chái, số lượng cây quyết, đấm, cột chái vẫn không đổi, nhưng các loại cây khác đều tăng theo số lượng mỗi dày kèo và mỗi gian.

Trên nóc giàn đóng, đặt một cây đòn dông bằng gỗ quý, rất thẳng, thân tròn, gốc ngọn bằng nhau, bào lán, sơn đỏ, chạy suốt từ dày kèo đầu đến dày kèo cuối. Việc gác đòn dông rất quan trọng, gọi là lễ Thượng lương, phải nhờ thầy địa coi ngày, chọn giờ và sắm lễ vật khấn bái, có đốt pháo để biểu lộ sự vui mừng và đuổi tà ma. Thợ cả, tắm rửa sạch sẽ, áo dài khăn đóng chỉnh tề, đợi giờ nước thủy triều lên, đích thân gác đòn dông lên nóc. Lá bùa trừ ma ếm quỷ bằng lụa đỏ, thầy địa lý vẽ hình bát quái, viết

hàng chữ Khương Thái Công Tại Thử (ông Khương Thái Công ở đây) rồi để ngày tháng cử lễ, được treo giữa đòn dông. Tiếp theo, lần lượt đặt các cây đòn tay vuông vức bào lán chạy chỉ, xếp hàng ngang, song song, cách đều chừng 1 thước mộc, nối các dầm kèo ở hai mái, và nối các cây dầm quyết ở hai chái.

4 - Làm trần bảng :

Thợ mộc dùng ván, sà hay khai đặt dọc trải kín cả hai mái và hai chái, đóng đinh giữ khỏi xô dịch; rồi thợ mái trải một lớp đất sét dẻo trộn rơm rạ, dày khoản 5 tấc mộc (21 cm 2). Chờ mái đất thật khô để lộ ra nhiều kẽ nứt càng tốt, thợ hồ (tức thợ vôi) tráng lên mặt một lớp hồ da dày 1 cm. Hỗn hợp này ở thể nhão gồm có vôi bột, cát, nước đường, nước nhớt, bông gòn hay giấy bồi, trộn đều rồi bỏ trong cối quếch nhuyễn. Nước đường lấy từ trong muống lọc đường, còn nước nhớt tạo ra từ cây lá bồ đề và dâm bụt ngâm nước vài tuần cho nhả hết chất keo. Nhờ các kẽ nứt, lớp hồ ăn sâu và bám chặt vào lớp đất, tạo thành lớp vỏ bọc vừa rắn chắc (nhờ nước đường), liên kết (nhờ sợi bông gòn hay giấy bồi), dẻo dai, không thấm nước (nhờ nước nhớt).

5 - Làm mái chái :

Lớp mái trong đã xong, thợ mái đặt những hàng kèo song song và dọc theo hai mái. Mỗi bộ kèo gồm 4 cây tre khâu đầu vào nhau bằng con sẻ (chốt niêm bằng tre, vót tròn) và chia đều hai bên, gọi là kèo song nga [1], dưới có nhiều trụ chống bằng gốc tre chôn chặt chân đế bởi ụ đất hình nón (gọi là trồng bồ), đầu trụ gắn vào kèo bởi con sẻ. Trụ bồ ở chân mái cao chừng 2 thước mộc (84 cm 8), càng lên cao càng dài ra cho tới trụ bồ ở nóc cao chừng 5 thước mộc (212 cm), ở hai chái cũng trồng bồ, gắn kèo như ở mái. Đặt các đòn tay bằng tre nguyên cây lên các

hàng kèo ở mái và chái, khoảng cách chừng 1 thước mộc. Gặp khúc tre cong, phải cưa phía queo sâu chừng nửa thân để dễ uốn ngay lại, buộc chặt đòn tay vào kèo bằng lạt mây lằm, tức là cây mây lảy ở rừng, chẻ làm 8, rồi chẻ mỏng lảy phần cật, bỏ ruột. Trên nóc là đòn dông, phải chọn cây tre thẳng, nối từ hàng kèo đầu đến hàng kèo cuối. Dụng ý các trụ bồ dài dần khi càng lên cao là nâng lớp mái ngoài có độ dốc đứng để mái tranh dễ rút nước.

Tre dùng làm rui, tùy cỡ tre lớn nhỏ mà chẻ làm 4 hay làm 2, rong cạnh, đục 3 lỗ ở đầu gốc, khoảng cách bằng 1/3 thước mộc (14 cm 1). Rui, sắp dọc trên các đòn tay, cách đều 5 tấc mộc (21 cm 2), đầu ngọn ở trên nóc, nên tục ngữ có câu “*Một cái nóc gánh trăm cái rui*” hoặc “*Trăm cái rui đè một cái nóc*”. Lựa cây tre thẳng, chẻ làm bốn, rong cạnh, chuốt láng mặt, kẹp nép chân rui liên tiếp 3 hàng ngang, xỏ lạt mây xuyên qua lỗ đục, buộc chặt rồi quấn cườm [1] trông rất đẹp mắt. Từ hàng mè thứ 4 trở lên, tre chẻ miếng làm 6 hay 8, cũng buộc lạt mây, từng cặp nghiêng đầu vào nhau theo hình chữ bát, nhưng không quấn cườm. Gặp hàng mè trùng với đòn tay, dùng lạt mây dài hơn buộc dính lại với nhau và thắt lưng ong [1] làm cho nuộc lạt siết chặt hơn. Trên nóc, hàng mè cuối cùng của mỗi mái đều kẹp nép với đòn dông, khoảng cách buộc lạt mây thắt lưng ong dày hơn để giữ chặt đầu rui và cưa cho bằng. Việc quấn cườm và thắt lưng ong, nuộc lạt thêm bền chặt nhưng tốn nhiều công, tục ngữ địa phương đã nói lên điều này “*Một nuộc lạt một bát cơm*”.

Trên đầu mỗi chái có hình tam giác cân dựng đứng, với hai cạnh xiên là dày kèo ngoài, cạnh đáy là cây đòn tay ở đầu chái. Ô này gọi là tam tài, tên tục là khu đi [1], cũng được dựng rui mè để lợp tranh.

5 - Lợp tranh :

Tùy theo công dụng, chẻ lạt tre có 4 loại: lạt nghiêng dài 2 đốt tre, chẻ nghiêng nên vỏ ít ruột nhiều, dùng cột mầm trĩ ; lạt cật dài 4 đốt tre, chẻ bỏ ruột lấy phần vỏ cứng chắc của tre, dùng buộc những những chỗ quan trọng; lạt lợp dài 2 đốt tre, chẻ dày gấp đôi lạt nghiêng nên phần vỏ gần bằng ruột, một đầu vót nhọn để xuyên qua lớp tranh; lạt xóc nóc (lợp tranh ở nóc) và lạt lợp kép (ở chân mái) dài 3 đốt tre, chẻ dày gấp đôi lạt lợp, một đầu vót nhọn, đầu kia chẻ dọc thành 2 sợi đến $\frac{2}{3}$ cọng lạt.

Tre non quá, lạt không bền; tre già, lạt giòn dễ gãy. Tre mọc vừa đủ lá dùng chẻ lạt nghiêng, lạt cật; nếu chẻ lạt lợp phải chọn tre già hơn vài tháng. Đốt rơm ẩm để có nhiều khói rồi xông lạt (hơ lạt trên ngọn lửa) hơi ngả màu vàng, mỗi một không ăn được, buộc từng bó nhỏ vừa tay nắm.

Tranh có hai loại: tranh rạ tức là cây lúa phơi khô, giũ sạch lá, lấy cọng rồi bện chặt đầu rơm bằng 4 nan tre, gọi là hom đánh tranh, dài chừng 2 thước rưỡi mộc (106 cm), 5 năm lợp 1 lần. Tranh sắn là loại cỏ cao như cây lúa, lá dai và cứng, có sống, mọc ở miền núi, dùng lợp nhà bền gấp đôi rạ và không bị chuột cắn phá.

Thợ mái đảm nhận lợp nhà, họ ngồi hàng ngang trên mái nhà, cách nhau chừng 5 thước mộc (222 cm), hai chân dang ra bịn vào mè, lợp từ chân mái, bắt đầu hàng mè thứ 2 lên dần tới nóc. Mỗi tấm tranh buộc 4 lạt ; ba hàng mè đầu lợp kép tức hai tấm chồng lên nhau, sau đó lợp đơn cho đến hàng mè cuối cùng. Trên nóc, phủ hai lớp tranh, sắp trái phải (lộn đầu nhau) dọc theo đòn dông, rồi đặt hai nẹp tre theo hàng mè trên cùng của mỗi mái, buộc lạt giữ cho lớp tranh áp chặt, gọi là xóc nóc [1], gió không xóc lên được. Lợp xong hai mái, rồi hai chái, sau hết lợp ở tam

tài, nơi đây chỉ là khu tam giác nhỏ nhưng tốn nhiều nẹp để viền chung quanh và các đường ngang, vừa mỹ thuật vừa ngăn gió lồng vào trong làm hất tung mái tranh. Nhà lá mái lớn, lợp trên 3 thiên tranh (3000 tấm tranh); nhà cỡ trung, lợp khoảng 2 thiên rưỡi tranh; nhà nhỏ hơn cũng gần 2 thiên tranh. Để tránh gió lớn bất thần xốc rối mái tranh, lợp nhà phải xong trong ngày, nên tùy nhà lớn nhỏ mà thợ mái chuẩn bị nhân sự và chủ nhà sắm sẵn vật liệu đầy đủ.

Người quăng tranh phải thạo việc mới có thể ném hàng ngàn tấm tranh lên mái nhà. Việc quăng và bắt tranh là cả một nghệ thuật, người ở dưới đất cuốn tròn tấm tranh thật gọn, tay trái nắm đầu, tay phải nắm đuôi, ném lên, đầu tranh hướng tới đích và trải ra, thợ lợp ngồi trên mái đưa hai tay hứng tranh, rồi khom lưng chúc đầu xuống đặt tấm tranh vào hàng mè và buộc lạt.

Việc cắt đuôi tranh ở chân rui còn khéo tay hơn nữa, dùng loại dao có răng cưa nhuyễn, từ từ cắt từng lớp mỏng, cắt thật bằng và thẳng tắp mới đẹp, chịu khó và kiên nhẫn mới làm được.

XÂY CÁT BÊN TRONG

Khi làm xong trần báng, việc xây tường ngăn vách bắt đầu tiến hành ngay, ngăn ngừa những cơn lốc mùa gió nam có thể đổ nhà.

1 - Làm tường vách :

Tường xây bằng gạch hay đá ong, có hồ [1] kết dính. Vôi sống mua từ các lò nung, nổi tiếng nhất là ở Trường Úc, ca dao trong vùng có câu:

Bao giờ Trường Úc hết vôi

Đôi ta hết đùng, hết ngồi với nhau.

Mang tiếng là vôi sống vì còn nguyên dạng san hô nhưng thực ra đã được nung chín. Khi dùng, vun vôi thành đống, đổ nước vào, gây phản ứng hóa học, hơi nóng bốc lên, vôi nát nhuyễn thành bột. Trộn 1 vôi 3 cát với nước đường và nước nhót, thành hỗn hợp vữa, dân địa phương quen gọi là hồ. Vữa hồ có 4 loại, hồ xây dùng cát to, hồ tô dùng cát nhỏ, hồ da cũng dùng cát nhỏ có trộn thêm chất sợi (đã nói trên), hồ nền dùng cát nhỏ nhưng trộn thêm sỏi sạn.

Vách có công dụng như tường, bao bọc và che chắn, ngăn cách phòng ốc làm ngôi nhà thêm vững chắc; nhưng vách thường làm bằng vật liệu nhẹ như trét đất, đóng ván, làm phen dại (tre đan). Nếu vách đất cũng phải xây gạch cao hơn mặt nền ít nhất hai lớp để chân mầm khỏi mục. Gốc tre chẻ tư, rong cạnh, dựng thẳng đứng, cách nhau 5 tấc mộc (21 cm 2), gọi là mầm. Tre cây chẻ tám, rong cạnh, đặt nằm ngang từ chân mầm đến trần nhà, cách nhau 2 tấc mộc (8 cm 48), gọi là trĩ. Dùng lạt tre buộc trĩ vào mầm, buộc hai nuộc, siết chặt rồi xoắn lại và vắt mối cho khỏi sổ. Cột lạt theo lối chữ bát (chùm đầu từng cặp) và cách quãng (cột 1 cây mầm, chừa 1 cây). Dựng mầm trĩ xong, phải trét vách ngay, để lâu ngày cây khô, lạt buộc lỏng và giòn, vách không chắc.

Trét vách là công việc mệt nhọc và lấm láp nhất, chẳng khác nào nhà đúc đổ bê tông sàn nhà, ca dao Bình Định có câu:

Dày công cột trĩ dựng mầm

Nhồi rơm đất dẻo dãi dầu bước chân

Vì thế, trong ngày trét vách, gia chủ phải lo cơm nước ngày ba bữa cho cả toán thợ và những người phụ việc, ngoài ra còn có tiền thưởng. Trước ngày trét vách, phải lo đào hầm đất; thợ mái chọn ô đất gần nhà, sạch sẽ và phải

là đất sét hay đất thịt. Nạo vét cho sạch lớp đất mặt, là lớp đất canh tác dày chừng 5 tấc mộc (21 cm 2), đổ nước đầy hầm. Ngày hôm sau, toán thợ nhồi đất làm việc từ lúc gà gáy, xới đất, đổ nước vào, dậm đập cho nhuyễn. Dùng nhau, tức là lá lúa khô thả ra khi giũ rạ đánh tranh, rải đều rồi đập lún vào đất dẻo, rải nhiều lần như thế cho đến khi đất dẻo no rạ, tức là đập không lún nữa. Dùng cuốc chĩa, loại cuốc có răng bằng sắt và nhọn như cào cỏ, xới lên, đảo lại, trộn đều nhiều lần.

Thợ trét vách vốc từng nạm lớn vắt vào hàng trỉ, nhờ có rạ quện chặt nên đất dẻo không rớt; trét hết hàng trỉ này đến hàng trỉ khác và từ dưới lên trên. Trét vách, từng cặp thợ đứng đối diện nhau qua lớp mằm trỉ để cùng lúc trét cả hai mặt, rồi dùng miếng ván nhỏ, hình chữ nhật, có tra cán nắm, chà vuốt nhiều lần làm cho đất nén lại và bằng phẳng.

Độ 10 ngày vách đất khô, để lại nhiều vết nứt, thợ vôi phủ một lớp hồ tô, nhờ các kẽ nứt vôi bám chặt vào vách đất. Vách trét rồi tô vôi, trông giống như vách xây, nhưng nếu bị ngâm nước lụt thì lớp vôi bong ra vì vách đất bị thấm ướt.

Phòng dùng để thờ, phải rộng 3 gian, gọi là nhà trên, chỉ có vách sau là xây hoặc trét, vách hai bên lắp ván gọi là vách đỡ. Nếu nhà 3 gian, có 4 dầm kèo, dựng vách đỡ ở hàng cột của dầm kèo đầu và cuối; nếu nhà 5 gian, có 6 dầm kèo, dựng vách đỡ ở hàng cột của dầm kèo thứ 2 và thứ 5. Thợ mộc đục lỗ ở cột, rồi tra những cây ngang, dọc có xẻ ngàm mộng ở hai đầu, tạo thành những khung gỗ hình vuông hay chữ nhật, mặt khung có chạy chỉ hay hoa văn, lòng khung xẻ rãnh để lắp ván vào.

2 - Dựng hàng cửa ở mặt tiền :

Mặt trước của nhà trên lắp cửa chứ không xây hoặc trét, nếu cửa khung gỗ lắp ván, gọi là bàn khoa; nếu cửa khung gỗ đan nang tre, gọi là phen đại.

Đóng bàn khoa rất công phu và đắt tiền, dùng toàn danh mộc, mỗi bộ bàn khoa rộng chừng 1 mét 8, cao 1 mét 7, gồm 3 tấm cửa, hai tấm hai bên có chốt để mở đóng (thời ấy chưa có bản lề), tấm giữa có chốt không đóng mở được nhưng để tháo ra. Mỗi bộ trải rộng, tính cả cột choán thì vừa khít cho một gian, như vậy dù nhà 5 gian hay 3 gian cũng chỉ có 3 bộ bàn khoa dành cho phòng thờ mà thôi. Ráp khung bàn khoa bằng mộng, không dùng đinh, trong khung có nhiều thanh ngang, dọc phân thành những ô nhỏ có xẻ rãnh để lắp ván vào, lựa mặt ván có nhiều vân và đẽo hình chóp vuông, gọi là xoi bánh ú [1]. Nửa phần trên tấm cửa có chừa ô vuông rộng, dựng chấn song, bằng gỗ trắc cắm lai, tiện kiểu ngù đèn, nổi bật vân gỗ rất đẹp.

Đóng phen đại rẻ tiền hơn, khung bằng gỗ nhưng không cần chọn gỗ đẹp, trong khung tra những thanh ngang để bện nang tre vót vuông vức. Mỗi tấm cũng được tra chốt và chốt như bàn khoa.

Thường dựng bàn khoa hoặc phen đại ở dãy cột hàng nhì, đôi khi ở hàng ba; trên có ngưỡng dưới có gạch là hai thanh gỗ lớn, tiết diện vuông, có ngàm mộng tra vào cột rất vững chắc, kèm chặt các bộ cửa. Nếu là bàn khoa, gạch ngưỡng lớn hơn, mỗi cạnh chừng 20cm, trên ngưỡng có hàng khuôn lồng để thông gió và ánh sáng cho phòng thờ.

3 - Dựng chấn song và đồ diềm :

Để ngăn ngừa trộm cướp, nhiều nhà lá mái còn ráp thêm lớp chấn song ở dãy cột hàng ba. Đó là những thanh gỗ vuông cạnh chừng 5 hoặc 6 cm cũng được tra vào

ngạch ngưỡng, có thể tháo ra ráp vào nhờ có chốt khóa ở ngưỡng.

Kề ngoài lớp song là diềm và đố. Dải diềm bằng đất trộn nhuyễn với rơm rạ, trong có cốt tre treo móc vào đòn tay, đố cũng bằng tre trét đất, tạo cho khung mặt nhà có viền hình chữ U ngược.

4 - Lót nền, quét vôi :

Nhà lá mái bình thường là nền đất, muốn sang thì lát gạch bát tràng, nếu khá giả hơn, tráng lớp hồ nền dày 2 lóng tay, trên phủ hồ da dày chừng nửa lóng tay.

Dù vách gạch hay vách đất cũng phải quét vôi. Loại vôi quét ở thể nhão, cũng sản xuất tại Trường Úc, biến chế từ vôi bột pha với nước rồi quét nhuyễn. Đổ nhiều nước vào vôi, khuấy đều, lược bỏ chất cặn bã, hòa thêm một ít nước a dao (chất dẻo kết dính), rồi bỏ bột màu vào, thường dùng màu xanh da trời hay xanh lá cây hoặc vàng lợt để quét tường, dùng màu đỏ gạch hay màu vàng đậm để quét chân tường.

5 - Đóng khám thờ :

Nhà làm xong nhưng chưa đóng khám thờ thì không thể khánh thành được, tức làm lễ ra mắt tân gia. Khám thờ dùng toàn gỗ mít để có màu vàng mơ đẹp, đôi khi xen gỗ trầm hương để cho mùi thơm. Bộ khám thờ, tầng dưới có 3 gian thờ, gian giữa thờ ông bà tổ tiên, gian bên tả thờ phụ mẫu, gian bên hữu thờ các vong linh tuyệt tự. Tầng trên là 3 trang thờ, trang giữa thờ phượng có tính cách tôn giáo tín ngưỡng, bên tả là trang ông táo, bên hữu là trang thổ thần thổ địa. Mỗi ô thờ, thợ mộc đeo diềm và rua tai bèo, thợ chạm khắc đề tài thú vật 4 chân như sư tử, cọp, nai, rùa, cây cảnh, hoa quả... vừa mỹ thuật vừa trang nghiêm.

TRANG TRÍ TRONG NHÀ, NGOÀI VƯỜN

Ca dao Bình Định có câu :

Ngó lên nhà lá mái

Hai cái tô vôi

Hai cột đèn dôi

Hai đôi liễn cẩn

Trên chạm long ẩn

Dưới chạm thủy cà

Thấy anh có chút mẹ già

Không ai hôm sớm, thương đà quá thương.

Đây là bức tranh khắc họa quang cảnh mặt tiền phòng thờ của nhà lá mái, nói lên luật cân đối trong cách trang trí Việt Nam. Việc trưng bày ở phòng thờ quan trọng nhất là 4 tấm liễn cẩn bằng gỗ mun, rộng chừng 40 cm, dày 4 cm, dài trên 2 mét tây, viền hoa văn và khắc câu đối chữ Hán nhận xa cừ. Cứ tấm liễn này viết vế đối, tấm kia viết vế xuất, hợp thành cặp liễn đối; treo từng cặp ở hai cột hàng nhất đầu và hai cột hàng nhất sau. Thường là thi đối hoặc phú đối, ít dùng tiểu đối, nội dung đề cập đến gia phong, gia đạo, quan niệm xử thế của dòng họ.

Phía trong bàn khoa, trên hàng khuôn lồng, ở giữa và đối diện với bàn thờ chính, treo tấm hoành phi bằng sơn mài, nền đen, khắc hàng ngang từ 2 đến 8 chữ Hán thật lớn, tô màu vàng óng. Nội dung rất cô đọng, nói lên thân thế, sự nghiệp, đạo hạnh của gia chủ. Bên trái tấm hoành phi đề tên hoặc bút hiệu người biếu tặng, hay người thủ bút; bên phải đề ngày tháng, niên hiệu đời vua. Hai hàng chữ này thường viết dọc và nhỏ hơn nhiều so với đại tự ở giữa.

Trên mỗi vách đồ ở hai bên phòng thờ, treo bộ trường liễn bằng gấm thêu kim tuyến, bức trường ở giữa, liễn ở hai bên.

Nếu nhà có quan chức, giữa phòng thờ thiết trí một bàn án, chạm trở tinh vi, chân giò nai, dùng để bằng sắc, áo mão, hia hốt, ấn kiếm, cờ quạt của vua ban. Trước án, đặt cái chạng để dựng lục bộ như cung, đao, kiếm, siêu, côn, giáo vừa tôn nghiêm nơi thờ phượng, vừa rạng rỡ cho gia chủ.

Gian bên tả bàn án, đặt bộ trường kỷ bằng gỗ mun, gồm hai ghế dài, giữa kê bàn giò nai, mặt bàn nhận đá hoa. Toàn bộ trường kỷ được chạm trở tinh vi, phô trương đầy đủ vẻ đẹp của kỹ thuật điêu khắc Việt Nam. Nơi đây dành tiếp thượng khách ngồi uống trà nói chuyện với gia chủ. Gian bên hữu bàn án, kê bộ phản bằng gỗ hay gỗ mun, dùng cho khách nằm nghỉ ngơi chốc lát. Ngoài ra, phòng thờ còn trưng bày vài món đồ cổ để tăng thêm sự sang trọng.

Tuy nhiên không phải nhà lá mái nào cũng trưng bày như thế cả, còn phải tùy theo phẩm hàm, học vị, chức phận trong xã hội. Bộ luật Gia Long của nhà Nguyễn, điều 156, có qui định: “Tất cả nhà cửa, xe cộ, quần áo và mọi vật dụng của quan chức và thường dân phải phân biệt rõ rệt. Ai dùng trái phép thì bị tội. Nhà cửa thường dân không dựng trên một bệ đôi, lợp mái đôi và làm gác. Trong nhà không được sơn phết trang hoàng” [2]. Tuy vậy, nhà dân vẫn có thể trang hoàng theo cách riêng, không phạm đến luật triều đình. Họ không dám dùng đề tài tứ linh Long, Lân, Qui, Phụng dành riêng cho nhà vua; nhưng tùy theo địa vị trong xã hội ít nhiều có thể dùng đề tài tứ hữu Tùng, Trúc, Cúc, Mai; hay tứ thời Mai, Lan, Sen, Trúc; đề tài tam đa Phước, Lộc, Thọ. Ngoài ra còn

đề tài bát bửu gồm hoa sen, giỏ hoa, cây tre, cái quạt, cái phách, cái sáo, thanh gươm, bầu rượu. Nói chung, sự trang trí, điêu khắc có tính cách tượng trưng, như cây trúc biểu tượng cho người quân tử, cây tùng tượng trưng cho sự trường thọ, hoa sen cho sự thanh khiết, hoa cúc cho hạnh phúc.

Sân trước nhà dùng để đập lúa, phơi lúa và trang trí cây cảnh. Thường là sân đất, đến mùa gặt người ta trải một lớp mỏng hỗn hợp nước và phân tươi của trâu bò để ngăn sạn cát. Sân lát gạch dành cho những nhà giàu sang, quyền quý. Phía sân dọc theo hè nhà trên, người ta trồng bày những chậu kiểng. Đó là những cây cổ thụ tí hon, trồng trong những chậu sành sứ; giữa hàng cây kiểng có hòn non bộ đặt trong bể cạn xinh xinh, non nước hữu tình, có tiên ông ngồi đánh cờ, có chùa cổ, am xưa, chiếc cầu nho nhỏ. Nơi đây, cảnh trí nhẹ nhàng êm ái, khiến người xem thư thái cả tâm hồn.

Kề ngoài sân phơi lúa là vườn cau, mỗi góc cau trồng trầu lá sum sê bao quanh thân cây. Lệ trồng cau trước nhà, tục ngữ có câu "*Chuối vườn sau, cau vườn trước*" nói lên cách bài trí bên ngoài của nhà lá mái. Trong vườn cau, dựng một am nhỏ, kiểu nhà sàn để thờ thổ thần.

Thông ra ngoài có cổng ngõ, không lộ thiên mà được xây cất hẳn hoi có nền, vách và đủ mái chái, với hai cánh cửa rộng chắc chắn, có then cài và thanh gỗ chắn ngang, đứng bên ngoài không tài nào mở được. Theo phép địa lý, cổng ngõ không được ngó thẳng vào cửa nhà trên, nên nhà ngõ phải cất lệch bên phải hay bên trái.

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ LÁ MÁI

Ngày nay có lối kiến trúc tân tiến, nhưng hình ảnh của nhà lá mái vẫn còn vang vọng trong lòng người dân Bình Định với những mền thương tiếc nuối. Nhà lá mái có những đặc tính ưu việt mà những kiểu nhà khác trong thời ấy không thể sánh được: Ở Miền Trung, bão lụt năm nào cũng có, nhà lá mái nhờ có bộ giàn đóng kết dính bởi hệ thống ngàm mộng nêm; thời tiết càng ẩm ướt hệ thống ấy càng siết chặt nên vẫn vững chãi khi nước ngập đến hơn nửa vách và không bị xiêu đổ bởi bão táp, dù gió mạnh đến đâu cũng chỉ làm xóc rối mái tranh là cùng. Mùa hè, gió nam nóng rát và khô thổi tung cát bụi đầy trời, nhưng khi bước vào nhà lá mái tưởng chừng như có máy điều hòa không khí và độ ẩm, giấc ngủ trưa thú vị vô cùng. Mùa đông, gió bắc lạnh se da, nứt môi nhưng ở trong nhà lá mái lại thấy dễ chịu như có máy sưởi, đêm về cho giấc ngủ ngon vì ấm áp lạ thường. Mái tranh dễ bắt lửa nhưng nhờ có lớp mái đất dày phủ kín tiếp giáp với vách đất hai lớp và rất ít cửa sổ, nếu có hỏa hoạn lớp mái ngoài thì bên trong vẫn an toàn đủ thời giờ cho dân làng dập tắt ngọn lửa. Nếu lớp mái tranh bị hư hại hoàn toàn, chưa đủ điều kiện làm lại, lớp mái đất nhờ có tráng hồ da không thấm nước nên có thể chịu đựng nắng mưa trong vài năm. Nhà lá mái còn một ưu điểm nữa là ngăn ngừa trộm cướp, đối với kẻ trộm, loại cửa cốt khi mở phát tiếng kêu to, không thể lén vào nhà được, nếu đào ngạch để lườn qua chân vách thì có móng sâu bằng đá cản lại. Bọn cướp cũng vất vả lắm mới vào được trong nhà vì hệ thống cửa rất vững chắc, phải tra vô đóng hồi lâu mới phá tung được, đủ thời giờ cho khổ chủ và gia nhân đánh phèn la, mõ báo động cầu cứu dân làng.

Tuy vậy, nhà lá mái vẫn có những bất tiện, trong nhà thiếu sáng, ban ngày đọc sách cũng phải thấp đèn, mái rui thấp những người cao ra vào phải cúi, cột nhà nhiều quá chón chỗ và chia thành những ô nhỏ mất vẻ thẩm mỹ.

MỘT THỜI VANG BÓNG

Ngày xưa, việc hôn nhân gò bó trong môn đăng hộ đối, sui gia phải cân xứng nhau về học vấn, địa vị trong xã hội, mà còn sánh nhau về nhà cửa; ca dao trong vùng có câu:

*Đứng ngoài trông thấy nóc nhà cao,
Thấy vườn cau rậm muốn vào làm dâu.
Làm dâu coi trước coi sau
Coi nhà mấy cột, coi cau mấy hàng.*

Chỉ cần đứng ở cổng ngõ, đếm số cột hàng ba, biết ngay nhà có mấy gian, nhà lớn hay nhỏ; đếm số hàng cau biết được vườn rộng hay hẹp. Nhiều người vì danh giá, thể diện mà bán sạch ruộng, hay phải vay mượn để cất nhà thật lớn, thật sang, đến nỗi khánh kiệt, nên tục ngữ trong vùng cũng có câu “*Có gạo hơn bạo nhà*”.

Trước năm 1945 nghề làm nhà lá mái rất thịnh hành trong tỉnh Bình Định. Ở Phú Yên những nhà giàu cũng cất lá mái, nhưng phải thỉnh thợ ở Bình Định; tiếng đồn thợ mái nổi tiếng nhất là thợ làng Tân Dân, nay là thôn Tân Dân xã Nhơn An huyện An Nhơn tỉnh Bình Định. Ca dao Phú Yên khẳng định cái độc đáo nghề nghiệp của tỉnh này:

*Cất nhà Bình Định
Chữa bệnh thầy Tàu
Lên mọi gọi trâu
Vườn Trầu mua nếp.*

Thời Pháp thuộc ở Bình Định nhiều nhà lá mái nổi tiếng, nhưng không nhớ hết, chỉ nêu vài nhà tiêu biểu ở 6 huyện phía nam và phía tây Bình Định. Huyện Tuy Phước có nhà các ông Đặng Thành Giáo tức cụ Tú Ba ở Vân hội xã Phước Long, nhà tự đường họ Đào ở Vinh Thạnh xã Phước Lộc, nhà ông Bá Liên (họ Nguyễn) ở Đại Hội xã Phước An, nhà ông Tú Ba (họ Trần) ở Tri Thiện và nhà tự đường ông Bá Ba (họ Nguyễn) ở Văn quang xã Phước Quang, nhà ông Tú Hoàng ở Tân Giản xã Phước Hòa; nhà ông Ấm ở Thiều Quang, nhà ông Lâm Tăng Sum (Quang Lộc Tự Khanh) ở Tư Cung và nhà ông Phó Đốc ở Khuông Bường xã Phước Thắng. Trong huyện An Nhơn có nhà tự đường họ Lưu ở Thọ Lộc xã Nhơn Thọ, nhà từ đường họ Bùi ở Hòa Cư xã Nhơn Hưng, nhà ông Thất Phiến ở Tân Đức xã Nhơn Mỹ, nhà ông Cử Nhì Trần Đình Thoại ở Thuận Thái xã Nhơn An có ba lần thượng kiên cố; nhà ông Cửu Hương (họ Lê) ở Thanh Giang có tiếng sạch đẹp nhất vùng, nhà ông Tư Hải (họ Võ) ở Thanh Danh và nhà ông xã Cự ở Trung Lý xã Nhơn Phong; nhà ông Đặng Diệm tức Ấm Mười ở Lục Thuận và nhà ông Lê Thám Mai tức Nghè Thanh Mai xã Nhơn Hạnh. Trong huyện Bình Khê có nhà các ông Võ Bình (dòng Đại Tư Đồ Võ Văn Dũng) ở Phú Mỹ và ông Cửu Học ở Phú Phong xã Bình Phú, nhà ông Cả Nhế ở Bến Đức và nhà ông Cả Huỳnh ở Mỹ Đức xã Bình An, nhà ông Trần Trấp thường gọi là xã Hai (dòng bà Trần Thị Huệ, vợ cả Nguyễn Nhạc) ở Trường Định và nhà ông Hương mục Bàu ở Vĩnh Lộc xã Bình Hòa, nhà ông Trần Thống ở Kiên Mỹ và nhà tự đường họ Quách (dòng Quách Tấn) ở Thuận Nghĩa xã Bình Thành, nhà ông Hương Ba ở Hưng Long xã Bình Tân, nhà Chánh tổng Tạ ở Thuận Truyền xã Bình Thuận. Trong huyện Vĩnh Thạnh có nhà ông Thục Danh

và nhà từ đường họ Lê ở Định Quang Cây Dừa. Trong huyện Phù Cát có nhà ông Võ Tạo tức Hương lễ Thảo ở An Tân xã Cát Hanh nhà này xây dựng từ thế kỷ 17, truyền được 12 đời, năm 1969 bị tiêu hủy vì chiến tranh, có thể nói đây là nhà lá mái xưa nhất của Bình Định còn tồn tại đến hạ bán thế kỷ 20, nhà ông Văn Vĩnh Thiệu (quan Hương lộ) ở Hữu Pháp và nhà ông Thủ chỉ Diễn ở Phú Hậu xã Cát Chánh, nhà ông Phạm Khả Huỳnh ở Long Hậu và nhà ông Hương hào Thủ xã Cát Thắng, nhà ông Phủ họ Lê ở Chánh Mẫn xã Cát Nhơn. Trong huyện Phù Mỹ có nhà các ông Nguyễn Nghiêu và Nguyễn Tấn ở Tân Phụng xã Mỹ Thọ, nhà ông Hoàng Công Tuấn tức Chánh tổng Lương ở An Mỹ xã Mỹ Cát có bộ bàn khoa đẹp nhất vùng.

Sau 30 năm chiến tranh, những nhà lá mái to lớn và nổi tiếng ở Bình Định hầu hết bị phá hủy; may mắn lắm còn sót lại một vài nhà, tiêu biểu nhất là nhà ông Trần Thành thường gọi Chánh tổng Thành ở Phú Gia xã Cát Tường huyện Phù Cát, hiện nay có cháu đích tôn là Trần Tiên Trước thừa kế. Ngoài ra còn vài nhà lá mái hạng trung như nhà ông xã Cửu Ngôi [3], Nguyễn Duy Đỉnh thừa kế, ở Tăng Vinh xã Phước Thành, xây cất từ năm 1933, lớp mái trong làm trần bằng ván mít, trên vách có đắp vẽ mang dấu vết cổ kính. Tuy vậy, nhà này chưa thể gọi là nhà lá mái toàn diện vì mái ngói không thể dốc đứng như mái tranh, rui mè đóng đinh chứ không cột lạt mây kết cườm thất lung ong. Còn 3 nơi nữa, nhà ông Chánh tổng An Định xã Nhơn Hậu (Qui Nhơn), nhà ông Ưông ở Kỳ Sơn xã Phước Sơn huyện Tuy Phước, nhà Tạ Chương Phát ở Thắng Công huyện An Nhơn; nhưng trước tình trạng rạ rơm khan hiếm và nhân công đắt đỏ, chủ nhà không thể bảo tồn nguyên trạng nhà cũ, đã vứt bỏ

lớp mái ngoài, thay vào rui mè bằng gỗ đóng đinh lớp ngói.

Ngày nay hình ảnh nhà lá mái chỉ còn trong ký ức người Bình Định từ lứa tuổi tứ tuần trở lên, lớp trẻ hầu như không biết đến. Đội ngũ đông đảo chuyên nghiệp xây dựng nhà lá mái hầu hết đã qua đời. Và dung nhan ngày cũ chỉ còn vang vọng qua câu ca dao trong vùng:

*Tiếng đồn Bình Định tốt nhà,
Phú Yên tốt ruộng, Khánh Hòa tốt trâu.*

VIỆT THAO

GHI CHÚ

- [1] Tiếng dưng trong nghề nghiệp xây cất nhà lá mái.
- [2] Toan Ánh, *Nếp cũ – Con người Việt Nam*, trang 256.
- [3] Cả làng Tăng Vinh chỉ có nhà ông xã trưởng lớp ngói, nên dân chúng quen gọi là Ông Xã Ngói.

TÀI LIỆU VÀ SÁCH THAM KHẢO

- Huỳnh Tịnh Paulus Cửa, *Đại Nam Quốc âm Tự vị*, Sài Gòn, 1895.
- Quách Tấn, *Non nước Bình Định*, nxb Nam Cường, Sài Gòn, 1967.
- Toan Ánh, *Nếp cũ – Con người Việt Nam*, Khai Trí tái bản, Sài Gòn, 1970.
- Thư phúc đáp: Minh Tân Phạm Hà Hải, thi huynh, Qui Nhơn ngày 9- 3- 2003;
- Thạch Khê Lưu Đình Đàm, thi huynh, Sài Gòn ngày 10- 10- 1996; đều là đồng hương Bình Định.

- Phỏng vấn: Ba Cào, 1967, thợ mộc chuyên giàn đóng, vách đồ và bàn khoa;

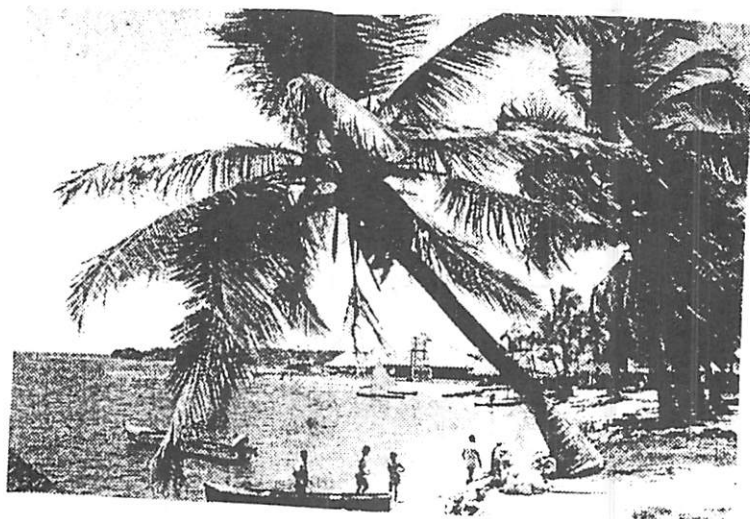
Thừa Yến, 1967, thợ vôi;

Thừa Thứ, 1967, thợ mái;

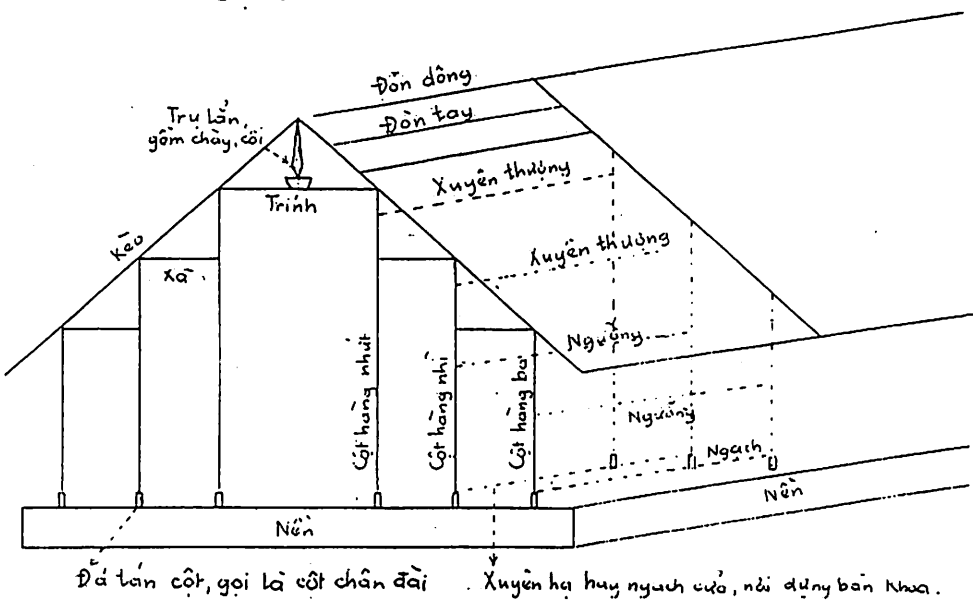
Ba Sâm, 1997, thợ mộc kiêm thợ mái;

đều ở thôn Vinh Thạnh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

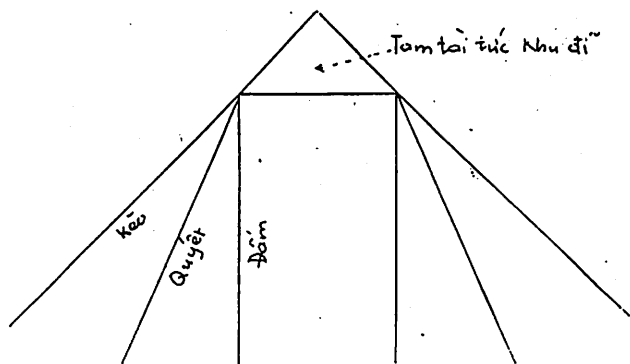
- Gọi điện thoại: Các đồng hương Bình Định bổ sung danh sách những nhà lá mái nổi tiếng trong tỉnh.



BỘ GIÀN ĐỒNG NHÀ LÁ MÁI



GIÀN ĐỒNG Ở CHÁI



Ngày xuân viếng cảnh chùa

TU VIỆN NGUYÊN THIÊU

THÁI TẦU

LBBT: Gần đây, đồng bào trong nước cũng như hải ngoại và cả thế giới để ý đến Tu Viện Nguyên Thiêu vì những tin tức thời sự có liên quan đến Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang và Tu Viện Phật giáo này.

Nhân dịp Xuân về, kính mời quý du khách viếng thăm Tu Viện Nguyên Thiêu ở Bình Định theo bài viết giới thiệu dưới đây của anh Thái Tầu.

Tu viện Nguyên Thiêu chánh thức thành lập vào tháng 9 năm 1958 nhằm mục đích làm nơi đào tạo các tăng sinh; nơi nghiên cứu giáo lý Phật giáo, truyền bá chánh pháp của Đức Thế Tôn ; nơi tham thiền và hướng dẫn tăng tín đồ Phật giáo tu tập; nơi giáo dục đạo pháp và văn hóa Việt Nam.

Viếng thăm tu viện Nguyên Thiêu, nếu du khách đi từ thành phố Quy Nhơn lên, hay từ Sông Cầu, Phú Yên, Khánh Hòa ra hoặc Đập Đá , Quảng Ngãi, Quảng Nam vào, sau khi xuống xe ở bến xe khách cầu Bà Di nằm trên quốc lộ I xuyên Việt Bắc Nam (cách Hà Nội 1070 Km, Sài Gòn 660 Km), du khách nhìn về hướng Bắc sẽ thấy một đồi núi cao gần 200 m, trên đỉnh có ba ngọn tháp Chàm đứng trơ gan cùng tuế nguyệt, phía Đông dưới chân của ngọn núi tháp này là Tu Viện Nguyên Thiêu .

Núi và tháp có tên : Hán gọi là “Thị Thiện Tháp”. Tương truyền có bà tên là Thiện cát quán ở chân núi tháp để bán bánh, nên lấy tên bà gọi tên tháp. Việt gọi là

“Tháp Bánh Ít” vì đứng xa mà nhìn quả núi này giống như chiếc bánh ít lột trần đặt trên một cái đĩa, vì vậy mà có tên tháp Bánh Ít. Tây gọi là *ôô* Tour *dô* Argent *ôô* nghĩa là Tháp Bạc. Núi tháp nằm trong địa phận giáp ranh giữa các thôn Huỳnh Kim, Vạn Bửu, Phong Niên và Đại Lộc thuộc huyện Tuy Phước .

Rời bến xe qua khỏi cầu Bà Di là đến chân núi tháp nằm cạnh dòng sông, một chi nhánh của sông Côn, nên ca dao địa phương hát rằng :

Tháp Bánh Ít đứng khít cầu Bà Di

Sông xanh núi cũng xanh rì

Vào Nam ra Bắc ai cũng đi con đường này .

Cứ lần theo con đường dọc chân núi tháp mà đi về hướng Đông, du khách sẽ nhìn thấy trước tiên là khu doanh trại của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 22 Bộ binh thuộc Quân đoàn 2 QL/VNCH trước năm 1975 đóng ở đây. Đi tiếp vòng ra phía sau là vào đến khuôn viên Tu Viện Nguyên Thiều .

Cảnh trí tổng quan

Quần thể kiến trúc Tu Viện Nguyên Thiều tọa lạc trên đồi phía đông dưới chân núi tháp Bánh Ít, thuộc thôn Đại Lộc nay là thôn Đại Lễ, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Từ ngoài đi vào, đầu tiên là Thích Ca Phật Đài xây dựng lộ thiên trên một ngọn đồi trung tâm Tu Viện. Muốn chiêm bái Thích Ca Phật Đài, du khách phải bước lên nhiều bậc cấp.

Phía sau Thích Ca Phật Đài về hướng Tây Nam là một ngôi nhà ngang có tên là Phương Trượng (Đường tháp), ngang 10 m, dọc 8 m, cao từ nền lên đến nóc 6 m

Phương Trượng xây gạch lợp ngói gồm 2 mái 2 chái, góc chái uốn cong hình long giao, trên đắp lộng 4 chữ Hán “Nguyên Thiều Tu Viện” Phương Trượng xây ở giữa sân thượng. Mặt sân thượng trước cao hơn mặt sân hạ sau 2m50. Nơi thêm bước lên sân trước đắp nổi hàng chữ số sơn trắng Dương lịch là 1967, Phật lịch là 2511 để kỷ niệm năm xây dựng. Muốn lên Phương Trượng cũng phải bước lên gần 20 bậc cấp xây hình cánh cung như vòng tay mở rộng ôm nâng Phương Trượng .

Trong Phương Trượng, bệ thờ Phật đặt ở gian giữa. Trên bệ thờ tôn trí tam vị : Trung tôn Phật Thích Ca ngồi giữa cao 2 m kể cả tòa sen, tả tôn Ngài Ca Diếp, hữu tôn Ngài A Nan đứng hầu hai bên, mỗi tượng cao hơn 1m . Bộ tượng đắp bằng xi măng. Tự khí thông thường nhưng phối trí trang nghiêm. Tại đây có treo ba câu liễn gỗ, hai câu sau đây là do Hòa Thượng Thích Kế Châu đặt và viết chữ.

1-Phiên âm = Tu hà luận đa thời ? *Đương niệm phân minh chân diện mục;*

Viện vô dung biệt vật, ngưng mâu tê thị cụ phong quang.

Dịch nghĩa = Tu há đợi lâu ngày ? *đương niệm biết ngay mày mặt thật;*

Viện không cần khác vật, ngưng ngưng trông rõ cảnh quang xưa.

2-Phiên âm = Nguyên Thiều nhất bản đa chi, Đạo thọ sâu nghiêm giác quả;

Tu viện lục hòa đại chúng, Thiền lâm tú mậ tăng tài.

. Dịch nghĩa = Nguyên Thiều một gốc nhiều cành, cây đạo sum sê trái giác;

Tu viện sáu hòa lớn hội, rừng Thiền tươi tốt sư tài .

Và câu thứ 3 là do Tú tài Nguyễn Trọng Khải đồ liền hai khoa sau đi tu là Hòa thượng Bích Liên, từng làm chánh chủ bút tờ Từ Bi Âm, đặt và viết chữ vào năm Bảo Đại thứ 5 (tức năm Canh Ngọ, 1930).

3-Phiên âm = Pháp hội cánh thường tôn, Lộc uyển Thứu sơn kim vị tán;

Bảo thành chung bất viễn, kim lan châu thụ nhật vi lân.

Dịch nghĩa = Hội pháp đã xong đâu, vườn Lộc núi Kỳ chưa giải tán;

Thành báu gần gũi vậy, song vàng cây ngọc vẫn thân quen.

Sau điện thờ Phật là nhà Tổ. Bàn thờ Tổ đặt ở gian giữa . Trên bàn thờ tôn trí tranh tượng Tổ Sư Nguyên Thiều (1648 - 1728), tranh có từ xưa tại chùa Quốc Ân Huế. Ngài là người Trung Hoa đã chốn tích vào đất Qui Ninh (Bình Định ngày nay) xây dựng Tổ đình Thập Tháp, ra Huế xây dựng 2 chùa Quốc Ân và Hà Trung. Ngài là vị Thiền sư khai sáng dòng Thiền Lâm Tế tại Đàng Trong mà Tu Viện này hân hạnh mang tên Ngài. Hai bên tranh thờ có treo câu liễn gỗ sơn son thếp vàng.

Phiên âm = Bắc quốc giáng trần thừa tổ ấn;

Nam bang hoàng Pháp hạ sư ân.

Dịch nghĩa = Đất Bắc xuống trần thừa ấn tổ;

Trời Nam mở đạo, độc ơn sư.

Và phía trước còn có 2 câu liễn, một của Hòa Thượng Kế Châu và một của Hòa Thượng Bích Liên đặt và viết chữ năm Canh Ngọ, 1930 .

Trên bàn thờ Tổ Tu Viện còn có thờ giao vị Thượng tọa Đồng Từ, nguyên Giáo thọ Phật học viện Nguyên Thiều .

Trong 20 năm (1955 - 1975) dưới chế độ cũ, cả tỉnh Bình Định chỉ có hai thanh niên tăng được Giáo hội cử du học nước ngoài, cả hai đều học ở Nhật, đều đỗ bằng Tiến sĩ Phật học và đều về nước phục vụ trong lãnh vực giáo dục của Giáo hội. Họ dạy được mấy năm thì người kia vương duyên trần mà hồi tục, còn người nầy là Thượng tọa Đồng Từ thì đột ngột tịch tại chùa Thập Tháp vào năm 1973 đương chức Giáo thọ hai Phật học viện Nguyên Thiều và Phước Huệ tại chùa Thập Tháp. Tang lễ cử hành tại chùa Thập Tháp và nhập tháp tại gò Long Bích cực Tây ngoại vi chùa nầy.

Thượng tọa Đồng Từ chẳng những tinh thông Phật học, mà còn am tường văn tự và ngôn ngữ của hai dân tộc Hán Nhật. Ngoài ra, thơ làm cũng hay, chữ viết cũng đẹp. Ở người Sư phảng phát phong thái Thiền sư Thi sĩ Ba Tiêu (Basho 1644 -1694) ung dung và giản dị nên được nhiều người quý mến. Cũng xin nói thêm, vào thời điểm nầy Tăng sĩ miền Nam có học vị cao như Sư thì chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Cho nên Sư mất là một tổn thất lớn cho Giáo hội và khiến nhiều người luyến tiếc .

Ngoài ra phía hữu Phương Trượng còn có điện thờ Tiêu Diện. Bên tả Phương Trượng là những dãy nhà gồm : Tăng phòng, trai phòng, trú phòng v..v..Bên khu Bắc sau Tượng đài và đối trĩ với Phương Trượng (khu Đông) có nhiều dãy nhà đang là cơ sở của Trường cơ bản Phật học tỉnh Bình Định do Ban Trị sự Giáo hội PGVNTN tỉnh tổ chức và quản lý .

Và đây là một công trình mới vừa được khởi xây :

- Ngày 18-5-1999 (4 - 4 Kỷ Mão) , Giáo hội PGVNTN tỉnh Bình Định đã cử hành Lễ Đặt đá xây dựng ngôi Chánh điện mang tên Đại Hùng Bảo Điện tại Tu Viện Nguyên Thiều. Theo bản vẽ thiết kế do công ty

Trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng lập thì công trình này có tổng diện tích xây dựng là 793, 89 m² và chiều cao không vượt quá 22 m. Phần kiến trúc mái sảnh, mái tháp chuông và điện thờ phải phù hợp với lối kiến trúc chùa Việt Nam .

Tham dự buổi lễ có Chư tôn Giáo phẩm, Chư tôn Thiện đức Tăng Ni, đại diện chính quyền địa phương và Chư Thiện tín Phật tử xa gần. Đặc biệt là có sự tham dự của Thượng tọa Thích Quảng Tân, Hội trưởng Hội Phật học Đồng tu Đài Bắc Đài Loan và phái đoàn, Thượng tọa là người đã phát Đại Bồ Đề Tâm hỷ cúng kinh phí khá lớn để xây dựng ngôi Đại Hùng Đại Điện làm chánh điện cho Tu Viện Nguyên Thiều, nhằm mục đích góp phần trang nghiêm Tam bảo tại nhân gian, làm thắng duyên cho việc trưởng dưỡng và truyền trì Đạo mạch lợi lạc quần sanh, hoà độ sanh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni .

Hiện tại, khung cảnh của Tu Viện Nguyên Thiều không có gì là nguy nga nhưng thanh tịnh, u nhàn, phẳng phát hương thiền, thơm mùi giải thoát. Mai này khi ngôi chánh điện tức Đại Hùng Đại Điện hoàn thành thì nơi đây là một danh lam thắng cảnh nằm trong quần thể kiến trúc văn hóa Chàm của tỉnh Bình Định .

Tiến trình xây dựng tu viện Nguyên Thiều

Trong một bản báo cáo về tiến trình xây dựng Tu Viện Nguyên Thiều nhân ngày Lễ Kỷ niệm Đệ Thập Chu niên ngày thành lập TVNT (17 .11 Mậu Tuất 1958 - 17-11 Mậu Thân 1969) cho biết :

Tu Viện Nguyên Thiều chính thức khai sáng vào ngày 15 tháng 8 năm Mậu Tuất (27 . 9 . 1958) do Hội Phật giáo tỉnh Bình Định thuộc hệ thống Tổng hội Phật

giáo Trung phần đương thời khởi xướng và đặt dưới quyền quản trị của nhóm Thanh niên tăng Bình Định, đứng đầu là Thượng tọa Thích Huyền Quang và quý Thượng tọa trong tỉnh.

Mãi đến ngày 17.11 năm Mậu Tuất (27.12.1958) là ngày Khánh đản Đức Phật A Di Đà, Tu Viện mới hoàn thành một cư xá đầu tiên bằng tranh ,tre. Mọi chi phí hoàn thành cư xá này đều do Đại đức Thích Quang Ngọc góp phần và vợ chồng anh Ba Đại góp công đức .

Nói chung từ năm 1958 đến năm 1963 chương trình kiến thiết Tu Viện gặp nhiều khó khăn nhất là việc lập thủ tục sở hữu ruộng đất chiếm gần trọn 60 mẫu tây nơi đồi Tháp Bạc thuộc ấp Đại Lộc, huyện Tuy Phước (nay còn chừng hơn nửa) song hành với sự ngăn cản, khủng bố, bắt bớ của các cấp chính quyền quận, tỉnh đương thời .

Trong tình trạng khó khăn này, Tu Viện nhờ có sự nhiệt thành giúp đỡ của Chư tăng tín đồ Phật giáo nên đã xây dựng thêm một cư xá dài 30 m, rộng 10 m để làm nơi tu dưỡng cho Tăng sinh và các phòng ốc khác làm nơi nấu nướng, ăn uống, kho tàng . . . đã hoàn thành một cách tốt đẹp vào ngày 4.6 nhuận năm Canh Tí (27.7.1960) .

Nhờ vậy , đầu năm 1961 Tu Viện mở “Phật Học Viện Nguyên Thiều”.

Trưởng ban quản trị là TT. Huyền Quang kiêm chánh Giám viện, Phó ban là Đại đức Bảo An kiêm chức phó Giám viện và khóa tu học đầu tiên đã được khai giảng vào ngày 20.1 năm Tân Sửu (6.3.1961) số tăng sinh theo học là 84 vị, học cả hai chương trình nội điển và ngoại điển .

Cuối năm 1961, một phái đoàn Tổng hội Phật giáo Trung phần do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Viện chủ chùa Thiên tông ở Huế hướng dẫn, tháp tùng Ngài có quý

Thượng tọa Thích Trí Thủ, Thích Thiện Minh . . . đến thăm và bán chính thức công nhận Tu Viện Nguyên Thiều là cơ sở giáo dục của Tổng hội Phật giáo Trung phần và được ủy trách cho Giáo hội PG. Bình định quản trị .

Đến năm 1962, với sự góp sức của chư Thượng tọa, Đại đức và các nhà Đạo tâm, Tu viện quyết định tôn trí một kim thân Phật Tổ lộ thiên tại ngọn đồi trung tâm Tu Viện, nhưng chương trình dở dang vì bị sự đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm. Mãi đến năm 1964 chương trình này mới được tái thiết cùng với ngôi tháp Thánh Tử Đạo để kỷ niệm Bồ tát Quảng Đức và chư vị Thánh Tử Đạo vị pháp thiêu thân để bảo vệ chánh pháp. Nhưng cuối năm 1964 chương trình này mới chỉ được hoàn thành Thích Ca Phật Đài, còn tháp Thánh Tử Đạo thì chưa xây do bởi chiến tranh đã lan đến vùng này .

Cùng năm 1962, Tu Viện đã xây cất thêm một cư xá dài 18 m rộng 10 m để làm nơi tiếp khách và hoàn tất thêm ba cư xá khác, mỗi cư xá dài 8 m rộng 6,5m dùng làm nơi tu dưỡng cho quý Thượng tọa, Đại đức thường trực tại Tu Viện (nằm trong khu Tây phía sau bên tả Phương Trượng).

Để đáp lại nguyện vọng thiết tha của phụ huynh học sinh và nhu cầu kiến thức phổ thông cho Tăng sinh tại Viện, năm 1964 Tu Viện xây cất một cơ sở giáo dục phổ thông mệnh danh là trường ỏ Trung học tư thực Bồ Đề Nguyên Thiều ỏ Cơ sở này gồm 8 phòng học và một văn phòng với đầy đủ tiện nghi cần thiết. Giám đốc trường là Đại đức Thích Đồng Quán, Hiệu trưởng là Đại đức Thích Viên Dung, Giám học là đạo hữu Trần Bùi Thao. Cơ sở này gần như tan tành trong đêm 6 rạng ngày 7.12.1964 do bom đạn chiến tranh .

Cuối năm 1964, khu Tu Viện đặt trong tình trạng bất an, nên phải dời toàn bộ về Tổ Đình Long Khánh Qui Nhơn theo lệnh của Giáo hội tỉnh . Dù vậy, Tu Viện vẫn tiếp tục sứ mạng giáo dục, nên đã cố gắng xây dựng cơ sở giáo dục thứ hai tại Diêu Trì , ấp Vân Hội, gồm 9 phòng học xây dựng kiên cố và một cư xá giáo sư dài 18 m rộng 8 m trên lô đất do đạo hữu Huỳnh Thắng Châu và Huỳnh Thắng Kim hiến cúng. Trường dạy từ lớp 6 đến lớp 12, cả hai bậc trung học khoảng 20 lớp, sĩ số trên ngàn. Đến tháng 4.1975 thì cơ sở này bị chính quyền mới tiếp quản.

Cuối năm 1965 đầu năm 1966, Tu Viện trở lại nếp sinh hoạt bình thường. Đến cuối năm 1966, Tu Viện xây dựng một cơ sở thờ tự gọi là Phương Trượng nằm ở khu Tây, khánh thành vào năm 1967 .

Ngày 17.11 năm Mậu Thân (5.1.1969) nhân ngày Khánh đản Đức Phật A Di Đà, Tu Viện hoàn thành một liên đài Đức Quán Thế Âm Bồ Tát do Phật tử Tâm Thọ kiến tạo .

Mười năm đầu xây dựng Tu Viện Nguyên Thiều, trong hoàn cảnh chiến tranh khói lửa ,nên khó khăn cũng nhiều mà thuận lợi cũng không ít, là nhờ quyết tâm của Ban quản trị luôn luôn tin tưởng vào sự mật hộ thiêng liêng của liệt vị Tổ Sư, của Chủ Long thần Hộ pháp và các bậc cao tăng cùng đạo tâm kiên cố của chư Phật tử .

Sang năm 1969, chánh đại diện miền Liễu Quán là Thượng tọa Giác Tánh (đương chức trụ trì chùa Hưng Long, An Nhơn) được suy cử giữ các chức vụ cố vấn, Giám luật và Giáo thọ trưởng tại Phật học viện Nguyên Thiều.

Trên đà phát triển, đầu năm 1974 Tu Viện mở tiếp một trường miễn phí ở Nghĩa Thục Nguyên Thiều ở gồm 3 lớp sáu, bảy và tám, mỗi lớp trên 60 học sinh, cơ sở

đặt tại khuôn viên Tu Viện, giáo viên trường Bồ Đề Nguyên Thiều qua dạy. Trường này cũng cùng số phận với trường Bồ Đề Nguyên Thiều, đóng cửa vào tháng tư, 1975 và Phật học viện cũng đình giáo, Tăng sinh trở về chùa cũ.

Tại Tu Viện phần đông Sa di và các Chú mới tu chưa thọ giới, đã được gia đình đến xin về để phụ giúp gia đình. Bấy giờ từ dương kim trụ trì xuống đến Sa di còn chừng bảy, tám vị .

Những năm về sau kinh tế khó khăn, cả thầy lẫn trò phải lao động sản xuất kiếm sống mà duy trì Tu Viện .

Mấy năm gần đây, Tu Viện nhờ Phật tử trong và ngoài nước cúng dường, việc y thực không còn bận tâm nữa, mà dồn hết tâm lực vào sự tu học.

Từ năm 1991 đến nay Tu Viện liên tục mở các Hạ khóa cho Chư Tăng trong tỉnh về đây học tập mỗi năm ba tháng vào mùa hè, mỗi khóa tối đa 43 vị, tối thiểu 24; việc ẩm thực do Tu Viện đài thọ. Tu Viện cung thỉnh hai vị Thượng tọa niên cao lập trường là Ngài Bảo An (Viện chủ chùa Phổ Bảo - Tuy Phước) và Ngài Giác Hoa (Viện chủ chùa Hộ Khánh - Tuy Phước) thay phiên làm Thiền chủ. Ngoài ra Tu Viện cũng gửi một số Tăng sinh du học nước ngoài ở Mỹ, Ấn Độ và một số vào Sài Gòn học cao cấp Phật học.

Ban Quản Trị Tu Viện

Thượng tọa Thích Quảng Bửu hiện giữ chức Phó Trụ trì Tu Viện Nguyên Thiều cho biết, bộ máy quản trị Tu Viện là “Ban Quản trị Tu Viện” gồm một Trưởng ban, 1 Phó Trưởng ban, 1 Thư ký và nhiều Ủy viên. Theo nội

quy, thì ban nầy cứ 5 năm bầu lại một lần, nhưng trong thực tế Ban quản trị đầu tiên được bầu từ năm 1958 do Thượng tọa Huyền Quang làm Trưởng ban. Đại đức Bảo An làm Phó ban vẫn được tín nhiệm lưu nhiệm cho tới ngày nay . Ban nầy bầu ra một vị làm Trụ trì Tu Viện . Trụ trì không có nhiệm kỳ , Trụ trì già yếu mà Phật sự đa đoan cần có người phụ tá thì có quyền đề nghị một người làm phó Trụ trì, người nầy nhận chức sau khi được Ban Quản trị chấp thuận .

Đương kim Trụ trì là Thiền sư Thị Công, Pháp tự Đồng Thiện, Pháp hiệu Trí An, đời Pháp 43 kệ phái Minh Hải Pháp Bảo. Thiền sư thế danh Trần Đình Hiếu, sinh năm Nhâm Tuất (1922) tại Huyện An Lão. Đồng ấu xuất gia tại chùa Thanh Sơn- Hoài Ân, do Thiền sư chùa nầy thế độ. Sau cầu pháp Hòa Thượng Như Hòa Tâm Đạt chùa Thiên Bình. Thọ đại giới tại giới đàn Hưng Khánh do Hòa thượng Chí Bảo tái thí giới vào năm 1942. Tu học tại Thiên Bình, Thanh Quang. Năm 1956 học tại Phật học viện Hải Đức Nha Trang. Năm 1958 làm Trụ trì Tu Viện Nguyên Thiều cho đến hôm nay .

THÁI TÁU

@ Phần lớn tài liệu dùng để viết bài nầy trích từ bản thảo
ổ Những ngôi chùa
tiêu biểu trong tỉnh Bình Định ồ do Lộc Xuyên Đăng
Quý Dịch biên soạn .

@ Những câu liễn đối tích đăng trong bài do Lộc Xuyên
Đăng Quý Dịch phiên
âm và chú giải .

NHƯ GIÁC CHIÊM BAO

NGUYỄN THẾ GIÁC

Tôi không thể ngờ, mặc dù chuyện khó tin, nhưng hoàn toàn có thật. Chỉ vì hấn là dân Hà Nội mà tính tình hiền lành, bộc trực và thật thà, đôi khi lì xì, không muốn hơn thua trước nhiều đối tượng, tâm hồn hấn bao giờ vẫn rộng mở, bày biện những đường nét đơn sơ, lắm lúc mộc mạc, tưởng chừng như hòn cuội lăn lóc dưới mọi thời tiết, hấn chấp nhận đến cả dị biệt, nếu phải làm vui lòng cho bất cứ ai, đang theo đuổi và muốn được sáng tỏ một điều gì, dù phiến diện.

Nhớ lại lời người xưa thường hay ví von: Thật thà là cha đứa dại! Suy luận mãi về dụ ngôn ấy, tôi mới thấy hấn bẩm sinh gần giống như kẻ lúc nào cũng ít so đo, không quen cãi vã, cho dù ở một nơi nào chẳng nữa, mỗi khi tranh luận về bất cứ đề tài gì, hấn vẫn tỏ ra dè dặt, để khỏi méch lòng nhau, hấn quan niệm, lắm lúc hiểu lầm, sẽ tạo thành mối bất hoà dai dẳng, có thể đưa tới thù hận từ đời này sang kiếp khác, mà dân Việt của chúng ta bị ảnh hưởng sâu đậm, sau một ngàn năm đô hộ bởi người Trung Hoa.

Trái với lời dương gian phẩm bình, dân Bắc khách sáo và đưa đẩy, bằng mọi cách khéo léo đi dây sao cho êm đẹp. Vẫn biết người ngoài đó, phát ngôn thật rành mạch từ lời ăn đến tiếng nói, qua lối xã giao hết sức tế nhị, bao giờ cũng mềm mỏng, để gây thiện cảm và hòa đồng với tất cả mọi người, cho dù khác biệt về địa lý và nhân sinh quan.

Nếu đem so sánh, phải thành thật mà nói, người Hà Nội xem ra khôn khéo hơn cả ba miền dân tộc, đành rằng

trên một đất nước, mà mỗi miền đều có đôi điểm đặc biệt về lịch sử, cũng như thời gian thăng trầm khác nhau, nên con người chịu ít nhiều chi phối đến mọi trào lưu tiến hóa trong xã hội ấy.

Ngoài Bắc cho đến nay, vẫn còn có một vài vùng con cái gọi đấng sinh thành bằng Thầy U hoặc Cậu Mợ hay Bố Mẹ, rất hiếm thấy xưng hô bằng Ba Má. Có lẽ tiếng Ba Má, mà người sinh ra và lớn lên ở tỉnh thành thường dùng nhất. Cũng dễ hiểu thôi, vì Hà Nội may mắn tiếp nhận nguồn văn minh Tây Phương đầu tiên.

Thời người Pháp đô hộ Việt Nam, dân Tây con gọi cha mẹ là papa ma mắng, trẻ em Việt Nam may mắn học cùng trường nghe vậy, cũng phát âm nhại theo, có lẽ tiếng ba ba má má thoát thai từ thời gian đó.

Tuy không là nhà nghiên cứu về bộ môn Ngôn Ngữ Học, nhưng nghe thanh âm hao... hao... có thể ước đoán và xác nhận ra một phần nào cội nguồn, về xuất xứ của từng ngôn từ địa phương, mà người dân ở vùng đó đang uốn nắn sử dụng.

Hắn cũng không thoát khỏi tập tục từ xa xưa đó, nhưng cách xưng hô khác hơn đôi chút, cả anh chị em trong gia đình, mỗi cuối tuần họp mặt, đều vồn vã tay bắt mặt mừng, gọi cha mẹ bằng Cậu Mợ.

Vừa đến nhà hắn, nhất là nghe cách sử dụng về ngôn từ ấy, đôi khi cảm thấy ngỡ ngàng hết sức, nhưng riết rồi cũng nhấn tai với lối phát âm đặc biệt thường lệ, mới hay ngôn ngữ chẳng qua là một thói quen truyền khẩu, tiềm nhiễm từ ngày này... qua ngày nọ... riết rồi thành nguồn văn học dương gian, từ ấy được phổ thông sâu rộng trong quần chúng trên quê hương đó.

Bạn bè chí thân, biết rõ gia đình hắn theo làn sóng bị nạn năm tư vào Nam, sau một biến cố lịch sử, khi Hiệp

Định Genève chia đôi đất nước thành hai miền Nam Bắc, lấy vĩ tuyến mười bảy làm điểm chuẩn cho hai thể chế chính trị và mối thù giữa chủng tộc không ngừng sinh sôi nảy nở từ đó đến giờ.

Tuy gia đình hần di cư vào Nam đã lâu, nhưng vẫn còn phảng phất chút hào phóng lịch lãm của người thành phố, nơi được nhiều thức giả tiền bối trịnh trọng bằng một danh xưng, nghe ra thật vẻ vang và vô cùng hãnh diện cho người dân bản xứ. Đất Ngàn Năm Văn Vật hần nhiên là dấu ấn Văn Học từ thuở vua Hùng dựng nước và hậu thế cao rao một nền Văn Hiến có mấy ngàn năm cho đến ngày nay!

Nhìn vào lịch sử và địa lý của nước nhà, qua từng chặng biển dâu, hần sâu trên một Quốc Gia có nhiều thắng tích, Việt Nam nằm khiêm nhường dưới bóng râm huyền bí của rừng Trường Sơn mà cụ Trọng Trình bảo rằng: Hoành sơn nhất đáí vạn đại chung thân! Trước mặt đối diện mệnh mông Nam Hải, vùng biển Đông không ngớt dậy sóng, qua biết bao thế hệ ra sức bảo vệ cõi bờ của giòng giống Tiên Rồng.

Thăng Long Thành là tiền thân của Hà Nội ngày nay, đã một thời ngựa xe như nước áo quần như nêm, mà mãi cho đến bây giờ vẫn tự hào là cái nôi của nền Văn Học nước nhà.

Anh chị em hần, nhìn diện mạo tuấn tú, lại còn ăn chơi có vẻ rành rọt, nếu không muốn nói, họ chẳng thua gì những công tử Hà Đông một thuở và cô em duy nhất qua cung cách xử thế thật tế nhị, làm dễ mến cho bất cứ ai, quả thật hiện thân là gái Bắc Ninh, nổi tiếng khôn ngoan và mỹ miều của Hà Nội, nơi tạo ra một đặc thù hiếm có: Ba mươi sáu phố phường và không thiếu danh lam thắng cảnh.

Mấy anh em trai của hắn, tuy ngày đó chưa bóc hết lớp vỏ tị nạn, nhưng cũng mài mòn đế giày trên sàn nhảy, từ những hộp đêm, đến nhiều phòng trà ca nhạc nổi tiếng trong vùng. Cứ để mắt vào những thân hình hùng hực sức sống yêu đương, hằng đêm được ướp ngọt qua làn hơi rượu mạnh, những cung bậc trầm bổng của âm nhạc, đã nhuộm chín cuộc đời trên mái tóc bông bênh, bên những ngọn đèn màu không ngừng quyến rũ, tưởng chừng môi mọc ân cần, nên vẻ mặt đờn ả, đờn ả dày dặn phong trần và khôn ngoan trước tuổi, hầu như trên nhiều khía cạnh.

Cô em gái út đó thật dễ thương, lúc nào cũng tỏ ra nhí nhảnh, hình như thấp sẵn nụ cười trên đôi môi mỏng đỏ tự nhiên, của da thịt trời ban cho người con gái óng ả đường tình, làm tăng thêm phần hấp dẫn mát mắt, dù ai có cái nhìn lạnh lùng và rét run với phái nữ cách mấy!

Sau khi cô gái rượu độc nhất trong gia đình ấy hoàn thành bậc Cử Nhân, vào đời với mảnh bằng tương đối được trọng dụng cho phái yếu thời bấy giờ. Cô ta vui vẻ chung sống với người bạn trai, mới nhìn qua yên chí như đôi vợ chồng trẻ giàu nghị lực, sung mãn của tuổi thanh xuân và mặn nồng ân ái không kém.

Giã từ kiếp con mọt sách, của nghiệp dĩ thư sinh đèn sách tối tăm mày mặt, suốt quãng thời gian dài trên ghế nhà trường, đã mặc nhiên trở thành cô gái yêu đời, qua những mời gọi xác thịt dồn dập, trong nếp sống thừa mứa vật chất, không ngừng kích thích trái tim đầy ước vọng, cứ thế đi lần đến tuổi chín mùi trắng mặt và thơm ngát men yêu. Có lẽ cô cũng dư biết, thể xác của mình trải qua nhiều khác biệt bẩm sinh hơn bao giờ hết, nhưng cũng dần lòng chịu đựng, may ra qua khỏi thời kỳ đổi thay lạ lùng của tạo hóa trở trêu, từ nhân dáng đến tâm hồn con người,

nàng cố định tâm chia sẻ ngọt bùi với người tình mà mình quý mến, vững lòng gầy dựng mái ấm, như tất cả những kẻ yêu nhau và tha thiết đi đến hôn nhân dài lâu.

Tuy chung sống với người bạn trai qua một thời gian không phải là ngắn, cô ta vẫn chưa có tí nhau nào, nhưng ước muốn được làm vợ, đã ung dung dùng lý trí uyển chuyển, xoa dịu bớt cường độ khát khao, để trở thành người đàn bà, như những người đàn bà Đông Phương, cố gắng nhẫn nhục may ra được yên phận với lập luận mười hai bến nước, dù phải chảy về đâu, vẫn biết trong giòng sông có nhiều hấp lực chằng nữa.

Nhưng rồi, dùng một cái với tháng... năm... dài chung đụng, có lẽ thấy cả những đường nét thâm kín trong lòng người đàn ông con trai kia, hao hao giống mình, từ đó những tế bào nam tính lại càng phát triển không ngừng, ngao ngán đến sự tăng trưởng khác thường trong cơ thể, ngày một phát hiện rõ nét hơn, nên nàng lặng lẽ quyết định cho một chuyến đi giòng ruối, dẫu biết ôm cả một trời tâm sự ngổn ngang, đằng sau trái tim vừa trải qua một lần mở cửa tiếp nhận cuộc hôn nhân, như những cặp tình nhân nhiều hứa hẹn khác.

Rồi cứ thế, không biết sóng gió đại dương thế nào, đã làm cho chiếc thuyền tình ấy trôi lênh đênh giữa giòng sông định mệnh khắc khe kia.

Cả hai, mới nhìn qua tưởng chừng họ quyết định đi đến cuối chặng đường tình, nhưng người tính là một chuyện, còn bầm sinh lại là một chuyện khác. Hầu như những người trẻ hôm nay không xem một việc gì là hệ trọng, nên cũng đã thay dạ đổi lòng như chong chóng trước cơn gió đột biến. Họ định nghĩa tình yêu hết sức giản dị và khoa học nữa, một khi không còn yêu nhau, để rồi chuyện nhỏ sào cho con thuyền mang nhiều trắc ẩn rẽ

bến, chấp nhận xuôi theo giòng nước đầy lưu lượng bất hạnh, chẳng cần đến rủi may, không chút nào chần chờ, khi đã cả quyết đến một vấn đề gì, cô ta nghiền ngẫm vài câu thơ tiền chiến để đời và sẵn sàng cho một cuộc hành trình mới:

Anh đi đường anh, tôi đường tôi.

Tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi!

Thế là cô em út của hấn đã bị dị ứng tình yêu tự nhiên của một sinh vật, không may mắn có nhiều tế bào nữ tính sinh sôi nảy nở của lứa tuổi đôi mươi. Đến giờ phút này, trên gương mặt nàng, chẳng thấy một chút may mắn nào ân hận điểm diện trước cảnh chia tay.

Từ đó, mạnh dạn bước vào một khúc quanh mới, cô ta lại còn ung dung sống trên dư luận, nhất là chẳng cần đếm xỉa đến những đôi mắt xoi mói của mọi người, đang chĩa mũi dùi về một hiện tượng, đã từng gây xôn xao trong Cộng Đồng Nhân Loại, mà mình là cái gai làm xốn xang lòng mắt bá tánh không ít.

Là người ăn học trên trung bình, cô ta dư biết cuộc sống buông thả theo thứ tình yêu quá ư khác biệt của thiên nhiên lớn dần trong mình, đành rằng đó là một triệu chứng, mà y học chưa xác định và nghiên cứu phương cách trị liệu, cho không ít kẻ mang tâm bệnh lạnh cảm như nàng.

Chẳng còn phải tranh luận tìm tòi gì nữa, cô ta mang hội chứng đồng tình luyến ái, vì đang chung sống với một người con gái cùng trang lứa, gốc dân Mỹ Tây Cơ, như vợ chồng, trong chung cư sang trọng và kín đáo, ngõ hầu tránh bớt những đôi mắt dòm ngó, có dịp gièm pha về mình, làm bận tâm dù không phải đối chất đi nữa.

Về thiên chức của một người anh trai, trách nhiệm nặng nề đối với cha mẹ và các em chưa thành đôi bạn.

Tuy đã có gia cảnh riêng tư, nhưng mỗi lần nhìn lại đại đơn vị gia đình, làm hấn đau lòng không ít. Chỉ vì Cậu Mợ hấn học hặc nhau suốt quăng đời niên thiếu, rồi cứ thế năm dài tháng, ai cũng rộng ngỡ rằng sẽ phôi phai đi phần nào, đâu ngờ hấn học mãi miết chồng chất thành núi muộn phiền, họ đã quên mất đời mình đang kéo lê trên con dốc chiều oan nghiệt. Cuối cùng, cả hai tưởng chừng khắc khấu, nên chọn kiếp sống cuộn mình trong cô độc một cách bất đắc dĩ. Đây là hậu quả ích kỷ của người lớn, của đạo cha mẹ, ít chịu thứ tha, mà cũng chẳng cần ai tha thứ. Để rồi Cậu Mợ hấn đi đến ngõ hẹp của cuộc đời thiếu vị tha, không còn tương kính nhau, như thuở trang sử tình bất đầu viết lên những giòng đậm nét, mặc dù đã có mấy mặt con trở thành gia thất, cháu chắt Nội Ngoại đùm đê. Thử hỏi, ở tuổi thất thập cổ lai hy, mà mỗi người nhìn nhau là cơ hồ một trời quá khứ lỗi lầm hiện về đay nghiệt, cắn rứt triền miên. Thứ cơm không lành, canh chẳng ngọt bởi lên chỉ làm đau lòng đến con cháu và cha mẹ chúng, chứ ảnh hưởng gì hơn cho cuộc sống của những thân già hiện tại?

Cả hai chẳng chịu nhường nhịn, lúc nào cũng giữ vững lập luận, dù biết mình phải lái về một chiều chẳng nữa, nên gia đạo bao giờ cũng sóng gió triền miên, có mấy khi họ chịu khắc phục, tạo ánh mắt trù mến cho không khí hòa nhã tràn ngập gian phòng. Trái lại mỗi người trang bị một loại vũ khí sắc bén, hễ lúc nào bất chợt đối diện, cũng xem như thù trong giặc ngoài cần phải thanh toán, rồi để thứ tự tôn mặc cảm choài ra hành hạ thể xác. Từ đó, vô hình chung đã nhốt kín hình hài trong bốn bức vách vô tri vô giác kia, làm thành một pháo đài kiên cố, giữ vững những định kiến cứng ngắc của mình để

vuốt ve niềm tự hào trong người đàn bà một thời có thừa nhan sắc.

Cậu hấn, tối ngày lủi thủi như chiếc bóng về chiều, thân người bệnh hoạn, nằm rục rữa trên lầu, gác tay lên trán duyệt qua chặng đời thiếu hạnh phúc. Mẹ hấn đi đi.. lại lại... dưới phòng khách, trong tâm tư ất hấn choáng chập lòng kiêu ngạo, lâu lâu ôm vết mổ tim, hai lần liên tục trong một khoảng thời gian ngắn, ngồi nhẩn mặt như tiếc nuối đời thiếu phụ, không khỏi ân hận một thời con gái đã qua, trên vuông chiếu nhân nghĩa. Ngày lại ngày, cả hai mái tóc điểm hoa sương hời nào không hay, dù biết mình leo đến cuối nấc thang đời, nhưng lưng chừng hạnh phúc trên chặng đường tình, thế mà vẫn chưa chịu tu thân tích đức, cho cháu con thụ hưởng phước lộc ông bà, để mai kia còn làm hành trang dun rủi vào đời.

Thời gian đâu có chịu dừng lại, để cho họ đủ thì giờ sám hối những ly gián đáng tiếc, những trách cứ hàm hồ, làm đổ vỡ cả một lâu đài tình ái, thứ căn bệnh khắc khổ sừng sững từ nội tâm đó, đã giết dần... giết mòn... tâm thức con người, để cuối cùng được gì, chỉ còn lại một thi thể hao gầy theo ngày tháng, bóng tử thần ồm ồm ở đong đưa trước mặt một phé nhân, thế mà họ vẫn mặc nhiên như chẳng hề hay biết.

Cậu hấn không thoát khỏi định luật sinh, lão, bệnh, tử, căn do thứ trầm cảm dai dẳng, giết chết những ngày tháng còn lại trong ký ức thương tổn. Cuối cùng đã ra người thiên cổ sau cơn bạo bệnh và Mẹ hấn sức khỏe cũng chẳng hơn gì, hậu quả hai cuộc giải phẫu tim trọng đại, giờ có khác nào ngọn đèn bập bùng, cố níu kéo chút ánh sáng thừa mứa cuối ngày, mà hoàng hôn lăm le xâm

thực, thế là chỉ chờ lụn bác dầu hao, nghiên ngấm thứ phũ phàng của tro bụi trên cội phù sinh.

Người anh cả của hắn cũng đã từng mím môi, để khỏi bật lên tiếng khóc hối hận, về vấn đề sai trái của mình, nhất là sự lãnh đạm bởi người chồng quá quắt, trước mỗi lần ra đi của ba kẻ phối ngẫu khác nhau, qua nhiều năm chung sống, những bà vợ coi như bất hạnh đó, có lẽ đã không tìm được chút hạnh phúc nào viên mãn, đối với ông chồng bao giờ cũng bỏ mặc vợ nhà, thấy ai có chút nhan sắc mon men theo đuổi, líu lo, sẵn đón, nhất là có tâm bệnh thấy mới nói cũ, híp mắt tận hưởng những lạc thú trên đời, mà quên đi bổn phận làm người đàn ông cột trụ trong gia đình.

Nay ông anh ấy cũng đã lập gia đình với người đàn bà Mỹ, sinh hạ được ba mặt con, chú ngựa hoang đó, khi nhìn lại vó ký của đời mình, không biết sao đã quay đầu, nhíp nhàng từng bước đến bến sông nhả nhục, nhả nhận hơn bao giờ hết, thuần thực trở về chuồng, để được làm hài lòng người chủ mới. Đã thế, lúc nào cũng tỏ ra thán phục, nếu không muốn nói phủ phục bên chân Vệ Nữ Thần, để xin được ban phát một chút tình yêu, dù hiểm họa.

Có lẽ cô nài của xứ Hoa Kỳ đầy bản lãnh chẳng? Hay một nữ lưu cao thủ yên cương trên lưng ngựa hoặc cô ta có lắm ngón nghề hảo hơn nào đó, đã làm chết mê chết mệt thần trí chú ngựa hoang, rồi ra tay khớp cương, bắt phải thuần thực chạy nước kiệu, trong khuôn viên tình trường hạn hẹp?

Hắn còn có hai người em trai, một thằng tướng chừng hiến dâng cả cuộc đời cho cô gái con nhà gia giáo kia, miễn cưỡng sống với nhau còn hơn vợ chồng, trên dưới

mười năm, nhưng cuối cùng rồi cũng chấp nhận bất thiệp, chia tay chẳng có một chút gì lưu luyến.

Nhìn kỹ vào gia phả của họ, quả thật hồn máu phụ tình, bạc nghĩa như luân lưu từ trong tế bào huyết thống của giống nòi, nhấn tâm quặng mớ kỷ niệm vào giòng thời gian chảy xiết, bỏ mặc một hiện tượng trọng đại đó, một mối tình đẹp như mơ đó, âm thầm trôi vào dĩ vãng, để khỏi thấy những lớp sóng quá khứ hần học nhô lên, giữa đại dương của tâm hồn, mà chú Sở Khanh đời nay quất ngựa truy phong mất dạng, sau khi con ong đã tỏ đường đi lối về, đã cướp mất đời con gái của người ta, lại còn nhấn tâm nguy tạo những bất hòa không chính đáng, làm lý do chia tay cho bạn bè thân quen đỡ nguyên rủa, đỡ phỉ bán. Còn cậu em trai út nữa, tiếng là em út trong gia đình, nhưng chú ta tuổi đời xấp xỉ ba mươi, ba lăm gì đó, hiện vẫn còn đời sống độc thân, tối ngày luẩn quẩn với mẹ già, học hành được gọi là thoát nạn mù chữ, ở xứ này sở học khiêm nhường cỡ vậy, dễ gì tìm được việc tốt, nếu không muốn nói là làm cu li, chứ chưa được cơ hội cất đầu lên nhìn thiên hạ, cuộc sống khó đạt được chỉ tiêu của một kẻ sống trong xã hội văn minh, để rồi cùng một ít người tị nạn Việt Nam giơ tay đầu hàng xem như số mệnh. Kết cục, miệng làm hàm nhai, giỏi lắm là nuôi thân chứ khó lòng nuôi ai, thì làm sao có ý tưởng lập gia đình, nhất là ở xứ kim tiền, tình yêu gần như mặc cả hoặc trao đổi bằng hiện vật cân xứng. Tương lai nếu tìm được kẻ nâng khăn sửa ống chằng nữa, thì hai vợ chồng làm trời chết, mới mong thoả mãn nhu cầu cho đời sống không ngừng đổi thay, thăng tiến.

Phần hấn tưởng đâu yên phận phối ngẫu, sinh liên tục hai cô con gái, vợ hấn quyết định chấm dứt sinh sản, chỉ vì tuổi tác đã lớn, nếu theo đuổi lời cha ông, cố tìm cho được

một cậu Ấm nối giòng họ Nguyễn, e hiểm nguy đến tính mạng, mà Y Khoa thường cố vấn cho phái nữ trong vấn đề kế hoạch hóa gia đình và an toàn đến sức khỏe người mẹ, nếu dĩ lỡ phải mang thai muộn màng.

Vấn biết con người giàu tính hiếu kỳ, chuyện ông A Dong ăn trái cấm từ mấy ngàn năm trước, đã thôi thúc lòng ham muốn không ngừng, làm trái tim người lưỡng tuổi lỗi nhịp yêu đương, quên mất trọng trách thiêng liêng trong một gia đình, mà cha mẹ lúc nào cũng dạy dỗ con cái có cuộc sống đạo hạnh.

Người mà tính tình lúc nào cũng đam mê nhục dục, hẳn nhiên có bao giờ chịu khép mình trong thiếu thốn về mặt tâm lý tình cảm. Dù hiểu rằng, hiện tại mình đã đạt tình yêu không đúng chỗ. Để rồi, chứng nào tật nấy, chỉ vì hấn ăn quen, nhịn không quen, từ những động lực đó, giúp cho ý tưởng đa đoan lại tiếp tục đèo bồng, thấp thoáng thứ nhân tình hờ trong khối óc đặc quánh trụy lạc, mới đầu những tưởng chỉ cần lấp đầy khoảng trống đam mê, thỏa mãn cá tính háo sắc trong giờ... phút... nào ấy thôi, nhưng đâu ngờ những cạm bẫy oái oăm giăng mắc, muốn ra khỏi quỹ đạo ấy, chẳng phải dễ dàng, thế là bao thiết tha mời gọi như sức hút của thổi nam châm cực mạnh, không ngừng thôi thúc và lôi kéo tâm hồn hấn về một chân trời tím ngắt.

Thừa lúc vợ nhà làm việc tối tăm mày mặt, mong có một tương lai sáng lạng cho gia đình, con cái ăn học tới nơi tới chốn, để ít ra khỏi ray rứt về bốn phận và trách nhiệm của đạo cha mẹ. Cùng lúc đó, hấn ăn vụng tình yêu, mà còn che mắt gia đình một cách có kỹ thuật, đầy gian xảo và tính toán.

Không thấy được cảnh quần quật, lam lũ với công việc hằng ngày của vợ mình đã chớ, hấn lại tha hồ bơi lội

trong vũng lầy tình yêu bùn nhơ đen đúa. Thay vì tiếp tay cùng vợ trong lúc kinh tế khó khăn, hắn đã bỏ lỡ cơ hội làm chồng, làm cha, lén lút đi mua chuyện mèo chuột, gió trăng.

Với mở tuổi ngày một chồng chất đa đoan, thiết tưởng hắn thừa hiểu liêm sỉ, người đời sẽ không tiếc lời nguyên rủa về hành động đốn mạt của mình, một khi chẳng may để lộ chân tướng háo sắc của người chồng bội ước.

Giờ mới biết con người có ảnh hưởng chút ít giòng máu lãng bạc, khéo mồm khéo miệng như tiêm tâng trong tâm hồn chất chứa thương cảm, đã dùng những lời dịu ngọt như mật rót vào tai cho bất cứ ai, nhất là người mà hắn ta đang chinh phục.

Từ đó, nghệ thuật xử thế của đạo làm chồng, đã đồng lõa để cho tế bào lừa đảo chớm dậy trong lòng thẳng đàn ông yêu cuồng sống vội, có mới nới cũ, thế là hắn đã ngoại tình bằng tư tưởng và âm thầm chia sớt lạc dục với góa phụ ấy qua nhiều năm liền.

Còn cách nào hơn, dĩ nhiên phải cố tâm che đậy người vợ đắm đang, trung thành, chỉ biết chồng con là niềm vui và an ủi tuyệt vời trong cuộc sống mà vật chất đã làm đảo lộn mọi trật tự, chi phối cả lý trí.

Thế mới hay, không gì có thể giấu diếm dưới ánh sáng mặt trời, bộ mặt đểu cáng của hắn đã tố cáo con tim khao khát và hoang phế từ lâu, để rồi trời bất dung gian đảng, một ngày kia vợ hắn từ sở trở về sớm hơn thường lệ, bước vào nhà bất thành linh, bất gặp đôi gian phu dâm phụ, đang giở trò cút bắt trong vườn địa đàng, những mong đóng nốt vở kịch sống đau thương nhất, dưới một gia đình từ lâu tưởng chừng được thánh hóa đời sống qua ánh sáng Phúc Âm.

Tuy rằng, không có sân khấu nào bật đèn xanh, chấp nhận thành phần diễn viên thiếu đạo đức, bất cố liêm sỉ, lại còn xem thường khán thính giả mộ điệu, cho dù những tài tử đó ở vào vị thế nể vì hoặc thượng thặng cách mấy đi nữa, vẫn bị lên án một cách nặng nề!

Chuyện ngoại tình đối với người Á Đông, nhất là Việt Nam ngày trước khó lòng tha thứ, từ ngàn xưa đã để lại những bài học thương tâm, làm cho thiên tình sử đắm nhiều nước mắt, vừa đau thương, vừa thù nghịch, để rồi cũng không còn cách nào hơn, đành phải đi đến chấp nhận hy sinh cho chính bản thân mình, mỗi người bước theo một lý tưởng, một đam mê vẫn không thấy gì hối hận...

Đối với người Việt ly hương, dù ngót một phần tư thế kỷ lưu vong trên đất nước Hoa Kỳ hoặc có kẻ âm thầm gởi thân trên các Quốc Gia Tự Do khác, vẫn nhận thấy chưa trung hòa được vào nền văn hóa đa dạng và phong tục cũng như tập quán của người bản xứ, vẫn xem chuyện sex free như một nghề ngành đáng trách, còn thấy cảnh ông ăn chả, bà ăn nem, là một tội lỗi mà thế gian nguyên rửa và khạt nhổ thậm tệ.

Ăn vụng tình yêu đã chớ, lại còn bỏ cả sở làm, hẹn hò du dương với người đàn bà mà hấn từng đối vợ đến những hai ba năm liền, ấp ủ trong mộng từ bao tháng... ngày... qua...

Cứ thế năm này sang năm nọ, mùi vị tình yêu hành hạ hấn, làn da người tình muộn mơn mớn khêu gợi, lúc nào cũng kéo qua võng mô mà võng mạc của gã đàn ông ố mầu thủy lục, tạo thành những lời mời mọc, không ngừng lôi cuốn người chồng luống tuổi si tình, đi vào con đường chẳng tìm thấy lối ra nào an toàn cả.

Tuy hai kẻ là con chiên ngoan đạo thật đấy, nhưng đã phạm phải mười điều giới răn của Thiên Chúa: Không

bao giờ ham muốn vợ chồng người! Họ hẳn biết đi vào ngõ cụt cuộc đời, nhưng là thứ thiêu thân có nghĩ gì về đời sống phù du, vẫn tiếp tục lao vào ánh đèn đam mê, cho trụy lạc đốt cháy một đời đại gái, sùng ái ân tình quên hẳn phương vị của mình sẵn có.

Chọn kiếp sống lãng bạc, lúc thì tới sở trễ, khi bỏ ra về sớm, đón đưa người tình chưa no ngày tháng, lại chẳng có tí chỉ yêu thương sâu đậm về mặt pháp lý, hậu quả mất việc là điều không thể tránh khỏi. Cuối cùng, hẳn bị lay off vì lý do chênh mảng công việc thường lệ. Đã vậy còn gây phiền phức cho nhân viên điều hành hãng sở không ít!

Vợ hẳn buồn thiếu não, con người hoạt bát và tháo vát trước mọi công việc hằng ngày, từ hãng sở cũng như trong gia đình, nay như một pho tượng chết đứng giữa thế gian đầy dẫy xảo trá, nhưng ắt hẳn thấy rõ một kẻ quỹ quyết, đã đi bên cạnh cuộc đời suốt nhiều năm liền, cô ta không thể ngờ được, chính là người chồng mà mình thương yêu và kính trọng, người mà trên cung Thánh mười tám năm về trước, đã cùng mình lắng nghe lời Cha Chánh Xứ:

... những gì mà Thiên Chúa đã trói buộc thì loài người không được tháo gỡ!

Cha rao giảng khi làm phép hôn phối, của ngày còn son trẻ như văng vẳng đâu đây, ngài mượn lời Chúa thành tâm khuyên hai người đã mang trọng trách thiêng liêng và làm nhiệm vụ mở mang nước Chúa.

Tuy ngày ấy thật mới mẻ, ngõ ngàng nhìn con đường tương lai tuy đầy hoa hồng, nhưng chập chùng thăm thẳm... Hẳn đã chấp nhận là vợ chồng, nên cả hai tuyên xưng trước mặt Thiên Chúa và Quan Viên hai họ, cùng thân bằng quyến thuộc:

... lúc hoạn nạn cũng như lúc lâm nguy sẽ không phụ lòng nhau!

Giờ này, suy đi... nghĩ lại... thật chín chắn, lời Chúa ăn sâu vào tiềm thức, cho nên nàng chẳng muốn lấy đó gây thành động lực, có khả năng tích cực, kích thích làm cuộc sống lứa đôi đi đến chia lìa. Nhưng ngặt một điều, trong tâm tư nàng không những hằn lên vết thương lòng nhức nhối, vẫn còn rướm máu, da thịt đỏ au, qua ngọn roi của kẻ tiếm danh là sở hữu chủ, liên tục quất lên thi thể, người đàn bà bất hạnh ấy, không ai khác hơn, chính là mình!

Ôm trọn một niềm đau chất ngất, khi biết mình bị một con đàn bà manh tâm đập vỡ hạnh phúc gia đình, mượn chút nhan sắc của tuổi thanh xuân còn sót lại, mà mất người yêu, cướp giật một báu vật giữa vòng tay trữu mến.

Chẳng những thế, lại bị chồng mình nhẫn tâm xem thường vợ nhà, coi như đồng loã phản bội, mơ hình bất bóng và tôn thờ một kẻ không danh chánh ngôn thuận, mà lẽ ra mình phải được diễm phúc nuông chiều và e ấp trong trái tim nồng hậu nhiệt thành mới phải.

Vợ hấn khóc không còn nước mắt, đứng đâu tần ngần có khác gì kẻ mất hồn, lắm khi ngồi rũ rượi tưởng chừng vừa trải qua cơn ác mộng, để rồi lúc nào cũng lẩm nhẩm cầu nguyện, phó thác linh hồn và thể xác cho đấng tối cao, đỉnh ninh cái tai họa từ đâu giáng xuống, trên một gia đình có thừa đức tin, rồi cũng sẽ qua đi, như giòng sông âm thầm nhờ con lũ đầy bùn nhơ trôi thẳng ra bể, để sóng biển mặc tình nhào nặn thành hạt cát trên sa mạc hoang vu đốt cháy tình người.

Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng một khi con người rơi vào chốn khổ đau cùng tận, đến lúc nào đó, lại trở nên cứng

rắn như thứ kim loại đã được trui luyện công phu, qua người thợ rèn kinh nghiệm.

Lý trí nàng bấy giờ đã không cho phép những giọt nước mắt thương tâm kia rịn ra từ hai khoé đen bầm, chứng tỏ mắt ngủ nhiều đêm liên tục. Nàng đã cự tuyệt quyết liệt, không cho mang theo một thông điệp tha thứ nào nữa, để làm mềm lòng lý trí.

Trên gương mặt người đàn bà bị tình phụ, trở nên đanh đá hơn bao giờ hết, đôi môi mấp máy, khô khan, hai hàng lông mày xoắn lại, rồi nhô lên như ngọn sóng, trước cơn bão lốc trái mùa vừa vùn vụt phớt qua mặt hồ phẳng lặng.

Chỉ vì hấn chẳng còn chút lý trí thừa mứa, trong lương tâm chất chứa lòng dung nham sôi sục của ngọn núi lửa sắp xuất phát, muốn che đậy cái nham nhở của mình, lại muốn mặt phê phán kẻ đầu ấp tay gối ngót mười mấy năm qua với những lời lẽ của kẻ bội bạc, chỉ biết ngụp lặn trong sũng ái:

...vợ nhà đã quên hẳn tình yêu chẵn gối và không có chút gì gọi là (lãng mạn) romantic của người đàn bà, mà còn hồ hững, đánh mất ngày xanh trong lúc cánh én khao khát gọi đàn, làm thành một mùa Xuân dương thế!

Vẫn biết, một khi tình yêu của con người có tỉ lệ cao hơn tình nghĩa, là ý tưởng xác thịt lớn hơn lòng ham muốn. Từ đó, nó cứ nhờn như bám riết theo cuộc đời, dù linh hồn khôn ngoan cách nào cũng khó lòng đứng vững mà phán đoán được, trước cơn tình dục nghiệt ngã xâm thực ngày một... ngày hai...

Hấn ngất ngây với mùi vị ái tình, đã quên cả nhân nghĩa, chỉ vì không chế ngự được xác thịt rạo rức, nên da diết ôm trọn người đàn bà với tuổi hồi xuân trong vòng mô thềm khát của gã đàn ông trung niên, những mong

thoả mãn nhục dục, nên chẳng còn tự chủ về lý trí, thì khó lòng phẩm bình đến những sai trái của đạo làm người.

Không còn hồ nghi gì nữa, nàng đã bắt gặp những cánh thư tình dày cộm của hai kẻ say đắm vụng trộm, chắc chắn diễn tả nỗi thâm yêu trộm nhớ từ bao năm qua, được ngụ trang kỹ lưỡng, rồi giấu nhem trong ngăn kéo đầy ắp giấy tờ liên quan đến đời sống hằng ngày.

Từ đó, nàng thực sự mới biết trái tim của chồng đã không còn chỗ đứng nào, mà mình được vinh dự và trọng vọng, như thuở đầu hôm sớm mai, cả hai đã vun xới cho vườn hồng có những nụ hồng nụ bầm, mà vợ chồng chưa hơn một lần cãi vã, trên thuận dưới hòa như mặt nước hồ thu, đón nhận từng gợn sóng lăn tăn ôm ấp mạn thuyền.

Nàng tuân tự xếp đặt từng dữ kiện, thu hết mọi can đảm, mở tiếp những phong bì ra... Cái hình ảnh mà nàng không thể ngờ được của ông A Dong và bà E Và, chính là chồng mình và người đàn bà kia, lột xác thành những mình tinh màn bạc, trong một chuyện phim khiêu dâm, loã lồ dưới ống kính thiếu chuẩn bị của người phó nhòm lương thiện, nhìn lối diễn xuất của chồng mình có khác nào chú bướm đa tình cố tận hưởng giọt mật đầu tiên trong ngày với những chiếc hoa mơn mớn vừa hé nhụy, trước cơn heo may kéo nhẹ vừng hồng nhô lên buổi sáng.

Qua những thủ thuật khêu gợi và man rợ đó, đã làm chết điếng con người trung thành của người vợ trọng nghĩa, chung tình, lúc nào cũng làm gương sáng cho con cái, nâng phẩm giá người đàn bà vào ưu thế nề vì, từ gia đình đến xã hội.

Tuy lưng chừng đời, nàng vẫn phản ảnh một nguồn sáng đức độ duy nhất của gia phả về nề nếp đạo hạnh. Nhắm mắt cho khỏi thấy cảnh bẽ bàng, chỉ sợ mũi lòng bật lên tiếng khóc, nàng dùng tất cả mọi thần lực còn sót

lại, qua nắm tay kiên nhẫn, để đi xoa thứ uẩn khúc uất hận, vào khoảng xa nhất của tâm hồn thương phế, những mong xô ngã từ cả đáy lòng, một thần tượng đã ngự trị nhiều năm trong vùng kính mến.

Dù muốn dù không, nàng cũng từng bước... đi dần đến những quyết định táo bạo, để giải quyết cho cuộc sống của đời mình.

Được may mắn trưởng thành trong xã hội văn minh, tôn trọng pháp luật chẳng những là một nhu cầu cần thiết, mà còn tỏ ra người ăn học đến nơi đến chốn, dù gì đi nữa nàng cũng ở vào quỹ đạo ấy! Vả lại, khó tìm ra con đường nào khả dĩ để lựa chọn sao cho ổn thỏa, trước mối tình già nhân nghĩa, nhưng tràn đầy nước mắt đau thương và thù hận, nàng lẩm bẫm từng tiếng khô róc:

Chỉ còn có luật pháp may ra giải quyết được những điều bối rối đã làm cho gia đạo bỗng nhiên dậy sóng.

Vẫn biết con đê pháp luật tuy vô hình, nhưng có một sức mạnh đáng kể, ngăn chặn giòng lũ thù hận, ai cũng e rằng, hễ nó chảy đến đâu sẽ biến thành tội ác đến đó, một khi lòng người không còn chức năng tự chế, thừa lúc cơn ghen nghiệt ngã lên tới cao điểm, xô ngã lý trí vào chân trời mênh mông chỉ toàn ai oán giăng mắc, từ đó oan trái vô tình đưa vào tù tội, không ai cả quyết tránh khỏi.

Thế là vợ hấn đến một văn phòng Luật Sư, nhờ cố vấn pháp luật, ngõ hầu làm sáng tỏ sự việc và xin được cố vấn bằng hành động thiết thực với cuộc sống hiện tại, cho những ngày chắc chắn sóng gió sắp đến.

Luật Sư khởi tố bảo vệ thân chủ của mình, đâm đơn lên tòa, thế là giấy mời được tổng đạt đến đương sự bằng thư bảo đảm.

Vào giờ phút này mà hấn vẫn đinh ninh chẳng có gì quan trọng, đinh ninh rằng sau cơn mưa trời lại sáng, hình

như trong đầu óc đặc sệt, tối đen của hắn cứ xem chuyện trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng, như ngày còn xã hội phong kiến ở Việt Nam. Ngày đó, thời Quân Chủ lúc nào cũng trọng nam khinh nữ, rồi dường như cho phép người đàn ông đơn phương hành xử, mua bán ái tình luông tuông, chơi bời trụy lạc, đã đưa lại nhiều hậu quả hăm hiu đáng tiếc, có cả thiệt thòi, cho những kẻ được mệnh danh là chân yếu tay mềm.

Người đàn bà ngày ấy, chỉ là công cụ cho đàn ông mua vui không hơn không kém, thứ chồng chúa vợ tôi chỉ cho phép kẻ liễu yếu khấp mình thủ phận thiệt thòi, giam hãm hình hài trong chiếc kén Khổng Mạnh, để rồi trở thành một máy đẻ, tiếp tục làm nhiệm vụ gây dựng giống nòi, có khác nào bốn phận tôi đòi của người nô lệ thuở trước, chỉ biết phục vụ mà tuyệt nhiên không được đòi hỏi gì cả. May thay luồng gió cách mạng phụ nữ thổi xuyên qua nửa bán cầu, vào lục địa mệnh môn Châu Á và dạt xuống rẻo đất Đông Dương, người Việt đã thức tỉnh, biết đề cao nhân phẩm nữ giới, diễm phúc hết sức, ngày nay xem ra bình đẳng trên mọi lãnh vực.

Với thủ tục pháp lý đòi hỏi, mà Luật Sư nguyên đơn tổng đạt đến đương sự, hắn mở mắt sau giấc Nam Kha chưa tròn cơn mộng寐, cùng lúc được sự giằn dặt của ông anh trời ơi đất hỡi, những tưởng ba lần lên xe bông của anh ta, là kinh nghiệm chia chác vật chất thâm hậu, là bòn rúc phái yếu đến tận xương tủy... Tuy tìm được ít nhiều hậu thuẫn, nhưng hắn vẫn phải lo đứng lo ngồi, chạy tông chạy tọt thuê mượn một Luật Sư biện hộ, để ít ra bảo vệ quyền lợi tối thiểu, như anh hắn rỉ tai, vẽ đường cho người bất chính thấy được lối rẽ gần nhất, một khi vợ hắn quyết định không tha thứ và chẳng chia chác cho kẻ phụ tình, dù chút gì nhỏ nhoi nào chẳng nữa.

Ông Tòa còn giành một khoảng thời gian giới hạn, để hai người có cơ hội thử thách thủy chung vàng đá, trước khi án lệnh chung thẩm ban hành. Tuy nhiên, cũng đã minh định hẳn hoi, giữa quyền lợi và bổn phận trói buộc bị cáo, do một lỗi lầm mà hấn chủ động gây ra nhiều tất trách, làm tổn thương đến đời sống con cái hoặc những thành viên còn lại trong gia đình.

Vợ hấn cúi đầu giấu hai hàng nước mắt, tiếc nuối những ngày tháng êm đềm trôi qua tâm tưởng, giọt nước mắt xuôi nhanh như giòng sông nhân nghĩa chảy miệt mài giữa đôi bàn tay gân guốt, quá xúc động với cảnh bẽ bàng hiện ra trước mặt, không phải nàng xót thương một dĩ vãng vàng son, sắp vụt khỏi tầm tay hay luyện lưu một người tình phản bội khi tòa án đã phán quyết:

... đương sự phải di chuyển ra khỏi ngôi nhà hiện hữu, tạm thời trả lại chủ quyền cho người vợ. Cuối tuần, tùy ý được về thăm con, nhưng phải điện thoại báo trước. Đến hết thời gian đã ấn định là hai năm sẽ ra tòa chung thẩm.

Phiên tòa chấm dứt, hấn lững thững bước ra khỏi hành lang, gương mặt lạnh như tiền, không ai có thể đọc được trong tâm tư hấn nghĩ gì về hiện tại và tương lai. Dĩ nhiên, hấn đã để lại một trời tang tóc và bắt đầu từ giờ phút này vợ hấn nheo nhóc với ba con, vừa làm mẹ, làm chồng, làm cha như thời chinh chiến Việt Nam đã qua.

NGUYỄN THẾ GIÁC

Ca dao Bình Định

Chợ chiều nhiều khế ế chanh,
Nhiều con gái quá nên anh chàng ràng.
Chàng ràng bắt cả hai tay,
Cá kia sây mắt chim bay về rừng.

“TÔI CÁI TẠO”

HOÀNG TRẦN MỸ HƯƠNG

Đáng lẽ tôi đã viết những điều tôi nghĩ, nhớ về Di đã lâu, gần 15 năm trước, từ lúc tôi bước ra khỏi trại “học tập cải tạo”, đúng ra là trại tù đã hành hạ thân xác của tôi trong gần 13 năm. Khi được tin Di chết, tôi thật ngạc nhiên: Y còn rất trẻ người y khỏe mạnh mà lại chết bệnh lúc y mới, chừng ba mươi, ba hai tuổi. Tôi ngưng ý nghĩ viết chuyện này, vì tôi nghĩ y vừa chết, mình lại viết về y, dĩ nhiên là không có gì tốt đẹp cho y; dù rằng y không bao giờ đọc được bài của tôi. Nhưng thôi, để y yên giấc ngàn thu, cho đến lúc không còn hận thù gì, khi nhớ đến y thì tôi sẽ viết lại như là một chuyện giả tưởng. Dù sao thì trong trăm ngàn cán binh ngoài ấy vào dày xéo quê hương tôi, trong đó có Di. Và Di là một trong những người còn một chút nào đó hiểu được tình người.

Câu chuyện xảy ra vào cuối năm 1987. Mùa đông, trời lạnh và ẩm nhất là ở trại tù dựng ở một thung lũng phía tây tỉnh Thừa Thiên. Lúc bấy giờ tôi đã ở trong cái trại tù này hơn mười hai năm. Không một ai trong chúng tôi còn nghĩ đến một ngày nào đó về với gia đình. Mọi người sống trong tuyệt vọng và lạ lùng thay, đời sống của chúng tôi trở thành không lo âu, không buồn, không vui. Một vài câu chuyện kể cho nhau nghe hay chuyện xảy ra hằng ngày làm cho chúng tôi cười cũng được mà khóc cũng được. Hình như cái cảm xúc của con người dường như tiêu tan đâu rồi. Nhiều lúc tôi nhìn vào đôi mắt của mấy con trâu nằm nhai cỏ dưới mưa mà thấy mình cũng giống như chúng vậy: nét mặt thật không còn cảm xúc, chỉ

biết nhai để có sức mà lao động và ngày lại ngày để không đến đâu cả.

Người ta, họ, cán bộ hay gì đó đã chuyển tôi từ “đội rừng” xuống “đội bếp”, nghĩa là tôi được chuyển công tác hàng ngày đi rừng lấy mây, gỗ thì nay về nhà nuôi, hàng ngày lo cung cấp thực phẩm cho tù. Người khác thì mừng lắm đấy nhưng tôi thì khác. Tôi nghĩ dù sao đi rừng thì đôi lúc mình vẫn còn cảm tưởng là mình được tạm tự do lúc ở trong rừng, còn ở đội nhà bếp thì thật hoàn toàn tù.

Nhờ tôi có biết chút ít về nhạc nên nhiều khi người ta cho tôi nghỉ một vài giờ hay một buổi để tập dượt cho một số tù ca hát trình diễn trong những buổi lễ hay Tết. Dù sao thì những lúc như vậy tôi được ôm cây đàn. Đàn xấu hay tốt không còn là một điều đáng chú ý. Nhưng mà một lúc nào đó, mình được nhận một cảm xúc mà từ lâu lắm mình không hề có, thì thật là sung sướng. Từ lúc tôi được giữ cây đàn ở nhà bếp, tôi cảm thấy bớt cô đơn. Có lúc tôi bấm một vài nốt nhạc xưa rất khẽ, mà dường như những giọt âm thanh ngấm vào cái thân xác khô cằn mà tôi tưởng rằng không thể còn rung cảm. Những âm thanh quen thuộc này đã từng làm cho mình say mê ngây ngất thời trai trẻ. Trong những buổi tập dượt những bài hát đỏ đầy sắt máu, tôi giả bộ như hăng hái hướng dẫn cho các bạn tù, nhưng thực ra tôi cứ để ai hát sao thì hát, không sửa. Ban đêm tôi mang đàn vào chỗ ngủ, trùm kín đầu để bấm một vài nốt nhạc xưa mà tôi yêu thích: nhạc buồn Chopin, chiều tà Schubert hay thư tình Beethoven...

Từ ngày tôi được chuyển về đội bếp thì hình như Di, cán bộ trực trại, thường ghé vào nhà bếp về ban đêm sau khi y đi xem xét qua các đội học tập chính trị, bầu bán công tác hàng ngày. Di đến với trại tù chúng tôi lâu lắm, lúc y, chỉ là lính mới được chuyển qua công an, cho đến

năm 86 y đã được thăng cấp khá cao, thượng sĩ hay thiếu úy gì đó. Di nổi tiếng nghiêm khắc, khó tính và đánh đập tù không nương tay. Trong trại, mọi người tù ghê sợ hai hung thần là Di, trực trại và Thế, cán bộ an ninh. Người trưởng trại có vẻ mộc mạc hơn, vả lại y là người gốc Huế, không sắt máu bằng dân Bắc hay Quảng Bình chuyển vào.

Có lần, một tù nhân đã già, đi ra cổng trại quên cất nón là bị Di chặn lại, không cho đi lao động, ở nhà để “làm việc” với cán bộ trực trại, sau đó nghe nói người tù già bị Di hành hạ suốt cả ngày, từ đó người tù già không bao giờ đội nón nữa dù trời nắng cháy hay mưa lạnh buốt giá, người tù già thà chịu thời tiết hành hạ còn hơn để một thằng bé bằng tuổi con cháu đánh đập chửi rủa.

Mọi người tù chúng tôi đều hiểu Di là một hung thần trong trại cho nên ai cũng chịu dần cơn tức giận để làm bộ tuân thủ nội qui trại hoặc giả vờ lễ phép để khỏi lâm vào cảnh bị hành hạ. Không phải chúng tôi nhu nhược trước kẻ thù, nhưng xin ai đó nên hiểu rằng chúng tôi còn những việc phải làm sau này mà đành phải nhẫn nhục thôi. Cương với kẻ địch lúc ta sa cơ và địch đang nắm trong tay quyền sinh sát thì không có lợi gì, chỉ thiệt thân. Có lúc ta cũng cần nén cái khí khái của một quân nhân để chờ có cơ hội mới ra tay. Tôi nhớ có một anh tù còn trẻ, thấy một người bạn tù bị đánh đập, không nén được giận nói nhỏ: “Có ngon thì tay đôi chớ ỷ quyền mà đánh người thất thế thì hay gì”. Thế rồi cũng có kẻ xấu đi báo cáo với cán bộ và sau đó tên cán bộ an ninh đã gọi anh ấy lên hỏi: “Nghe nói anh giỏi võ lắm, thử xem võ Miền Nam như thế nào? Thế là chúng trói hai tay anh ấy sau lưng và để anh đứng giữa một căn phòng nhỏ, bốn góc là bốn công an trong đội võ thuật bắt đầu “thử sức”, một lúc sau thì anh tù

trẻ kia chỉ còn là một đồng thệ bầy nhầy, hơn một tháng sau mới dậy nổi.

Thỉnh thoảng Di ghé vào bếp, hỏi chúng tôi anh nào có trà, thuốc lá thì lo phục vụ cho y. Một lần vừa ngồi nhâm trà vừa đọc báo Nhân dân, y bỗng hỏi tôi:

- Anh Hoàng, nghe anh biết tiếng Mỹ phải không? Làm cho Mỹ thì phải giỏi chứ?

Tôi lừng khừng:

- “Cán bộ nói thế chứ tôi có làm cho Mỹ hồi nào đâu, nhưng mà có đi huấn luyện thì cũng biết đôi chút.” Di trở giọng vui vẻ:

- Không, tôi muốn hỏi thế vì có lẽ tôi cũng nên học một ít tiếng Mỹ đó thôi.

Thế rồi thỉnh thoảng Di ghé nhà bếp, uống một vài ly trà rồi chìa ra một mảnh giấy nhỏ có đôi chữ Anh, bảo tôi dịch ra tiếng Việt, đại khái chỉ là những chữ thường dùng hàng ngày. Tôi nghĩ Di muốn biết thêm phần nào đời sống của người dân miền Nam cùng với nhiều hàng hóa nhập cảng từ Mỹ.

Một hôm Di xuống nhà bếp vào tối thứ bảy. Đến thời điểm này, người tù thỉnh thoảng được nghỉ ngày chủ nhật để làm kiểm điểm và sinh hoạt thể thao hay tự bồi dưỡng, nấu ăn. Trông vẻ mặt Di tươi cười, tôi đoán chắc ngày mai chủ nhật trại được nghỉ, trừ tổ bếp chúng tôi thì phải luôn luôn làm việc để cung cấp thực phẩm cho tù nhân. Như mọi lần, Hồ, anh chàng cùng tổ bếp với tôi, mang cho Di một ly nước trà đậm. Di ngồi vẻ thoải mái nói chuyện mông lung với Hồ, nào là nghề vẽ của Hồ, đời sống của họa sĩ ở Miền Nam. Một lúc, Di làm như tình cờ hỏi qua tôi:

- Nay anh Hoàng, thế những người làm văn hóa ở Miền Nam trước đây sống ra thế nào?

- Thật tình câu hỏi hơi xa lạ với tôi: Tôi là quân nhân và là cựu giáo chức nên chỉ biết sơ về đời sống của hai giới trên, các giới khác thì tôi chỉ biết qua loa, tôi đáp:

- Tôi ở trong quân đội, chỉ biết sơ sơ thôi, tôi không rõ đời sống của giới văn hóa, văn nghệ sĩ. Di cười, giọng khinh bạc cho rằng chúng tôi kém về mức hiểu biết. Y quay qua chỗ tôi treo cây đàn, lấy móng tay quẹt ngang mấy dây đàn làm như gảy vài âm thanh nho nhỏ, Y cười nói:

- Cái này thì chắc anh rành nhỉ? Tôi áp ứng:

- Vâng, tôi thích chơi đàn lục huyền, Di nói:

- À này, anh nghỉ tay vô đây nói chuyện chơi đã.

Tôi ngưng gọt mấy củ sắn hư để bỏ vô nồi nấu, chùi tay vào quần rồi bước vào ngồi trên cái thùng gỗ nhỏ. Như có ý định từ trước, Di nhìn lên trần nhà, không nhìn tôi hỏi:

- Này, anh ở trong này thì quen với nhạc vàng, nhạc ủy mị phải không?

Tôi biết Di sắp hỏi đến những khía cạnh tuyên truyền nào đây, tôi đáp:

- Tôi thích thì chơi đàn vậy thôi chứ cũng ít để ý lời nhạc lắm, cũng có bài nhạc tôi thuộc cả lời nhưng cũng không nghĩ đến cái ru ngủ, cái ủy mị của bản nhạc.

Di cười:

- Trong Nam thì nhạc vàng, nhạc ủy mị đòi trụ đây đấy. Tôi làm bộ nghiêm:

- Từ ngày được học tập tôi mới hiểu bài nhạc nào là vàng, là đòi trụ, là sai, chứ hồi đó tôi có nghĩ gì đâu. Di giải thích, lên giọng giáo dục:

- Đấy! cái nguy hiểm là ở chỗ đó: các anh hát mà không biết nó là đòi trụ thì mới dễ trở thành hư đốn, đòi trụ.

Tôi thấy khó chịu, xưa nay, từ khi còn làm nghề giáo, tôi chưa hề nghe các hiệu trưởng, thanh tra nói những điều như Di đã nói, ngay cả thời gian ở trong quân đội, có tiếng

là lấy lon đèn người-nghe là người có cấp bậc cao hơn nói gì thì cấp dưới phải tuân lệnh hết. Ấy thế mà tôi cũng chưa hề nghe một phán quyết, một lời nào nặng phần dạy dỗ như Di vừa nói với tôi. Di tiếp:

- Nào, bây giờ anh đã có chút nhận định thì anh hãy hát cho tôi nghe một bản nhạc vàng đòi trụ nhất tôi nghe xem nào. Tôi vỡ sợ sệt:

- Tôi không dám đâu, ở trong trại cải tạo mà còn vi phạm thì nguy.

- Anh biết tôi là ai không? Có tôi đây, tôi bảo anh hát thì không ai làm gì được cả. Tôi thấy mặt Di vênh lên, tôi nghĩ y tự cho là kẻ thắng trận, kẻ có quyền nhất nhì trong trại, người tôi thấy bưng bưng tôi phải làm một cái gì đây, tôi nói:

- Vâng, cán bộ nói vậy thì tôi xin làm theo, Miền Nam thì nhạc vàng rất nhiều, và từ ngày được học tập cho biết nhạc vàng là ru ngủ, đòi trụ thì tôi nhận định một số nhạc là ru ngủ, ủy mị cần phải từ bỏ. Cán bộ có nghe tên nhạc sĩ Phạm Duy không? Di tỏ vẻ hánh diện về sự hiểu biết của mình:

- Biết chứ! Hấn bỏ cách mạng theo nguy, nhạc của hấn toàn là thứ phản động, ru ngủ.

Tôi tiếp: “-Vâng, thế thì tôi nghĩ một trong những bản nhạc đòi trụ nhất, phản động nhất của Phạm Duy là bản nhạc này ...”

Di có vẻ chú ý lắng nghe. Tôi vờ cây đàn ghi ta, thử vài nốt rồi bắt đầu hát: “Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời, à ơi, mẹ hiền ru những câu xa vời, à ơi ru tiếng ru muôn đời, tiếng nước tôi, bốn ngàn năm ròng rã buồn vui ...”

Di đang cầm cây bút bi loay hoay, y đâm mạnh cây bút trên mặt bàn, đứng dậy, mặt hầm hầm bước ra. Tôi lấy

làm lạ, tại sao Di không đánh vào mặt tôi mà chịu hăm hăm bước đi, mọi lần y giận ai là y đấm ngay vào mặt chứ có đâu chịu nuốt giận ra đi như thế. Nhưng tôi vội nghĩ ra rằng biết đâu y sẽ có kế hoạch trừng trị tôi nặng hơn là đánh đập hành hạ thân xác. Tôi chuẩn bị để chịu đựng những gì sẽ đến cho đời tù của tôi. Ít ra thì tôi cũng đã đánh được một cú vào Di vào lòng tự cao của y và những điều mà họ đã cố nhồi sọ cải tạo tôi.

Hơn một tuần Di không bước chân xuống nhà bếp. Từ đầu, tuy tôi chuẩn bị chịu đựng hình phạt của Di, trong bụng cũng có lo, nhưng mấy ngày sau tôi nghĩ là có lo cũng chẳng đến đâu, từ cái nhà tù đọa đày này đến cái chết thì cũng chỉ cách nhau đôi chút. Chừng một tuần sau nữa, Di đi vào nhà bếp cũng vào lúc toàn trại đã tắt đèn ngủ theo tiếng keng của trại. Chúng tôi vẫn làm việc cho đến khuya, khi mà các nồi khoai, sắn đã chín để chia cho các đội nhận vào sáng hôm sau.

Di bước vào phòng chúng tôi như mọi lần, y vẫn ngồi ở cái ghế độc nhất kê bên cái bàn nhỏ làm bằng tre. Tôi gật đầu chào Di mà vẫn làm việc. Hồ rót cho y ly nước trà nóng. Di vẫn ngồi yên có vẻ như suy nghĩ điều gì. Tôi hơi hồi hộp nhưng tôi tự nhủ là đã quyết hát bài tình ca để chửi Di thì phải chấp nhận bất cứ gì xảy ra. Hơn mười phút sau, Di bảo Hồ gọi tôi vào và bảo Hồ đi ra ngoài. Tôi thản nhiên bước vào không nói năng, không chào Di. Y nhìn vào tôi thật lâu, bỗng mắt Di dịu lại rồi y quay mặt ra phía cổng và nói:

- Anh Hoàng, anh mắng tôi thế là quá lắm đấy, thôi tôi sẽ còn nói chuyện với anh sau.

Di bước vội ra, tôi lắng nghe hình như có tiếng thở dài, một cảm xúc là lạ đến với tôi: tôi đã thắng, tôi chửi vào mặt Di, vào cái ngu dốt của cái gọi là cách mạng-giải

phóng, thế mà Di không trừng trị tôi. Cái nhìn có vẻ chịu thua của Di làm tôi thấy chạnh lòng. Đêm đó tôi thao thức hoài, không ngủ, tôi nghĩ đến các văn nghệ sĩ Miền Nam bị họ cho đi tù vì gán cho cái tội làm văn hóa ru ngủ, đồi trụy, chỉ vì các nhà văn hóa này đã không ca tụng máu lửa và thù hận thôi.

Mấy ngày sau Di lại xuống nhà bếp, y vẫn ngồi chỗ cũ, mặt y có vẻ vui hơn. Tôi vờ không thấy Di mà vẫn tiếp tục đun củi vào cái bếp đun một chảo sắn lớn. Di gọi:

Anh Hoàng, nghỉ tay vào đây chút đã.

Theo giọng nói, tôi nghĩ Di muốn hỏi tôi thêm điều gì nữa. Quả thật sau một hồi nói chuyện Di không hề đề cập đến chuyện tình ca hai tuần trước, y hỏi tôi về truyện, sách giải trí. Khi nói về truyện kiếm hiệp, tôi nói:

- Trước đây tôi có tật xấu hay đọc truyện kiếm hiệp. Di nói:

- Ô, truyện kiếm hiệp thì tôi cũng có đọc, chỉ là chuyện xưa hoang đường giả tưởng thôi.

Lần này tôi không còn muốn “đánh” Di nữa, nhưng tôi muốn mở mắt cho Di về văn hóa Miền Nam, nó khác với văn hóa Miền Bắc, hay là cái gọi là văn hóa cách mạng. Tôi khơi sự tò mò của Di: - Cán bộ đọc nhiều nhưng tôi nghĩ là không nên đọc loại truyện dịch của Kim Dung:

- Tại sao? Di vội hỏi. Tôi làm ra vẻ thật thà:

- Ngày trước tôi đọc mà không thấy cái ý chính trị trong các bộ truyện đó, nhưng bây giờ học tập rồi tôi mới rõ là người ta dùng truyện xưa để đả kích những nhân vật lớn ngày nay. Di vội chặn lại:

- Nay, tôi bảo anh bỏ cái câu “Học tập rồi mới rõ” đi nhé! Tôi vờ sợ sệt:

- Vâng ban đầu tôi thích đọc bộ “Tiểu ngạo giang hồ” lắm, nhưng sau này mới biết bộ truyện này có mục đích đả kích lãnh tụ cách mạng Trung Quốc đấy.

Di hỏi:

- Thế làm sao kiếm ra bộ truyện này?

- Ngày trước các tiệm cho thuê truyện đều có bộ này, nhưng bây giờ chắc họ sợ mà đốt cả rồi, cán bộ thử tìm xem.

Gần mười ngày sau không thấy Di ở trại, hình như y đi phép, sau này tôi mới hay là Di đã kiếm thuê được bộ “Tiểu ngạo giang hồ” và y không đi Quảng Bình mà nằm nhà một người bà con để đọc trọn bộ sách dày mười mấy cuốn này.

Năm sau tôi được trở về nhà. Di có đến gặp tôi và nói rằng y đã đọc bộ truyện kiếm hiệp tôi chỉ và đã hiểu như ý tôi muốn, cũng như Di đã nhờ một anh tù hát trọn bài Tình ca của Phạm Duy cho y nghe tất cả ba lần. Di đùa:

- Giá như tôi là người có quyền giữ các anh để cải tạo tư tưởng thì chắc là các anh không bao giờ được về, vì mười ba năm qua không có ai cải tạo được các anh, được anh cả. Tôi hiểu các anh có cái lý của các anh. Tôi mong anh, các anh cố giữ mình để đừng bị ghép tội nữa thôi. Chắc anh hiểu tôi.

Tôi sung sướng quá, mười ba năm họ không cải tạo nổi tôi và các bạn tù của tôi, mà chỉ mấy phút ngắn ngủi tôi đã cải tạo được Di.

Lúc tôi đã ra khỏi nước làm người tỵ nạn lưu vong hơn một năm. Lúc tôi nghe Di đã chết vì bệnh gì đó, tôi đã nghĩ thầm cầu mong trước khi chết Di được nghe câu hát: “Tôi yêu tiếng nước tôi, tôi yêu đất nước tôi ...”

HOÀNG TRẦN MỸ HƯƠNG

NỒI CHÈ Ỡ NĂM NÀO

QUẾ LAN

Hôm nay tiết trời thật lạnh như còn tiếc nuối một chút gì của cơn bão vừa qua còn rơi rớt lại. Thời tiết ở đây thay đổi quá ư đột ngột. Tôi khoát vội chiếc áo ấm vào người và bước ra sau hiên nhà, thơ thẩn bước đi, mặc cho gió rét bùa vây. Ô hay! Sao hôm nay tôi lại lẩn thẩn thế? Nhìn bầu trời mà lòng chợt thấy nao nao.....Nguyên nhân? Tôi cũng không hiểu tại sao? Định tâm lại, tôi mới chợt biết rằng hôm nay là ngày hết năm rồi. Tôi đã ngửi thấy mùi gió Tết, se se lạnh như Tết ở quê nhà.

Thời gian qua mau quá. Mới ngày nào còn là cô bé út (út gái thôi mà) mười một mười hai tuổi, thế mà bây giờ đã ngũ tuần rồi. Chóng thật! Đúng là “Đời người là bóng câu qua cửa sổ”. Ồ hén! Lại sắp đến HĂM BA tháng Chạp rồi, tiễn đưa Ông Táo về trời.

Đang nghĩ đến ngày đưa Ông Táo, tôi bật cười ngon lành, và nhớ ngay đến câu chuyện tức cười mấy mươi năm về trước. Mỗi lần đến ngày 23 tháng Chạp là tôi nhớ đến chuyện buồn cười đó.....hì hì...

Năm ấy, vào khoảng gần cuối năm Sáu Tư(1964), gần đến Tết Âm lịch. Má tôi phải đi rước chị cả tôi đang trị bệnh ở nhà thương Đồn Đất (Grall) tại Sài Gòn để về quê nhà ăn tết. Lúc đó, ở nhà chỉ còn lại tôi, bà chị kế tôi, ông anh và các em trai khác. Bà chị kế tôi thì dĩ nhiên là phải phụ trách chuyện bếp núc. Riêng tôi thì được “miễn dịch”, bởi vì vào tuổi ấy tôi còn “lưng chừng đời” không lớn không nhỏ, và lại nghề nấu nướng của tôi rất ư là “hạch”.

Theo lệ của nhà ba má tôi, mỗi lần đưa Ông Táo, ngoài các món kẹo bánh, thèo lèo....., má tôi còn nấu một nồi chè Ỡ để cúng. Năm đó không hiểu sao tôi lại “mát dây” trở tài nấu chè Ỡ để cúng Ông Táo. Mà “chèng ơi”, tôi có hề nấu bao giờ, và nấu làm sao đâu?...Lại tự ái vặt, cũng không thèm hỏi bà chị cách nấu, tôi cứ việc âm thầm đi chợ mua vật dụng, bột, đường, vanise v.v....Đủ rồi!, bắt đầu làm.

Lúc ấy, tôi cũng hơi run... Sự thực, thì chè ý là món chè rất dễ nấu, tại tôi lúc nhỏ ý lại vào các bà chị và má tôi nên có chịu học hỏi nấu nướng gì đâu!(tôi đáng đánh đòn phải không?). Tôi trộn bột, nấu nước đường gừng v.v...Sau đó cũng hoàn thành món chè ý. (A ha! mũi tôi hình to lên đó quý vị, mặc dầu mũi tôi đã to rồi.)

Đến buổi cơm chiều xong, cả nhà sửa soạn thưởng thức món chè ý do tôi tự “sáng tác”. Miệng tôi lúc đó đang mỉm cười chuẩn bị lời reo vang đắc thắng, thì bỗng nghe tiếng hét ồm ồm của ông anh tôi:” Chèng đét ơi!, Quê Lan!, Em nấu món gì mà lạ lùng và kỳ cục thế này?”, rồi cả nhà bò lăn ra cười, cười đến đau cả bụng, thắt cả ruột vì món chè của tôi. Lúc đó tôi ngạc nhiên không biết vì sao, cứ đứng trơ ra, nửa bàng hoàng nửa xấu hổ. Ôi! Cả công trình, mất cả buổi trưa của tôi, đã được đền bù bằng một trận cười của gia đình tôi như thế.

Sau đó mới vỡ lẽ ra là chè tôi nấu phải là nhất Việt Nam, nhì thế giới, quý bạn ạ!. Khâm phục và bái phục, có một không hai. Bởi vì những viên chè ý của tôi nếu đem ném chó, chó phải vỡ đầu. Quý bạn có thể tưởng tượng tôi vùng khờ đến thế nào không?. Thay vì mua bột nếp, tôi lại mua bột gạo. Thay vì luộc viên bột sống trước khi nấu lại với nồi nước đường gừng và vanise, tôi lại “chơi trội” cho luôn viên bột sống ngay vào nồi nước đường gừng nên mới ra nông nổi như vậy. Biết ra nguyên nhân, tôi xấu hổ quá.

Tuy rằng bây giờ, anh chị em chúng tôi, con cháu đầy đàn, nhưng cứ mỗi khi đến ngày cúng đưa Ông Táo, nhắc lại chuyện xưa, thường gheo tôi bảo nấu chè ý cúng Ông Táo.

Bây giờ, ba má tôi đều đã qua đời. Tôi không còn dịp để nấu lại món chè ý năm nào(sẽ ngon hơn) để kính dâng lên ba má. Thôi thì, với dòng chữ này, câu chuyện chè ý này là những nén nhang “Con xin kính dâng lên Ba Má để nhớ ơn sinh thành chúng con. Kính dâng song thân những lời hối hận, những lỗi lầm mà vô tình mà các con phạm phải lúc xưa”

QUẾ LAN

TẢN MẠN VỚI TỔ QUỐC ĂN NĂN CỦA ÔNG NGUYỄN GIA KIỂNG

LÊ PHƯỚC AN

Xưa, có người không biết làm cách nào để tên tuổi mình được lưu truyền hậu thế. Hấn ta bèn quyết tâm đi đốt một di tích lịch sử là một ngôi đền cổ. Kể ấy tin rằng người đời sau, mỗi khi đề cập đến ngôi đền, tất sẽ nhắc đến tên tuổi mình. Nguyễn Gia Kiểng khi viết Tổ Quốc Ăn Năn (TQĂN), có lẽ ông cũng mang tâm lý như kẻ đốt đền. Tiếc thay, sự tác hại của một tác phẩm văn hóa thì to lớn hơn sự thiệt hại của một ngôi đền rất nhiều. Phải chăng vì vậy mà từ khi ông Kiểng tự phát hành tác phẩm nói trên vào tháng 3, năm 2001, nhiều độc giả đã liên tục lên tiếng về quyển sách này. Có vị phê bình thẳng thắn. Có người lại diễu cợt, bông đùa. Có kẻ chê tác giả thậm tệ, có người chỉ mỉa mai nhẹ nhàng. Tự trung, sau khi đọc những bài nhận định đó, chúng tôi vẫn như còn dây dưa một chút băng khuôn, ảm ức. Niềm suy tư như đã truyền từ những tác giả các bài nhận định sang người đọc rằng: Tại sao Nguyễn Gia Kiểng bỏ ra nhiều năm để viết một tác phẩm như vậy?

Riêng chúng tôi, sau khi bày tỏ một đôi ý kiến thô thiển trong bài viết nhan đề LỊCH SỬ NGÂM NGƯỜI (Đặc San Hội AHTS / BD Xuân Nhâm Ngọ và Nhật Báo Người Việt ngày 6 và 7 tháng 3, năm 2002) vẫn còn lớn vớn trong đầu rất nhiều thắc mắc.

Trước hết, chúng tôi thẫn nhủ tại sao ông Kiểng viết như vậy? Viết vậy để làm gì? Có ai xúi ông viết thế, viết

thế rồi ra có lợi cho ai? ..." Những thắc mắc ấy cứ âm ỉ mãi, khiến chúng tôi phải đọc lại TQĂN, thử tìm các mục đích của tác giả ở đâu hoặc những ẩn dụ trong tác phẩm là gì?

Tác phẩm in thành sách của ông Kiểng không nhiều. Có lẽ TQĂN là tác phẩm đầu tay của ông. Từ nhiều năm qua, những bài viết của ông, hầu hết được đăng tải trên Nguyệt San THÔNG LUẬN, xuất bản ở Paris, Pháp. Trên báo, Nguyễn Gia Kiểng viết nhiều đề tài, phần lớn là những bài nhận định về lịch sử, xã hội hoặc phê bình về thời sự, chính trị liên quan đến Việt Nam. Một số những bài viết ấy đã được tác giả chọn lọc, sửa chữa để góp thành các chương, mục trong TQĂN. Ông viết bao biện như vậy mà trong TQĂN, ông đã chối hết. Ông Kiểng chối rằng ông không phải là nhà sử học, cũng không phải là nhà dân tộc học (trang 124). Ông chỉ hãnh diện tự nhận mình là nhà "hoạt động chính trị" mà thôi (trang 155)

Vậy, về chính trị Nguyễn Gia Kiểng đã "hoạt động" những gì?

Ông Kiểng không lập đảng, không lập mặt trận. Ông không có lực lượng quân sự hỗ trợ, cũng không có đoàn thể quần chúng hậu thuẫn. Trơ trọi một mình (có chăng chỉ gồm năm, ba thân hữu), ngoài công việc mưu sinh bằng nghề kỹ sư điện, ông Kiểng viết bài bày tỏ ý kiến, lập trường của mình về chính trị trên tờ Thông - Luận. Như thế, gọi ông là nhà "hoạt động" chính trị e không sát nghĩa bằng gọi ông là "lý thuyết gia" chính trị. Nguyễn Gia Kiểng từng đưa ra lý thuyết "Hòa giải, Hòa hợp dân tộc". Tiếc thay, lý thuyết trên không gây được tiếng vang nào. Đồng bào trong và ngoài nước đều tỏ ra hồ hững với lý thuyết của ông. Đâm ra câu tiết, ông Kiểng đổ tội rằng tại người Việt không yêu nước nên mới chống đối lý

thuyết của ông. Nguyên văn ông viết “một bằng cứ khác chứng tỏ người Việt không yêu nước lắm là có một số đồng văn chống lại tinh thần hòa giải dân tộc”. (trang 69). Thất bại trong việc lập thuyết chính trị, thua keo này bày keo khác, ông viết TQĂN dày 600 trang để “xét lại” hết mọi thứ từ thượng cổ đến hiện tại về mọi phương diện của dân tộc Việt Nam: Tập quán, Văn hóa, học thuật, xã hội, lịch sử, địa lý, chính trị v.v.... Ông muốn lên mặt một nhà tư tưởng! Để thể hiện một hệ tư tưởng mới, tất phải phế bỏ cái hệ cũ. Điều này giải thích lý do tại sao tác giả TQĂN đã ra tay “đập phá” lung tung như vậy. Sau khi đã dùng hết những từ ngữ rất nặng nề, không một chút khoan nhượng với một bút pháp rất lém lỉnh và một văn phong rất kiêu căng để chê bai, miệt thị, đả phá, vu cáo, chửi bới, trách móc từ cội nguời tổ tiên của dân tộc đến những việc nhỏ nhặt, những thói quen thô lậu của dân quê (như việc chửi tục chẳng hạn), tác giả cuối cùng không đưa ra một cái gì mới. Thí dụ như một chủ thuyết (doctrines) hay ít nhất là một hướng dẫn (quidances) có tính cách xây dựng cụ thể. Ông chỉ kết luận một cách vu vơ lơ lửng, kiểu “Gởi vào giấc mộng, nhả ra cuộc đời”! (chương chót, trang 587).

Ông không nêu cái phần xây dựng để thay thế những gì ông cực lực đả phá nên người đọc không hiểu rõ cái mục đích chính của tác giả ở chỗ nào. Tác giả không tuyên xưng thì người đọc phải đi tìm. Bằng vào những gì ông chê bai, miệt thị, bào chữa hay bình vực, chúng tôi cũng có thể thấy cái dụng ý của tác giả ở đâu.

Mặc dầu tác giả đã chia TQĂN ra 5 phần với 78 tiểu mục trông rất minh bạch. Đọc vào chi tiết, chúng tôi thấy tác giả lập đi lập lại, móc ngoặc quàng xiên nhiều lắm. Nhưng chính ở những phần tác giả nhắc đi, nhắc lại ấy,

chúng ta mới thấy cái dụng ý cố tình của tác giả. Đó chính là phần quan trọng vậy.

Dĩ nhiên những phần lẻ tẻ, lan mạn khác không phải là không quan trọng về mặt luận chứng, nhưng để bớt rườm rà, chúng tôi cho rằng tác giả TQĂN đã lưu tâm đến 2 điều quan trọng:

- **Trọng điểm thứ nhất:** Nguyễn Gia Kiểng chủ tâm triết hạ Khổng Tử và hệ tư tưởng Nho Giáo. Phần này, theo chúng tôi, gồm 11 tiểu mục chiếm 95 trang sách. (Đoạn này nằm gọn trong phần III có nhan đề “Vĩ đâu nên nổi” từ trang 269 đến trang 326).

- **Trọng điểm thứ nhì:** Tác giả TQĂN phê phán lịch sử Việt Nam qua những vua chúa, danh nhân anh hùng; điển hình là Quang Trung Nguyễn Huệ cùng với những cuộc kháng chiến chống quân xâm lược phương Bắc. Đoạn này dài và tác giả sắp đặt khá lộn xộn, gồm trọn Phần II có nhan đề “Đoạn đường đã qua” cộng thêm một tiểu mục thuộc phần I có nhan đề “Anh hùng nước Nam” (trang 95) và 5 tiểu mục ở đoạn đầu phần III (từ trang 241 đến 268). Tất cả là 163 trang sách.

Sở dĩ phải phân rõ như vậy là để sau đây, nếu chúng tôi có trích dẫn những gì tác giả TQĂN viết, chúng tôi không bị chê trách là đã cắt xén ác ý, làm sai lạc mạch văn (context) của tác giả. Ai nghi ngờ, cứ việc đọc lại đoạn đã dẫn.

Trở về trọng điểm thứ nhất, trước khi “đập” Nho Giáo, Ông Kiểng chĩa mũi dùi vào cá nhân Khổng Khâu. Ông viết: “Nghề chính của Khổng Tử là nghề thầy cúng” (trang 272).

Khổng Tử tên thật Khổng Khâu, hiệu Trọng Ni, người nước Lỗ, sinh năm 551, mất năm 479 trước Tây Lịch, hưởng thọ 72 tuổi. Từ gần 2500 năm qua, ai cũng biết Đức

“Vạn thế sư biểu” chỉ sống về nghề dạy học trò. Thân phụ Khổng Khâu là Thúc Lương Ngột, Ấp tế (tương tự như quan Huyện) ấp Trâu. Thân mẫu là bà Nhan Trưng Tại nhà rất giàu có. Khổng Tử là con trai duy nhất (không kể người anh khác mẹ là Mạnh bị tàn tật), nên thiếu thời Khổng Khâu chỉ lo ăn học, không bận sinh kế. Ngoài 20 tuổi, Khổng Tử làm gia thần nhà ông Mạnh Hy trông coi việc thu lúa của tá điền. Độ hơn một năm, không thích hợp, Khổng Tử xin thôi việc, sang nước Tấn học nhạc với Sử Tương Tử một thời gian. Năm ông 29 tuổi, một trận động đất làm nhà ông bị sập vách. Khổng Tử và người bạn (nhỏ hơn ông 9 tuổi là Nhan – Lộ trong lúc sửa nhà, hai người bàn nhau nơi rộng nhà thêm để Khổng Tử mở trường dạy học. Người học trò đầu tiên chính là Nhan Lộ, tiếp theo là cha con Tăng Điểm, Tăng Sâm. Tổng cộng trước sau học trò Đức Khổng có hơn 3000 người, trong số đó, hiển đạt để tiếng về sau có 72 người mà ta thường gọi là Thất thập nhị hiền.

Ngày xưa, học trò mang cơm gạo đến ở luôn tại nhà thầy. Ngoài giờ học, học trò phải làm mọi việc cho nhà thầy: Làm ruộng, xây nhà, trồng cây, nuôi gia súc, gia cầm cho nhà thầy. Mỗi tháng, học trò còn phải trả công cho thầy bằng một miếng thịt heo muối.

Từ đó cho đến cuối đời, Không phu tử chỉ sống bằng nghề dạy học. Ngay cả trong thời gian hơn 5 năm làm quan trong triều Lỗ, Khổng Tử vẫn sống bằng nghề dạy học. Suốt 11 năm lưu lạc qua nhiều nước chung quanh, Khổng Tử làm nghề thầy cúng để nuôi thân?

Ông Kiểng viết ở trang 273: “Mãi tới năm 51 tuổi, Khổng Tử mới được bổ nhiệm vào chức Trung đô Tế và sau đó thăng dần tới chức Tướng Quốc, chức vụ đứng đầu các quan”. Sai! Khổng Tử chưa bao giờ làm Tướng Quốc

(tựa như chức Thủ Tướng ngày nay) của nước Lỗ. Trong thời gian tham chính, chức vụ cao nhất mà Khổng Tử có được là Đại Tư Khấu, chức quan văn nhỏ, dưới quyền Tướng Quốc rất xa. Có lẽ ông Kiểng nhầm lẫn cái chức Nhiếp Tướng sự mà Khổng Tử nhận lãnh trong gần 3 tháng là Tướng Quốc chăng? Khi Tề vương sai sứ sang mời Lỗ vương hội thề ở Hiệp Cốc nơi chân núi Thái Sơn, trưởng đoàn nước Tề là Tướng Quốc Án Anh. Triều đình Lỗ làm việc phó hội Quan Tướng Quốc của Lỗ là Quý Tôn Ý Như (Sử gọi là Quý Bình Tử – Bình là tên thụy) đã lớn tuổi, dáng người lùn, mập không có tài ăn nói, tự thấy không tương xứng với Án Anh Nhiếp Tề nên triều đình Lỗ cử Khổng Khâu tạm nhận chức Nhiếp Tướng Sự, thay Quý Bình Tử lãnh đạo phái đoàn phó hội Hiệp Cốc mà thôi. Hội thề xong, chức Nhiếp Tướng Sự không còn. Tướng Quốc nước Lỗ, trước sau vẫn là Quý Bình Tử, uy quyền trùm khắp. Lỗ Chiêu Công rất nể sợ Quý Bình Tử nhưng tai họa vẫn không tránh được. Quý Tướng Quốc gây cuộc binh biến, đuổi Lỗ Chiêu Công qua Tề ty nạn rồi lập em của Lỗ Chiêu Công là công tử Tống lên làm vua tức Lỗ Định Công.

Nguyễn Gia Kiểng viết tiếp: “Nhưng chỉ một năm sau khi nhận chức Tướng Quốc, ông (tức Khổng Tử) từ chức vì một lý do rất nhỏ mọn: Vua nước Lỗ đã không chia phần thịt cho ông trong buổi lễ Tế Giao”. (trang 273 – Tác giả còn lặp lại ở trang 282 một lần nữa).

Trời đất! Sao ông Kiểng bịa chuyện ác thế? Do bất đồng chính kiến với Tướng Quốc Quý Bình Tử. Khổng Tử biết rằng nếu cứ giữ chức Đại Tư Khấu cũng chẳng làm được gì ích quốc lợi dân mà sự va chạm với quan Tướng quốc còn lãnh nhiều tai vạ. Hơn nữa, trong cuộc binh biến đuổi Lỗ Chiêu Công qua Tề, một học trò của Khổng Tử là

Trọng Do (hiệu là Tử Lộ) đã góp gia binh chặn đánh Dương Hổ là tướng của Quý Bình Tử để mong cứu Lỗ Chiêu Công. Trọng Do bị thua, bỏ chạy. Trò làm vậy, lẽ nào khỏi vạ đến thầy? Nhân lễ Tế Giáo, Triều đình cho mời quan lại lớn nhỏ tham dự, riêng quan Đại Tư Khấu thì không. Dấu hiệu đó cho Khổng Tử biết chính ngài đã trở thành đối thủ của quan tướng quốc nên gấp từ chức để tránh hậu hoạn. Không những bỏ chức Đại Tư Khấu mà Khổng Tử còn bỏ lại vợ con ở Cốc Thành, dẫn đoàn học trò hơn 30 người, lưu lạc lân bang đến những mười một năm, nghe tin vợ mất cũng không về được. Chuyện như vậy, tại sao Nguyễn Gia Kiểng lại vo tròn bóp méo để trở thành chỉ vì một miếng thịt lợn? Thiển nghĩ dừng ở đây, độc giả cũng đã nhận rõ cái bút pháp thiếu lương thiện của ông Nguyễn Gia Kiểng rồi.

Nho Giáo, theo hiểu biết nông cạn của chúng tôi, không phải chỉ một mình Khổng Tử lập ra. Ông chỉ là người tiên phong. Phần trước tác của Ông cũng không nhiều. Ông đang viết dở dang kinh Xuân thu thì ông mất. Kinh Nhạc thì sau khi ông mất cũng đã thất lạc gần hết. Phần đóng góp của những người kế thừa rất lớn.

Tăng tử viết đại học, Khổng Cấp (cháu nội Khổng Tử) viết Trung dung. Nhất là Luận ngữ do một số môn đệ của Tăng Tử ghi chép những tư tưởng của Khổng Tử. Đặc biệt có Mạnh Tử (sách do các môn đệ của Mạnh Tử ghi chép về học thuyết của thầy). Mạnh Tử đã khai triển đời sau mới góp chung thành một pho tử tưởng gọi là “Tứ Thư Ngũ Kinh” và Đạo Nho còn được gọi là đạo “Khổng Mạnh”.

Xét một cách tổng lược, Tứ Thư Ngũ Kinh chỉ chú trọng giải thích những quan hệ về mặt nhân sinh: giải

thích những quan, dân thứ) và trong gia đình (như tổ tiên, ông bà, cha mẹ, vợ chồng, anh em ...)

Trong thời Xuân Thu hỗn loạn, Khổng Tử và những vị kế thừa chỉ muốn sắp đặt xã hội cho có trật tự để người dân được một cuộc sống an bình. Vua cho ra vua. Vua có quyền lực thì cũng phải có trách nhiệm và bốn phận của vua. Quan cũng vậy mà dân cũng thế. Trong gia đình thì ông bà, cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cháu đều phải giữ các trật tự của gia đình. Mỗi đẳng cấp đều có những quyền hạn và bốn phận tương ứng. Tư tưởng đó nói rộng dần để trở thành cái trật tự của xã hội mà Khổng Tử học được từ Chu Công. Tư tưởng đó là LỄ-TRỊ. Vì vậy mà tượng Chu Công mới được thờ cùng với tượng Khổng Tử trong Văn Miếu ở Hà Nội.

Lễ là phép hay pháp. “LỄ TRỊ” mà ta gọi là “PHÁP TRỊ” cũng không sai mấy. Tư tưởng đó về sau được Mặc Tử, Tuân Tử, Hàn Phi ... bổ túc thêm để làm rõ tính cách pháp trị. “Tiên học Lễ” là học cái phép xử thế trước. Ông Kiểng giải nghĩa “Tiên học Lễ, hậu học văn” là “trước học cúng, sau mới học chữ”, (trang 299) đủ thấy bút pháp của ông gian xảo đến độ nào.

Sách xưa còn ghi: Thời gian Khổng Tử và môn đệ lưu lạc ở các lân quốc, một hôm Khổng Tử đến bộ kiến Tề Cảnh công, vua Tề hỏi:

- Xin hỏi Khổng phu, làm chính trị phải như thế nào
Khổng Tử đáp:

- “Phải giữ LỄ TRỊ. Căn bản là vua phải ra vua, tôi phải ra tôi. Cha phải ra cha, con phải ra con, trước khi làm đến ngàn vạn việc khác”.

Câu nói đó đầu súc tích đến đâu cũng không giải bày đủ một triết thuyết. Dẫn chứng trên chỉ để trả lời ông Kiểng: Lễ trong câu “Tiên học Lễ” không phải là “cúng”.

Đọc lại gần 100 trang sách được xếp vào trọng điểm thứ nhất, chúng tôi không thấy Nguyễn Gia Kiểng phê bình Nho Giáo được bao nhiêu hết. Chiếm phần lớn là những đoạn lung khởi. Ví dụ: Tác giả kể chuyện cá nhân, nào ông bạn này là nhà khoa học viết bài đả kích ông Kiểng, sau khi được ông Kiểng giải thích thì nhà khoa học đã phục ông Kiểng sát đất. Ông bạn kia có bằng tiến sĩ Toán bàn cãi với ông về quả dịch. Ông Kiểng đưa ra những lý luận toán học làm cho ông tiến sĩ toán phải chịu thua. Xen kẽ những đoạn kể chuyện đại loại như vậy, tác giả TQĂN đưa vào những câu phê bình Nho Giáo. Hầu hết là những nhận xét và lý luận rất quái dị. Ví dụ ở trang 278, tác giả viết:

“Khổng Tử lưu lạc khắp nơi không được vua chúa nào dùng phải quay về cố hương là nước Lỗ để mở trường dạy học”. Viết vậy cho thấy Nguyễn Gia Kiểng không sưu khảo gì về Khổng Tử cả. Ai cũng biết Khổng Tử bắt đầu nghề dạy học từ năm 29 tuổi. (Lỗ Chiêu Công niên hiệu thứ 20). Khi từ hải ngoại trở về, ông đã 68 tuổi, chỉ 4 năm sau là ông qua đời. Bốn năm chỉ kịp để san định Ngũ Kinh. Ông viết Kinh Xuan Thu đang dở thì ông mất.

Ông Kiểng viết: “Nho giáo đã khiến các xã hội Á Đông thuộc văn hóa Trung Hoa đậm chân tại chỗ” (trang 277). Thử hỏi: Trường hợp Nhật Bản và gần đây, Đại Hàn thì sao? Các nước ấy cũng chịu ảnh hưởng Nho Giáo vậy mà họ có đậm chân tại chỗ không? Các nước Phi Châu, Trung Đông, Nam Mỹ không có tí ti nào ảnh hưởng của Nho Giáo thì sao?

Ông Gia Kiểng cho rằng: “Nền tảng xã hội Khổng Giáo là bạo lực” (trang 301). Để giải thích cái “Lô gích bạo lực (chữ của ông Kiểng dùng trang 301), tác giả TQĂN cho đó là bản chất của Nho Giáo. Nho học tạo một

lớp kẻ sĩ làm nghề (quì) (tức quì gối khuất phục – chú thích của người viết bài này). Lớp người làm nghề “quì” chấp nhận cho bọn vua chúa trừng trị họ mặc tình: nào “thiến”, nào “tru di” nào “đi đày” v.v... (trang 313 và kế tiếp). Vậy thử hỏi: Sít-ta-lin và chế độ Nga-xô-viết đâu có biết gì đến Nho Giáo mà sao Sít-ta-lin cũng làm những điều ông kể? Chẳng lẽ Béria và đám Trốt-kít cũng đã học nghề “quì” của Nho Giáo?

Nhân chuyện Nguyễn Trãi bị hại, ông Kiểng bình luận như đó là kết quả của nền văn hóa Khổng Nho đã tạo ra những bọn vua chúa tàn bạo và phản bội, ưa giết hại công thần (trang 313 và kế tiếp). Xin ông Kiểng xem việc gần đây tại Malaysia là một nước Hồi Giáo, chẳng dây mơ rễ má gì đến Nho Giáo cả. Thủ tướng Mahathir đã đối xử với công thần Phó Thủ Tướng của mình như thế nào? Cả thế giới đều biết cái bản án “kê giao” dành cho ông Phó thủ tướng ở Malaysia cũng được bịa đặt như bản án “Lê Chi Viên” ở nước ta cách nay đã mấy thế kỷ.

Chúng tôi cho rằng bạo lực sở dĩ xảy ra là có một phe nhóm hay một cá nhân nào quyết định vì có trong tay uy quyền tuyệt đối không cứ ở một xã hội nào, văn hóa hay tôn giáo nào. Bạo lực cũng có những trường hợp được giảm khinh vì những mục đích tốt đẹp.

Đổ tội cho Nho Giáo, ông Kiểng hẳn học luôn với “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi. Ông thắc mắc: “Nguyễn Trãi viết Bình Ngô Đại Cáo cho Lê Lợi chứ không viết cho mình” (trang 316). Đề nghị ông Kiểng nên vào điện Elyséc hỏi các Phụ tá Tổng Thống Pháp rằng tại sao các ông cứ viết diễn văn cho Tổng Thống mà không viết riêng cho các ông, họ sẽ trả lời cho ông Kiểng ngay.

Tác giả TQĂN còn đem “kẻ sĩ” của Nguyễn Công Trứ ra mà đàn hặc, nhưng đại để cũng một chiều lý luận dẫn đến kết tội Nho Giáo.

Trong chương trình “Tư duy thế kỷ” do đài B.B.C. phát thanh vào ngày 02-02-02 nghe được tại California, Hoa Kỳ lúc 7 giờ 30 sáng; chương trình do Quốc Vinh điều khiển, Nguyễn Giang phỏng vấn hỏi tác giả TQĂN về những điều ông kết tội Nho Giáo. Chắc rằng thánh giả toàn thế giới đã nghe ông Kiểng trả lời. Tác giả TQĂN khi viết thì rất lém lỉnh mà trả lời Nguyễn Giang thì ảm ố, ngấp ngọng, tựa như cậu học trò “hàng ba” trong Nhà Nho của Chu Thiên, tóc cột trai đào, ngồi xếp bằng, ê a đọc Tam thiên tự.

Nêu những điều trên, chúng tôi không nhằm bênh vực Khổng Tử hay Nho Giáo. Chúng tôi không cho Khổng Tử không sai lầm hoặc Nho Giáo đúng tuyệt đối. Trái lại là khác. Đơn cử như tiêu chuẩn “Quân Sư Phụ – Tam Tông – Trung Hiếu ...” so với quan niệm thực tế ngày nay, đã sai be bét rồi. Nhưng đó là việc khác. Khổng giáo ở nước ta, theo thiên ý của chúng tôi, đã tàn lụi từ sau 1945, cách nay đã hơn nửa thế kỷ. Một vài ý tưởng của Khổng Nho còn rơi rớt lại, nếu có, không đủ sức ảnh hưởng được gì đến thời cuộc hay xã hội Việt Nam cả. Nước ta từ đó (1945), nên hoặc hư là vì những cách khác, không vì thế lực Nho Giáo.

Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh là Ông Kiểng đã mượn Nho Giáo nói chuyện quàn xiên để dẫn đến cái hệ tư tưởng mơ hồ mà tác giả TQĂN cố rước mình với đến

Vào đề, ông viết: “Những xã hội hình thành bên cạnh những dòng sông lớn đều cần những vị vua có uy quyền tuyệt đối (trang 289).

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Đất lành, chim đậu”
Cạnh những dòng sông lớn thì đất đai phì nhiêu. Con người thuở bán khai sống nghiêng về nông nghiệp, tìm thấy sự thuận lợi thì hội tụ nơi đó vì vấn đề mưu sinh. Rồi do nhu cầu, quần thể phải hình thành một xã hội. Còn những tộc trưởng hay vua chúa gì ở nơi ấy có được uy quyền tuyệt đối hay không là do bối cảnh sinh hoạt, trình độ văn hóa của bộ tộc ở nơi đó, vào thời đó cấu thành, chứ mắc mớ gì đến dòng sông lớn hay nhỏ?

Ông viết: “Cả lịch sử lập quốc của ta là lịch sử của con đê sông Hồng (trang 291). Ông tiếp: “Ta hệ lụy với dòng Sông hơn mọi quốc gia khác, đến nỗi gọi quốc gia là “nước” (trang 291). Chúng tôi chờ đợi tác giả giải thích 2 câu này. Lịch sử của con đê sông Hồng như thế nào mà quá trình lập quốc của cả một dân tộc lại hệ lụy vào nó?

Ông đặt chữ mới: “Văn minh Phù sa”, ông viết: “Quốc gia nào mà thành lập trên lưu vực của những con sông lớn cũng đều mang nặng dấu ấn của văn minh Phù sa” (trang 306). Ông tiếp: “Chúng ta có lẽ là nền văn minh Phù sa muộn nhất” (trang 306).

Nhà tư tưởng Nguyễn Gia Kiểng muốn nói văn minh phù sa là “đệ điều”? Nếu vậy, nền văn minh đệ điều là văn minh gì? Ai cập có sông Nil, Ấn Độ có sông Hằng, Mỹ có sông Mississippi, “văn minh Phù sa” của các xứ ấy ra sao?

Nguyễn Gia Kiểng thể hiện tham vọng muốn giải thích những đề tài lớn, mang tính bác học, nhưng lý luận và diễn đạt lại thiếu khoa học, thiếu cặn và nông cạn thành thử ông lòi tẩy là một ngụy trí thức.

Tạm kết luận cho đoạn mà chúng tôi gọi là trọng điểm như nhất, chúng tôi nhận thấy rằng: Nhà chính trị Nguyễn Gia Kiểng muốn lập thuyết, muốn trở thành nhà

tư tưởng để hỗ trợ cho những hoạt động chính trị của ông. Tiếc thay, lực bất tòng tâm, tài bất cập chí, Nguyễn Gia Kiểng trở thành nhà tư tưởng “dõm”.

Sang phần thứ nhì, tác giả TQĂN bàn đến sự hình thành tổ quốc Việt Nam. Ông Kiểng nhận định từ cội nguồn tổ tiên qua lịch sử dân tộc đến các Vua Chúa, danh nhân, anh hùng, cũng như các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm ... Toàn là những đề tài tiếp cận với chính trị. Đây cũng là những đề tài mà độc giả xa gần đã lên tiếng phê phán tác giả nhiều nhất.

Nguyễn Gia Kiểng – như ông tự nhận – là nhà “hoạt động chính trị” (trang 171). Trong bài viết trước, chúng tôi có nêu lên một số sự kiện mà tác giả TQĂN viết không đúng, nhận định thiên lệch hoặc bịa đặt nhưng dưới góc nhìn tác giả là nhà nghiên cứu chứ chưa đề cập đủ đến khía cạnh tác giả là nhà chính trị. Vậy, chúng tôi thử theo chân những gì ông viết, chắc chắn sẽ gặp nhà chính trị Nguyễn Gia Kiểng ở cuối đường.

Bắt đầu từ huyền sử con cháu Tiên Rồng, Nguyễn Gia Kiểng xác định:

- “Người Trung Hoa ở Hoa Nam mới là con cháu Tiên Rồng. Người Việt chúng ta là hậu duệ của người Trung Hoa ở Hoa Nam (trang 121).

Hầu hết các sử gia đều cho rằng vào thời Lý, Trần, hai triều đại độc lập khá dài lâu, nên nước ta đã xây dựng được nhiều; từ hệ thống chính trị tới học thuật, lễ nghi, nông nghiệp, thuế khóa ... Nhà chính trị Nguyễn Gia Kiểng viết rằng:

- “Thời Lý, Trần (nước ta) không tiến bộ hơn thời Bắc thuộc” (trang 136)

- “Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ Ba (604-909), nước ta đã tiến bộ rất nhiều. Từ một xã hội bán khai, Việt Nam trở thành một xã hội có văn hóa” (trang 136).

- “Thời đại Lý, Trần, nước ta tụt hậu rất nhiều rồi mất độc lập” (trang 136).

Nguyễn Gia Kiểng lấy chứng cứ trong Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi:

“Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống biển mò châu ...
[...]

“Nay xây nhà, mai đắp đập, chân tay nào phục dịch cho vừa”. Ông Kiểng giải nghĩa:

Người Trung Hoa đã đem kỹ nghệ khai mỏ, luyện kim và xây dựng đê điều để khai hóa nước ta. (sic).

- “Hồ quý Ly cướp ngôi nhà Trần (1400), từ họ Lê (ông) đổi lại hồ Hồ gốc bên Tàu, đổi tên nước từ Đại Nam thành Đại Ngu theo tên cổ quốc của mình” (trang 139).

Mặc Đăng Dung dâng 5 động (thuộc tỉnh Cao Bằng) cho Trung Quốc, ông Kiểng viết:

- “Năm cái động đó có đáng giá gì đâu”. Ông viết rằng: “Vả lại người Trung Hoa chẳng bao giờ sang tiếp thu năm cái động ấy cả (trang 142).

- Năm 1407, nhà Minh diệt nhà Hồ. Vua Minh Thành Tô ra lệnh tịch thu sách vở nước ta rồi chở về Trung Quốc. Lệnh này đã không được thi hành nghiêm túc. Vua Minh phải ra lệnh lần thứ hai. Ông Kiểng đặt câu hỏi: “Tại sao?” rồi ông tự trả lời: “Chắc họ thấy không có gì đáng kể. Vậy không có gì đáng tiếc” (trang 248).

Đề tài này, tác giả TQĂN còn lập lại ở trang 347 một lần nữa như sau: “Quân Minh chỉ tịch thu sách chữ Hán, không lấy sách chữ Nôm. Hơn nữa sách chữ Hán của ta không có bao nhiêu và nội dung không có gì đặc sắc, không nên tiếc!”

- Bàn về vấn đề nhân dân Giao Châu Tôn Khúc thừa Dụ lên ngôi vua, tác giả TQẢN viết, đại ý: “Vì nhà Đường không còn muốn hiện diện ở Giao Châu”. Ông Kiểng kết luận: “Trung Quốc không bao giờ muốn bành trướng” (trang 130).

Để tóm lược những gì mà Nguyễn Gia Kiểng diễn tả sự liên hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam, chúng tôi xin trích nguyên văn hai vế của một phương trình mà tác giả TQẢN đã viết trên giấy trắng mực đen:

Vế thứ nhất: “Một là đất nước ta đã hình thành như một phần của Trung Quốc, rồi do hoàn cảnh địa lý mà tách rời ra, nhưng chỉ tách rời về mặt hành chính, CHỨ KHÔNG TÁCH RỜI VỀ MẶT VĂN HÓA” (trang 22)

Vế thứ hai: “Một quốc gia không phải chỉ là lãnh thổ và con người mà còn là MỘT NỀN VĂN HÓA” (trang 287)

Vậy, nhà hoạt động chính trị Nguyễn Gia Kiểng đã giải được bài toán về mặt tư tưởng: Trung Quốc và Việt Nam có cùng một nền văn hóa nên có thể xem như CHUNG MỘT QUỐC GIA.

Giải được một bài toán không có nghĩa là đã giải quyết hết mọi vấn đề. Còn lịch sử nữa chứ! Lịch sử Việt Nam ghi rõ tên tuổi những anh hùng dân tộc đã can đảm lãnh đạo các cuộc chiến oai dũng đánh thắng bọn xâm lược phương bắc. Những vị anh hùng đó, trải bao đời, luôn được toàn dân Việt Nam tôn vinh và ngưỡng mộ: Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ và còn bao nhiêu nữa ...

Nguyễn Gia Kiểng đưa ra một nguyên tắc giải quyết ông đặt vấn đề, nguyên văn: “Chúng ta chưa biết cách QUẢN LÝ TỔ TIÊN” (trang 152).

Tôi úp mặt xuống bàn suy nghĩ – Về vấn đề này, chắc Trung Nam Hải đã từng nêu ra với Hoàng Văn Hoan, Trương Như Tảng trước đây, nhưng có lẽ các ông ấy không đủ khả năng và bản lĩnh để thi hành công tác gọi là Quản lý Tổ tiên của mình. Nay, ông Kiểng dám nhận và ông Kiểng thực hiện ngay.

Trước tiên, ông thẩm định lại lịch sử Việt Nam. Bắt đầu ông đưa ra chiêu thức mới: Đả phá phương pháp ôn-cổ tri tân. Ông viết: “Ôn cố tri tân (ôn lại chuyện xưa để biết chuyện ngày nay) là một phương pháp SAI” (trang 152)

Tiếp theo, tác giả TQĂN đưa ra một tiền đề: Tài liệu trong sử sách do các sử gia nước ta viết không xác thực. Lý do? Ông Kiểng đưa Việt Nam sử lược ra, ông viết: “Trần Trọng Kim đã không cảm thấy có bốn phạm phải tuyệt đối khách quan, ông đã để nhiều tâm tình và thiên kiến vào đó” (167) Ông Kiểng dùng từ ngữ “Đổi trắng thay đen” (trang 167) để buộc tội Trần Trọng Kim và kết luận cho tiền đề trên: Sách sử nước ta không xác thực.

Trước khi ông Kiểng vung gươm trừng trị tổ tiên, ông cẩn thận mặc áo giáp, ông viết: “Người hoạt động chính trị, nếu không có thì giờ như trường hợp của tôi, không có bốn phạm phải ghi chú dữ kiện lấy từ sách nào, chương nào, trang nào ...” (trang 155)

Tổ tiên mà Nguyễn Gia Kiểng đem ra đấu tố trong TQĂN hầu hết là những nhân vật lịch sử có thành tích chống quân xâm lăng Trung Quốc. Những nhân vật lịch sử chống Pháp được ông Kiểng bỏ lướt qua – Tác giả TQĂN chỉ nhẹ nhàng chê Nguyễn Thái Học và Việt Nam QĐĐ tổ chức khởi nghĩa Yên Bái năm 1930 là “làm một việc tởm sát” (trang 97).

Trong giai đoạn lịch sử từ cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 39 đến nhà Nguyễn Gia Long năm 1802, Nguyễn Gia Kiểng đều có điểm qua những nhân vật tiếng tăm, hầu hết là chê bai và trách cứ. Nhưng tác giả TQẢN tỏ ra đặc biệt chú trọng đến nhân vật Nguyễn Huệ và nhà Tây Sơn. Một sự chú trọng khác thường làm như TQẢN được viết ra chỉ có mục đích phỉ báng Nguyễn Huệ mà thôi. Không những tác giả đã dành trọn 2 chương: Chương thứ nhất “Anh hùng nước Nam (trang 95-99) và chương thứ hai “Trở lại trường hợp Nguyễn Huệ (trang 153 đến 174) để mạ lỵ vua Quang Trung mà khắp quyển sách hề thuận tiện là Nguyễn Gia Kiểng đều mạ lỵ Nguyễn Huệ với những lời lẽ thậm tệ chưa ai dùng, kể cả kẻ thù của nhà Tây Sơn.

Xin lược trích nguyên văn:

- “Nguyễn Huệ xuất thân tướng cướp (trang 96)
- “Ông (tức Nguyễn Huệ) đặc biệt hung tợn và hiếu sát” (gtrang 96)
- “Sự nghiệp của ông là những trận đánh khốc liệt, trong đó người Việt Nam tàn sát lẫn nhau” (trang 96)
- “Công lao của Nguyễn Huệ thực ra i hông thấm tháp gì so với những tàn phá và chết chóc mà ông đã gây ra cho đất nước” (trang 96).
- “Quang Trung Nguyễn Huệ, một con người hung bạo và hiếu sát” (trang 149)
- “Còn về kiến thức binh bị thì nếu sống lại bây giờ, tôi (tức ông Kiểng) không chắc là ông ấy (Nguyễn Huệ) có được một nửa kiến thức của một hạ sĩ quan” (trang 151)
- “Ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ lớn lên đi ăn cướp (trang 157)

- “Quân Tây Sơn chỉ thuần túy là giặc cướp” (trang 159).

- “Nguyễn Huệ là một con người hung bạo đánh tất cả mọi người, đó là một sự thực (?)” (trang 161).

- “Nguyễn Huệ cũng rất tàn ác ... (các giáo sĩ) gọi ông là một thứ Attila mới” (trang 161).

- “Những việc làm dữ tợn của Nguyễn Huệ mà khuôn khổ cuốn sách không cho phép nhắc lại hết” (trang 161).

- “Quân Tây Sơn đi đến đâu cướp phá và chết chóc đến đó (167).

- “Qua Nguyễn Huệ chúng ta đã dung túng một số giá trị độc hại góp phần quan trọng tạo ra số phận bi đát hiện nay của đất nước”.

- “Người Tây phương coi Tây Sơn là quân cướp” (trang 581)

- “Đảng cướp Tây Sơn, một đảng cướp thuần túy (trang 582).

- “Nguyễn Huệ tiêu biểu cho những giá trị mà chúng ta cần đánh đổ: Võ biên, độc đoán, hung bạo, lật lọng” (trang 172)

- “Ta có một nhân vật Nguyễn Huệ đã nổi loạn, gây nhiều máu lửa và tang tóc” (trang 172).

Viết về chiến trận Mỹ Tho tiêu diệt quân Xiêm La ở Nam và trận chiến Đống Đa đuổi quân Mãn Thanh ở Bắc, Nguyễn Gia Kiểng một mực hạ thấp tầm quan trọng và cố tình bình vực kẻ thù bằng luận điệu xuyên tạc không cần chứng cứ.

Nguyên văn ông Kiểng viết:

- “Ở trong Nam, trận thủy chiến tại Cần Giuộc là đáng kể ... [...] Nhưng quân Xiêm vừa mới tới thì rã hàng [...] đánh tan nó không khó” (165)

- “Trần Trọng Kim kể công Nguyễn Huệ cứu nước khỏi tay quân Thanh. Thực ra chính Nguyễn Huệ là nguyên nhân đưa tới việc quân Thanh can thiệp” (trang 168).

- “Người Trung Quốc không muốn bành trướng” (sic) (trang 304)

- “Rõ rệt là vua Càn Long không có ý định đánh chiếm nước ta”.

- “Không những thế, vua Càn Long còn cấm Tôn Sĩ Nghị giao chiến”.

- “Tôn Sĩ Nghị khoa trương thanh thế chỉ để giúp Lê Chiêu Thống giải hòa với Nguyễn Huệ” (trang 155)

- “Con số 20 vạn quân Thanh cũng rất sai sự thực” (trang 155)

- “Tôn Sĩ Nghị chỉ đem 6 ngàn kỵ binh sang Việt Nam” (trang 156)

- “Dân chúng Bắc hà ủng hộ quân Thanh và rất ghét quân Tây Sơn.

- “Quân Tây Sơn tham chiến ở Ngọc Hồi (Đống Đa) là 6 trăm người” (trang 156).

- “Vây, trận Đống Đa không thể gọi là lớn được” (trang 157)

- “Lê Chiêu Thống lỗi lạc nhất” (trang 175)

Ông Kiểng kể rằng: “Có người đánh giá tôi (tức ông Kiểng) là thiếu căn bản dân tộc, là mất gốc, là không thuộc lịch sử” (trang 147)

VỀ khoảng không thuộc lịch sử thì ông Kiểng có trả lời. Ông xác nhận là ông dùng “tài liệu của nhà Thanh” (trang 155) và sử liệu của “Giáo sư Tướng quân Chương” (trang 156). Thế nên, theo lời kể, ông mới gay gắt hỏi lại người vừa trách ông rằng: “Dân tộc nào? Gốc nào? Lịch sử nào?” (trang 147).

Vậy là đến cuối đường, chúng tôi đã tìm thấy nhà chính trị Nguyễn Gia Kiểng. Hình như ông đang hoạt động trong Ban Văn Hóa Vận của Hồng Quân Trung Quốc trong chiến dịch tận diệt cái tâm thức của người Việt Nam luôn chống ngoại xâm từ phương Bắc. Một chiến dịch phục vụ cho “khôi Đại Hoa”.

Bằng chứng? Vâng, có chút bằng chứng:

Tác phẩm TQĂN được phát hành tháng 3, 2001 đến tháng 12, 2001, trong cuộc Hội thảo tại Hội quán báo Người Việt ở quận Cam, Hoa – Kỳ, tác giả cho biết sách được bán hết. Tháng 5, 2002, ông Vũ Cao Quận, nhà tranh đấu cho Dân chủ ở trong nước, trong chuyến đi tham quan việc đóng mốc biên giới Việt Hoa trở về thì ông bị công an Hà Nội bắt. Họ tìm thấy trong túi xách của ông Quận một quyển TQĂN. Chúng tôi không cho rằng ông Vũ Cao Quận có liên hệ gì đến nhà hoạt động chính trị Nguyễn Gia Kiểng. Nhưng sự kiện đó là bằng chứng cho thấy TQĂN đã được bàn tay bí mật nào đó đem về phổ biến ở vùng biên giới Việt Hoa nên ông Quận mới có được.

Tóm lại, chúng tôi nhận định rằng TQĂN là một đề cương chính trị của Nguyễn Gia Kiểng, hay của nhóm Tông Luận thì cũng thế. Họ cố tạo luận chứng rằng Việt Nam với Trung Quốc có chung một văn hóa thì cũng như chung một quốc gia. Sử gia Việt Nam đã vì thiên kiến mà “đổi trắng thay đen” (chữ của ông Kiểng để chỉ sử gia Trần Trọng Kim) chứ Việt Nam làm gì có những anh hùng chống xâm lược phương Bắc. Trung Quốc xưa nay vẫn thế, đâu có muốn bành trướng lãnh thổ. Quan lại Trung Quốc đâu có hà khắc như Nguyễn Trãi đã kể. Người Trung Quốc đã có công khai hóa dân ta và bọn quan lại Tàu rất nặng tình với quê hương mới v.v... Đó là tóm lược luận điệu của ông Kiểng.

Có người sẽ thắc mắc: Viết một tác phẩm chính trị với tiêu đề trên thì tác giả cần gì phải dài dòng về Khổng Nho, hoặc phải thêm những phần bình phẩm về ngôn ngữ, tính tình và nhiều khía cạnh khác của người Việt Nam làm gì?

Chính ở điểm này mới tỏ cái tài thao lược của một tên biệt kích văn hóa có tầm cỡ. Thử hỏi cứ viết thẳng tắp như diễn văn chính trị (của các ứng cử viên chẳng hạn) làm sao thuyết phục được ai? Phải có vỏ bọc chứ!

Vỏ bọc rất cần thiết. Vỏ bọc của tác giả TQÃN sử dụng nhằm hai mục đích mà chúng tôi tạm đặt tên là “L1” và “L2”

L1 = LÒA: Tác giả muốn “lòe” với thượng cấp của ông, những người đã ra lệnh hoặc “đặt hàng” để ông Kiểng viết TQÃN. Ông cần chứng tỏ với họ rằng tác phẩm đủ sức thuyết phục bởi vì tác giả là người Thông Kim, bác cổ. Điều này giải thích lý do Nguyễn Gia Kiểng đã cố tình tỏ ra tự cao và ngang ngược quá đáng khi dùng những từ ngữ miệt thị rất hạ cấp như: dốt, ngu ngốc, hèn nhát, đê tiện, quân cướp ...” Và kiêu ngạo không thèm đưa ra dữ kiện. Hành động đó chỉ để lấy lòng tin nhiệm của chủ mà ở Mỹ, chúng ta quen gọi là kiếm “credit”.

L2 = LỪA: Ông Kiểng muốn “lừa” những độc giả thiếu thì giờ vào cái lưới bung xung bàn đủ thứ chuyện để che lấp bớt sự nghịch lý là tác giả mong mỗi dư luận dễ dãi chấp thuận cho ông được trọn quyền “quản lý tổ tiên”. Nói trắng ra là ông Kiểng kêu gọi độc giả hãy tin theo ông mà đoạn tuyệt lịch sử không có gì oai hùng (chỉ vì sử sách nước ta đã viết sai đó thôi!). Hãy vì tương lai “khối Đại Hoa” mà “Hòa giải, Hòa hợp” với người anh em Trung Quốc vĩ đại.

Vì hai cái: “L” nói trên mà ông Kiểng đã viết một tác phẩm mệnh danh văn hóa bằng một văn phong và lý luận rất thiếu văn hóa.

Thay lời kết, chúng tôi muốn mách nước cho ông Kiểng: Khi nào tái bản TQĂN, ông nên in sách ở Hồng Công (chắc chắc rẻ hơn ở Paris) rồi dùng tàu lửa quốc doanh của nhà nước Trung Quốc chở sách về biên giới Hoa Việt rất tiện. Làm vậy, tác giả không những sẽ làm giàu mà còn làm lớn nữa.

LÊ PHƯỚC AN

MẠN ĐỀ

*Kỳ cựu thông thông khứ
Kỳ tân đắc đắc lai
Khả liên kỳ lộ thượng
Tương kiến hữu trần ai.*

ĐÀO TẤN

(Tiên nghiêm Mộng Mai ngâm thảo)

VIẾT TẢN MẠN

*Cũ vừa gặp gặp qua
Mới đã mau mau lại
Thương nỗi đường ngã ba
Thấy nhau đều lấm bụi.*

VIỆT THAO phụng dịch

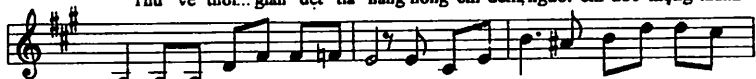
Tình mùa thu nở

Nhạc và Lời : ĐẶC-ĐĂNG

SLOW ROCK (Đạt-Đào)



Tôi gọi hồn yêu về bên gác nhớ tiêu điều, về bên gỏi mộng đạt
Thu về thời... gian dệt tia nắng hồng êm đêm, người em ước mộng thành



đào đỏ cùng trao ánh mắt cho nhau. Tôi tìm người em vừa quen tiếng đã thương
rồi, giờ đàn yêu đã hết đón côi. Tôi chờ tình em vào thăm ghé đá công



tên, Tháng năm tôi hằng ước nguyện: Diu mộng lành về nơi bốn duyên. Thu về thời..
viên, ngắm trăng Thu vào mắt.....



.....huyền và đứng lại để tôi đón em... Dĩ vãng đi qua câu không



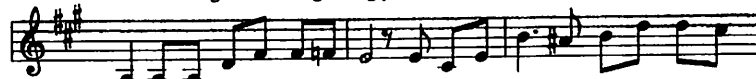
gian vừa lên tiếng: Ngỡ tôi đã lên đèn cho thời gian lưu huyền. Đây



mắt Thu không buồn, Bốn mùa dệt hoa yêu thương đôi làn môi vẫn vương...



Tôi diu người em cùng chung phố nhớ muôn màu để nghe tiếng lòng đạt



đào, và bàn tay nối tiếp cho nhau. Tôi đợi tình em vào thăm dĩ vãng, tương



lai, Xóa đi bao ngày tháng buồn để dệt tình Mùa Thu ngát hương.....

Vườn ươm Mùa Thu [Am]

Vườn ươm mùa thu, vườn không có
 ai Vườn ươm quỳnh thơm chỉ có tim
 em Tay anh nâng ru một đóa sương
 mai Mỗi em ngọt ngào rực nắng trời
 thu Ngày tình cơn say, lúa vàng ửng
 mây Vườn ươm mình ta chỉ biết yêu
 đương Trao nhau câu thơ mộng ước dương
 gian Bên nhau ngày dài đời thắm tình
 say Vườn yêu tiếng nói hạnh phúc bông
 cau se sắt cho đời nhưng có bao
 lâu như thế luân hồi của đời nhân

Nhạc và Lời: Trương Ngọc Lân

thế chắc tôi kiếp sau tình mình đậm
sâu Vườn bút mực thu ngựa đi vắng
xa Con tương phật, tiên ngày trước ta
quen nay mùa thu về chẳng có môi
thơm hương yêu vườn bút nào có con
trâu

June 8, 2003

Gửi tới các bạn hữu của hội ái hữu bầu nhạc
gửi tại ký ức của những lần vắng cõi tu Viện Kim
Sơn. Trương Ngọc Lân chúc các bạn một năm mới tốt
đẹp. Hy vọng, ra giêng sẽ có website để gửi nhạc
tới các bạn. www.nhaactinhtruongngoclan.com

DIFFERENT MONKEYS IN THE WORLD

ARIANA UYEHARA

Today, it's the year 2004, but according to the lunar system, it saying "Giap than" which is the year of the Monkey.

You might think of any ordinary monkey, but it's not just any monkey.

There are 5 different kinds of monkeys in the lunar system, in the calendar you might only see one, but actually there are 5 like I said. For example, the 5 monkeys are the water monkey, the fire monkey, the wood monkey, the ground monkey, and finally, the gold monkey.

This year, it happens to be the year of the magnificent water monkey.

In Vietnam, there are a lot of monkeys that are very intelligent. There once was a story that there was a monkey that used its hand to pick up sweet potatoes. Now you might be thinking that it's regular for a monkey to pick up things, but actually, monkeys are very dumb animals that don't know how to use their bodies so this is a very important discovery.

The manager of the farm happens to be walking back to the stall to find all their fruit eaten up by the monkey!

To try to stop this terrible habit of the monkey (since their has been many other victims of the monkey) the farmer then puts jalapeño that ate crushed, and stick it at the bottom of a pot of rice so when the monkey digs down to the bottom of the rice pot to grab some fresh rice and eat it, it will experience such spiciness in its mouth that they began to rub their eyes and then the spiciness goes to their

eyes! Most monkeys that day learn not to return to the farmer's house again.

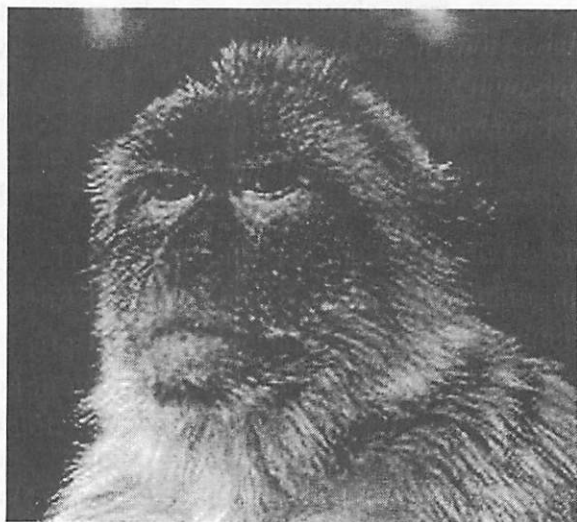
A very disturbing story is when there was a monkey who was always caught eating corn in a farmer's cornfield. But one day, the monkey decided to try something else so it tied a string around its waist, picked up the corn and strung it in the string! It then ran away unharmed and with food.

Now this is a well-known story about a lady selling her hats. This lady was a happened to be a hat sell and she wandered through the jungle hot and sweaty selling hats. She sat down to fan herself and suddenly, a swarm of monkeys who came from above her raced down and stole all her hats as they copied her moves! The lady who was beyond scared came to ask a farmer nearby who knew about the monkeys. At first he laughed and then told the lady that they were only coping her. If she put her hat down, then the monkeys would drop the hats too. She then dropped her hat and suddenly a whole bunch of hats flew at her. She then thanked the farmer, as she never came back to that very spot again.

Here is a story of a might gorilla named John Daniel. John Daniel lived for years in London with some kind of folk who loved him when as a tiny thing he was being exhibited in a cage in a large store. The poor ape was wild with fright at first, but then grew quiet and contended with his lot. John Daniel was taught good manners just as a child is taught them. He had his very own bed, chair and was allowed to run about the house as he pleased. He learned to wash himself and to put on his little woolly coat in the morning, to put himself to bed at night, and sit up at the table at meal time and eat his food properly with a spoon and fork. John Daniel would romp and play just like human child. Best of all, he liked a game of hide and seek,

and would giggle with delight when his hiding place was discovered and he was chased up and down the stairs or in and out of his room by his friends. But John Daniel didn't stay in that house for very long because his owner decided to sell him since he began to cause such trouble in the house such as making tons of noise to attracted a large crowd. So the big ape was sold and brought across the sea to America. Here, everything was done to make him happy and comfortable in a zoological park in New York. But John Daniel missed his kind friends sadly, and he fretted so much for them that he did not live for very long after his arrival in his new home.

ARIANA UYHARA



Hy vọng là chiếc đũa thần của tình yêu giúp chúng ta vượt qua mọi trắc trở.

W. Shakespeare

THE LUNAR CALENDAR

AMANDA UYEHARA

According to the Roman Julius Calendar, the year of today is 2004. However, on the Asian Lunar Calendar, this is the year of the monkey.

The Lunar Calendar, which is used all throughout Asia, was created thousands of years ago in China. It is based on the ten symbols of Heaven and the twelve symbols of the Earth.

The ten symbols of Heaven in Vietnamese includes: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Giáp represents positive wood, Ất-negative wood, Bính-positive fire, Đinh-negative fire, Mậu-positive earth, Kỷ-negative earth, Canh-positive gold, Tân-negative gold, Nhâm-positive water, Quý-negative water.

The twelve symbols of the Earth are: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Tý is a rat (pos), Sửu-buffalo/ox (neg), Dần-tiger (pos), Mão-cat/rabbit (neg), Thìn-dragon (pos), Ty-snake (neg), Ngọ-horse (pos), Mùi-goat (neg), Thân-monkey (pos), Dậu-rooster (neg), Tuất-dog (pos), Hợi-pig (neg).

The positive symbols represent strength and negative symbols represent feminine smoothness and softness. Characters of a person could also be determined using the symbols of their birthdate.

The names of each year in the Lunar Calendar consists of a heaven symbol and an earth symbol. For example, the first year in a lunar period (equivalent to a century) is Giáp Tý, the year of the mouse. These combinations are determined by a special organization method.

The symbols of heaven can be substituted for the numbers 1-10. The symbols of earth can be substituted for the letters A- L.

The symbols of heaven:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý

The symbols of earth:

A	B	C	D	E	F
Tý	Sửu	Dần	Mẹo	Thìn	Tỵ

G	H	I	J	K	L
Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi

Each Heaven symbol corresponds to an earth symbol. The result is a lunar period.

1A	2B	3C	4D	5E	6F	7G	8H	9I	10J
1K	2L	3A	4B	5C	6D	7E	8F	9G	10H
1I	2J	3K	4L	5A	6B	7C	8D	9E	10F
1G	2H	3I	4J	5K	6L	7A	8B	9C	10D
1E	2F	3G	4H	5I	6J	7K	8L	9A	10B
1C	2D	3E	4F	5G	6H	7I	8J	9K	10L

The first year of the lunar period is Giáp Tý(1A), and the last year of the lunar period is Quý Hợi(10L).

Ancient Chinese scholars used the smallest common denominator of ten and twelve (from the number of heaven and earth symbols) to determine the number of years in a period in the lunar system. This derives how there are 60 years in a lunar period. After a period, the naming system starts over again.

AMANDA UYEHARA

Tình yêu không nhìn bằng mắt mà nhìn bằng cả trái tim nên những người mù cũng có thể nhìn thấy những thiên thần có cánh.

W. Shakespeare

A DREAM

LANA LE

Walking through the misty night, I found myself in a crispy situation. I had found out from I felt this ice-cold feeling over me. Looking up I saw nothing,” That’s weird I thought that some thing cold was over me”. With no answer she turned around, but no Susan no Joanne and no Nandina. She started calling for them thinking it was a joke.

“Susan this is so not funny!!!”

“Joanne get out here please!!!”

“Nandina please answer !!!”

Still no answer she started to walk fast to call the police. But on her way she felt like someone was watching her. Getting so scared she started to go to a jog then to a run.

“ Finally a phone!!!” she said. She felt very scared so she dialed fast. A scary, misty, cold voice crawld thought she got so scared. She talked and talked, but when she was done the voice laugh an evil, cold, scary laugh.

“MMMMMMMMMOOOOOOHHHHHHAAAAAA,
I’m a cereal killer I have your cute friends here with me no a bed, HHHHHHHHHHHHAAAAAAA.

She got to idea what he meant he was going to rape them then kill them. She had to save them no matter what. They were her friend’ good friends. She picked up her courage.

“Fine, what do you want?”

“I want you to win me 1,000,000 neopoints on Neo pets. Get 3 pounds of diamond. And 4 dresses. Got it. Get it to me in 2 hours and you get your friends.

If not, they will die.”

“ Fine, Ok.”

Thinking what can she do she was a kid an 11 year old kid. She can’t drive and neither run. She got it call the siblings of the friends. She dialed 456-5685,489-4813, and 156-447 and got them to meet her at the park were shi was at.

“What my sister is gone!!!” They all yelled.-“Yes , Ok, the careal killer wants 1,000,000 neopoints on Neopets, 3 pounts of diamond, and 4 dresses in 2 hours so let split up. I mean it ok”.

“Ok then me, John, and you can win the neopoints were good”Said Jimmy.

“Ok, me and Nandina’s siblings can go get the diamonds,” said Linda.

“So that leaves me and her to the dresses easy” Said Lana. With that they were off.

Hours later.....Ok this is where it is...

“So...Um... Well...bye Lana”

“Hold it you’re coming with me”

“Ring, Ring, Ring”

“Time for school Lana!”Said Mom.

“Ok” Wow! What a weird dream I should stop watching T.V.

LANA LE

Câu đố

Một mình mà ở hai nhà,
Trời cho một đụt tòa loa hai đầu.

Trái lung cho thể gian ngòi,
Còn gieo cho tứ những lời bất nhơn.

Dứt không dứt, chụm không cháy.

Đánh mây thì lại đau tao,
Mà tao không đánh biết sao hỡ mây
Đề rồi một lát một giây,
Thì tao sẽ đánh cả mây lẫn tao.

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2003 (NĂM QUÝ MÙI)

I - Dạ tiệc Tân niên và trình diện Tân Ban Chấp Hành:

Ngày 16-02-03, tại nhà hàng Grand Fortun - San Jose. Với sự hiện diện của gần 400 đồng hương, thân hữu và quan khách tham dự. Nhân dịp này, ông Tony Đình Tân Chủ Tịch, trình diện Tân Ban Chấp với danh xưng mới là: HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA.

I - Picnic Hè Hội ngộ và phát giải thưởng khuyến học 2003

- Tại địa điểm Lake Cunningham Park, 2305 S. White Rd, San Jose ngày 3/8/03 với sự hiện diện khoảng 500 đồng hương, thân hữu Bình Định và quan khách.

- Nhân dịp này, Hội đã phân phối tại chỗ trên 120 tập sách nhỏ Bảng điều lệ thành lập hội, theo giấy phép số 254047 ngày 19-6-03 của thành phố San Jose, California.

III - Lễ phát giải thưởng KHUYẾN HỌC 2003

- Lần đầu tiên, hội thành lập giải khuyến học để biểu dương và khuyến khích con em đồng hương Bình Định trong học vấn. Công tác này sẽ được thực hiện hàng năm vào dịp Picnic Hè. Tuy là lần đầu tiên, nhưng số học sinh bậc trung học, đã ghi danh tham dự đáng kể.

DANH SÁCH HỌC SINH XUẤT SẮC ĐƯỢC LÃNH GIẢI THƯỞNG Niên Khóa 2002-2003

Số TT	Họ và Tên	Lớp	Tên Phụ Huynh	Trường
1	Teresa Trần	6	Joan Huỳnh	Widmill Springs
2	Julie Hoang	6	Trang Huệ Lê	Hellyer School
3	Diane Đỗ	6	Mr. Đỗ	MeadowsMiddleSchool
4	Thương Đỗ	7	Đỗ v. Thoại	Sylvandale Middle School
5	Cindy Võ	7	Võ Hùng	August BoegerjuniorSchool
6	Tiffany Tran	7	Joan Huỳnh	Sylvandale Middle School
7	Thắng Phan	7	Phan Thái	Windmill Springs yearRound Sch.
8	Thi Nguyễn	8	Tuấn Nguyễn	J.W. Fair Middle School
9	Christine Hoàng	8	Trang Huệ Lê	Sylvandale Middle School
10	Triết Trần	8	Trần M. Lợi	Willow Glen Middle School
11	Châu Đàm	9	Trần Hồng Ánh	Overfelt High School
12	Tâm Đỗ	9	Đỗ V. Thoại	Andrew Hill High School
13	Denise Đỗ	12	Mr. Đỗ	Andrew Hill High School
14	Trúc Đường	12	Đồng Đường	Silver Creek High School

MỘT SỐ HÌNH ẢNH:



Anh Chí Hùng, chủ nhân Senter Auto Parts, một mạnh thường quân
thường trực của hội



Tân và Cựu Chủ Tích





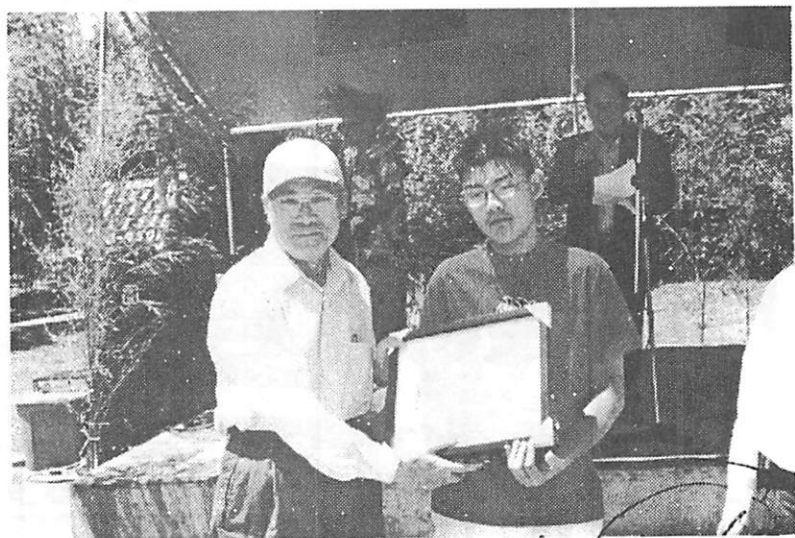
Quang cảnh nơi Picnic Hè 2003



Ban ẩm thực chuẩn bị thực phẩm



Các em vui chơi Picnic



Ông Đào Đức Chương Trao giải thưởng khuyến học 2003



Ban phát giải đang trao giải thưởng. Ông Đường Anh Bông (phải) và Ông Nguyễn Bình (giữa)



Ông Nguyễn Bá Thư (cố vấn) đang trao giải thưởng



Ông Đoàn Hữu Đức (Hội viên) đang trao giải thưởng



Ông Đặng Đức Bích (cố vấn) đang trao giải thưởng



Ông Võ Hùng (trưởng ban kế hoạch) đang phát giải thưởng

IV - Cứu trợ bảo lụt tại quê hương Bình Định:

Qua tin tức báo chí, truyền thanh tại San Jose và điện thư từ thân nhân tại quê nhà, được biết 2 trận bão lụt xảy ra ngày 13-14 tháng 11/03 và ngày 17, 18, 19 tháng 11/03 đã tràn qua 4 xã trong tỉnh Bình Định gây thiệt hại nhiều nhân mạng và nhà cửa, hoa màu. Hội đã vận động trong ban chấp hành và hội viên tình nguyện đóng góp khẩn cấp gửi về cứu trợ đợt I tháng 11-2003 số tiền \$1,100.00 Cứu trợ 200 gia đình ở xã Phước Quang và Phước Hưng. Thư kêu gọi khẩn cấp đồng hương và mạnh thường quân đóng góp cứu trợ và đã gửi về quê hương cứu trợ đợt II ngày 2/12/03 với tổng số tiền là \$3,000 đô la. Công tác cứu trợ được tiếp tục vận động cho đến hết ngày 15/01/2004 là chấm dứt và sẽ chuyển về cứu trợ đợt chót. Sơ kết đến hôm nay 31/12/03 số tiền Hội đang còn lưu giữ khoảng \$2,000 để chuyển về cứu trợ đợt chót (sau ngày 15/01/04) Danh sách quý ân nhân đóng góp đính kèm.

V - Thực hiện Đặc San Bình Định:

Như thường lệ, hằng năm Hội sẽ phát hành một Đặc San vào dịp tổ chức dạ tiệc Tân Niên (hoặc Tất niên) Đặc San 2004, Tết Giáp Thân, sẽ phát hành trong dạ tiệc Tân Niên ngày 7/2/04 tại nhà hàng Phú Lâm.

VI - Tham gia diễn hành Tết Giáp Thân tại Downtown San Jose ngày 1/2/04

Lần đầu tiên, Hội tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng nhằm phát huy thanh thế với các cộng đồng bạn. Tham dự diễn hành năm nay bằng xe hoa với biểu tượng Nhà Tây Sơn còn nhằm kỷ niệm 215 năm chiến thắng Đống Đa của vua Quang Trung, một anh hùng dân tộc của nước VN nói chung và của Tỉnh Bình Định nói riêng. Hình ảnh chi tiết cuộc diễn hành này sẽ được đăng trên các báo Việt ngữ vùng San Jose.

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH ĐÃ ĐÓNG GÓP CỨU TRỢ BẢO LỤT BÌNH ĐỊNH

Họ và tên	Số tiền đóng góp
1. Bùi Hữu Nghĩa	\$50
2. Bùi Văn Nhân	\$50
3. Phan Minh Thọ	\$100
4. Trần Danh	\$100
5. Nguyễn Bình	\$100
6. Võ Hùng	\$100
7. Dương Vũ	\$100
8. Hồ Văn Toàn	\$100
9. Dương Quang Huy	<u>\$400</u>

Tổng cộng: \$1,100

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG VÀ THÂN HỮU BÌNH ĐỊNH ĐÃ ĐÓNG GÓP CỨU TRỢ BẢO LỤT

Họ và tên	Số tiền đóng góp
1. Đào Đức Chương	\$20
2. Đặng Vĩnh Mai	\$40
3. Bùi Tú	\$100

4. Trần Danh	\$50
5. David Vinh Mai	\$40
6. Thái + Hoa Family	\$100
7. Lê Thanh Xuân + Lê Trần Phương	\$40
8. Một vị ẩn danh	\$25
9. Dương Quang Vinh	\$50
10. Lê Hồng Phong	\$100
11. Anh chị Phi Luyện + Đông	\$100
12. Võ Bá Trác	\$100
13. Nguyễn Phong	\$50
14. Phạm Trức	\$50
15. Giã Sơn	\$50
16. Bùi Cảnh	\$20
17. Võ Hân	\$20
18. Dũng và Nghĩa Phan	\$50
19. Bà Tấm Chợ Trời	\$40
20. Bà Thu Chợ Trời	\$50
21. Trần Thùy (Sacramento)	\$40
22. Loto Tao Đàn	\$500
23. Đinh Yên	\$40
24. Võ Hùng	\$50
25. Phan Văn Châu	\$20
26. Phở Ý #1 Noodle House, Anh Tư	\$200
27. BS Cai Văn Dung	\$50
28. Anh Tran	\$20
29. Tuần Báo Viet News	\$200
30. Hội Nha Trang Khánh Hòa Bắc Cali	\$200
31. Nguyễn Bình	\$20
32. Hi-Teck Dental Care (Cô Kim Trang)	\$200
33. Võ Thanh Lâm	\$50
34. Kim Hình	\$100
35. Nhật Báo Thời Báo	\$100
36. Bác Sĩ Nguyễn Ngọc	<u>\$100</u>
Tổng cộng: \$2,985	

**DANH SÁCH THÂN HỮU BÌNH ĐỊNH VĂN PHÒNG ĐỊA ỐC
CENTURY 21 COUNTRYWIDE - ĐỢT II**

Họ và tên	Số tiền đóng góp
1. Tony Đinh	\$500
2. Đồng Đường	\$50
3. Helen Nguyễn	\$300
4. Judy Nguyễn	\$20
5. Lan Nguyễn	\$10
6. Jennifer Nguyễn	\$20
7. Kulwant Sidhu	\$20
8. Stephanie	\$20
9. Manjit Kaur	\$10
10. Noberto Valencia	\$100
11. Tina Nguyễn	\$10
12. Simon Huỳnh	\$20
13. Anna Nguyễn	\$50
14. Ann Thu Hà	\$10
15. Cẩm Hồng Phan	\$10
16. Monica Pham	\$10
17. Vinh Dinh	\$50
18. Andy Nguyễn	\$60
19. Mai Du	\$10
20. Thanh Bùi	\$10
21. Hằng Đỗ	\$10
22. Hà Lê	\$10
23. Thu Vân Lương	\$10
24. Thu Trần Lê	<u>\$20</u>

Tổng cộng: \$1,380

Tổng số tiền thu được đợt II là: \$4,365.00 (Bốn ngàn ba trăm sáu lăm đồng) Đợt II đã gửi về Việt Nam:

1. Ban cứu trợ Chùa Long Khánh Qui Nhơn: \$1,000.00
2. Ban cứu trợ Tịnh xá Ngọc Duyên: \$1,000.00
3. Ban cứu trợ Nhà Thờ Phù Cát: \$1,000.00

Số tiền còn lại và số tiền của quý đồng hương đang gửi đến, chúng tôi sẽ tiếp tục gửi về Việt Nam để giúp đỡ những bà

con bị bão lụt vừa qua.

Thay mặt Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân lòng hảo tâm cứu trợ đồng bào đang bị thiên tai bão lụt ở quê nhà.

**DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG VÀ THÂN HỮU BÌNH ĐỊNH
CỨU TRỢ BÃO LỤT - ĐỢT III**

Họ và Tên	Số tiền đóng góp
1. Phan Thị Tân	\$10
2. Đặng Đức Bích	\$50
3. Anh Thành Chị Nga	
Nha Trang Restaurant	\$300
4. Khiêm Trần	\$100
5. Nguyễn Tường Chi	\$50
6. Thuy Thu Giang	\$100
7. C.P. Tax Inc & Trần Van Ngo	\$50
8. Nghĩa Như Phan	\$100
9. Nguyễn Tường Thị Hằng	<u>\$100</u>

Tổng cộng: \$860

(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2003)

* Vì bài vở đang in mà chương trình cứu trợ còn kéo dài đến hết ngày 15/01/04. Do đó danh sách quý ân nhân đóng góp sau ngày này (31/12/03) sẽ được đăng đầy đủ trong các báo Việt ngữ tại San Jose.

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG VÀ THÂN HỮU BÌNH ĐỊNH ỦNG HỘ VÀ YẾM TRỢ ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH

(PHÁT HÀNH TRONG ĐÊM DẠ TIỆC TÂN NIÊN GIÁP THÂN 2004)

*

- Tony Đình	\$500.00
- Nguyễn Quang Hùng (Senter Auto Parts)	\$200.00
- Nguyễn Phạm Tâm, D.D.S.	\$100.00
- Cai Văn Dung, M.D.	\$250.00
- Nguyễn Thị Ánh Ngọc, M.D.	\$100.00
- Dương Quang Vinh	\$50.00
- Quát Trần, D.M.D.	\$100.00
- Đặng Đức Bích	\$50.00
- Đường Anh Đồng	\$50.00
- Peter N. Phạm, D.D.S.	\$150.00
- Trần Cẩm Tú	\$50.00
- Võ Bá Trác	\$100.00
- Trần Trọng Khiêm	\$50.00
- Nguyễn Tường Chi	\$50.00
- H.P.H. Insurance, Inc	\$100.00
- Phan Minh Lượng (Garage Door & Opener)	\$50.00
- Nguyễn Kim Phụng, D.D.S.	\$100.00
- Nguyễn Đức Lai, D.C.	\$100.00
- Heather Hà Nguyễn, D.D.S. (Image Dental)	\$100.00
- Hop Sing Gifts	\$50.00
- Hop Sing Watches & Gifts	\$50.00
- Aborn Pharmacy	\$100.00

- Hồng Ân Uyehara	\$100.00
- Dental Image	\$100.00
- Trung Như + Diana Trần	\$100.00
- Nguyễn Chuẩn	\$20.00
- Trần Văn Ngô, C.P. Tax	\$50.00
- Đào Đức Chương	\$50.00
- Trần Đình Đôn, M.D.	<u>\$50.00</u>
Tổng cộng: \$2,920.00	

* Thay mặt Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali: nhóm thực hiện chân thành cảm tạ quý đồng hương, quý thân chủ thương mại, quý y-nha-dược sĩ, đã nhiệt tình ủng hộ hiện kim và bảo trợ quảng cáo để thực hiện Đặc San Bình Định năm Giáp Thân 2004.

* Mong quý đồng hương và thân hữu đáp ứng lời quảng cáo của quý thân chủ bảo trợ để Đặc San Bình Định được tiếp tục tồn tại trong những năm tới.

* Đặc biệt cảm tạ Anh Tony Đình, Century 21 Countrywide, đã vui lòng bao chót phần chi phí còn thiếu để hoàn tất Đặc San Bình Định kịp phát hành trong đêm dạ tiệc Tân Niên Giáp Thân 2004.

TM Ban Chấp Hành Hội
Nhóm thực hiện

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NIỀNG RĂNG

BRACES 2000

QUAT TRAN

(408) 937-4757

- *Tốt nghiệp ưu hạng Nha Khoa tại University of the Pacific.*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Chỉnh Nha tại New York University.*
- *Hội viên American Association of Orthodontists, Pacific Coast Society of Orthodontists.*

CHUYÊN :

- Niềng răng cho trẻ em và người lớn.
- Niềng răng trong suốt (Clear Braces).
- Niềng răng từ phía sau của răng để khi cười sẽ không thấy (Lingual Braces).
- Niềng răng để trị mọc lệch lạc, thiếu chỗ, răng thưa.
- Niềng răng chuẩn bị giải phẫu hàm mặt (Orthognatic Surgery) để trị cười hở nướu, hở hàm dưới.v.v... (Gummy Smile, Under bite).
- Chăm sóc & niềng răng cho các trẻ em bị sứt môi, lợi (Cleft Lips & Palate)

ĐẶC ĐIỂM:

- Phòng mạch mới, trang bị hiện đại.
- Có máy vô tuyến điện Cephalometric / Panoramic.
- Chụp ảnh bằng Digital Camera, lấy khung tại chỗ.
- Khử trùng tinh vi đúng theo tiêu chuẩn.

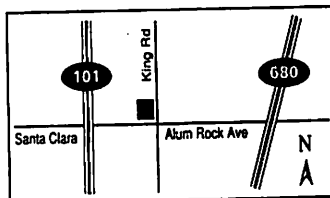
BRACES 2000



Member American Association of Orthodontists

**1695 ALUM ROCK AVE. SUITE 6
SAN JOSE, CA 95116**

(Ngay ngã tư Alum Rock & King)



THUỐC TÂY

sẽ đưa tận nhà![®]



1. Nếu đã có sẵn toa thuốc: Chỉ cần gọi số điện thoại (408) 238-3968 hoặc (408) 238-8008 là Aborn Pharmacy sẽ cho người tới lấy toa và trao thuốc tận nhà sau vài giờ.
2. Nếu đang đi khám bệnh: Hãy nói với bác sĩ fax toa thuốc và thẻ medical hay bảo hiểm của quý vị tới số Fax: (408) 238-3978 là thuốc sẽ được đưa tới tận nhà quý vị trong vòng vài tiếng đồng hồ.
3. Trong trường hợp cần mua thuốc theo toa cũ (refill), dù trước đây đã mua tại tiệm khác, chỉ việc gọi số (408) 238-3968 hoặc (408) 238-8008 bất cứ lúc nào, suốt 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần là thuốc sẽ được trao tới tận nhà quý vị vào ngày hôm sau.

*Các công việc phục vụ nói trên đều hoàn toàn miễn phí!
Chúng tôi nhận Medical và hầu hết các loại bảo hiểm.*

ABORN PHARMACY KÍNH MỜI



ABORN PHARMACY 2060 ABORN RD., #150 B

(Góc Capitol Expressway), San Jose, CA 95121

Tel: (408) 238-3968 hoặc (408) 238-8008 Fax: (408) 238-3978

Bãi đậu xe chung với tiệm ăn Red Lobster

Là tiệm thuốc tây do người Việt Nam làm chủ phục vụ cho người đồng hương

TRUNG TÂM ĐIỀU TRỊ ĐAU NHỨC VÀ CHỈNH HÌNH

LEWIS SENTER CHIROPRACTIC

Bác Sĩ

NGUYỄN ĐỨC LAI, D.C.

485 Lewis Road, Suite C, San Jose, CA 95111

Phone: (408) 226-8877 • Fax: (408) 226-8845

Gọi lấy hẹn 24/24 (408) 313-8245 (cell)



- Bằng hành nghề liên bang và tiểu bang California
- Tốt nghiệp đại học chỉnh hình nổi tiếng Palmer West
- Nguyên Bác sĩ tốt nghiệp Đại Học Y Khoa Sài Gòn (1973)
- Tốt nghiệp Hậu đại học (chuyên khoa Nhi cấp I, Sài Gòn)
- Nguyên Y sĩ trưởng Trung đoàn 44 bộ binh, QLVNCH
- Certificate of Advanced Personal Injury Management

CHUYÊN TRỊ:

- Đau nhức & chấn thương gây ra do tai nạn (xe cộ, sở làm, thể thao, té ngã v.v..)
- Các bệnh liên quan đến cột sống: đau lưng, đau cổ, đau xương cùng...
- Các bệnh do thần kinh bị chèn ép: đau dọc theo mặt sau chân, đau cổ tay, đau cánh tay v.v..
- Các bệnh cong vẹo cột sống do làm việc hay học tập, chân thấp, chân cao
- Tham khảo định bệnh miễn phí cho các đồng hương không có bảo hiểm, các cựu quân nhân QLVNCH, các chiến sĩ lực lượng CSQG, các đoàn thể v.v..

Giờ làm việc:

Thứ Hai-Thứ Sáu: 9:30AM-7:30PM

Thứ Bảy: 9:30AM-2:30PM

Chủ Nhật làm theo hẹn

Nhận

**Medicare và
các loại bảo hiểm
PPO, POS**

Senter Rd.

Senter Food
Supermarket

485 #C

Lewis Rd.

Capitol Exp

Tully Rd.

2114 SENTER DENTISTRY

2114 Senter Rd * SAN JOSE, CA 95112
(Đối Diện Costco)

NGUYỄN KIM PHỤNG, D.D.S.

Tel: (408) **279-2114**

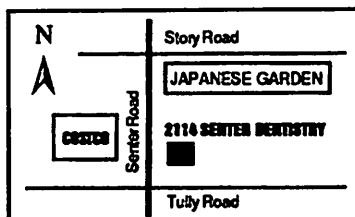
Fax: (408) **279-1828**

CHUYÊN MÔN

NHA KHOA TỔNG QUÁT

NHA KHOA THẨM MỸ - NHI ĐỒNG

Phòng mạch mới,
dụng cụ tối tân, kỹ lưỡng, nhẹ nhàng.



Giờ Làm Việc: 9:30AM - 6:30PM
THAM KHẢO MIỄN PHÍ

BÁC SĨ

CAI VĂN DUNG M.D., F.A.C.O.G.



CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA
CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST



Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

(408) 294-5115

- THĂM THAI, ĐỒ ĐẼ, MỔ ĐẼ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIẾM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỐNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BUỒU BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CÙNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126

Chúc Mừng Năm Mới.



DENTAL *Image*



Bác Sĩ Nha Khoa
ADRIENNE VÂN NGỌC - LAN, DDS

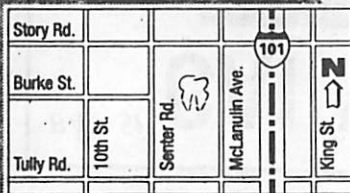
Bác Sĩ Nha Khoa
ELAINE VÂN NGỌC - LOAN, DDS
VÂN NGỌC HUAN, D.M.D.

2114 Senter Road, Suite 14
San Jose, CA 95112
(408) 298-8187
(Đối diện Costco)

- Nha Khoa Gia Đình
- Nha Khoa Thẩm Mỹ
- Nha Khoa Nhi Đồng

Giờ làm việc:

- Thứ Hai - Thứ Bảy: 9am - 7pm
- Chúa Nhật: Làm theo hẹn



C.P. TAX, INC.

CÔNG TY THUẾ VỤ, KẾ TOÁN & CỔ VẤN THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP

NGO V. TRAN, B.S., C.T.P.

B.S. Business Administration (Accounting)

LAINA TRAN, B.S.

Tax Specialist, Realtor, Loan Officer



TAX RETURNS

* Sole Proprietorships, Partnerships and Corporations



**ELECTRONIC
TAX FILING**

FAST REFUNDS

- ▶ Bảo mật tuyệt đối cho thân chủ
- ▶ Tiết kiệm (lệ phí phải chăng)
- ▶ Chuyên nghiệp
- ▶ Thành Tín
- ▶ Tham khảo miễn phí
- ▶ Hoạt động quanh năm

GIÚP QUÍ VỊ GIỮ SỔ SÁCH, KHAI CÁC LOẠI THUẾ ĐÚNG TIÊU CHUẨN
KẾ TOÁN VÀ THUẾ VỤ, HẦU GIÚP THÂN CHỦ ĐỖ LO VỀ AUDIT

1694 Tully Rd., Ste. F
San Jose, CA 95122

(Bên trong Summit Bank, Góc Tully & King)

E-mail: Ngotran99@aol.com

Office Hours: 9 AM to 8PM

Monday to Sunday

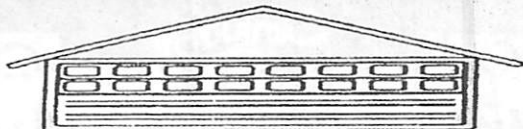
Bus. (408) 223-1150

Fax: (408) 528-0918

Toll Free: 888-NGO-9900

GARAGE DOOR & OPENER

CA. State Lic. #692107 Bond **FULL SERVICE**



Professionally Installed
Sectional Doors and Automatic Openers.
Sửa, Bất Opener, Thay Lò Xo Gãy.
Nhận Đóng Sheet Rock, Carbinet Garage.
Nhận Đi Các Vùng Lấn Cận Bay Area.
"Kinh Nghiệm 20 Năm"

Xin Liên Lạc

LƯƠNG

(408) 281- 9361

(408) **858- 0851** Cell

(408) 995- 7400 Pager

Chúc Mừng Năm Mới

Bác Sĩ **TRẦN ĐÌNH ĐÔN**

702 E. Santa Clara St. #3, San Jose, CA 95112 (góc S. 15th St.) (đối diện bệnh viện San Jose Medical Center. Tuyến đường xe bus 22 và 64)

Chuyên trị:

- Các bệnh của người già
- Áp huyết cao, cholesterol
- Tim yếu kém, hồi hộp, tim đập không đều
- Nhiễm Kí sinh trùng, sẩy thai, đau dạ dày, táo
- Bệnh máu
- Tiểu hắc: Đau lưng, gầy, táo bón, trí nhớ ra máu
- Phong thấp: Đau khớp, đau lưng, nhức mỏi kinh niên
- Thừa và đường sắt: Tiểu gắt, hoát, ra máu
- Thừa kinh: Nổi máu, chóng mặt, mệt, yếu chân tay
- Nội tiết: Đau đường, tiểu còi
- Ngại dâm: Trùng cá, nổi mụn, ác, gầy, nám
- Bệnh nhiễm trùng và gan sán
- Dạ dày: Nổi mề đay, ngứa, sỏi mật
- Try tìm các bệnh ung thư

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA GIA ĐÌNH
Diplomate American Board of Internal Medicine

Tel: (408) 279-2377

- Sản sóc bệnh nhân khi nhập viện
- Khám nhập học và chỉnh ngườ
- Nhận làm Bác Sĩ Gia Đình
- Có máy đo tim, đo năng suất phổi

**Bãi đậu xe phía sau phòng mạch.
Sẽ phát vé miễn phí nếu đậu tại
Public Parking.**

Xin vui lòng hẹn trước

Giờ làm việc: Thứ 2,3,5,6: 9AM-6PM - Thứ 4: 9AM - 1PM • Thứ 7: 9AM-2PM, Chủ Nhật nghỉ

HIỂM Y MEDICAL, MEDICARE VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM (HMO, PPO, EPO, POS, LIFEGUARD, CGHA...)

Chúc Mừng Năm Mới



3111 Mc Laughlin Ave
San Jose, CA 95121



DONG DUONG
Realtor / Loan Consultant
Call: (408) 403-9335



MINH DUONG
Realtor / Loan Consultant
Cell: (408) 633-1097

Toll free: 1-800-398-9612

- Chuyên mua/bán nhà, cơ sở thương mại, mượn nợ/dối nợ.
- Có đủ chương trình mượn nợ có lợi nhất cho thân chủ
- Phục vụ khắp vùng Bay Area
- Nhiều kinh nghiệm về 1031 exchange để tránh thuế hoặc hoãn thuế Hợp pháp.
- Giúp mua nhà/bán nhà ở các thành phố through 21 system, relocation network.
- Mọi thủ tục giản dị, nhanh chóng và hiệu quả

Phone: (408) 224-7100 Fax: (408) 227-8224
ĐỊNH GIÁ NHÀ MIỄN PHÍ (FREE COMPARISON MARKET ANALYSIS)

Mua Nhà - Bán Nhà
Thành Tín - Chuyên Nghiệp - Tận Tâm - Kinh Nghiệm

Century 21 Department of Real Estate, Inc. a U.S. Equal Opportunity Employer

Diana TRAN

Senior Loan Consultant

- Residential
- Commercial
- Investment



City Home Loan, Inc.

Lower your monthly payments,
Refinance or purchase NOW!

	Rates	Payments			Rates	Payments		
30 Year Fixed								
15 Year Fixed								
5 Year Fixed								
3 Year Fixed								

- Excellent time to refinance.
- Purchase loans.
- Cash for improvements.
- Consolidate your debt or pay off your car.

3111 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95121

(408) 623-8925



Hop Sing WATCHES & GIFTS



★ ĐẠI LÝ ĐỒNG HỒ:

WITTNAUER • SEIKO • CITIZEN

- PULSAR & SEIKO
- NHẬN SỬA CÁC LOẠI ĐỒNG HỒ
- BÁN CÁC LOẠI QUÀ TẶNG



1816 Tully Road, Suite 184

San Jose, CA 95122

(408) 274-5113

Giờ mở cửa:

7 ngày một tuần

10am - 8pm

合 *Hop Sing Gifts*

盛



- Bán các loại mỹ phẩm danh tiếng.
- Bán các loại quần áo thời trang trẻ em, phụ nữ và đàn ông.

Giờ mở cửa:

7 ngày một tuần

10am - 8pm

1816 Tully Road, Suite 186

San Jose, CA 95122

(408) 223-8013

IMAGE DENTAL

FAMILY AND COSMETIC DENTISTRY

Bác-Sĩ Nha-Khoa

Hà Heather Nguyễn, DDS.

Doctor of Dental Surgery, University of Texas at Houston
Bác-Sĩ Điều-trị tại Portland, OR- Hayward & San Jose, CA

- ♦ Khám răng tổng-quát cho người lớn.
- ♦ Phòng ngừa sâu răng bằng Sealand và Flouride.
- ♦ Tiểu giải-phẫu răng khôn và nướu.
- ♦ Tẩy trắng răng, bọc răng đen nám, đổi màu.
- ♦ Trám, nhổ, chữa, khít răng thưa, phục-hồi răng sút mẻ.
- ♦ Làm răng giả thẩm-mỹ, răng giả toàn hàm.

- Phòng mạch hoàn toàn mới

- Tiếp-đãi ân-cần, tận-tâm, nhẹ-nhàng

- Tham-khảo và chỉ dẫn hoàn toàn miễn phí

- Dụng-cụ Nha khoa tối-tân, khử trùng đúng theo tiêu chuẩn

2493 Alvin Ave.
San Jose, CA 95121
(408) 223-0988

1705 Branham Ln. # B4
San Jose, CA 95118
☎ (408) 264-7630

GIỜ MỞ CỬA:

Mon-Fri: 9 AM - 6 PM
Saturday: 9 AM - 3 PM
Chúa nhật: Làm theo hẹn

NHẬN:

Bảo-hiểm, Medical, Medicare
Có chương-trình trả góp
không tính tiền lời

TRẦN-TRỌNG KÍNH MỜI

NỮ BÁC SĨ GIẢI PHẪU VÀ ĐIỀU TRỊ MẮT ĐÀU TIÊN VÀ DUY NHẤT TẠI VÙNG BAY AREA

NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC, M.D.



**DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF
OPHTHALMOLOGY**

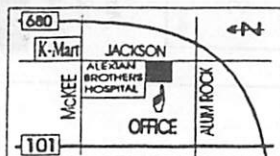
- * *Tốt nghiệp giải phẫu và điều trị mắt tại California Pacific Medical Center, SF.*
- * *Tu nghiệp và nghiên cứu trị liệu về bệnh tăng áp suất mắt (Glaucoma) tại UCSF.*
- * *Giảng huấn về Khoa mắt tại California Pacific Medical Center (SF) và Highland Hospital (OK)*
- * *Viện Trưởng Viện Nghiên Cứu và Giảng Day bệnh Glaucoma tại San Francisco.*

CHUYÊN ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU MẮT

- 👁️ Giải phẫu và điều trị bằng tia sáng laser
Bệnh tăng áp suất trong mắt (Glaucoma).
- 👁️ Mổ hột cườm và ghép kính nhân tạo
(Cataract & Lens Implant).
- 👁️ Giải phẫu mộng thịt hoặc mộng mỡ trên
tròng trắng và tròng đen (Pterygium).
- 👁️ Giải phẫu mí mắt, mắt lé, mắt lẹo.

Chuyên trị:

- 👁️ Viêm mắt, dị ứng mắt, mắt loét, đỏ, khô,
mắt bị nhiễm trùng, mắt bị trầy, đau rát,
mắt ngứa, mắt bị ghèn, mắt bị lông quặm.
- 👁️ Mắt bị thương tích do tai nạn làm việc
(hóa chất, khói độc, vật bén nhọn).
- 👁️ Các bệnh mắt do biến chứng của bệnh tiểu
đường và bệnh áp huyết cao



Tel: (408) 272-3706

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM, CREDIT CARDS.

MỞ CỬA: Thứ Hai - Thứ Sáu (9:00 AM- 6:00 PM)

Thứ Bảy (8:00 AM- 11:00 AM)

175 North Jackson Ave # 209 San Jose, CA 95116
(Kế nhà thương Alexian Brothers)

Bác sĩ Nha Khoa

Peter N. PHẠM, D.D.S.

- Tốt nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa University of the Pacific U.O.P
- Hội viên American Dental Association.
- Hội viên California Dental Association.



Chuyên môn:

- Nha khoa tổng quát.
- Nha khoa gia đình.
- Nha khoa thẩm mỹ.
- Nha khoa nhi đồng.

TẬN TÂM * KỸ LƯỢNG * NHẸ NHÀNG

Nhận Medical - Bảo Hiểm & Trả Góp

1695 Alum Rock Ave., #2

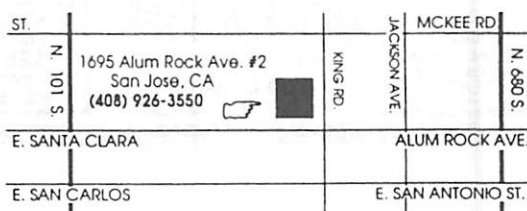
San Jose, CA 95116

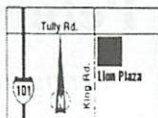
(408) 926-3550

Giờ làm việc:

Monday - Saturday: 9am - 5pm

Closed on Wed + Sunday



TRUNG TÂM ĐẠI ĐIỆN BẢO HIỂM*Bồi thường nhanh chóng và thỏa đáng***PHP**
INSURANCE SERVICES, INC.**FREE****SR-22 FOR DUI DRIVERS if qualify**

Miễn phí SR-22 cho người say rượu lái xe nếu đủ tiêu chuẩn*

**NOTARY
PUBLIC****FREE****REGISTRATION & DMV RECORDS PRINT OUT**

Giúp lấy hồ sơ xe, bằng lái từ DMV*

**FREE****STAFF TO AUTO DEALERS, HOME & OFFICE**

Có nhân viên tới hãng bán xe, nhà hay văn phòng để lo bảo hiểm*

**Trung Tâm Bảo Hiểm Đầu Tiên Phục Vụ Quý Vị
WEEKDAY - WEEKEND - HOLIDAY****PHP BẢO HIỂM XE****Đặc biệt giảm giá**

- Sinh viên full-time, ưu tú
- Có gia đình, good credit
- Bằng lái trên 3 năm
- Không hút thuốc

- Có bảo hiểm liên tục 6 tháng
- Có bằng Đại học 4 năm trở lên
- Có 2 xe trở lên
- Alarm, đậu xe trong garage

Có giá đặc biệt:

- Bằng lái mới
- Mới định cư ở Mỹ
- Có kinh nghiệm lái xe ở VN
- DUI, SR-22, Tickets, Accidents

PHP BẢO HIỂM NHÀ**Đặc biệt giảm giá**

- Smoke, fire alarm
- Dead bolts, fire extinguisher
- Ông nước bằng đồng
- Nhà 15 tuổi trở xuống

- House, Town House
- Mobile Home, Condo
- Apartment, Renter
- Earthquake, Flood

Có giá đặc biệt

- Nhà có nhiều claims
- Lụt lội, động đất
- Nhà lớn hơn 50 tuổi
- Nhà vùng đất lợ

**Trong khu
LION PLAZA****PHP BẢO HIỂM SỨC KHỎE**

- Blue Cross
- Blue Shield
- Health Net
- Kaiser
- Individual
- Small Group
- Large Group
- HMO
- PPO
- Dental
- Vision
- Disability Income
- Worker's Compensation
- Long term Care

**Trong khu
LION PLAZA****PHP BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI**

- Beauty Salon
- Liquor, Supermarket
- Furniture, Liquor Store
- Tow Truck, Trailer
- Apartment, Four Complex
- Lunch + Catering Truck
- Contractor
- Jet Ski, Boat, Motorcycle
- Bonds
- Workers' Compensation
- General Liability
- Malpractice

Open 7 days: 9AM - 7PM
Lic.#OD04026
1818 Tully Rd. # 162 A
San Jose, CA 95122
LION PLAZA

408-528-1528

info@phpbroker.com

1-800-BAOHIEM**226-4436**

COUPON
PHP Insurance
\$25 OFF*
Free check DMV record
(408) 528-1528

* Offer applies only to new business and will be changed without notice

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn (*)

(Đã nhật tu kể từ 01/01/2004)

- Andy Le 2937 Silverland St.
San Jose, CA 95121 (408) 223-2118
- Văn An 3770 McKee Rd., #17
San Jose, CA 95127 (408) 254-1914
- Trần Vĩnh Anh 1723 Pine Hollow Cr.
San Jose, CA 95133 (408) 258-3215
- Đình Thành Bài 661 Waddell Way
Modesto, CA 95357 (
- Nguyễn Đình Bá 2960 Sunwood Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 365-9534
- Bùi Thúc Bảo 644 N. Abbott Ave.
Milpitas, CA 95035 (408) 945-8655
- Trần Benson 2129 Doxy Dr.
San Jose, CA 95131 (
- Đặng Đức Bích 4045 Chamberer Dr.
San Jose, CA 95135 (408) 274-8699
- Nguyễn Hòa Bình 2651 Luciana Dr.
San Jose, CA 95132 (408) 621-2969
- Nguyễn Bình 1518 Roberts Ave.
San Jose, CA 95122 (408) 258-8364
- Nguyễn Bường 2828 Brook Way
San Pablo, CA 94806 (510) 222-7140

- Nguyễn Bình 4777 Rue Le Mans
San Jose, CA 95112 (408) 578-2843
- Trần Brian 515 First Street
San Jose, CA 95112
- Phan Minh Châu 2425 Huran Dr.
San Jose, CA 95122 (408) 223-9948
- Nguyễn Tường Chi 5101 Discovery Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 362-4515
- Nguyễn Chuẩn 1758 Bevin Brook Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 294-6683
- Phạm Chương 1341 Vance Rd.
San Jose, CA 95132 (408) 923-6734
- Đào Đức Chương 1519 Ivy Creek Cir.
San Jose, CA 95121 (408) 238-5900
- Lê Chức 215 Alexandre Ave., #2
San Jose, CA 95116 (408) 929-4948
- Trần Chu 2620 Alvin Ave., #213D
San Jose, CA 95121 (408) 239-0560
- Nguyễn Doãn Cung 5270 Snow Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 408-3621
- Đặng Kim Cúc Whispering Hills Dr.
San Jose, CA 95148 (408) 238-5435
- Nguyễn Cự (Hoa) 1468 Pomeroy Ave.
San Jose, CA 95051 (408) 985-2661
- Nguyễn Danh 1311 Eldamar Ct.
San Jose, CA 95121 (408) 281-7640
- Nguyễn Diêu 1520 E. Capital Expwy #50
San Jose, CA (408) 223-9247
- Phạm Đình 1623 Jupiter Dr.
Milpitas, CA 95035 (408) 262-4833
- Phạm Hữu Độ 5045 Inpatine Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 264-3386

- Đường Anh Đồng 2744 Whispering Hills
San Jose, CA 95148 (408) 238-5435
- Nguyễn Thị Đảm 2342 William Dr.
San Jose, CA 95050 (408) 243-7679
- B/S Cai Văn Dung 259 Meridian Ave., #5
San Jose, CA 95126 (408) 294-5115
- Đoàn Hữu Đức P.O. Box 3404
Santa Clara, CA 95055
- Vũ Thị Ân 4348 Sliver Berry
San Jose, CA (408) 227-6794
- Nguyễn Đông 4054 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95121 (408)
- Trần Đình Giáp 172 Echo Ave.
Campbell, CA 95008 (408) 866-4143
- Nguyễn Thu Hà 5748 Halleck Dr.
San Jose, CA 95123 (408) 972-4581
- Phạm Ngọc Hải / Bạch Liên 1881 Quimby Rd.
San Jose, CA 95122 (408) 347-8298
- Bùi Ngọc Hải 1301 Marry Kerry Ln.
San Jose, CA 95136 (408) 436-9349
- Trương Hạnh 473 Cedro St.
San Jose, CA 95111 (408) 281-4451
- Phan Văn Hàm 2905 San Bruno Ave.
San Francisco, CA 94134 (415) 656-1781
- Võ Hân 206 Turner Ct.
San Jose, CA 95139 (408) 226-3272
- Lý Hòa 2810 Cramer Cir.
San Jose, CA 95127 (408) 287-7008
- Trương Thị Hậu (Phạm Minh) 752 Vine Ct., #7
San Jose, CA 95110 (408) 977-1686
- Võ Trung Hậu 1422 Ocean Ave.
San Francisco, CA 94112 (415) 584-2369

Riverbank, 95367.

- Nguyễn Thế Hiệp 2206 Country Manor Dr.
Riverbank, CA 95367 (209) 869-5961 *Hiệp
mập*
- Nguyễn Hiệp 1339 E. Rumble Rd.
Modesto, CA 95355 (209) 526-2316 *Hiệp
Cá*
- Nguyễn Hòa 2259 Royal Tree Cr.
San Jose, CA 95132 () *Lain*
- Nguyễn Hòa 2239 War Field Wy #A
San Jose, CA 95112 (408) 998-2129
- Nguyễn Hoàng 3834 Brigadoon Way
San Jose, CA 945121 (408) 270-7806
- Nguyễn Hòe 242 Danze Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 225-8754
- Hoàng Huân 2811 Glauser Dr.
San Jose, CA 95133 (408) 972-4581
- Đỗ Hùng 27132 Belvedere Ct., #4
Hayward, CA 94544 (510) 732-6846
- Nguyễn Huệ 4595 Pearl Ave.
San Jose, CA 95136 (408) 445-2633
- Nguyễn Văn Huệ 4754 Denevi Dr.
San Jose, CA 95130 (408) 370-9994
- Nguyễn Hùng 3001 Stevens Ln.
San Jose, CA 95148 (408) 270-5140
- Phan Thanh Hùng 2077 Wendover Ln.
San Jose, CA 95121 (408) 223-6253
- Nguyễn Hùng 1302 Isengard Ct.
San Jose, CA 95121 (408) 292-8957
- Phạm Hùng 420 Live Oak Ct.
Milpitas, CA 95035 (408) 956-8412
- Lê Đức Hưng 7420 South Field Way
Stockton, CA 95207 (209) 473-3093
- Võ Hùng 3461 Blue Mountain Dr.
San Jose, CA 95127 (408) 251-3741

- Joseph Huỳnh 4264 Christian Dr.
San Jose, CA 95135 (408) 270-7482
- Đinh Thành Hưng 165 Blossom Hill Rd.
San Jose, CA 95132 (408) 629-1365
- Trần Trọng Khiêm P.O. Box
San Jose, CA 95157 (408) 370-9378
- Phan Văn Khiêm 1624 Hollenbeck Ave., #2
Sunnyvale, CA 94087 (408) 720-9677
- Nguyễn Khoa 2071 Sheraton Dr.
Santa Clara, CA 95050 (408) 243-3806
- Trần Khôi 1863 Andrews Pl.
San Jose, CA 95132 (408) 251-3035
- Huỳnh Ngọc Lan 2155 Lanai Ave., #108
San Jose, CA 95122 (408) 937-7840
- Lê Từ Như Lâm 399 Spence Ave.
Milpitas, CA 95035 (408) 262-6260
- Nguyễn Lâm 942 Valencia Dr.
Milpitas, CA 95035 (408) 946-2758
- Võ Lang 2855 Senter Rd., #102
San Jose, CA 95101 (408) 224-1530
- Lê Lợi 4265 Foothill Blvd.
Oakland, CA 95111 (510) 365-1126
- Nguyễn Kim Loan 563 Camarillo Ct.
San Jose, CA 95111 (408) 365-1126
- Nguyễn Long 1035 Camarillo Ct.
Milpitas, CA 95035
- Nguyễn Long 523 5th Ave., #6
San Francisco, CA 94118 (415) 831-7064
- Nguyễn Lưu 3095 Yerba Buena Rd.
San Jose, CA 95135
- Võ Thu Lương 5207 Sturla Dr.
San Jose, CA 95148 (408) 274-8186

- Phan Minh Lượng 340 Grey Ghost Ave.
San Jose, CA 95111 (408) 281-9361
- Đặng Vĩnh Mai 3830 Underwood Dr., #4
San Jose, CA 95117 (408) 296-0833
- Bùi Mai 3278 Flintmont Dr.
San Jose, CA 95148 (408) 531-1570
- Đỗ Mạnh 12284 Via Roncole
Saratoga, CA 95070 (408)
- Lê Văn Minh 2933 Glencrow Ct.
San Jose, CA 95148 (408) 274-5853
- Nguyễn Mỹ 518 Hillbright Pl.
San Jose, CA 95123 (408) 365-1750
- Nguyễn Hữu Nhân 3111 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95122 (408) 224-4800
- Đặng Thu Nga 2863 Riedel
San Jose, CA 95135 (408) 238-6791
- Huỳnh Văn Ngọc 882 Water Walk
Milpitas, CA 95035 (408) 941-9689
- Đặng Văn Ngọc 29285 Lassen St.
Hayward, CA 94544 (510) 264-9015
- Võ Tuyết Nhạn 1705 Noranda #4
Sunnyvale, CA 94087 (408) 738-4579
- Trần Nghiêm 5973 Surl Ct.
San Jose, CA 95138 (408) 227-7840
- Trần Văn Ngô 1694 Tully Rd., F
San Jose, CA 95112 (408) 223-1150
- Phan Quang Nghiệp 469 Ezie Dr.
San Jose, CA 95148 (408) 578-2938
- G/S Nguyễn Văn Nhuận 2654 Bonbon Dr.
San Jose, CA 95148 (408) 274-2804
- BS Trương Thế Phiệt 5207 Turner Wy. #301
San Jose, CA 95136 (408) 266-5693

- Ngô Phong 1905 Bag Pipe Way
San Jose, CA 95121 (408) 274-5234
- Nguyễn Thị Phong (xem Phan Minh Lượng)
- Nguyễn Phong 247 Clareview Ct.
San Jose, CA 95127 (408) 258-5524
- Nguyễn Phú 2342 William Dr., #4
Santa Clara, CA 95050 (408) 243-9527
- Lê Vĩnh Phúc 1555 Hill Top Ct.
Milpitas, CA 95035 (408) 942-9527
- Vĩnh Phúc 1194 Angmar St.
San Jose, CA 95111 (408) 269-7017
- Trần Thị Phúc 5919 Liklisk Ln., #104
San Jose, CA 95119 (408) 365-7729
- Dương Phụng 411 Lewis Rd., #372
San Jose, CA 95111 (408) 629-7428
- Nguyễn Phước 350 Willow St., #9
San Jose, CA 95127 (408) 293-5010
- Nguyễn Bá Quảng 2008 Danderhall Wy.
San Jose, CA 95121 (408) 238-5010
- Nguyễn Đình Sang P.O. Box 51017
San Jose, CA 95151 (408) 454-2889
- Lê Lam Sơn 340 Martil Way
Milpitas, CA 95035 (408) 247-4562
- Giã Minh Sơn 5065 Bengal Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 281-0724
- GS Bùi Thị Sự 1112 Park Willow
Milpitas, CA 95035 (408) 263-6012
- Nguyễn Tân 2382 Bowers Ave., #4
Santa Clara, CA 95051 (408) 247-4562
- Nguyễn Thạch 1053 Big Oak Ct.
San Jose, CA 95129 (408)
- Trần Thanh 1853 Canyon Dr.

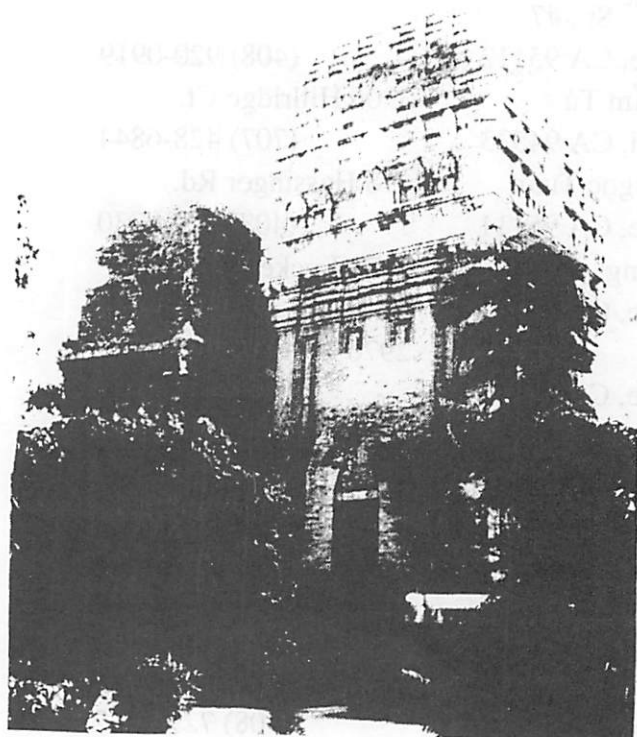
- Pinole, CA 94564 (510) 274-5225
- Võ Thập 2517 S. King Rd.
San Jose, CA 95122 (T.T Seafood) (408) 274-8210
 - Nguyễn Thao 1875 S. Andrews Pl.
San Jose, CA 95132 (408) 929-4381
 - Đoàn Hữu Thạnh 2066 Sierra Rd.
San Jose, CA 95131 (408) 272-1817
 - Huỳnh Lương Thiện 774 Geary St.
San Francisco, CA 94109 (415) 215-3794
 - Đỗ Chí Thoại 275 El Cajon Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 972-9694
 - Nguyễn Bá Thư 1048 S. 10th St.
San Jose, CA 95111 (408) 293-4091
 - Ngô Thương 1112 Park Willow Ct.
Milpitas, CA 95035 (408) 263-6012
 - Nguyễn Văn Thường 1832 Rock Spring Dr., #2
San Jose, CA 95111 (408) 297-7514
 - Trương Thụy 259 Meridian Ave., #18
San Jose, CA 259-2394 (408) 295-2394
 - Trần Thị Tính 3199 Teddington Dr.
San Jose, CA 95148 (408) 258-6762
 - Đỗ Hữu Tín 4811 Plainfield Dr.
San Jose, CA 95111 (408) 972-8080
 - Bảo Tố 2579 Amaril Dr.
San Jose, CA 95123 (408) 687-7990
 - Nguyễn An Toàn 2231 Emerald Hill Dr.
San Jose, CA 95131 (408) 259-6239
 - Trương Toại 3565 Sunnydays Ln.
Santa Clara, CA 95051 (408) 423-8552
 - Phạm Trước 968 Coventry Way
Milpitas, CA 95035 (408) 946-5686
 - Võ Bá Trác 3626 Springbrook Ave.

- San Jose, CA 95148 (408) 223-8812
- Nguyễn Trai 1500 Virginia Pl., #153
San Jose, CA 95116 (408) 258-9151
- Lê Trân 753 Terra Bella Dr.
Milpitas, CA 95035 (408) 946-2344
- Tạ Chương Trĩ 2051 Stanton Ave.
San Pablo, CA 94806 (510) 215-9465
- Nguyễn Văn Trợ (Thu Hà) 1607 Amberly Ln.
San Jose, CA 95121 (408) 528-6673
- Trần Trực 2866 Plumas Dr.
San Jose, CA 95121 (408) 227-2818
- Đoàn Ngọc Trường 4958 Wagonwheel Way
Richmond, CA 94803 (510) 222-6675
- Nguyễn Thiện Trường + Huỳnh Anh Tuấn
427 S. 5th St., #7
San Jose, CA 95112 (408) 920-0919
- Trần Cẩm Tú 3306 Hillridge Ct.
Fairfield, CA 94533 (707) 428-6844
- Phạm Ngọc Tuấn 478 Hassinger Rd.
San Jose, CA 95111 (408) 629-8230
- Bùi Trung 3171 Locke Dr.
San Jose, CA 95111 (
- Bùi Tú 2976 Glen Crow Ct.
San Jose, CA 95148 (408) 270-4507
- Lý Ty 1986 Gardenbing Cir.
San Jose, CA 95121 (
- Huỳnh Bích Vân 1182 Theoden Ct.
San Jose, CA 95121 (408) 972-1339
- Trần Vĩnh 3351 Rock Mountain Dr.
San Jose, CA 95127
- Victor Dương (Vũ) 2614 Sirra Grande Wy.
San Jose, CA 95116 (408) 729-1542

- Dương Quang Vinh 1509 Platt Ave.
Mipitas, CA 95035 (408) 956-1365
- Đinh Văn Xuân (Tony Đinh) 3111 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95121 (408) 224-7100
- Đặng Ngọc Yến 1539 Callo Creek Dr.
San Jose, CA 95127 (408) 347-1335

() Nếu có sự sai sót hay thay đổi địa chỉ và số điện thoại; hoặc quý đồng hương nào chưa có tên trong danh sách này xin liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, để được sửa đổi và bổ sung. Thành thật cảm tạ quý vị.*

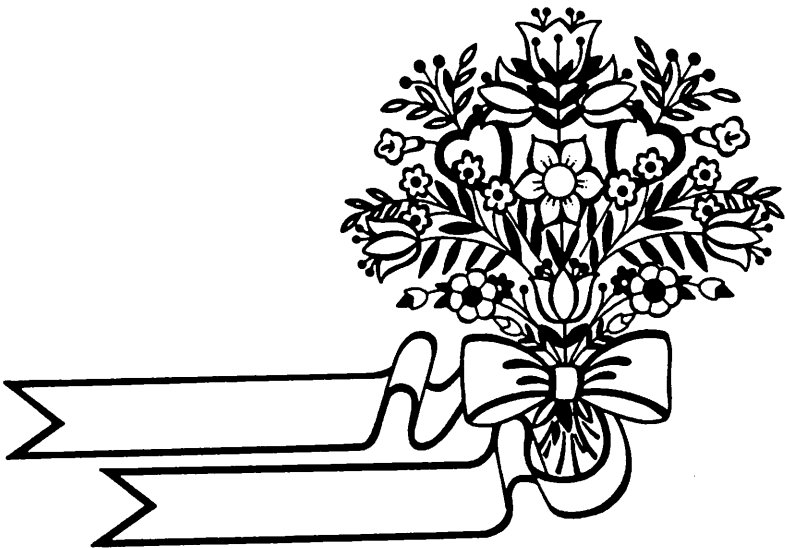
• Tháp Đồi Qui Nhơn



CÁO LỖI

Chúng tôi chân thành cảm tạ Quý Đồng hương và Thân hữu đã đóng góp bài vở, yểm trợ tài chánh để hoàn thành Đặc San Giáp Thân 2004 này. Tuy nhiên vì số trang và thời gian có hạn, một số bài của quý Văn Thi sĩ và Thân Hữu phải gác lại kỳ tới. Chân thành cảm tạ và cáo lỗi cùng quý vị.

Nhóm thực hiện



ĐƯỜNG SÁNG Printing

401 E. Taylor St., #135, San Jose, CA 95112 • Tel: (408) 279-3266 • Fax: (408) 279-3832

E-mail: duongsangprinting@yahoo.com (Taylor và góc đường số 9)

NHẬN CÁC DỊCH VỤ VỀ ẨM LOÁT:



- Các loại Thiệp: Thiệp Cưới, Thiệp Mời, Thiệp Cảm Tạ, Giấy Viết Thu, Bao Thu.
- Các loại Biên Nhận, Hóa Đơn, Giấy Quảng Cáo, Thục Đơn, Danh Thiệp.
- Đánh máy, trình bày: Kinh, Sách, Tạp Chí, Resume, ...
- Gift Certificate, Post Card, Label, Rubber Stamp...
- ★ Đặc biệt: Xếp Giấy Quảng Cáo và Đóng Xếp Kinh, Sách, Báo Chí, ...

GIỜ MỞ CỬA:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 8:00 AM - 6:00 PM

Chủ Nhật: 11:00 AM - 5:00 PM

Ngoài giờ làm việc xin vui lòng hẹn trước

Xin liên lạc:

408 - 279-3266

ĐẶC BIỆT

BỚT 10%

CHO TẤT CẢ CÁC LOẠI THIỆP:

THIỆP CƯỚI, THIỆP MỜI

và THIỆP CẢM ƠN

SPECIAL!!!

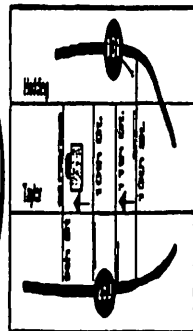
FLYERS

1,000 - 17.00

BUSINESS CARDS

1,000 - 17.00

FREE PICK UP & DELIVERY



CHỦ NHÂN KINH MỜI

MỤC LỤC

Trang số	Đề mục	Tác giả
5	Thư ngỏ	Nhóm thực hiện
7	Nhà Tây Sơn	Đặng Đức Bích
33	Tỉnh Bắc Duyên Nam	Kathy Trần
50	Ý nghĩa cây nêu ngày Tết	TD Nguyễn Việt Nho
54	Con gái Bình Định	Đào Đức Chương
71	Đạo thờ cúng ông bà	Huỳnh Tuyền
86	Hậu sinh khả úy	Tân Dân
92	Những nhân vật	Trương Toại
121	Những mẫu đời khó quên	Người họ Bùi
129	Trữ tịch – Thơ Đào Tấn –	Việt Thao phụng dịch
130	Say sóng	Đặng Vĩnh Mai
137	Vùng trời ký ức	Thư Trang
153	Tình nghĩa thầy trò	Phạm Ngọc Hà
160	Câu đố	
161	Hương xưa	Phạm Thị Quang Ninh
171	Mai Tăng tiểu chiếu – Thơ Đào Tấn –	Việt Thao dịch
	Những dòng thi ca	(từ trang 172 đến 204)
172	Nhà Tây Sơn	Đặng Đức Bích
172	Yêu em đáng ngọc vừa tròn	-nt-
174	Hình bóng quê nhà	Trần Cẩm Tú
175	Gửi bạn cũ	-nt-
175	Nàng xuân trong mộng	Ngọc An
176	Những con đường không tên	Quách Tứ
177	Nhớ về	-nt-
178	Mùa xuân nói về hoa	Phan Văn Hàm
180	Quán bên đường	Võ Nguyễn
181	Tự tình	-nt-
181	Ô cửa nhìn đời	Lê Phương Nguyên
183	Tình quê	Ngô Đình Phùng
183	Suối nguồn tuổi nhỏ	Diệu Tần
184	Quốc hận ca	Hà Ly Mạc
186	Đất quê hương	Phan Tường Niệm
187	Summa Cumlaude	H.L. Bùi Tiên Khôi
190	Vàng phai	Thư Trang
191	Ngập lá thu rơi	Cẩm Tuyền

193	Nếu một mai	Đỗ Thị Thu Ba
194	Thơ mời họa	Nguyễn Việt Nho
195	Giọt nước mắt cho quê hương	Lý Minh Đạo
196	Tình người	-nt-
196	Eo gió quê tôi	Nguyễn Bường
197	Thư gửi về em	Thái Tấu
198	Ngẫu hứng	Nguyễn Tường Chi
199	Hương đảng	Phạm Công Trâm
199	Xuân Cali	Khoa Nguyễn
200	Thu Cầm	Lam Nguyễn
201	Các bài dịch: Tuấn Việt – Vân Trình	Song Nguyễn – Ngân Sơn
202	Nhớ – Chờ	Hòa Nguyễn
202	Mưa Palawan	Già Trường
204	Tình anh xin ngõ	Đắc Đăng
205	Những năm Giáp Thân ...	Trác Như
215	Chùa Ông Núi	Lam Nguyễn
220	Chuyện đời	Thanh Hư
227	Viết từ ghé nhà trường	Võ Nguyễn
234	Những nhận thức khác nhau ...	Thư Trang
242	Nhà lá mái	Việt Thao
267	Tu viện Nguyên Thiều	Thái Tấu
278	Như giấc chiêm bao	Nguyễn Thế Giác
298	Tôi cải tạo	Hoàng Trần Mỹ Hương
307	Nổi chè ý năm nào	Quế Lan
309	Tản mạn về Tổ Quốc ăn năn	Lê Phước An
330	Mạn đề	Thơ Đào Tấn – Việt Thao phụng dịch
331	Tình mùa thu nở (nhạc)	Đắc Đăng
332	Vườn bụi mùa thu (nhạc)	Trương Ngọc Liên
334	Different monkeys in the world	Ariana Uyehara
337	The Lunar Calendar	Amanda Uyehara
339	A Dream	Lana Le
340	Câu đố	
341	Tổng kết hoạt động Hội 2003	
353	Danh sách đồng hương bảo trợ Đặc San	
355	Trang quảng cáo	
369	Địa chỉ đồng hương	
379	Cảm tạ và cáo lỗi	
380	Mục lục	